

LOẠI SÁCH
DANH NHÂN
VIỆT NAM

**Những
vĩ sao
Đất
nước**

thuongmaitruongxua.vn



tập hai

THANH NIÊN

lúc Cầu đánh giết được bọn chúng. Trọng đã kịp lần tránh. Từ đây Trọng sợ nên cho rải chiếu cản đặc cả bến sông và cắt quân canh rất nghiêm ngặt.

★
★★

Phạm Đình Trọng dùng độc kế để mưu hại toàn bộ nghĩa quân. Trọng lập trại ở trên núi cao trông xuống trại của Cầu. Hắn sai đục rỗng ruột mấy trăm cây thông, nhồi mảnh gang, đá sắc cạnh và thuốc súng vào trong rồi đánh đai sắt bên ngoài thật chắc, lao xuống trại nghĩa quân. Thấy quân mình bị chết nhiều, Cầu cho quân lấy ván gỗ thông để che. Lập tức, Trọng cho lấy nhựa thông làm vào vải vụn, gói với sỏi và thuốc súng lại ném. Trại của nghĩa quân bị bốc cháy dữ dội.

Cầu rút chạy và lợi dụng lúc giặc sơ hở không phòng bị, bất ngờ đem quân vào đánh trấn lý Hải Dương.

Thấy mất hút Cầu, Trọng bàn với Phúc:

— Hạ quan ngờ nghịch Cầu lợi dụng đại quân ta còn ở đây nên mật đem quân cướp Hải Dương. Nếu để hãn chạy thoát thì khác nào sư tử xông về rừng. Hãn hay dùng lợi lộc để cầu đủ đám cùng dân, nên cảm cái ơn ấy, nghịch Cầu chỉ hô lên một tiếng là dân chúng lại theo hãn hàng vạn. Vậy theo ý hạ quan, ta phải gấp chia đường đi chặn hãn. Tách được hãn với đám cùng dân như lâu nay ta vẫn làm, thì chỉ còn ngày một ngày hai nghịch Cầu sẽ chết.

Nghe lời Trọng nên Phúc và Trọng đã kịp đem đại quân cứu được trấn lý Hải Dương. Rồi bao vây được nghĩa quân ở Đông Trào. Trong trận này nghĩa quân bị thua thiệt nặng nề. Hơn thế nữa, tướng Thông bị

chết trận. Mất Thông, Cầu như gãy một cánh tay. Trước khó khăn chồng chất, Nguyễn Hữu Cầu cho người về kinh dâng thư hàng.

★
★★

Nhận lễ hậu của Cầu, Đỗ Thế Giai và Nguyễn Phương Đình ra sức thuyết phục Trịnh Doanh nhận cho Cầu về hàng. Vốn tin cậy hai viên danh thần lại thấy Cầu là người kiệt hiệt, bao năm dùng binh không xong, nên Trịnh Doanh nhận lời. Trịnh Doanh tâu với vua Hiến Tông. Vua bằng lòng và phái người đi báo cho Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Đình Trọng ngưng binh.

Trọng tức tốc về kinh khóc với Trịnh Doanh:

— Nguyễn Hữu Cầu là người văn võ kiêm toàn, triều đình khó có người địch được. Nay làm thế bí, bắt đặc đi xin hàng để làm kế hoãn binh chứ đâu phải là thực bụng. Chỉ bằng nhân lúc nghịch Cầu đang nguy bách, tướng sĩ gắng công chút nữa để tiết满腔 phản loạn. Thần xin cố sức bắt tên ác tặc ấy.

Trịnh Doanh ngả theo ý Trọng. Nhưng Trọng đi rồi, Đỗ Thế Giai, Nguyễn Phương Đình lại thuyết phục Trịnh Doanh theo ý mình. Nề lời, Trịnh Doanh giao cho hai người tự ý thu xếp công việc.

Giai, Đình phụng chỉ sai Nguyễn Phi Sảng đi gặp Cầu để thương nghị, bắt Cầu nộp hết các đồn trại, lương thực, khí giới và phải đem các tướng nghĩa quân về châu. Đồng thời vua cũng phong cho Cầu làm Ninh đông tướng quân, tước Lương Nghĩa hầu. Trước khi gặp Cầu, Sảng đến quân doanh Phạm Đình Trọng để truyền lệnh bãi binh. Trọng cười nói:

QUỲNH CƯ — NGUYỄN ANH — VĂN LANG

NHỮNG VÌ SAO ĐẤT NƯỚC

Truyện danh nhân lịch sử

thuongmaivuongxua.vn (II)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

— Tôi với giặc He có mối thù không đội trời chung. Ta bảo chúa, giặc He bảo dân, sao dung được? Ông vâng mệnh bề trên, nhưng tướng ở ngoài cũng có quyền không theo lệnh. Ông cứ ra gặp giặc, nhưng nếu ngày một ngày hai sự thế có thể hành động được, tôi không vì có ông ở bên trại giặc mà ngừng việc binh đâu!

Nguyễn Hữu Cầu tiếp Sảng rất long trọng và hứa vâng theo chỉ ý. Sảng kể về thái độ của Trọng cho Cầu nghe, Cầu thấy cần lợi dụng sự không ăn ý giữa chúng, liền nói:

— Tôi muốn về làm thần tử của triều đình và đã được hoàng thượng, chúa thượng chuẩn cho. Thế mà Phạm hiệp thống lại muốn nói việc binh đao. Tôi thực bụng không hiểu hắn có oai quyền gì mà dám lòng hành, vượt cả quyền của Nhị vị đại thần.

Vừa lúc ấy, Phạm Đình Trọng cho mấy trăm thuyền bọc đồng tiến vào đánh nghĩa quân. Nguyễn Hữu Cầu bảo Nguyễn Thi Sảng, lúc đó đang tái đi vì khiếp sợ:

— Bây giờ thì quân sĩ của tôi sẽ đưa ông về. Hay dở thế nào ông cứ thực tình mà tâu.

Tiền Sảng đi rồi, Nguyễn Hữu Cầu lên thuyền tướng nhưng không phải để đánh mà là để rút. Cầu đang mưu toan kế khác. Muốn thực hiện được kế ấy phải tìm được đại binh của Trọng ở biển.

Quả như tiên đoán của Cầu, Đỗ Thế Giai và Nguyễn Phương Đĩnh sau khi nghe Sảng kể hết sự tình rất căm ghét Trọng. Hai người tâu với Trịnh Doanh:

— Phạm Đình Trọng là người trí dũng gồm đủ, dưới trướng lại có nhiều thuộc tướng giỏi, thật chẳng khác Lưu Bị có Quan Trương, Triệu Vân. Nay ông ta căm trọng binh nếu sinh bụng phản trắc thì triều đình lấy gì

mà chế ngự nổi. Cớ rõ nhất là Đình Trọng dám kháng lệnh chúa thượng ngăn trở Cầu về hàng. Xem vậy, nếu không trừ sớm đi thì hậu họa sẽ không lường hết được⁽¹⁾.

Trịnh Doanh im lặng không đáp.

IV

Sau bữa cơm chiều không khí doanh trại nghĩa quân ở Cẩm giàng⁽²⁾ nhộn nhịp hẳn lên. Họ vừa được lệnh nội nhật đêm ấy sẽ tiến về đánh chiếm Thăng Long, đập tan ngai vàng của vua Lê chúa Trịnh, triệt tận gốc cảnh lầm than đói nghèo. Không phải không có người vẫn hiểu lầm về kế hàng của chủ tướng họ. Nhưng cũng vì thế, lúc này họ càng thêm phục người chủ tướng trí dũng song toàn, từng ăn với họ một mâm, nằm với họ một chiếu.

Anh chị em nghĩa binh vẫn tíu tít chuẩn bị. Người thì kiểm lại binh khí, người thì nai nịt lại cho gọn gàng hơn. Những người đã chuẩn bị xong, xúm lại thành từng cụm, chuyện nỏ như ngô rang. Giữa lúc ấy, Cầu dẫn đội thám mã trở về. Trong ráng chiều vàng nhuộm, nghĩa quân thấy người chủ tướng của mình đẹp một cách lạ thường. Chủ tướng có gầy đi vì vất vả, vì lo

(1) Vì kế giả hàng của Cầu mà Đỗ Thế Giai ngày càng thù Phạm Đình Trọng.

Năm 1754, Đỗ Thế Giai sai người đem rượu thuốc độc vào Nghệ An (lúc này Trọng làm trấn thủ Nghệ An) giả là của Trịnh Doanh cho. Trọng uống phải và chết.

(2) Cẩm Giàng xưa thuộc phủ Thượng Hồng, Hải Dương.

BÀ TRIỆU

Triệu Thị Trinh⁽¹⁾ nhớ mãi lần chạy giặc hồi còn nhỏ vào trong núi Nưa. Buổi chiều hôm ấy, trời mù âm dăm. Tiếng ngựa hí quân reo vừa nghe vọng lại từ man xa thì đã thấy khu làng bên phát hỏa, và lẫn với tiếng lửa reo ù ù là tiếng người kêu vật rống kinh hoàng. Tin dữ từ đây theo với làn lửa cháy làng bay về: Thứ sử Lữ Đại dẫn đại quân nhà Ngô tiến đánh dư đảng của Thái thú Sĩ Huy, liên danh cho binh lính làm cỏ đất Cửu Chân⁽²⁾.

(1) Tên gọi này chép theo sách *Lịch sử Việt Nam* (Khoa học xã hội, 1971). Vấn đề tên gọi của Bà Triệu (cũng như của Bà Trưng — thuộc phạm trù ngôn ngữ Việt cổ và cách đặt tên người ở thời gian đầu Công nguyên — còn đang được nghiên cứu) không được sử cũ ghi chép rõ ràng. Những bộ sử cổ nhất, chỉ gọi bà là *Cô gái Triệu* (Triệu nữ) hoặc *Người em gái của Triệu* (Triệu muội). Những tên gọi *Triệu Quốc Trinh* hoặc *Triệu Trinh Nương* rõ ràng là mới đặt gần đây.

(2) *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: Năm 226, Sĩ Nhiếp, kẻ thống trị Châu Giao (bao gồm quận Giao Chỉ — miền Bắc bộ ngày nay; — quận Cửu Chân — miền Thanh — Nghệ ngày nay và một phần Hoa Nam) bị chết. Con trai là Sĩ Huy đang làm *Thái Thú* (chức quan cai trị một quận) Cửu Chân cự lại nhà Ngô, bị *Thứ Sử* (chức quan cai trị một châu) nhà Ngô là Lữ Đại giết chết. Dư đảng của Sĩ Huy tiếp tục chống lại Lữ Đại, khiến Đại mang quân vào Cửu Chân, giết hại một lúc hàng vạn người.

nghĩ, nhưng có lẽ vì thế, đôi mắt quắc sáng, khuôn mặt cương nghị, rắn rỏi ấy càng để lộ nghị lực phi thường, dẫn đến những quyết định táo bạo, những tính toán thông minh, từng làm cho quân thù bao phen khiếp đảm, kinh hoàng. Nhìn đôi mắt tinh tường, khuôn mặt rắn chắc lại, nhất là dáng điệu quả quyết trong mọi việc của chủ tướng, lòng nghĩa quân thấy ấm áp, thanh thản lại. Tình yêu thương, lòng kính trọng của nghĩa quân đối với chủ tướng, từ lâu rồi, đã quện chặt vào nhau như không còn ranh giới. Và, trong những lúc khó khăn như thế này, tướng và quân càng thêm gắn bó, đồng thời sự sát cánh vì nghĩa lớn ấy, đã chuyển thành niềm tin không gì lay chuyển được, thôi thúc họ ném tất cả sự khôn ngoan, cương quyết cho trận đánh mà họ đang chờ đợi.

Đứng trước đội ngũ quân sĩ đang nghiêm nghị đến căng thẳng, hướng về phía mình, Nguyễn Hữu Cầu nói dần từng tiếng:

— Đêm nay ta sẽ tiến về đánh lấy kinh thành. Bọn giặc Trọng, Phúc không rời ta nửa bước, buộc ta phải bí mật, hành binh thần tốc. Quân sĩ phải đến Bồ Đề trước canh năm rồi nhanh chóng cướp thuyền, vượt sông đánh úp kinh đô, bắt cho được tên bạo chúa Trịnh Doanh và cả bầy chúng.

Nghĩa quân hò reo đáp lại, chấn động cả một vùng trời.

— Cần một đội quân nhỏ khởi binh trước, nhưng đi về hướng Nam để che mắt giặc. Việc nhỏ nhưng cực kỳ nguy hiểm.

Hàng quân im phăng phắc.

— Ta biết binh sĩ ai cũng hăm hở tiến về kinh đô. Nhưng phải có một đội quân nghi binh — Cầu nói tiếp và căng mắt chờ đợi.

Một viên tướng khập khiễng bước lên:

— Trình tướng quân! Những người hiện còn ốm yếu sẽ lĩnh việc này.

— Người cho xuất quân ngay! — Cầu hồ hởi ra lệnh.

Không khí chia tay bịn rịn, nặng nề trùn lên nghĩa quân. Nhưng đội quân nghi binh đã vội vã lên đường. Đi được một quãng, viên tướng chỉ huy đội quân nghi binh đột ngột phi ngựa quay trở lại. Đến trước mặt Cầu, viên tướng chỉ nhìn Cầu mà không nói.

Cầu cố nén xúc động.

— Ta hiểu cả rồi. Việc lớn sẽ thành. Người hãy yên lòng dẫn quân đi!

Viên tướng cúi đầu chào Cầu rồi giật cương, phóng ngựa đuổi theo quân sĩ của mình.

Đợi cho đội quân nghi binh đi xa, Nguyễn Hữu Cầu cho giương cờ lệnh và nói như thét lên:

— Để trả thù cho những chiến hữu đã mất, để cứu trăm họ khỏi cảnh lầm than, đại quân lên đường!

Nghĩa quân theo lệnh Cầu, phi ngựa cướp đường, hướng về phía kinh thành xốc tới. Dẫn đầu hàng quân, chiến mã của Cầu rải những bước dài xuyên vào đêm tối.

Nhưng cuộc hành binh thần tốc của Cầu không thực hiện được như ý. Dọc đường vì phải đánh nhau với nhiều đội quân Trịnh nên đại binh của Cầu đến bến Bồ Đề thì trời đã sáng. Hơn thế nữa, bên kia sông Hồng, Trịnh Doanh được báo trước, đã gióng trống trêu cờ, kịp dàn trận để chặn nghĩa quân. Nguyễn Hữu Cầu chưa cướp được thuyền đánh sang thì tin dữ lại đến: Phạm Đình Trọng đã đánh tan đội quân nghi binh của Cầu, giết được cả tướng và hiện đang đuổi gần đến nơi.

Khu làng đông đúc ba nghìn dân ở bên cạnh dễ không còn được mấy người chạy thoát⁽¹⁾.

Va lớn ập đến thật bất ngờ! Miền đất Cửu Chân này đang rên xiết dưới ách giặc, thế là một lần nữa lại chịu cảnh binh hỏa tàn phá! Chỉ còn cách mau chạy vào núi hiểm để cứu lấy tính mạng...

Lần nguy khốn năm ấy, núi Nưa đã cứu thoát những người cùng làng với Triệu Thị Trinh ty nạn trong núi⁽²⁾. Ngọn núi hùng vĩ sừng sững một vùng trời đất, cây cối điệp trùng, suối khe hiểm trở, từ đấy ghi mãi bóng hình của nó trong đầu óc cô gái họ Triệu. Ông già bà cả, cũng như trai gái, và trẻ nhỏ trong làng nữa, ai cũng từ đấy, coi núi Nưa là đất thiêng của dân mình. Những ngày đẹp trời, nhìn lên núi Nưa, thấy rõ từng thớ đá gốc cây; những ngày mưa gió, núi Nưa chỉ còn là một vệt thẫm chòm chênh giữa trời — ngày nào thì người làng cũng chẳng bao giờ quên để mắt tới ngọn núi thiêng. Thề bồi, phán xử, núi Nưa là nhân chứng. Tế lễ, hội hè, núi Nưa là thần linh⁽³⁾...

(1) Làng Cổ Định (Thanh Hóa) hiện còn câu truyền ngôn: « Tam thiên dư nhân, Ngô thì phát tán, tồn thập bát đình » (Hơn 3.000 người, bị tan nát vào thời nhà Ngô, chỉ còn lại 18 đàn ông).

(2) Truyền thuyết ghi được ở vùng núi Nưa: Những người chạy giặc trốn vào núi Nưa, sau lưng có quân Ngô đuổi theo, chợt hiện ra một con rùa, bò đi bò lại, xóa hết dấu vết. Quân Ngô không tìm thấy đường để đuổi theo nữa.

(3) Núi Nưa nay thuộc huyện Triệu Sơn — Thanh Hóa.

Dân làng nghiêng nghe, lắng nghe tiếng công vọng rền vang từ trên núi Nưa đưa về. Đám trẻ nhỏ nhảy lên:

— Công Bà Triệu đó!

Lại thêm những tiếng kim thanh nhẹ lạnh canh chen lẫn với tiếng công đồ dồn.

— Lệnh của ông Quốc Đạt đó!

Các cụ già sửa lại vòng khăn trên đầu, khẽ bảo nhau.

Tất cả kéo nhau ra đầu làng, ngóng về phía núi Nưa. Sương núi tím tím đã từ rừng cây bỏ lan trên ruộng rẫy, vườn tược. Dựa theo màn sương, những bóng người lờ mờ tiến về làng. Giáo mác, tên nổ, dựng mũi nhọn, rậm rịch trong sương. Những khuôn mặt lầm lì, mệt mỏi, chỉ có cặp mắt lấp lánh sáng một thứ ánh sáng dữ dội.

Các dân binh suốt một ngày lên núi Nưa tập trận, luyện võ, giờ đã được cha mẹ, vợ con chực sẵn ở đầu làng, đưa về nhà. Các chú bé đón lấy những binh khí nhộp nhộp mồ hôi và nóng hổi hơi tay của cha anh mình, hớn hờ chạy tỏa vào trong các ngõ xóm. Mãi sau mới thấy Triệu Thị Trinh và Triệu Quốc Đạt từ ngàn Nưa tiến về làng. Hai anh em đi song đôi, nhưng chiếc bóng cao lớn của cô gái át hẳn dáng hình mảnh dẻ của người anh. Hai gia nhân, xách một chiếc công và một chiếc lệnh vừa nổi hiệu thu quân, đi theo sau bên gót. Chiếc công đồng thau nặng trĩu, gân guốc của Triệu Thị Trinh cũng vượt hẳn chiếc lệnh mỏng mảnh của Triệu Quốc Đạt.

Cô gái họ Triệu đang tuổi bẻ gãy sừng trâu, bước sầm sập lên chiếc thang tre, vừa vào ngăn trong cùng của

Hòn cấm ngút trời, nhưng Nguyễn Hữu Cầu vẫn tỉnh táo, cho quân mình rút lui để bảo toàn lực lượng.

★ ★

Thoát vòng vây ở Hương Lãm ⁽¹⁾. Nguyễn Hữu Cầu dẫn một toán nghĩa binh chạy ra bể, đánh tan đội quân giữ thuyền của Phạm Đình Trọng, cướp lấy một chiến thuyền rồi tức tốc ra khơi.

— Tướng công định đi về hướng nào — một nghĩa quân lái thuyền hỏi.

— Trở về Hải Dương — Cầu ra lệnh — Ta sẽ khôi phục lại cơ đồ ở đây.

Nhắc đến miền đất thân thương đã hai năm xa cách ấy lòng Cầu bỗng thấy đau nhói. Phải rồi, tại đây, Thông và bao nghĩa sĩ khác đã bị bắt hoặc bị chết khi sự nghiệp còn đang dở. Nhưng cũng là miếng đất đầy nghiệp, từng hun đúc bao chiến sĩ kiên cường, vì phúc lành của muôn họ, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Cũng hai năm qua Cầu mới lại có dịp đi biển. Mặc dù còn đang phải chạy giặc nhưng Cầu như đang sống lại cái cảm giác khoan khoái của những trận thắng lớn năm xưa. Lũ tướng giặc triều đình mỗi khi ra biển, có đứa nào địch được Cầu qua một trận. Duy có Phạm Đình Trọng — lửa giận trong lòng Cầu sôi lên — tên tướng giặc nham hiểm ấy vẫn không rời Cầu nửa bước. Sau trận đánh Kinh Thành nhờ nhàn, Cầu đem quân liên kết với Hoàng Công Chất đánh phá vùng Sơn Nam ⁽²⁾. Nhưng đại binh của Trọng liền tức tốc đuổi theo. Mấy

(1) Thuộc huyện Nam Đường, nay là Nam Đàn, Nghệ An.

(2) Trấn Sơn Nam gồm Nam Hà, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Đông ngày nay.

lần hấn chết huyệt ⁽¹⁾ nhưng cuối cùng quân của Trọng đã phá được thế trận của nghĩa quân ở làng An Vệ ⁽²⁾.

Năm sau (1750) Cầu đem quân vào Nghệ An hợp binh với Nguyễn Duyệt ⁽³⁾, Phạm Đình Trọng, lúc đó được phong là Hải Quận công, cũng lĩnh đại binh đuổi theo.

Thắng giặc ấy không để cho mình trở về Hải Dương — Cầu nghĩ bụng. Và, quả nhiên, ngoài nhìn phía sau, Nguyễn Hữu Cầu đã thấy thuyền chiến của Phạm Đình Trọng đang đuổi tới. Bất đắc dĩ, Cầu phải ghé thuyền lên bộ. Phạm Đình Trọng lập tức cử một bộ tướng tâm phúc là Phạm Đình Sĩ đem 5 trăm quân đuổi theo.

Đã thấm mệt, lại đói, Nguyễn Hữu Cầu lúc này chỉ còn một mình liền vào thủ trong một cái hang núi ở Hoàng Mai ⁽⁴⁾.

Phạm Đình Sĩ cho quân vây bọc mấy lần rồi bảo lính:

— Ai vào bắt sống được nghịch Cầu, ta tâu thưởng

cho cả làng vàng.
Hàm của, một tiểu tướng của Sĩ tên là Hoàng Vĩ Hương lảng xăng khoác lác:

— Con cá He đã mắc cạn, tôi xin vào bắt!

Sau một hồi ba hoa, viên tiểu tướng béo tròn nhưng ngắn có một mẩu ấy, hùng hổ vác mã tấu xông vào. Nhưng hấn vừa giơ mã tấu ra oai, đã bị Cầu dùng siêu đao gạt mạnh, mã tấu văng khỏi tay.

(1) Trọng và Phúc đã có lần bị quân của Cầu vây chặt ở huyện Ngự Thiên (Hưng Nhân, Thái Bình). Phúc lo quá nên qua một đêm bạc trắng cả tóc.

(2) An Vệ thuộc Quỳnh Côi, Thái Bình.

(3) Nguyễn Duyệt là một bộ tướng của Nguyễn Tuyền, Nguyễn Cừ. Sau khi Tuyền và Cừ mất, Nguyễn Duyệt hoạt động ở vùng Quỳnh Lưu, Nghệ An cho đến lúc này.

(4) Thuộc huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An.

chiếc nhà sàn rộng thênh thang, chưa kịp rũ chiếc khăn đầm sương, thì đã nghe tiếng người chị dâu cất vãn anh mình ở gian nhà ngoài:

— Ông bỏ nhà đi đâu biệt suốt ngày?

Giọng nói chanh chua của người vợ vấp phải sự im lìm cổ hủ của người chồng, không vì thế mà bớt gay gắt:

— Này, tôi bảo cho mà biết, đừng có sinh sự sự sinh! Trên quận trị⁽¹⁾ có người về đấy...

— ...

— Ông có nghe thấy không? Quận trị cho người về thúc cống phẩm đấy.

Lúc này mới nghe thấy Quốc Đạt chậm rãi:

— Nó bảo gì?

— Còn bảo gì? Quan thái thú đã khoán cho huyện này nộp thêm ba trăm con công lớn⁽²⁾, ngoài số phu phen tô thuế thường kỳ, thì cứ thế mà làm?

Không nghe thấy anh mình nói gì thêm, Triệu Thị Trinh vươn người nhìn qua tấm liếp ngăn nhà, trông ra gian ngoài. Triệu Quốc Đạt đang cúi húi củi người trên một chõng lá gồi, chăm chú viết lách⁽³⁾. Nhìn cái dáng nhần nhục, chịu đựng đủ bề của anh ruột, Triệu Thị Trinh bỗng thấy nao nao trong dạ. Cô gái đi thẳng ra nhà ngoài. Những bước chân rung chuyển sàn nhà của

(1) Nơi đặt cơ quan hành chính của quận Cửu Chân, cai trị miền Thanh — Nghệ ngày xưa.

(2) Sử phong kiến Trung Quốc, sách *Tấn thư*, chép việc năm Vĩnh-An thứ 5 (162): bắt dân các huyện thuộc châu Giao phải nộp chim công đem về kinh đô dâng vua Ngô, số lượng tất cả là 3.000.

(3) Sách *Lâm ấp ký* dẫn ở sách *Chỉ phả* viết: « Ở Cửu Chân, có tục lấy lá cây làm giấy ».

cô gái khiến người chị dâu vừa toan sẵn đến bên chõng, vội vã lảng ra bếp lửa đang mù mịt bốc khói. Nhưng vẫn không quên ném lại một cái nguyệt lịch nhà!

★
★★

Triệu Thị Trinh không nhớ được gì nhiều về cha mình⁽¹⁾. Chỉ thỉnh thoảng nghe mẹ nói rằng anh Quốc Đạt giống cha như hệt. Cha con nối nhau nhận chức huyện lệnh⁽²⁾ của nhà Ngô mà chẳng bao giờ thi thố được điều gì giúp dân như thuở xưa, khi chưa có lũ giặc ngoại bang xâm lược, dòng họ này đời đời nối nhau làm tù trưởng đứng đầu các làng cha quanh miền. Triệu Thị Trinh biết lắm, lũ giặc chưa thể phải hắt người của chúng xuống cai trị huyện này, nên vẫn cứ phải tiện dụng kẻ cầm đầu cũ của người Việt để phục dịch chúng, thúc ép dân lãnh đầy thối⁽³⁾.

Chỉ thương cho anh Quốc Đạt. Thay cha giữ việc cai quản hàng huyện từ ngày em gái mới đứng chừa đến vai anh cho tới bây giờ, khi Triệu Thị Trinh đã lớn vượt anh rồi mà vẫn chẳng thấy anh có được lấy một ngày vui trong cuộc đời làm huyện lệnh. Lại thêm việc

(1) Tài liệu cũ cũng không ghi lại được gì về người cha của Bà Triệu. Giống như trường hợp Bà Trưng, chỉ thấy có những tư liệu về người mẹ. Đây là biểu hiện một đặc điểm của xã hội đầu công nguyên: vai trò to lớn của người mẹ Việt Nam trong các gia đình cổ.

(2) Chức quan đứng đầu một huyện lớn, từ trước cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, vẫn do các tù trưởng bộ lạc người Việt Nam nắm; sau cuộc khởi nghĩa này, chỉ còn một số vùng xa mới giữ được tình trạng này.

(3) Sử phong kiến Trung Quốc, sách *Ngụy chí* vạch rõ: « Giặc Ngô chinh hình bạo ngược, phủ liếm không biết thế nào là cùng ».

— Cho mi cầm lại mã tấu xem có nứt trồi được lạng vàng không — Cầu khinh bỉ bảo viên tiểu tướng triều đình.

Trở về chịu tiếng bất tài, Hoàng Vĩ Hương không sợ, vì hấn vẫn nổi tiếng văn dốt vũ dát. Nhưng hấn tiếc lạng vàng. Vì vậy, hấn vớ vọi lấy mã tấu rồi bắt ngờ đâm trộm. Nhưng Cầu đã kết liễu đời tên giặc hợm hĩnh.

Phạm Đình Sĩ liền chọn một toán lính lực lưỡng cho xông vào bắt Cầu. Nhưng không đứa nào chịu đi đầu. Phạm Đình Sĩ gọi một tên ra hỏi:

— Tại sao người không tuân lệnh ta?

— Nghịch Cầu sức khỏe như Hạng Vũ, Hồ tướng Đinh Văn Giai còn bị thua nữa là sức chúng tôi.

Lập tức Phạm Đình Sĩ tuốt kiếm chém chết tên lính rồi thét quân xông vào hang. Nhưng lính cầm tử vào càng nhiều, xác giặc càng lắm. Xác giặc chồng chất ở cửa hang.

Sau một ngày kịch chiến, con cá He oanh liệt một thời mới bị sa lưới.

★★

Chiếc cùm lim nặng nề đã xiết chặt chân tay Cầu, gò Cầu ở tư thế nửa nằm nửa ngồi thật khó chịu, khiến gần cả đêm Cầu không chợp mắt được. Bắt được Cầu, Phạm Đình Sĩ đã cho chữa một chiếc cùm lim hạng đại để cùm Cầu. Chẳng những thế, sợ Cầu bẻ gãy được cả cùm lim, hấn còn nhốt Cầu trong một cái cũi chắc chắn, đặt trong một gian nhà đóng kín, xung quanh có lính túc trực canh gác.

Chưa bao giờ Cầu có nhiều thì giờ suy nghĩ như đêm nay. Nhưng mạch suy nghĩ luôn luôn bị đứt đoạn vì cứ một chốc, bọn lính lại thay nhau vào xem Cầu sống hay chết, cũng còn vì toàn thân Cầu đau ê ẩm và cơn đói khủng khiếp luôn giày vò.

Cầu cựa quậy cố chọn một thế dễ chịu nhất. Cầu đau đớn tự thấy nguồn gốc của thất bại là do sự liên kết hào kiệt chưa được thành một khối. Hoặc giả, có lúc lại chờ sự liên kết ấy một cách cứng dờ, nên bỏ lỡ cơ hội có thể thừa thắng, đánh dần về kinh thành, ngay khi hai đạo binh lớn của Trương Khuông, Đinh Văn Giai bị vỡ.

Cầu càng đau xót hơn khi hoài bão cứu cho khắp, giúp cho cùng muôn họ không thực hiện được. Nhớ lại trên dọc đường hành quân, Cầu đã bao lần phải gạt lệ khi chứng kiến những cảnh đau thương: con chết bên cạnh cha, vợ bị hấn giết trước mặt chồng. Bọn quan lại Trịnh đã mặc sức dấy dọa, giết hại dân chúng. Coi dân chúng như bầy trâu ngựa. Giờ đây, trong nỗi đau giày vò, Cầu như thấy vọng về lời kêu than, rên xiết của hàng vạn dân nghèo đang quằn quại trong tay giặc. Biết bao nhiêu ông già, bà cả đã đem con mình trao cho Cầu, phó mặc cả tính mệnh gia đình họ cho Cầu. Vậy mà Cầu đã phụ lòng tin ấy. Không! Cầu thương dân, Cầu hằng thương những người nghèo khắp chốn như cha mẹ, anh em ruột của mình. Vì phải đánh nhau liên miên hết năm này đến năm khác, với những lực lượng ngày càng lớn của quân Trịnh, Cầu chưa làm được nhiều việc để bày tỏ tình thương ấy. Nhưng tình thương ấy đã xóc Cầu dậy trong những trận đánh. Vì nó mà Cầu đã cuốn nghĩa quân nhào tới vật lộn với địch. Và cũng chính vì tình thương ấy, Cầu đã vừa chỉ

chẳng may lấy phải người vợ không ra gì. Chẳng qua là, bởi mẹ lại cũng theo cha sớm mất, chưa kịp chọn lựa nơi gửi gắm cho anh...

Càng thương anh, Triệu Thị Trinh càng nhớ mẹ, người mẹ giống hệt cô con gái—ai cũng bảo vậy. Chính mẹ là người ngày đêm rèn đúc cho con gái, chí quật cường và tài thao lược. Những câu chuyện đời xưa mẹ kể cho con nghe mới cuốn hút lòng người làm sao! Quê mẹ ở tận ngoài Bồ Điền⁽¹⁾. Chuyện hai trăm năm trước ở ngay sát quê mẹ: Năm mẹ con bà Mai Thị Hoa đều cùng là gái cả, mà nổi lên dũng mãnh như tướng nhà trời, theo Hai Bà Trưng đánh cho lũ giặc nhà Hán tởm toát không còn mảnh giáp⁽²⁾. Và còn chuyện Trưng Nữ Vương nữa! Chuyện các nữ tướng của Hai Bà nữa! Cũng đều là phận gái như mẹ con ta cả, nhưng nhờ đánh giặc cứu dân mà tiếng dậy non sông...

Những lời của mẹ cứ thế rót vào tim óc con gái. Mẹ lại còn một lần vượt đường đất đưa con về tận quê mình. Ông già họ Lý, người cầm đầu đất quê ngoài, nhìn ngắm đứa cháu gái mà hỏi lòng hỏi dạ. Cô bé mới bắt đầu lớn mà đã có dáng con nhà tướng: lưng beo, tay vượn và cặp mắt xé, sáng như sao! Đến lúc được xem đứa cháu nhỏ biểu diễn tài năng võ nghệ, được nghe những lời tâm huyết tự nhiên từ cửa miệng còn thơ ngây, ông già Lý sung sướng đến mức đem cả báu vật gia truyền trao lại cho cháu gái vào lúc Triệu Thị Trinh chia tay ông để trở về núi Nưa. Đó là một thanh đoản kiếm hai lưỡi bằng đồng thau vàng chói. Và điều làm cô gái nhỏ thích thú nhất là hình tượng một vị nữ thủ lĩnh trang nghiêm, xiêm áo chỉnh tề, được tạc rất

(1) Nay là Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa.

(2) Theo thần tích và truyền thuyết vùng Nga Sơn (Thanh Hóa).

khéo thành ngay chiếc chuôi kiếm cầm gọn trong tay⁽¹⁾. « Đây là tổ mẫu của dòng họ nhà ta » — ông già họ Lý nói với đứa cháu — « Để xem về sau cháu có được như bà hay không... »

Ông già Lý nói thêm:

- Ngày xưa, khi giặc xâm lăng mới phạm vào đất đai, chính bà là người có công lớn đánh giặc giúp dân giúp nước. Dân chúng muốn ghi ơn, mới theo hình bà mà tạc đúc nên tượng như vậy đây...

Chuyến đi thăm quê ngoại năm ấy đã ghi khắc rất sâu vào tâm khảm Triệu Thị Trinh, cũng như thanh đoản kiếm sáng rực màu đồng thau từ đấy không bao giờ rời người nữ chủ trẻ tuổi. Cô gái họ Triệu càng ham luyện tập võ nghệ, lời kéo cả người anh vốn tính tình trầm mặc, cũng như cả đình trảng trong làng theo mình. Chưa ai rõ được việc rèn binh luyện võ rồi đây sẽ ứng dụng vào đâu. Nhưng mang mang như sắp có việc lớn đời đời đến nơi, tất cả đều say theo cái bản năng thương yêu của dân mình, và đều cuốn theo cái vẻ hăm hở sức sôi của người nữ chủ trẻ tuổi.

Núi Nưa đang ngày ngày ấp ủ trong các vạt cây vách đá và suối khe của mình cả một đạo quân mà sức mạnh lay trời chuyển đất đã bắt đầu được người nữ tướng 19 tuổi luyện rèn, nhen nhóm.

(1) Những vũ khí thuộc loại này, gần đây, khảo cổ học đã tìm được rải rác trong lòng đất ở nhiều nơi, trong đó có Thanh Hóa.

huy vừa dẫn đầu trong những cuộc đọ sức, ném tất cả khôn ngoan, táo bạo của mình để giành chiến thắng. Cầu bị bắt, nghĩa lớn còn dang dở chưa thành, nhưng Cầu không hối hận vì đã dâng trọn đời mình cho dân chúng.

Chao ơi! Nếu Cầu kịp về đất Hải Dương! Vùng đồng ruộng có con sông Bạch Đằng từng hòa nhịp tiếng ngựa hí, quân reo ấy, chỉ cần sửa được sai lầm xưa, nó sẽ trở thành đất thánh của đoàn quân bảo dân cả nước và nghĩa lớn sẽ thành.

Gần sáng rồi, Cầu muốn thiếp đi chốc lát để hôm sau còn tỉnh táo đương đầu với kẻ thù. Nhưng cứ nhắm mắt lại là Cầu lại thấy hiện lên những khuôn mặt thân thuộc, từng chia ngọt sẻ bùi và cùng ôm ấp những hoài bão lớn. Cứ nhắm mắt lại là Cầu thấy mình như đang bay về với vùng biển Đông, đang cười trên sóng bạc đầu, giữa những bầu khoáng đạt bao la. Cầu yêu biển, nhất là cảnh biển về buổi sáng. Mặt trời lúc ấy như di từ biển lên giống hệt một quả cầu lửa không lồ. Khi còn ở đại trại Đồ Sơn, những lúc rảnh rỗi, Cầu đã dễ dàng giờ dễ ngắm trời ngắm biển và phóng tầm mắt ra xa muôn dặm. Thật là kỳ diệu, tạo hóa lúc ấy như sở lòng cho chỉ tung hoành ngang dọc không gì chế ngự nổi của Cầu.

Cầu lại đổi thế ngồi. Cái cùm lim nặng nề này, cái cũi làm bằng những cây gỗ chưa kịp bóc vỏ này, vừa tai ách vừa trào lộng. Bây giờ ta bị nhốt trong cái cũi này cũng vì như khi xưa ta bị giam hãm trong cái lồng trời mây. Ước gì được sở lòng, ta sẽ tung hoành cho phỉ sức, giống như cánh chim bằng sải cánh bay bổng, lượn những vòng rộng lớn trong không trung rồi lại vút lên tận trời xanh bay lượn. Cầu cũng muốn được như bầy

chim oanh vẫy vùng ở phương Bắc hoặc được như đàn chim loan tung cánh bay mãi về phương Nam. Con chim có thể bị tù hãm, phải nhốt ở trong lồng cũng vì như mình đang bị cùm trong cũi, nhưng chỉ muốn chọc trời khuấy nước, hoài bão và niềm tin vẫn nở rộ xanh tươi như thiên nhiên hùng vĩ vạn sắc màu rực rỡ.

Một nguồn thơ dạt dào, lai láng đến với Cầu. Cùm lim, lồng cũi, đòn đau, đói khát đều tan biến đi và Cầu đang hoàn toàn hóa thân trong tâm suy nghĩ rộng lớn không gì ngăn cản nổi của những ý thơ.

Chợt, cửa nhà giam bị mở tung. Tiếng Phạm Đình Trọng ra lệnh cho quân lính khiêng cũi ra ngoài.

Ta sẽ chết nhưng phải minh mẫn, nhất là trước mặt quân thù, phải giữ được tiết tháo của người làm tướng bảo dân — Cầu tự nhủ — và đột ngột lấy giọng hát ⁽¹⁾.

— Chào ông Cầu — Trọng vừa nói vừa cười rất tươi — Tôi lấy tinh bạn cũ đến thăm ông đây.

— Đúng là giọng lưỡi thẳng Trọng khi trước — Cầu nhận xét nhưng vẫn say sưa hát, không thèm nhìn Trọng.

Thấy Cầu thản nhiên không sợ sệt, thậm chí không coi mình vào đâu, Trọng khiêu khích:

— Tôi thiết nghĩ chỉ khi nào có việc vui mừng người ta mới hát, đằng này ông đang gặp sự không may thì ca hát làm gì cho tui.

Cầu vẫn không thèm nhìn Trọng, tiếp tục lấy giọng hát to hơn.

Trọng cố lấy dáng tự nhiên, cúi sát bên cũi:

— Bây giờ ông như con chim trong lồng còn gì mà ca với hát?

(1) Sử ghi rằng, trước mặt quân thù "Cầu vẫn hát xướng ngang tàng".

Tiếng đồn Bà Triệu thu phục được voi dữ cứ như có cánh bay nhanh đi khắp đất Cửu Chân. Người ta kể rằng đây là một con voi trắng, lớn chưa từng thấy, và chỉ có một ngà. Voi một ngà mà gặp trong rừng thì chỉ có chết. Nhưng nó lại từ ngàn Nưa xộc ra ngoài làng phá vườn chuối kiếm ăn...

Một đồn mười, mười đồn trăm. Các cụ già đêm đêm ngồi bên bếp lửa, kể dần dần thành văn điệu cho con cháu nghe rằng, hôm ấy, dân làng voi vã nổi cồn Bà Triệu, khua lệnh ông Quốc Đạt, hò la nào động để đuổi voi. Con vật khổng lồ đâm đầu chạy ra sau làng, và sa ngay xuống một bãi lầy⁽¹⁾. Nó vẫy vùng, găm, rống như điên mà không sao nhấc nổi mình lên khỏi lớp bùn dẻo quánh. Các tay cung nỏ thiện xạ trong làng đã lăm lăm những mũi tên độc, loàn nhảm chờ hiềm mà kết liễu đời con vật hung dữ. Nhưng chính Bà Triệu đã ra lệnh bắt sống!

Những cuộn thừng chảo lớn chung đòi chung ba lại, quăng ra, thít dần lấy chân voi. Cả làng tơi dần con vật lên được khỏi bãi lầy. Rồi đóng thừng chảo, cứ thế mà cột chéo hai chân nó vào hai gốc đại thụ. Con voi chịu phép đứng cứng tại chỗ, nhưng vẫn lăm dữ, không chịu để cho một ai tới gần. Ấy thế mà vừa thấy Bà Triệu tiến đến, chính nó đã quỳ phục ngay xuống...

Câu chuyện Bà Triệu được voi một ngà lễ sống vừa từ núi Nưa truyền đi, thì đã dội về từ núi Quan Yên⁽²⁾.

(1) Ngày nay, gần núi Nưa, vẫn còn một cánh đồng trũng, mang tên là "Đồng bắt voi". Truyền thuyết về Bà Triệu bắt voi cũng nghe kể ở miền này.

(2) Nay thuộc xã Định Công, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

lời đồn kinh dị về hòn đá biết nói. Người ta kể rằng có một đêm, núi Quan Yên bỗng sụt lở dữ dội. Rồi một giọng nói âm vang cất lên, át cả tiếng đá lăn. Giữa đêm đen thanh vắng, khắp quanh núi đều nghe rõ tiếng đá nói thơ. Thơ rằng:

« Có Bà Triệu tướng
Vâng lệnh trời ra
Trì voi một ngà... »⁽¹⁾

Những câu chuyện lạ cứ thế mà truyền đi, mỗi ngày, mỗi nơi lại thêm thắt vào những nét mới. Người dân Cửu Chân đêm đêm ngồi bên bếp lửa, nghe kể chuyện mà thấy trong lòng phấp phồng, rạo rức một niềm vui kinh cảm hồn chồn: cứu tinh đất nước đã nổi lên rồi đây chăng?

Trong khi ấy, ngày ngày, Triệu Thị Trinh vẫn ra tàu voi mời dựng sau nhà, chăm sóc con thú rừng đã thuần phục và trở nên ngoan ngoãn một cách không ngờ. Gõ về như nó cũng chỉ miễn riêng cô gái thật! Tung voi đón lấy những gốc mía mật từ tay người nữ chủ, con vật nheo mắt ăn uống thật hả hê.

Vừa dăm dăm nhìn con voi cuốn mía, Triệu Thị Trinh vừa miên man suy nghĩ... Đạo dân binh núi Nưa bây giờ đã ngày càng đông thêm người gia nhập. Và càng năng luyện tập thì càng thấy thiếu binh khí. Lâu nay, quân trị Cửu Chân vẫn ráo riết nhắc lệnh cấm rèn đúc giáo gươm, khiến những tay thợ giỏi hầu như chỉ còn nước bỏ nghề. Thế rồi, mới đây lại có lệnh cho các làng phải mua nộp tất cả thợ khéo để đưa sang

(1) Truyền thuyết "đá biết nói" thu nhật được ở vùng Cẩm Trướng, bên hữu ngạn sông Mã.

Cầu sững sốt thấy kẻ thù ví mình là «chim trong lồng», hết như đêm qua Cầu tự ví mình.

— Đứng là chim trong lồng — Cầu ngừng hát, đáp — Nhưng mà lồng trời mây. Lúc nào tiện, chim sẽ vỗ cánh bay đi cho phỉ sức.

Trọng mím môi kim con tức giận trước câu trả lời ngao mạn, lộ rõ sự khinh thị của Cầu:

— Biết ông là người có tài thơ, trường hợp nào cũng làm được. Vậy ông hãy vịnh cảnh «chim trong lồng» xem sao!

Ý thơ đã nung nấu từ đêm và cũng phải cho kẻ thù biết ý chí của ta — Cầu nghĩ — nên không đợi nhắc đến lần thứ hai, Nguyễn Hữu Cầu đã cất giọng ngâm:

*«Nhất lung thiên địa tàng thân tiểu
Vạn lý phong vân cử mục tần⁽¹⁾
Hỏi sao sao lụy cơ trần?
Bận tài bay nhảy xót thân tang bồng,
Nào khi vỗ cánh rửa lồng,
Hót câu thiên túng trong vòng lao lung⁽²⁾
Chim oanh nọ vẫy vùng giậu Bắc
Đàn loan kia tức tặc càn Nam
Mặc bay đông ngữ, tây đàm⁽³⁾
Chờ khi phong tiện dứt đàn vân lung⁽⁴⁾»*

(1) Hai câu này nghĩa là: Trời đất như một cái lồng nhốt thân mình, cảm thấy nhỏ hẹp: phóng tầm mắt nhìn ra muôn dặm gió mây.

(2) Thiên túng: ý nói tha hồ tung hoành phóng túng không bị giam hãm.

Lao lung: lồng cũi, chỉ nơi tù ngục giam cầm.

(3) Đông ngữ, tây đàm: Bàn nọ nói kia, ý nói coi khinh những lời dị nghị không đâu của bọn đối địch.

(4) Câu này có nghĩa: chờ dịp thuận lợi sẽ dứt sự ràng buộc của lồng trời mây.

Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu hán⁽¹⁾

Phá vòng vây bạn với kim ô⁽²⁾

Giang sơn khách diệc tri hồ?⁽³⁾

— Chao ơi, hay quá. Đám quân sĩ triều đình hết sức kinh ngạc trước tài xuất khẩu thành thơ của Nguyễn Hữu Cầu, lỡ miệng, đồng thanh khen. Phạm Đình Trọng cũng không khỏi sững sốt trước tài thơ xuất chúng của Cầu. Nhưng ý tứ bài thơ đã làm hấn giận tái người, không còn giấu được ý đồ nham hiểm của hấn nữa:

— Nghĩ ông là chốn bạn cũ — giọng Trọng rit lên — nên tôi đến xem ông có cần tôi giúp gì không? Đã thế này thì buộc tôi phải giải ông về kinh chịu tội. Ông sẽ ân hận mà chết.

— A, ha ha, ha ha... Nguyễn Hữu Cầu bật cười lớn.

— Giải tên lặc tướng về kinh gấp — Trọng không chịu nổi tiếng cười đắc thắng của Cầu, lúng túng ra lệnh.

— A, ha ha, ha ha... Cầu vẫn cười.

Tiếng cười khoái trá ấy của Cầu cứ từng đợt từng đợt rộ lên đập vào vách núi, bay ra xa mấy cánh đồng, vọng cả vào không trung.

Nghe tiếng cười ấy, mặt Trọng thêm tái đi, quên cả lên chiếc võng điều vừa được hấn giục mang tới.

QUYNH CƯ

(1) Tiêu: Nơi mây xanh cao tit.

Hán: Sông ngân hà. Ý chung chỉ trời cao.

(2) Kim ô: Con quạ vàng tức mặt trời.

(3) Câu này có nghĩa: Những người khách trong chốn núi ông có ai biết cho chăng!

Ngô triều xây dựng kinh đô ở Kiến Nghiệp (1). Thái thú Cửu Chân còn ngăn đe sẽ trị tội cả làng, nếu nơi nào có ý chậm trễ hoặc giấu giếm thợ giỏi trong dân(2)...

« Đến nước này thì không thể nín nhịn được nữa rồi. Nếu không sống mái với giặc thì chúng sẽ chặt hết chân tay rồi làm cổ cả dân ta mất thôi » — Một cơn giận dữ trào lên khiến Triệu Thị Trinh đỏ bừng khuôn mặt — « Ta đang cần thợ giỏi để rèn đúc binh khí cho nghĩa quân. Phải mau bàn với anh Quốc Đạt cự lại mệnh giặc, chứ không để chúng lấn lướt mãi nữa... »

Con voi trắng bỗng ngừng nhai nuốt, le lé cặp mắt nhỏ tinh khôn nhìn theo người nữ chủ vừa chột nghiêng răng kèn kẹt, nhanh nhẹn, bước vội về nhà.

Triệu Thị Trinh toan bước lên thang bỗng dừng dừng lại. Từ trên nhà, vẳng xuống tiếng nói sin sít của vợ Quốc Đạt :

— ... Ông mà cứ để cho nó lộng hành thế này thì rồi vạ lớn xảy đến lúc nào không biết đó !

Triệu Thị Trinh kinh ngạc nín thở chờ nghe tiếng anh mình. Nhưng không thấy Quốc Đạt trả lời. Vẫn chỉ có giọng nói khi nãy tiếp tục :

(1) Nay là thành phố Nam Kinh (Trung Quốc). Sách *Tấn Thư* chép: vào giữa thế kỷ III, nhà Ngô đã bắt hơn 1.000 thợ thủ công ở Giao Chỉ đưa về cưỡng bức lao động xây dựng kinh đô Kiến Nghiệp của nhà Ngô.

(2) Sử phong kiến Trung Quốc, sách *Ngô thư* chép: đối với người Việt, bọn quan lại nhà Ngô đều lấy binh uy để ức hiếp.

— Ai đời con gái lớn như thế rồi mà nay cưới voi, mai mua vó ! Tu tập đảng chúng trong núi, ông tưởng che được mắt quan thái thú đấy phỏng ? Mà người đâu có kẻ lạ đời ! Cứ bảo quân Ngô là giặc, chứ thật ra giặc bên Ngô không bằng bà có bên chồng !

— ...

— Tôi bảo ông là cứ đem nó gả chồng quách đi thì yên chuyện hết !

Cô gái đứng dưới sân bỗng đỏ lựng từ đôi má cho đến tận chân tóc. Vừa muốn cười lại vừa bực bội, Triệu Thị Trinh bậm môi rầm rầm bước lên thang. Vợ Quốc Đạt nhác thấy em chồng đã đổi ngay giọng :

— À, đây rồi ! May quá ! Tôi vừa nói với anh cô về chuyện hôn nhân trong nhà... Chẳng là nghe tin ở quận trị có ông quan họ Đào đang muốn tìm thêm người thiếp... Ông ấy vừa có thể lực lại vừa giàu sang, gia nhân, tiền của chật nhà chật cửa. Sánh được với ông ta thì con gì bằng. Tôi định...

Người chị dâu đang thao thao bỗng trợn mắt há mồm đứng sững như trời trồng. Bởi vì từ cửa miệng của Triệu Thị Trinh đã bùng ra một tràng sấm sét choáng đầu, choáng tai :

— Tôi muốn cưới con gió mạnh, đập luồng sóng dữ, chém cả kinh ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ tôi không chịu khom lưng làm thị thiếp cho người ! (1)

(1) Câu nói nổi tiếng này của Bà Triệu thấy chép đầu tiên trong sách *Thanh Hòa kỷ thắng* (Vương Duy Trinh — 1904). Ở các thế kỷ trước đây, *Triệu Âu truyện* (của Nhữ Bá Sĩ) và *Việt điện u linh* (Chư Cát Thị) cũng có những câu gần trùng ý nhưng khác lời. Sử sách sau đây mới chép lại với đôi chút xuất nhập. Ở đây dẫn theo sách *Lịch sử Việt Nam* (Khoa học xã hội, 1971).

LÊ NGỌC HÂN

I

Đám cung nữ từ ngoài chạy tủa vào trong cung vừa thở vừa tranh nhau nói:

— Dám bẩm công chúa, Ngự lệnh truyền cho công chúa sang châu ở bên điện Vạn Thọ ngay...

Ngọc Hân đang ngồi nghiêng người bên án thư, sẽ sàng buông quyền thi tuyển của tham tụng họ Bùi⁽¹⁾, mở to mắt nhìn. Đám cung nữ truyền lệnh của vua cha mà sao thái độ lại chẳng giữ vẻ nghiêm cần như mọi lần? Kia, có kẻ lại còn giấu mặt sau cánh tay áo rộng cười đỏ cả má! Đoán biết hẳn đã có duyên cớ lạ, Ngọc Hân vội tìm cách đối phó lại trò trêu cợt của đám cung nữ trẻ, bằng cách nghiêm mặt, cau mày:

— Ngọc thể thánh thượng hôm nay có được hơn hôm trước không mà lũ người hơn hớ làm vậy?

— Tâu công chúa — một cung nữ vội vã qui ngay xuống, sau khi lấu lỉnh liếc nhìn cả bọn — mặt rồng hôm nay tươi tốt như gặp mây lành, cũng bởi vì đã có tin mừng thật là lớn...

(1) Tức là quyền *Hoàng Việt thi tuyển* của Bùi Huy Bích, từng giữ chức tham tụng (thủ tướng) đời Lê Trịnh.

— Tâu công chúa — một cung nữ nữa qui theo bạn, liến lấu — Ngự đã kén được chàng rể trong bậc vương giả lòng danh chứ không phải là hạng phò mã tầm thường nữa⁽¹⁾.

Ngọc Hân đứng phắt dậy, giả bộ giận dữ với tay lấy chiếc phất trần treo trên vách, khiến bọn cung nữ vội vã níu nhau rúc rich chạy ủa cả ra vườn. Vừa lúc người cung nhân già từ gian nhà bên, cầm bộ gương ngọc lược ngà bước sang:

— Công chúa đề già này hầu trang điểm rồi còn đi châu Ngự cho kịp!

Nhưng khuôn mặt bừng đỏ và cặp mắt long lanh ngời sáng của cô gái mười sáu tuổi, đang như bông hoa qui, trong khoảnh khắc bỗng dậy lên hết cả sắc hương tiềm tàng, khiến người cung nhân già cũng phải ngậy người nhìn ngấm một hồi lâu. Ngọc Hân càng ngượng nghịu, cúi mặt xuống, đến một lúc mới vào vai người trưởng cung nữ nường niu.

— Nhũ mẫu ơi, có chuyện gì vậy?

Nàng niu chải chuốt từng nam tóc óng ả, người cung nhân già khe khẽ thì thầm:

— Chẳng phải chuyện thường đâu, Chúa Tiên⁽²⁾ a! Dịp hôn nhân này cũng là dịp để công chúa góp lo việc nước đấy. Cho nên trong hàng các công chúa chưa gả chồng của hoàng tộc, Ngự chỉ muốn nhắm vào Chúa Tiên của Ngài thôi. Bọn cung nữ vừa nghe được Ngài nói với

(1) Sách *Hoàng Lê nhất thống chí* chép lời vua Lê Hiến Tông (1740-1786) nói về Ngọc Hân: "Con bé này ngày sau nên gả làm Vương phi, không nên gả cho hạng phò mã tầm thường".

(2) *Ngọc Hân công chúa* đặt sử viết: Ngọc Hân nổi tiếng kiêu diễm đoan trang, nên thường được gọi là Chúa Tiên.

Bằng cớ về sự phản bội của mẹ chị dâu đã quá rõ ràng, khiến Triệu Thị Trinh uất giận trợn ngược cặp mắt xéch tướng đến rách cả mí. Về mặt đấng đấng sát khí ấy khiến đũa hầu gái của vợ Quốc Đạt kinh hãi rụng rời, vội vã khai hết mọi việc: Mấy hôm trước mượn cớ đi Tư Phố⁽¹⁾ chơi thăm bà con, vợ Quốc Đạt đã cùng đưa hầu gái vào dinh thái thú Cửu Chân, tâu trình việc em chồng là Triệu Thị Trinh xúi bầy chồng mẹ cự lại lệnh nộp thợ khéo, và van xin tên quan cai trị nhà Ngô tha tội cho chồng mẹ. Chính mẹ, sau đấy đã rành rẽ bẩm báo đầy đủ ngọn ngành việc Triệu Thị Trinh ngày ngày tụ binh luyện lính trên núi Nưa và đang mở lò rèn đúc binh khí, chờ ngày nổi dậy chống lại Ngô triều. Sự phản bội ghê gớm ấy của vợ Quốc Đạt đã đem lại cho mẹ cả một hộp ngọc trai quý là phần thưởng công của thái thú Cửu Chân mà sau đấy, tình cờ nhắc thấy bầy trong góc nhà, Triệu Thị Trinh đã sinh nghi, vặn hỏi đưa hầu gái và từ đấy, làm vỡ lở câu chuyện.

Vừa lúc ấy, tin dữ cũng từ Tư Phố báo về: Đô úy⁽²⁾ Cửu Chân đã ra lệnh động binh, sửa soạn tiến quân về tiêu phạt vùng núi Nưa!

Không thể chần chừ được nữa, Triệu Thị Trinh đem hết sự việc trình với Triệu Quốc Đạt và thúc giục anh phải ra tay hành động ngay. Đau xót vì chuyện vợ con, nhưng không thể để tình nhà lên trên phép nước, Triệu Quốc Đạt làm li gát đầu cho em trừng trị kẻ phản bội

(1) Nơi đóng quân trị của quận Cửu Chân xưa. Nay thuộc làng Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

(2) Chức quan coi việc quân sự của một quận.

và phát lệnh khởi nghĩa. Rồi ngay sau đó, thôi thúc vì hiệu công âm vang náo động của em gái, người tù trưởng trăm mặc đó cũng trở nên hoạt bát khác thường, truyền cho nổi cả hiệu lệnh của mình lên.

Lệnh Ông, công Bà, từ núi Nưa bay đi khắp ngả. Những âm thanh rộn rã sục sôi suốt đêm ngày. Dân chúng các làng chạ xa gần nghe tin khởi nghĩa đã bùng nổ ở núi Nưa, lập tức ào ào cuốn về theo như sóng cồn bề cả.

Cuộc tế cờ ra quân dấy nghĩa cử hành ngay dưới bóng núi Nưa thiêng liêng. Thần Nưa xưa đã cứu dân một lần thoát nạn giặc Ngô thì bây giờ, xin cũng linh ứng giúp dân ra quân thắng giặc! Dòng máu tươi cúng cho thần theo đúng cổ lệ, chính là từ xác kẻ phản bội vừa ngã gục dưới thanh gươm hai lưỡi—báu vật của giòng họ Bà Triệu⁽¹⁾.

★★

Nghĩa quân núi Nưa rầm rộ tiến binh chặn giặc. Đô úy Cửu Chân không ngờ rằng sức mạnh của nghĩa quân lại ghê gớm đến thế. Những năm trước, theo Lữ Đại vào tiêu phạt vùng này, hẳn luôn luôn chỉ thấy một cảnh tượng: hoặc là dân chúng cầm đầu chạy dài vào rừng sâu ẩn tránh, hoặc nếu bị bắt ngờ thì đành bỏ tay chịu nạn chém giết đốt phá. Lần này, nhận lệnh của thái thú Cửu Chân phải đi tiêu phạt một đám giặc cỏ do một người con gái ngộ ngược cầm đầu, lại được báo trước

(1) Biết việc chuẩn bị khởi nghĩa của Bà Triệu, chị dâu của bà định ra báo quân Ngô. Hiếu được ý định phản bội của chị, bà liền giết chị, chạy vào rừng, cùng anh tiến hành cuộc khởi nghĩa (theo Trương Hữu Quýnh: Giáo trình Đại học Sư phạm—Lịch sử Việt Nam, quyển 1, tập 1).

ông mỗi ở bên điện Vạn Thọ: « Con gái chưa chồng của trẫm có nhiều, nhưng chỉ một mình Ngọc Hân xem ra có thể xứng đáng. Tuy vậy thói thường yêu con vẫn hay thiên lệch, chưa biết ở mắt người ngoài thì ra sao. Người hãy ở đây, để trẫm đòi cả ra cho mà coi qua, rồi tùy người lựa xem người nào xứng đáng thì giúp cho thành việc đi»⁽¹⁾

Ngọc Hân bàng hoàng mở to mắt. Những việc trời long đất lở ở bên ngoài dội vào hoàng cung từ mấy hôm nay, bây giờ ngờ đâu lại bỗng dưng đem buộc chung với số phận nàng công chúa thứ chín ⁽²⁾ của vua Lê Hiến Tông!

— Thế ra ta sắp phải vừa sang châu vua cha, vừa phải ra mắt ông mỗi ngày sao?

— Cũng chẳng phải ai xa lạ đâu! Kẻ ấy chính là Nguyễn Hữu Chỉnh, bây giờ đi theo chúa Tây Sơn làm Hữu quân dò đốc, nhưng ngày trước cũng là bày tôi của hoàng thượng ở đây thôi...

— Thế còn... thế còn...

Khuôn mặt Ngọc Hân lại đỏ bừng rực. Nàng công chúa yêu của vua Lê không nói được trọn lời, nhưng người nữ mẫu vẫn đều giọng thăm thì trả lời:

— « Con người ấy là một tay anh hùng lão luyện, dũng mãnh và có tài cầm quân, ra Bắc vào Nam ẩn hiện như quỷ thần, không ai có thể lường hết được. Thấy ông ta

(1) Câu này chép dựa theo nguyên bản sách *Hoàng Lê nhất thống chí*.

(2) Các tài liệu *Ngọc Hân công chúa đặt sử, tiểu sử Ngọc Hân* (trong *Quốc văn thời Tây Sơn*), chép Ngọc Hân là công chúa thứ 21. Ở đây chép theo *Hoàng Lê nhất thống chí*.

trở tay đưa mắt là ai nấy đã phách lạc hồn xiêu, sợ hơn sợ sấm sét rồi»⁽¹⁾.

Ngọc Hân khẽ nhắm mắt lại. Quả có đúng như vậy.

Vừa mấy hôm trước, kinh thành còn đang rầm rập nghìn vạn quân lính đủ các phiên hiệu từ các nơi kéo về dàn trận dưới cờ chúa Trịnh để cự lại *con người ấy*. Vậy mà chỉ một trận chớp giạt sấm ran, đã tan tành ngay thành tro bụi cái cơ nghiệp đồ sộ mà họ Trịnh bỏ công xây dựng hàng mấy trăm năm! Mấy trăm năm vua Lê bị họ Trịnh bức bách, cái ách ấy bây giờ đã giữ đi xong. Diệt Trịnh phù Lê, *con người ấy* đã khôn khéo làm sáng tỏ cái nghĩa chiến trận, lại nhờ đấy mà trấn an được lòng người Bắc Hà đang phân vân nghi ngại. Còn vua cha thì nhân việc ấy, đem con gái yêu gả cho người vừa có công tôn phù, thật khéo lồng chuyện tình vào trong việc nghĩa. « Giai nhân sánh với anh hùng »⁽²⁾, hiện Ngọc Hân này có đương nổi việc ấy?

Nàng công chúa mười sáu tuổi, viên ngọc quý của vua Lê Hiến Tông, người con gái nổi tiếng tài sắc của kinh thành Thăng Long, nhân vật huyền kỳ của bao câu chuyện truyền tụng trong dân gian — sau một thoáng choáng ngợp ngất ngây trước số phận mới mẻ của mình, bây giờ trở lại điềm tĩnh, thanh thản. Tin ở bản lĩnh của mình, Ngọc Hân sửa lại xiêm áo lần cuối, rồi thong thả nhìn người nữ mẫu, uyển chuyển bước sang điện Vạn Thọ. Cái vẻ bình thản thanh cao ấy đã khiến Ngọc Hân, không diêm dúa phấn son như các nàng công chúa khác, mà vẫn như một bông hoa lạ, chẳng thể nào

(1) Lời nói của người cung nhân già này, sách *Hoàng Lê nhất thống chí* chép vào năm 1789.

(2) Chữ của Hoa Bằng trong sách *Quang Trung, anh hùng dân tộc*.

là sẽ có chính ngay chị dâu của « nữ tặc tướng » làm nội ứng, đô úy Cửu Chân tiến quân rất ung dung.

Đoàn quân Ngô triều vừa đổ vào cửa thung lũng núi Nưa thì bỗng nghe dậy lên những tiếng cồng tiếng lệnh dồn dập. Từ phía trước mặt xộc ra một con voi trắng khổng lồ hết như một trái núi biết chuyển động. Chót vót trên đầu voi là một nữ tướng xéch ngược cặp mắt, chỉ thẳng thanh đoản kiếm vàng chói trong tay về phía trước. Một nam tướng nữa cũng vùn vụt cưỡi ngựa xông lên. Rồi từ ba bề bốn bên, tiếng reo hò như sấm động: dân binh các ngả ùn ùn đổ ra, giáo mác, gươm đao, rìu búa vung lên sáng lóa.

Từ trên đầu voi dũ, Triệu Thị Trinh quát lớn, giục con vật vào trận. Vừa thấy con thú kinh khủng huỳnh huých xông tới, chiến mã của đô úy Cửu Chân đã bất ngờ chồm dừng, hí lên những tiếng kinh hoàng, rồi ngoắt người phóng chạy. Viên tướng nhà Ngô bị hất tung từ trên mình ngựa xuống đất, chưa kịp nhồm dậy, đã dấp nát người dưới một bàn chân voi nặng nề nện xuống. Đám quân sĩ Ngô triều tan vỡ khắp ngả, trở thành những thân chuối, cành khô, để cho những ngọn binh khí cầm thù của nghĩa quân đánh gục.

Triệu Thị Trinh ra lệnh nổi cồng thu quân khi thấy cánh quân tiêu phạt của Ngô triều chỉ còn là những đồng xác nằm ngổn ngang trên chiến địa. Tiếng cồng vừa bắt giọng ngân thì quân sĩ cũng khiêng Triệu Quốc Đạt từ cửa trận trở về: một mũi tên bắn lên đã cắm lút ngực người tù trưởng lần đầu xung trận⁽¹⁾.

*
**

(1) Truyền thuyết nói không thống nhất: đánh được 1, hoặc 31, hoặc 39 trận thì Triệu Quốc Đạt hy sinh. Ở đây viết theo sách *Nhữ Đạm trai văn*.

— Tiến lên, nhằm thẳng thành Tư Phố, phá nát quận trị giặc Ngô!

Triệu Thị Trinh vừa trèo lên đầu voi, vừa hạ lệnh nổi hiệu cồng xuất quân.

Hàng quân điệp trùng khắp ngả ngược mắt ngưỡng mộ nhìn người nữ chủ tướng, giờ đây đã thay hẳn anh trai, cầm đầu cuộc khởi nghĩa long trời lở đất của dân Cửu Chân.

Con voi trắng một ngà qui xuống đón người nữ chủ rồi dĩnh đạc chồm dậy, tung vòi rống lên một tiếng lớn, cất bước. Bóng voi lồ lộ dẫn đầu đoàn quân dài dặc, phía trước là quận trị Tư Phố của quân Ngô. Trong trận này, nghĩa quân sẽ theo người nữ chủ tướng phá tan thành giặc, trả thù cho tù trưởng Triệu Quốc Đạt, trả thù cho dân nước. Trên bành voi cao, Triệu Thị Trinh xé lại chiếc áo giáp đồng thau vàng chói đang rung lên bần bật, chiếc trâm vàng lóng lánh ánh nắng trên đầu, và đội mũ mà xếp gọn dưới chân, bèn chôn cho gươm xung trận⁽¹⁾.

Dân chúng các làng ven đường đổ ra ngóng theo đoàn quân đang trẩy. Chỉ còn người già yếu và trẻ con ở lại trong làng. Tất cả dân ông, trai tráng đều đã theo quân lên đường.

Chẳng bao lâu đã có tin vui báo về: Thành Tư Phố bị hai Nghĩa quân đang tràn ra các huyện miền ngoài, tiến đánh quân Giao Chỉ...

(1) Hình ảnh này của Bà Triệu cũng đã được chính ngay sử phong kiến Trung Quốc ghi lại từ hơn 1.500 năm trước, trong các sách *Nam Việt chí* và *Giao Châu chí*.

lần giữa những đóa hoa vốn đã đẹp. Mở to cặp mắt nâu trong suốt dưới vầng trán thông sáng trắng ngần, Ngọc Hàn ung dung làm lễ triều yết vua cha và ra mắt khách lạ đóng vai ông mối.

Thần sắc, phong thái đúng là của vị Chúa Tiên ấy, cuối cùng đã chinh phục hoàn toàn những người còn muốn thử thách nàng. Nguyễn Hữu Chính sau đấy chỉ còn biết tâu với vua Lê Hiền Tông:

— Ổn rồi! Mỗi nhân duyên tốt lành này, thần xin làm mối, mười phần chắc xong cả mười!»⁽¹⁾

★
★★

Tướng nông dân Tây Sơn Nguyễn Huệ, vừa năm trước⁽²⁾ mang binh thuyền vào Nam đánh phá tan tành cánh quân phong kiến Thái Lan 5 vạn người, thu lại cho giang sơn phần đất Gia Định ven biển, thì năm nay⁽³⁾ đã lại đưa quân ra Bắc, đập nát thế lực phong kiến hủ bại thống trị đất này, thiết lập quyền làm chủ cả nước cho phong trào Tây Sơn.

Nhận thấy, trên danh nghĩa, đất Bắc Hà vẫn có một giòng vua họ Lê trị vì đã ba trăm năm, Nguyễn Huệ cũng chẳng hẹp gì mà không để lại trên danh nghĩa giòng vua đó, trong khi thực quyền đã về tay quân Tây Sơn.

Tiến vào kinh thành Thăng Long, Nguyễn Huệ lập tức phái một cánh quân đi trấn giữ cung điện cho vua Lê thật nghiêm ngặt. Lúc ấy, vua Hiền Tông đang ốm

(1) Câu này và những câu ở dưới, viết trong ngoặc kép, đều trích lại theo *Hoàng Lê nhất thống chí*.

(2) Năm 1785.

(3) Năm 1786.

nằm trong ngự điện. Thấy có quân lạ kéo đến, tả hữu kinh hoảng vực ngay vua dậy, định dìu Ngự trốn ra vườn Tam Sơn ở sau ngự điện. Nhưng một viên ty tướng Tây Sơn đã quì ở giữa sân, hai tay nâng lên tờ tâu thỉnh an của Nguyễn Huệ. Cả đám vua quan nhón nháo lúc ấy mới thở phào nhẹ nhõm.

Sớm hôm sau, tinh mơ, Nguyễn Huệ tiễn hô hậu ủng vào cấm thành. Vua Lê nằm ở sập ngự, sai người vén màn mời Nguyễn Huệ tới gần. Tướng Tây Sơn giữ đúng lễ: lạy 5 lạy và vái ba vái, rồi nhún nhường ngồi ghé vào chiếc sập ở bên trái sập ngự, thả một chân xuống đất. Viên tướng bách chiến bách thắng ấy, vóc cộc, lưng gấu, tiếng nói như chuông, bây giờ ôn tồn trò chuyện với nhà vua già ốm:

— «Tôi vốn là người áo vải⁽¹⁾ đất Tây Sơn, nhân thời thế mà nổi dậy. Cũng vì họ Trịnh vô lễ, lấn ép nhà vua đã lâu, cho nên hoàng thiên mới mượn tay tôi diệt trừ họ Trịnh để tỏ oai quyền của bệ hạ. Tôi chỉ cầu mong thánh thể khỏe mạnh, cho tôi được hưởng nhờ chút phúc thừa...».

Vua Lê cảm kích chẳng biết nói gì hơn là lại tuôn ra những lời quen thuộc đã in thành nếp trong đầu:

«— Đa tạ ông có lòng quá hậu với quả nhân, trèo đèo vượt suối từ xa đến đây, thật vất vả cho quân lính, ngựa xe. Chỉ hiềm một nỗi, quả nhân ở ngôi thanh bạch quá, chẳng có gì để biếu tặng...»

Việc hôn nhân của Ngọc Hàn chính đã vụt nảy ra từ cái ý muốn tặng biếu, đền ơn của vị hoàng đế nhà

(1) Ý nói: người bình thường (áo vải để phân biệt với áo gấm của kẻ quyền quý).

IV

Đám trẻ nhỏ mãi chơi ở bãi đất đầu làng. Những đứa con trai tóc cắt sát da đầu, mình trần, đóng khố. Những đứa con gái tóc xõa chấm vai, cũng cởi trần, mặc những chiếc váy ngắn. Một đứa xoe ngửa bàn tay để cho cả đám, châu mỗi đứa một đầu ngón tay trở nhỏ xiu vào đó. Tiếng hát ngộ nghĩnh⁽¹⁾ cất lên:

« *Này cò này cẩu⁽²⁾
Này dẫu này thưng⁽³⁾
Lưng sào cánh ná⁽⁴⁾
Này lá này lao⁽⁵⁾
Nghe cồng Bà rao
Nghe lệnh Ông gióng
Nghe voi rông rống
Chong chóng chạy về... »*

Tiếng hát đồng dao ngày thơ sôi nổi gọi lại những ngày vừa mới rồi, khi mọi người mọi ngả rầm rập đi theo Bà Triệu dấy nghĩa. « Đoàn quân giờ đã đang đánh giặc mãi xa tận phía ngoài rồi! » — Những người mẹ ngồi trên nhà sàn, ẵm đứa con nhỏ trong lòng, nghe vọng lên tiếng hát, chợt sáng bừng cặp mắt, nghĩ tới những người thân của mình đang theo Bà Triệu chinh chiến nơi xa...

(1) Theo tư liệu sưu tầm được ở vùng núi Nưa, có liên quan đến cuộc khởi nghĩa Bà Triệu, của nhà nghiên cứu ở Thanh Hóa, Hoàng Tuấn Phổ.

(2) Dao có mũi khoằm.

(3) Dụng cụ đóng gạo.

(4) Cung nỏ, gậy gộc.

(5) Vũ khí phóng, ném.

Trên bãi đất trước làng, câu đồng dao đã hát xong và bắt đầu chuyển đoạn. Thằng bé đang xoe ngửa bàn tay bất thần nắm chặt lại, hét lớn:

— *He, he, chạy này!*

Đám trẻ đua nhau rút nhanh ngón tay, phá ủa ra các ngả, vừa chạy vừa cười sảng sặc, làm những chú nhỏ nằm trong lòng mẹ giật mình, âm ạch muốn khóc. Người mẹ vội ôm chặt lấy con, vừa âu yếm nựng nịu, vừa ọ ời ru:

*Ru con con ngủ cho lành
Để mẹ gánh nước rửa bành con voi,
Muốn coi lên núi mà coi
Coi Bà Triệu tướng cười voi đánh cồng...*

Người mẹ kể lại thật tự nhiên những chuyện mẹ đã dự vào. Chú nhỏ lìm dìm mắt uống lấy những lời ru như hương rồi ngủ thiếp. Chú còn chưa đến tuổi mơ lại những điều mẹ ru về Bà Triệu, nhưng chỉ nay mai, lời ru của mẹ sẽ đưa chú vào con đường Bà Triệu đang đi. Còn những chị gái của chú, đang thoăn thoắt dệt những khổ vải *trúc sớ*⁽¹⁾ cho thôn làng, nghe tiếng ru thân thuộc, bất giác ngừng đầu nhìn dăm dăm lên ngàn Nưa. Dãy núi sừng sững như muốn nhích gần lại với những tiếng ru hơi. Các cô gái lại cúi đầu, đưa tay dệt thoăn thoắt...

..

(1) Sách *Nam phương thảo mộc trạng* chép: Ở quận Cửu Chân có thứ tre gọi là trúc sớ, lá thưa mà lớn, mỗi đốt dài 5, 6 thước... Người ta lấy những cây non đem đập ra ngâm, lấy tơ nó dệt thành vải, gọi là vải trúc sớ.

Lê đó. Nhưng nghe được tin ấy, Nguyễn Huệ đã tỉnh nhanh nói toạc ngay với ông mối Nguyễn Hữu Chỉnh:

— « Hoàng thượng thật là mưu kế già dặn! Người muốn cho Tây Sơn và nhà Lê hòa hiếu với nhau đấy mà! »

Rồi cợt đùa giữa tiếng cười vang ầm của tả hữu:

— « Đẹp loạn mà ra đây rồi lại lấy vợ mà về, bọn trẻ nó cười cho ⁽¹⁾. Nhưng thôi, cứ thử một chuyến xem có tốt không! »

Thế là, vừa tạm yên cơn binh lửa, kinh thành Thăng Long đã náo động ồn ã cả lên vì chuyện nàng chúa Tiên của vua Lê sánh duyên cùng đại tướng Tây Sơn Nguyễn Huệ.

Ngày 10 tháng 7 năm Bình Ngô (1786) Nguyễn Huệ sửa một lễ gồm những tấm doan màu vàng, bạc, bày biện gươm giáo cờ quạt, rồi sai viên Thị lang bộ Hình dâng báu vật cùng một tờ tâu xin cưới tại điện Vạn Thọ.

Vua Lê cho hoàng tử ra đón nhận lễ vật, làm lễ cáo ở nhà Thái miếu ⁽²⁾, rồi định ngày hôm sau thì đưa dâu. Lại cho truyền lệnh của hoàng thượng tới các hoàng thân, hoàng phi, công chúa và các quan văn võ, ai nấy đều phải sửa soạn ngựa xe, sớm hôm sau đợi sẵn ở cửa cung điện, đưa công chúa về phủ của tướng Tây Sơn!

Ngày cưới của Ngọc Hân đã đến. Nguyễn Huệ giãn quân từ cửa cấm thành tới tận cổng phủ của mình. Trai gái chốn kinh thành nô nức tùm tùm bên ngoài hàng rào lính tráng ấy. Xem cưới mà như xem hội: Thăng Long xưa nay chưa từng có việc nào giống như vậy! Nguyễn Huệ đi kiệu rồng vàng ra đón chiếc xe hoa của

(1) Năm ấy, Nguyễn Huệ 34 tuổi!

(2) Nơi thờ cúng các vua đời trước của một triều đình.

Ngọc Hân tận ngoài cổng phủ. Đại tiệc được lệnh dọn ra khắp điện trên sảnh dưới, thết đãi họ nhà gái. Và khi mâm vàng bát ngọc đã vơi cạn, các hoàng thân, hoàng phi, công chúa cùng các quan văn võ đưa dâu còn được tiễn về với những mâm đầy bạc hậu đãi nữa của chủ rể Tây Sơn!

Làm đầy đủ tất cả những nghi thức ấy, Nguyễn Huệ rõ ràng muốn tỏ cho những kẻ đã từng có quyền thế của các triều đình còn được phép tồn tại ở Bắc Hà vào lúc ấy thấy rõ sự hiểu biết hiển văn lễ nghĩa của người tướng nông dân. Và cũng còn là để nói ngầm cái ý quý trọng nàng công chúa tài sắc mà lời đồn đại cũng đã tới tai Nguyễn Huệ. Trang quốc sắc thiên hương ấy lại đang trở thành cái cầu nối cho sự giao hảo chính trị cần yếu vào lúc này.

Chính vì vậy mà vẫn còn muốn thử thách nàng công chúa của vua Lê, Nguyễn Huệ sau đấy cũng đóng kiệu với vợ mới cưới đi làm lễ cáo yết ở nhà Thái miếu, đã trộm hỏi Ngọc Hân:

— « Con trai con gái nhà vua, đã mấy người được về vang như nàng? »

Cặp mắt thông minh của Ngọc Hân đã nhìn rõ ý của Nguyễn Huệ. Sự tinh tế giấu sau vầng trán mịn màng đã giúp nàng dịu dàng chọn nhanh cách trả lời thích hợp nhất:

— « Vua cha ít lộc, các con trai con gái ai cũng thanh bạch nghèo khó. Chỉ riêng thiếp có duyên, lấy được lệnh công, ví như hạt mưa bụi ngọc bay ở giữa trời, được sa vào chốn lâu đài như thế này là sự may mắn của thiếp mà thôi! »

Vì von khiêm nhượng là vậy mà khuôn mặt doan trang vẫn ngời ngời vẻ thanh thản, tự tin. Thái độ ấy và câu trả lời ấy, lần đầu tiên và chỉ cần một lần, chinh phục

Trong lúc đó, ở quân doanh Bồ Điền, Bà Triệu đang cùng các thủ lĩnh nghĩa quân bàn kế đánh chặn quân giặc.

Sau khi hạ được quận trị Cửu Chân, nghĩa quân đã thừa thắng đánh rộng ra các nơi. Bắc, Nam, Đông, Tây, nhân đà ấy, âm ầm nổi lên chống giặc⁽¹⁾. Quân khởi nghĩa rời đại doanh về Bồ Điền là vì thế: cho tiện việc điều bát, chỉ huy⁽²⁾.

Bồ Điền chẳng phải đâu xa lạ. Chốn quê mẹ mà một lần được về thăm vẫn còn ghi nhớ mãi, cô gái Triệu Thị Trinh giờ đã trưởng thành, giữ ngôi chủ tướng nghĩa quân, mang thanh gươm báu về lại quê ngoại, không còn được gặp ông già họ Lý nữa, nhưng lại nhận được ba người em họ của mình vào quân ngũ. Đó là ba thanh niên dũng tướng: Lý Hoảng, Lý Mỹ—con rể của ông già Lý, cùng với Lý Thành, con nuôi. Và bây giờ thì họ đang cùng người nữ chủ tướng bàn tính công việc đón đánh cánh quân mới từ bên Ngô triều kéo sang, do tên đại tướng Lục Dận cầm đầu⁽³⁾.

Cuộc họp bàn vừa xong thì cũng vừa có tin báo về: Lục Dận đem đại quân theo đường nhánh sông Mã đang

(1) "Toàn thê Châu Giao đều chấn động" — sử phong kiến Trung Quốc, sách *Ngô thư*, chép việc năm Xích Ô thứ 2 (248 sau Công nguyên) đã thú nhận như vậy.

(2) Vùng Bồ Điền ngày nay vẫn còn nhiều di tích và truyền thuyết liên quan đến hành doanh này của Bà Triệu: núi Chung Chỉnh có 7 đồn lũy, đồng Vườn Hoa, đồng Xoắn Ốc, đồng Lăng Chúa là dấu vết thành quách xưa...

(3) Theo tài liệu của Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tấn. *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*: năm 248, nhà Ngô chọn Lục Dận là cháu danh tướng Lục Tốn, phong cho làm thứ sử Giao Châu, An Nam hiệu úy, đem khoảng 8.000 quân sang đàn áp cuộc khởi nghĩa Bà Triệu.

tiến thẳng đến Bồ Điền, nội nhật ngày mai sẽ tới nơi! Lập tức quân lệnh truyền ra: tất cả tướng sĩ kéo gọn lên phục trên dãy núi sau quân doanh. Dân chúng vùng Bồ Điền làm gấp lương ăn nguội cho quân binh từ trong đêm, đến sáng thì tắt hết bếp lửa, đợi chiều tối mới động bếp, làm đại tiệc mừng thắng trận.

Quân lệnh được răm rắp thi hành. Nghĩa quân ăn cơm nắm và bánh trái, phục trên núi được nửa buổi thì thấy từ xa, lốc bụi và tiếng ồn ào trẩy quân cuộn cuộn dồn đến. Quân thù quả đã dùng đường nhánh sông Mã tiến dần vào tử địa.

Lập tức, tiếng cồng Bà Triệu gầm lên. Người nữ tướng họ Triệu vụt hiện ra trên đỉnh đá, vẫy kiếm thét lệnh tấn công. Nghĩa quân từ các sườn núi hò reo vang dội, thảo nhanh các bẫy đá, trút vội những kẻ dật, vèn gập những chông gỗ, lăn cả xuống chân núi. Một dòng thảo đất đá cây cối từ các triền núi cao âm ầm trôi xuống chôn vùi lũ giặc tham tàn⁽¹⁾.

Chiều tối hôm ấy, quân doanh Bồ Điền đổ lửa mừng đại thắng giặc Lục Dận đến tận khuya⁽²⁾.

V

Người nghĩa quân ấy, khur khur ôm chiếc cồng Bà Triệu trong tay, giấu thanh đoản kiếm hai lưỡi ở trong bọc, lần đường từ Bồ Điền về khu làng dưới chân núi Nưa.

(1) Truyền thuyết vùng Triệu Lộc: nhánh sông Mã ở ngã này, sau trận đánh ấy, bị lấp cạn thành ruộng.

(2) Phong tục ngày hội đền Bà Triệu của xã Triệu Lộc: buổi sáng nhất loạt ăn nguội (cơm nắm, bánh trái...), buổi chiều mới bắt đầu thời nấu, để nhắc nhở sự tích này.

hoàn toàn viên tướng Tây Sơn. Sử cũ chép: « Nguyễn Huệ nghe câu ấy, thích thú lắm! »⁽¹⁾

II

Còn một điều cũng xảy ra vào tháng 7 năm Bính Ngọ đó, khiến Nguyễn Huệ càng về sau càng thêm phục sự xét đoán và con mắt tinh đời của Ngọc Hân.

Sáu ngày sau khi làm lễ cưới cho Ngọc Hân, vua Lê Hiển Tông mất. Lời trời trăng cuối cùng của nhà vua là việc nối ngôi, có liên quan đến Nguyễn Huệ:

— « Sau khi ta nhắm mắt, việc nối ngôi là việc trọng đại, chuyện gì cũng phải bẫm qua với ông ấy⁽²⁾, không được khinh suất! »

Người đã được chọn sẵn để hưởng ngôi vua nhà Lê bấy giờ là hoàng tử tôn⁽³⁾ Lê Duy Kỳ. Theo đúng lời dặn của vị hoàng đế vừa qua đời, triều đình nhà Lê vội cử sứ giả đi gặp Nguyễn Huệ bàn việc làm lễ dâng quang cho vua mới. Một chức vua dầu để làm vị, dù sao cũng là một chức vua! Nguyễn Huệ mới chân ướt chân ráo tiếp xúc với thế giới của hoàng tộc nhà Lê, muốn hiểu biết về người sẽ trị vì, trên danh nghĩa, đất nước tương lai, hiển nhiên không gì bằng cây nhờ Ngọc Hân. Câu chuyện kế vị được mang ra bàn hỏi giữa đôi vợ chồng mới do cuộc hôn nhân chính trị gấn bó được sáu ngày. Nhưng sự tin cậy của người chồng đã được người vợ đáp lại bằng sự thẳng thắn vượt hẳn lên trên quyền lợi riêng của dòng họ mình:

— Duy Kỳ là người không xứng đáng trị vì thiên hạ! Cặp mày râu của Nguyễn Huệ nhướn lên:

(1) *Hoàng Lê nhất thống chí*, hồi thứ 5.

(2) Chỉ Nguyễn Huệ.

(3) Cháu kế thừa ngôi vua.

— Sao vậy?

— Duy Kỳ không đủ tư cách của đấng thiên tử!

Những bí ẩn của thế giới hoàng tộc mà Ngọc Hân là người hiểu biết hơn ai hết, sau đây đã được nàng công chúa nhà Lê, thật sớm biết đặt vững lòng tin vào người anh hùng nông dân⁽¹⁾, diễm đam mà can đảm lật mở trước Nguyễn Huệ, để viên tướng áo vải ấy hiểu ra những điều mờ ám còn lẫn giấu dưới lớp vàng son gấm vóc — những tình tiết của một sự kiện đã khiến Ngọc Hân không thể nào đánh giá khác được về người đang chờ kế vị ngôi vua nhà Lê:

5 năm trước⁽²⁾, người được chọn để nối ngôi vua là thái tử Duy Vĩ chứ không phải Duy Kỳ. Chỉ vì một mối hiềm nhỏ mà chúa Trịnh, đang sẵn đà lấn lướt vua Lê, đã tìm hết cách đem Duy Vĩ ra buộc vào tội phải thắt cổ chết. Duy Vĩ bị bức hại, để lại ba con nhỏ. Một người cung phi đã mao hiềm vào cung đem chúng đi trốn nhưng cũng không thoát. Đứa con đầu lòng của Duy Vĩ liền bị chúa Trịnh giam cầm, cầm cố cho đến năm 17 tuổi thì được loạn kiều binh⁽³⁾ giải thoát, trở về với địa vị sửa soạn kế ngôi của người cha bị chết oan. Nhưng rồi bà nội của chúa Trịnh lại xuất hiện: vờ cho mời vị hoàng tử tôn vào cung tiếp kiến, bà cụ đã lừa được đưa trẻ mới lớn ấy nằm lên sàng để cho mấy tên phu thân tín khiêng thẳng ra sông dìm chết. Vị vua tương lai khờ dại ấy bị khiêng đi dọc đường rồi mới biết kêu gào khóc lóc và may sao, được một đám lính tuần, thấy chuyện lạ, tình cờ cứu thoát! Đây chính là Lê Duy Kỳ⁽⁴⁾...

(1) Một tài liệu còn chép: Ngọc Hân đã khuyên Nguyễn Huệ nên nhân dịp này mà lên ngôi vua ngay.

(2) Năm 1781.

(3) Binh lính được ưu đãi của chúa Trịnh nổi lên làm loạn.

(4) Sự việc này chép theo sách *Hoàng Lê nhất thống chí*. Sách *Việt sử thông giám cương mục* chép hơi khác: chính Duy Kỳ,

Bụi đường trường phủ trắng xóa từ đầu đến chân người chiến sĩ, đọng với máu khô thành một vệt đen thẫm trên vết thương bị chém sả ở bả vai.

Ngồi xếp bằng trên chiếc nhà sàn đầu làng, người ấy kể:

— Lục Dận là tên tướng giặc quỉ quyết chưa từng thấy. Giao chiến mãi với Bà Triệu mà vẫn không thắng nổi, hấn xoay sang kế phủ dụ, mua chuộc, phong cho Bà làm Lệ Hải Bà Vương⁽¹⁾. Nhưng Bà Triệu có bao giờ thèm chịu nhận chức tước của giặc!

Lại tiếp tục giao chiến nữa⁽²⁾. Giặc Ngô rất hoảng sợ khi phải đương đầu với Bà Triệu. Đêm đêm, những tên lính mỗi một chống giáo ở cửa lều trận, than thở với nhau: «*Hoành qua đương hồ dị, đối diện Bà Vương nan!*»⁽³⁾. Nát óc tính toán, cuối cùng tên tướng Lục Dận phải bày trò ô nhục kể: biết Bà Triệu là nữ tướng, nó sai quân sĩ nhất loạt trần truồng tới đánh. Trước cảnh tượng ghê tởm đó, Bà Triệu phải nhắm mắt lạnh mình lên núi Tùng⁽⁴⁾ rồi biến đi mất vì *ái kiệt úy ó*⁽⁵⁾ chứ không vì kém tài quân giặc. Chính Bà đã

(1) Có người nói: Lệ Hải Bà Vương chứ không phải Lệ Hải Bà Vương (Lệ hại: lợi hại dữ tợn).

(2) Truyền thuyết vùng Triệu Lộc: Bà Triệu toàn thắng trên 30 trận.

(3) Mùa gião đánh hồ còn dễ, giáp mặt Bà Vương mới thật khó.

(4) Núi Tùng thuộc xã Triệu Lộc (huyện Hậu Lộc—Thanh Hóa). Trên núi Tùng hiện còn một khu lăng mộ, truyền là của Bà Triệu.

(5) Yêu sự trong sạch, ghét sự nhơ bẩn. Cách giải thích này của dân gian có chung một mẫu đề với những truyền thuyết về cái chết của Bà Trưng, Ông Dóng. Nhưng ở đây ngoài giá trị thẩm mỹ, còn có giá trị tư tưởng rất đặc sắc: đối lập cực đoan giữa bản chất trong sáng của ta với bản chất đen tối của địch.

truyền phải mang chiếc công và thanh đoản kiếm này về núi Nưa cất giấu, đề chờ ngày lại đem dùng đánh giặc...

★
★

Nhiều cụ già trong làng sau đây kể tiếp:

— Ba anh em họ Lý thay quyền Bà Triệu cự lại giặc Ngô. Họ còn đánh tiếp hàng chục trận nữa, chiến đấu cho đến khi kiệt sức mới ngã chết trước quân doanh Bồ Điền⁽¹⁾. Con voi trắng một ngà của Bà Triệu thì sau đấy cứ phủ phục gần núi Tùng, hướng mãi về nơi hóa của Bà Triệu, không chịu ăn uống gì, cho đến khi lả đi⁽²⁾. Còn người nghĩa quân được Bà Triệu giao cho sứ mạng đem chiếc công và thanh đoản kiếm về núi Nưa, sau đấy cũng rời làng, lên núi, mang theo các báu vật, và không thấy về nữa⁽³⁾.

Họ vẫn ở cả trên núi, cùng với ngàn Nưa, gìn giữ mãi ý chí của Bà Triệu...

VĂN LANG

(1) Dưới chân núi Tùng thuộc xã Triệu Lộc, nay vẫn còn một khu mộ, truyền là của ba anh em họ Lý.

(2) Đối diện với núi Tùng, có một trái núi hình con voi nằm. Truyền thuyết vùng Triệu Lộc nói rằng đấy chính là con voi của Bà Triệu.

(3) Người vùng núi Nưa, cho đến nay, vẫn tin rằng có thể sẽ tìm được chiếc công của Bà Triệu, giấu ở trong một hốc cây của ngàn Nưa.

Vào năm 1962, công nhân mỏ cơ-rôm-mit Cổ Định đã đào được ở trên núi Nưa một thanh đoản kiếm cổ, bằng đồng thau, hai lưỡi, và có chuôi là tượng một người phụ nữ.

Nguyễn Huệ hết sức chăm chú lắng nghe thiên bí sử của dòng họ Lê Trịnh, kể ra từ khuôn miệng xinh xắn của nàng công chúa mới về với mình mà thái độ đã rõ ràng là rời bỏ cuộc đời cũ để gắn bó chân tình với sự nghiệp của mình. Cách diễn tả của nàng công chúa tài hoa mới rành rẽ khúc chiết làm sao! Tư cách và khả năng của con người đang ngấp nghé chiếc ngai vàng nhà Lê, chỉ qua mấy lời trần thuật tinh tế mà đã hiện ra mồn một. Nguyễn Huệ không còn biết xử trí gì hơn là tán thành cách nhìn nhận của Ngọc Hân: phản đối Lê Duy Kỳ làm lễ đăng quang.

Cả triều đình già cỗi của nhà Lê xôn xao trước quyết định đột ngột của viên tướng Tây Sơn. Đám hoàng thân và đại thần nhao nhao bàn tán. Và có kẻ đã lần ra được đầu mối dẫn đến quyết định của Nguyễn Huệ. Lập tức búa rìu dư luận hướng ngay vào Ngọc Hân. Giọng nói hùng hổ của hoàng thân Vương quân công nổi bật giữa đám quần thần nhốn nháo:

— « Tự tôn không được làm vua, thiên hạ ắt loạn, họ Lê sẽ mất. Ấy là lỗi của Ngọc Hân công chúa. Hãy xóa tên trong sổ họ đi, để cho công chúa về nước Tây Sơn mà yên hưởng giàu sang. Họ ta chẳng thiếu gì một con người ấy! »⁽¹⁾

Cái không khí căng thẳng giữa triều đình nhà Lê đã theo lời mật tấu đến tai Nguyễn Huệ. Không cần thiết phải bảo lưu mạnh mẽ quyết định của mình, không muốn để Ngọc Hân rơi vào cảnh khó xử, tướng Tây Sơn bàn lại một lần nữa với người vợ thân yêu,

khi có lệnh triệu vào tiếp kiến của bà nội chúa Trịnh, biết mình sắp bị giết nhưng vẫn phải sợ hãi đi nộp mạng, vừa đi vừa khóc lóc, nên mọi người mới vỡ chuyện...

(1) Văn dẫn nguyên theo *Hoàng Lê nhất thống chí*.

rồi mạnh dạn sửa lại chủ trương. Đám triều thần nhà Lê vội hỉ hã phò hoàng tự tôn Lê Duy Kỳ lên ngôi theo đúng cổ lệ. Và vị vua mới đăng quang đã hạ lệnh ban bố niên hiệu của mình: Lê Chiêu Thống!

Cái tên gọi Chiêu Thống ấy sẽ được sử sách ghi lại như một vết nhơ, gắn liền với hành động công rắn cắn gà nhà của Duy Kỳ. Hành động ấy còn 3 năm sau nữa⁽¹⁾ mới diễn ra. Nhưng chính Ngọc Hân là người đã thấy được tư cách của tên vua đốn mạt ấy ngay từ 3 năm trước đấy, và như thế, giữ mãi được lòng mến phục của Nguyễn Huệ — viên tướng bách chiến bách thắng, sau đấy đã theo ý chí của nhân dân, chôn vùi tên tuổi và luôn thể cả chiếc ngai vàng của Chiêu Thống Duy Kỳ vào lúc nó đã hoàn toàn bộc lộ sự thối nát bán nước hại dân không thể nhân nhượng tha thứ được nữa!

Đại thắng 20 vạn giặc Thanh do Lê Chiêu Thống rước về giày xéo đất nước, Quang Trung Nguyễn Huệ dẫn đầu đoàn quân thiện chiến, ca khúc khải hoàn, từ Thăng Long trở về kinh đô Phú Xuân⁽²⁾. Ở một chiếc thuyền thúng nhỏ nằm trên vai hai người lính sải chân đi cuối đoàn quân, có một chiếc giỏ mây lớn, chum lựa đồ, thay vào chỗ của những bó quân trang khi giới công kênh trên những chiếc thuyền thúng khác, kéo một hàng bông bênh trên vai đoàn quân dài dặc⁽³⁾.

(1) Năm 1788—1789.

(2) Nay là Huế.

(3) Phương thức hành quân của Nguyễn Huệ: cho quân lính không theo thuyền nhẹ để làm phương tiện chuyên chở khi đi đường bộ và tiện vượt nước khi gặp sông ngòi.

PHẠM NGŨ LÃO

Lần thứ ba, trên đất nước Đại Việt anh hùng, vô ngựa viên chinh của giặc Mông Cổ bị quật gậy.

Tháng ba, trời nắng đột ngột. Hơi lạnh như còn rơi rớt trong đám mây trắng lần quất trên ngọn núi. Từ ải Nội Bàng đến biên giới phía bắc, đường hiểm trở. Địa thế ở đây đối với tên tướng giặc Thoát Hoan trên đường chạy tháo thân, hiện ra như lưới trời khó thoát. Chuyện chết hụt, phải chui vào ống đồng cách đây ba năm về trước trên mảnh đất này Thoát Hoan còn nhớ rành rành. Lần này, hắn vẫn nhớ kỹ lời vua cha dặn trước khi xuất quân xâm lược Đại Việt: « Chớ thấy nước Giao Chỉ bé nhỏ mà khinh thường »⁽¹⁾. Năm trong tay 30 vạn quân, 500 chiến thuyền, Thoát Hoan chia hai đường thủy bộ tiến vào Đại Việt. Hùng hổ mà chật vật, hai tháng sau tên tướng giặc mới vào được kinh đô Thăng Long. Nhưng rồi sống nơm nớp trong một tòa thành trống rỗng, thiếu lương ăn, thuyền vận lương bị đánh

(1) Nguyên sử. Dẫn theo Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm — Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên — Mông.

dám trên sông Bạch Đằng, lại bị uy hiếp bốn bề, cơ thất bại đã rành rành đối với hắn. Đất trời Đại Việt không dung tha quân cướp nước. Người dân Đại Việt quyết tâm tiêu diệt quân xâm lược. Rất nhanh chóng, ba mươi một ngày sau, Thoát Hoan và quân tướng phải bỏ Thăng Long, vừa chống đỡ vừa chạy về Vạn Kiếp. Theo Thoát Hoan: « Ở đây nóng nực, ẩm thấp, lương hết, quân mệt »⁽¹⁾, hắn kéo quân về. Nhưng làm thế nào để thoát chết trên đường rút chạy?

Từ Vạn Kiếp, tên tướng chỉ huy thủy quân Ô-mã-nhi, tham tri chính sự⁽²⁾ Phan Tiếp và Vạn Hộ⁽³⁾ thủy quân Trương Ngọc dẫn đoàn chu sư theo đường sông Bạch Đằng về nước. Thoát Hoan vẫn lo thủy quân rút lui không an toàn. Còn hắn cũng bỏ lữ Binh Chương Chính⁽⁴⁾ và An-lô-xích, Hậu Thừa⁽⁵⁾ A-bát-xích, Tích-dò-nhi, Vạn Hộ Đáp-lạt-xích, Trương Quân, Lưu Thế Anh... nơi ở tìm đường bỏ an toàn rút ra khỏi nước Đại Việt. Thoát Hoan không quên, từ sang biên giới, đường lớn, đường cái có nhiều, nhưng không có đường cho chúng đi. Khắp các ngã đều có quân mai phục.

Sau một chuỗi ngày lo lắng khiếp sợ đến mất ăn mất ngủ, Thoát Hoan vừa chớp mắt trong lều tướng. Cái nóng của một ngày cuối xuân đầu hạ, lại thêm hơi ẩm của núi rừng, càng làm cho Thoát Hoan rời rã. Tin cấp báo của tên do thám đem về khiến Thoát Hoan chồm dậy. Luôn luôn nắm chặt thanh kiếm tuốt trần để hộ thân, mặc dù sống giữa bầy vệ sĩ, vẫn là thói quen của Thoát Hoan từ khi hắn đặt chân trên đất Đại

(1) An-nam chí lược quyển 4.

(2) (3) (4) (5) Chức tước do vua Mông Cổ phong cho các tướng Huh.

Chiếc giỏ mây ấy ủ một món quà mà vị hoàng đế bách thắng đã cố công mang từ đất Bắc về cho Bắc cung hoàng hậu Ngọc Hân⁽¹⁾.

Chưa bao giờ có một chuyện làm quà kỳ thú đến như thế! Vừa tháng trước, đang sửa soạn đón xuân ở Phú Xuân thì bỗng có tin cấp báo: giặc Thanh đã vượt biên vào cõi, chiếm mất Thăng Long! Nguyễn Huệ lập tức điều bát đại binh, cấp tốc lên đường chinh phạt, nhanh chóng như mọi lần ra quân của binh đội Tây Sơn. Nhưng, buổi sớm cuối năm ấy, ghé qua tòa Bắc cung chia tay cùng Ngọc Hân, đúng vào lúc Ngọc Hân niu lấy vật chiến bào đỏ sẫm của mình, lần đầu tiên, Nguyễn Huệ thoáng nhận thấy khuôn mặt xinh xắn thân thương của người vợ yêu bỗng nhợt nhạt và cặp mắt nâu mở to trong suốt chột dại hẳn đi. Vậy mà, không ngờ, chính vào lúc ấy, cặp môi vừa thoáng run của Ngọc Hân đã thắm thì những lời thật rành rẽ:

— Bệ hạ ra đi xin cần trọng mình vàng. Khi trở về nhớ mang cho thiếp một cành đào của Long thành!

Chỉ có thế thôi. Nhưng Nguyễn Huệ bắt giắc rùng mình. Viên tướng đang cầm trong tay vận mạng của cả giang sơn khi ấy biết rõ rằng trận này chỉ có thể đánh thắng. Vì nghĩa lớn. Mà cũng vì cả mối tình của người vợ tài hoa đối với mình và đối với nơi chôn rau cắt rốn. Vì độ xuân về lại đỏ hồng sắc đào mà đã bấy lâu xa cách, tuy sống trên dải đất miền Nam đã có mai vàng óng ánh, nhưng vẫn chẳng thể nào quên...

(1) Tước phong của Ngọc Hân, sau khi lấy Quang Trung Nguyễn Huệ, chép theo các sách *Đại nam chính biên liệt truyện* và *Hoàng Lê nhất thống chí*. Một số tác giả (Ngô Tất Tố, Nhật Nham...) chép tước phong của Ngọc Hân là Hữu Cung hoàng hậu.

Thế rồi, những ngày trận mạc dữ dội, khăn trương cuốn hút vị danh tướng cho đến khi Nguyễn Huệ dẫn đại binh tràn vào Thăng Long. Ngày mồng 5 Tết ấy, Nguyễn Huệ bỗng bàng hoàng nhận thấy chen giữa sắc cờ đỏ quen thuộc của quân nhà, là màu hồng tinh khôi của những cành hoa đào đất Bắc. Chính Nguyễn Huệ đã hạ lệnh tìm chọn ngay một cành đào đẹp nhất để đưa về Phú Xuân⁽¹⁾.

Và bây giờ thì cành đào ấy đã đang khoe sắc thắm giữa những bông mai vàng trong vườn Bắc cung, cùng với tòa cung điện thanh bạch của vị hoàng đế anh hùng, sau một thời gian vắng bóng người chủ tối cao, đang náo nức tiếng sênh, phách nhã nhạc tung bừng màu hoa cờ đèn đuốc.

Những chiếc đèn lồng tỏa những vàng sáng đỏ rực la đà trên khắp các cành cây trong khu vườn Bắc cung. Kể từ ngày được chọn làm nơi ở của Bắc cung hoàng hậu Ngọc Hân, đây là lần đầu tiên khu vườn lung linh long lanh nhất. Hội hoa đăng đêm nay vừa có rượu tầy trần mừng đón người đi xa chinh chiến trở về, vừa là nơi người vợ trẻ được gặp lại người chồng lâu ngày cách biệt, bên gốc đào quí vừa gửi tới trước làm tin.

*«Gió đưa mười sáu lá xoài
Lấy chồng Bình Định cho dài ngày đi»...*

Ngọc Hân vừa để mắt trông nom bày cung nữ trang hoàng khu vườn, vừa khẽ chớp đôi mắt, bỗng chồn nhớ lại câu hát dân gian nghe được hồi năm xưa — hẳn là do một tay nho sĩ đầu xanh sầu muộn nào khéo đặt lời, nhẹ nhàng trách than nhân lúc nàng công chúa

(1) Theo tài liệu của Trần Quốc Vượng (*Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 21).

Việt. Bình Chương Chính Sự Áo-lỗ-xích bước vào. Thoát Hoan gương cười, giữ bình tĩnh:

— Trên đường quân ta đi liệu có gặp trở ngại không?

— Tâu đại vương⁽¹⁾, tiền quân của Hữu Thừa A-bát-xích báo về: trên đường phía tây về ải Hảm Sa có quân Giao Chỉ do Điện tiền⁽²⁾ Phạm Ngũ Lão chỉ huy mai phục dày đặc.

— Sao? Lại Điện tiền Phạm Ngũ Lão à?

Thoát Hoan chột dạ. Viên tướng mang tên Phạm Ngũ Lão trước đây đã làm hấn chết hụt phải chui vào ống đồng nay lại xuất hiện ở đây ư? Thoát Hoan hỏi lại:

— Có phải Phạm Ngũ Lão đã giao chiến với quân ta ở Chương Dương⁽³⁾, phục kích quân ta ở sông Sách⁽⁴⁾ rồi truy kích quân ta trước đây không?

— Tâu đại vương, viên hồ tướng ấy nay lại xuất hiện và rải quân từ Chi Lăng đến biên giới.

Thoát Hoan trợn trừng đôi mắt. Một mưu toan nham hiểm vụt nảy ra trong đầu tên bại tướng quỷ quyết. Hấn vội ra lệnh:

— Giao cho Tích-đô-nhi dẫn một cánh quân rút theo đường phía tây, còn ta dẫn đại quân theo đường phía đông, qua ải Nội Bàng, hẹn cùng gặp ở Tư Minh.

Đầy tay chân đi đường đầu với viên hồ tướng họ Phạm, Thoát Hoan hy vọng sẽ được an toàn rút về nước. Hấn đã nhầm!

(1) Trong lần xâm lược nước ta lần thứ 2 (1283), Thoát Hoan được phong làm Trấn Nam Vương.

(2) Chức tướng chuyên cai quản quân bảo vệ nhà vua và kinh thành.

(3) (4) Những trận thắng lớn của quân ta trong lần kháng chiến chống quân Mông Cổ lần thứ 2.

Trong lúc quân tướng, ngựa nghèo của Thoát Hoan hốt hoảng ầm ạch trên đường rút về Tư Minh thì suốt một dải đất dài trăm dặm từ Nội Bàng, đến ải Nữ Nhi, Khâu Cáp, cả các ngã đường tắt chạy sang biên giới, hàng chục vạn quân gồm chính binh, gia binh, dân binh dưới quyền chỉ huy của Phạm Ngũ Lão và các vương hầu đã chia nhau mai phục các nơi hiểm yếu để đợi chúng.

Đại quân của Phạm Ngũ Lão phục ở vùng ải Nội Bàng. Trong những ngày đợi giặc, các trại quân vui như hội. Được lệnh của Phạm Ngũ Lão, khi chưa có giặc, quân lính tha hồ vui chơi tại chỗ, đến lúc gặp giặc phải quyết tâm sống mái với giặc đến cùng.

Chẳng phải ở đây, mà ở đâu và lúc nào cũng thế, viên tướng trẻ ngoài ba mươi tuổi ấy ăn ở với quân sĩ như anh em, trước và sau buổi lâm trận đều vui đùa với quân lính như bè bạn⁽¹⁾. Hôm nay, sau khi họp trưởng lĩnh, Phạm Ngũ Lão trở về với đại quân của mình giữa lúc tiếng hát trống quân đang nhịp nhàng vang lên trong rừng rậm. Vừa thấy Phạm Ngũ Lão, mọi người chạy lại vây quanh chủ tướng reo lên:

— Xin mời Phạm tướng quân hát.

Phạm Ngũ Lão xuống ngựa, hăm hở:

— Nào!

Nhưng rồi cánh tay lực lưỡng đã từng múa giáo cả ngày không biết mỏi của Phạm Ngũ Lão giờ cao, bàn tay xua mềm mại:

(1) Việt sử thông giám cương mục cho hay Phạm Ngũ Lão « đối đãi với tướng tá như người nhà, đồng cam cộng khổ với sĩ tốt; đội quân do Phạm Ngũ Lão thống lĩnh đều thân yêu như cha con một nhà, nên đánh đâu được đấy ».

mười sáu tuổi rời bỏ Thăng Long, theo chồng về quê nội, để thương để nhớ cho cả chốn cố đô... Thấm thoát vậy mà đã 3 năm qua. Nàng công chúa nhà Lê giờ đã trở thành hoàng hậu của vua Quang Trung nhà Nguyễn Tây Sơn, và là mẹ của một hoàng tử và một công chúa. Đổi thay hẳn là nhiều, nhưng mối tình đậm thắm, thiết tha với người chồng áo vải hồi nào, vẫn chỉ có mỗi ngày một nồng đượm, do chỗ càng ngày Ngọc Hân càng thấy ở Nguyễn Huệ những điều mới mẻ của một tài năng và tâm hồn thật kỳ diệu⁽¹⁾.

Chẳng hạn như lúc này đây, con người vừa mới hôm nào còn đen sạm khói súng khắp cả tấm chiến bào thường vẫn rực một màu đỏ ưa thích, bây giờ đã ngồi diềm đệm dưới ánh đèn lồng, ấp bàn tay nhỏ nhắn của Ngọc Hân vào trong bàn tay gân guốc của mình, nhẹ nhàng mộc mạc nối lại chuyện văn thơ như những lần rảnh việc thường ngày⁽²⁾.

— ... «Chàng đi ngoài cõi mũi mòng
Thiếp về chốn cũ loan phong ử ơ.

Nẻo ở, đi, mặt cùng trông đoái

Đóa mây xanh cùng trái non thương

Chàng thì đoái thiếp Hàm Dương.

Thiếp thì đoái đôi Tiêu Tương đoái chàng... »

Ngọc Hân cúi mặt khe khẽ đọc những dòng thơ đang nói hộ tâm trạng của mình những ngày vừa qua. Ngọn đèn lồng soi hồng đôi má. Lời thơ từ cặp môi nhỏ nhắn rót vào tâm hồn viên tướng nông dân, mở ra một thế

(1) Thơ Lê Ngọc Hân: «Dẫu rằng non nước biển đời
Nguồn tình chắc chẳng chút vơi đâu là».

(2) «Mỗi khi rảnh việc, Nguyễn Huệ thường bảo Ngọc Hân ngâm đọc thơ ca và giảng cho nghe» (Tài liệu của báo Phụ nữ Việt Nam, số 234).

giới tình cảm thật tế nhị mà Nguyễn Huệ bây giờ mới chợt thấy cần phải để ý đến.

— Những câu thơ này của Hậu đấy ư? Quang Trung thở dài, hỏi khẽ.

— Tàu bệ hạ, không phải của thiếp. Đây là thiếp mượn lời Hồng hà nữ sĩ⁽¹⁾... Đoàn phu nhân⁽²⁾ mấy chục năm trước có những câu thần bút mà không hiểu sao, ứng vào hình dung bệ hạ thấy cứ như in...

— Thật sao? Hậu đọc thử nghe!

— Thiếp xin đọc:

Áo sáng lòa đỏ tựa màu rắng

Cưỡi ngựa kiêu trắng rạng đường sương! »

Chẳng phải chính là bệ hạ khoác chiến bào đỏ và cưỡi chiến mã trắng, ra đi chinh chiến đấy ư?

Nguyễn Huệ nở một nụ cười lạnh:

— Hân thật khéo lấy thơ cho hợp ý trẫm. Những thứ thơ nôm na như thế này, trẫm nghe rất thích...

— Tàu bệ hạ, đây là thơ diễn âm. Còn nguyên bản Chinh phụ ngâm là do Đặng tiên sinh⁽³⁾ làm theo thể Nhạc phủ⁽⁴⁾, bằng chữ Hán...

— A! Từ chữ Hán mà diễn nôm được như thế này thật là tài! Chữ Hán là của người phương Bắc còn người Nam ta thì phải dùng chữ của ta. Trẫm đã truyền cho lập Sùng chính viện, giao cho La Sơn phu tử⁽⁵⁾

(1) (2) Tức Đoàn Thị Điểm (1705—1748), một trong những dịch giả của khúc Chinh phụ ngâm nổi tiếng.

(3) Tức Đặng Trần Côn (sống vào khoảng 1710—1745).

(4) Thể thi ca cổ, có thể phổ vào bản đàn.

(5) Tức Nguyễn Thiếp, danh sĩ thời Hậu Lê, chán thế sự đi ở ẩn, sau đó theo giúp Nguyễn Huệ.

— Khoan! Ta còn có chuyện vui hơn hát trống quân nhiều.

Ai nấy yên lặng.

— Ta báo cho các người biết tin thắng trận. Toàn bộ thủy quân của Ô-mã-nhi bị quân ta đánh tan tác trên sông Bạch Đằng. Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp bị bắt sống, Trương Ngọc bị chết tại trận. Thoát Hoan sắp dẫn quân bộ qua đây. Hãy đình chỉ mọi cuộc vui đùa. Đánh tan quân Thoát Hoan, ta sẽ thi hát trống quân và đấu vật với các người!(1)

Trong chốc lát từ những lùm cây rậm rạp hai bên sườn núi, nấp sau mỏm đá, cung tên sắp sẵn, gươm giáo sáng lóe hướng xuống con đường độc đạo ngoằn ngoèo. Từ vị trí chỉ huy, Phạm Ngũ Lão đứng nhìn bao quát chiến địa. Cỏ cây phủ kín đồi núi như một bức thảm xanh không đều màu. Những mỏm đá xám xịt, nhấp nhô trên sườn núi đã bắt đầu nhuộm nắng. Phạm Ngũ Lão chú ý quan sát mà không tài nào phát hiện được dấu vết của quân mai phục. Viên tướng trẻ rất hài lòng.

Ba năm trước đây, trên chiến trường này, Phạm Ngũ Lão đã góp phần đánh cho Thoát Hoan không còn mảnh giáp. Uy danh của đội quân do Phạm Ngũ Lão chỉ huy đã làm cho quân thù khiếp sợ. Chúng sợ đến nỗi chỉ cần nghe nói quân của Điện tiền Phạm Ngũ Lão là đã vội bỏ chạy(2). Biết rõ tài Phạm Ngũ Lão, lần này Hưng

(1) Theo truyền thuyết, Phạm Ngũ Lão rất giỏi đấu vật, đánh cầu, hát trống quân... Trước đây trong ngày hội đèn ùng hàng năm đều có tổ chức các trò vui, hát trống quân, đấu vật, kéo co... là những trò chơi lúc sinh thời Phạm Ngũ Lão ham thích.

(2) Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú cũng cho hay: "Những quân ông lĩnh đều có tinh mật thiết như cha con, cho nên đi đến đâu là ở đấy không dám dịch".

Đạo Vương lại giao cho ông chặn giặc ở ải Nội Bàng. Thoát Hoan hoảng sợ tìm đường tránh viên hồ tướng họ Phạm. Nhưng hẳn sẽ không ngờ, Phạm Ngũ Lão có mặt ở Nội Bàng chứ không ở mạn Chi Lăng như tin quân do thám của hắn nắm được. Và giờ đây tiền quân của Thoát Hoan đã đến Nội Bàng.

Ngồi trên lưng ngựa, trước sau đều có vệ sĩ đứng mảnh che đỡ, Thoát Hoan âm ạch đi giữa đoàn quân. Bỏ lâu lâu la tướng tá chia quân đi tiên phong, tập hậu nối nhau dài dằng dặc. ải Nội Bàng vẫn yên tĩnh. Thoát Hoan thử pháo nhẹ nhõm, thúc quân gấp rút vượt qua cửa ải.

Khi cánh quân cuối cùng đã lọt vào đất Nội Bàng, một tiếng pháo lệnh xé trời. Từng loạt tên tầm thuốc độc từ các lùm cây, hốc đá hai bên đường vun vút bay ra. Tiếp theo, quân lính gươm giáo tuốt trần ào ào xông tới như vũ bão. Ngọn cờ đại mang chữ «Phạm» — ho của Điện tiền tướng quân Phạm Ngũ Lão, phất phới tung hoành trên đất ải. Trong khoảnh khắc, đại quân của Thoát Hoan bị cắt ra làm nhiều đoạn. Không ngờ lại gặp viên hồ tướng họ Phạm trên mảnh đất này, Thoát Hoan hết hoảng. Hắn muốn nhanh chóng thoát khỏi tình trạng nguy khốn. Nhưng không được, tiền quân đã bị đập nát. Ngựa chiến tiếp nhau sa xuống hố, hậu quân không tiến lên được. Giặc muốn rút nhanh, Phạm Ngũ Lão truyền cho quân sĩ phải kim chúng lại dễ tiêu diệt. Thoát Hoan định trốn nợ, phải bắt hắn đền nợ máu. Bị chết hụt lần trước, Thoát Hoan chưa từ bỏ âm mưu thôn tính Đại Việt, lần này hẳn sẽ biết. Không thể đứng lại trên mảnh đất chết này được, Thoát Hoan truyền lệnh cho Vạn Hộ Đáp-lạt-xích và Lưu Thế Anh phải mở đường máu đưa quân thoát ra khỏi ải Nội

chuyên lo việc dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm để truyền bá trong dân, lâu nay không biết việc đến đâu rồi?...

Câu chuyện văn thơ đã chuyển sang việc chính trị từ lúc nào không rõ. Ngọc Hàn vẫn nhẹ nhàng, tinh tế, gọi cho Nguyễn Huệ thảo một tờ chiếu, nhắc nhở phu tử La Sơn hoàn tất công việc văn hóa trọng đại. Và Nguyễn Huệ cũng ôn tồn nhủ Ngọc Hàn:

— Việc ngoài đã có Phu Tử. Còn việc trong thì Hân gắng làm⁽¹⁾. Ngoài sự dạy dỗ các hoàng tử công chúa và cung nữ, Hân cũng gắng theo tiền nhân mà chăm làm thơ nôm đi!

— Tâu bệ hạ, việc đó hàng ngày thiếp vẫn đề tâm...

III

Áng thơ nôm mà Ngọc Hàn trút hết tâm huyết để hoàn thành, nào ngờ lại là bài thơ về cái chết của Nguyễn Huệ!

*« Từ nắng hạ mưa thu trái tiết
Xót mình rồng mọt mọt chẳng yên
Xiết bao kinh sợ lo phiền
Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại cầu,
Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước
Phương pháp nào đòi được cùng chăng? »* ⁽²⁾

(1) « Nguyễn Huệ giao cho Ngọc Hàn coi giữ các văn thơ trọng yếu và phong chức nữ học sĩ để trông coi việc dạy các con và cung nữ học » (Tài liệu của báo *Phụ nữ Việt Nam*).

(2) Những đoạn thơ trích từ đây, đều dẫn ở thiên *Ai tư vấn* (còn gọi là *Tự thân*) tác phẩm thơ nôm nổi tiếng của Lê Ngọc Hân.

Những dòng ghi chép mộc mạc ấy, như những nét điêu khắc tiê gỗ, làm hằn lên và giữ mãi cái trạng thái tình cảm của người vợ xót ruột thương chồng vừa nhuộm cơn bạo bệnh. Ngọc Hàn không sao quên được buổi chiều đầu thu đó: trời nặng màu chì sau những ngày chột nóng chột lạnh, thoát nắng thoát mưa. Tin dữ từ ngự điện vút bay đến Bắc cung vào lúc ấy: hoàng đế đang ngồi tính toán công việc, bỗng hoa mắt, sa sầm mặt mày, mê man bất tỉnh. Ngự y chẩn mạch, đoán Ngự bị cơn huyễn vận⁽¹⁾...

Thế rồi Nguyễn Huệ không bao giờ trở dậy được nữa⁽²⁾. Ngọc Hàn diên cuồng đau đớn. Những ý định chết chóc đã lập tức vụt đến.

*« Buồn thay nhẽ xuân về hoa ở
Mối sầu riêng ai gỡ cho xong
Quyết liều mong vẹn chữ lòng
Trên rường nào ngai, giữa giòng nào e »* ⁽³⁾.

Nhưng cái cảnh hai con nhỏ « mấy hàng lăm chằm, đầu mũi mao mình lăm áo gai, u ơ ra trước hương đài » đã khiến Ngọc Hàn phải thắt ruột mà tỉnh lại. Không thể chết theo chồng được! Những giọt máu của Quang Trung còn đó! Ngọc Hàn chỉ còn cách vật vã giải bày cùng chồng:

*« Con trừng nước thương vì dòi chút
Chữ tình thâm chưa thoát được đi*

(1) Sách *Đại Nam chính biên liệt truyện* chép: « Một hôm, buổi chiều, Nguyễn Huệ đang ngồi, chột huyễn vận rồi sầm tối, gục xuống... Từ đó bệnh trở nặng ». Huyễn vận có thể trùng những triệu chứng với bệnh xuất huyết não.

(2) Sử cũ chép: Nguyễn Huệ mất ngày 29 tháng Bảy năm Nhâm Tý (1792).

(3) Chết treo trên rường cột, chết chìm trong giòng nước, cũng không ngai.

Bàng. Vừa dẫn tàn quân ra khỏi ải đã nghe quân của Phạm Ngũ Lão đã đóng ở cửa ải Nữ Nhi và núi Khâu Cấp, Thoát Hoan vội hạ lệnh quay theo đường qua huyện Đơn Kỵ về Lộc Châu chạy tắt sang biên giới. Nhưng khắp các ngả, chúng đều bị chặn đánh. Quân bị tiêu diệt, tướng bị thương, tên Hữu Thừa A-bát-xích bị trúng tên độc, chết tại trận. Thoát Hoan phải trà trộn vào đám tàn quân tan tác, tơi tả trốn về nước để không dám đặt chân lên đất này nữa.

Đây là lần thứ ba mà cũng là lần cuối cùng, đoàn quân viễn chinh của giặc Mông Cổ bị đánh bật ra khỏi đất Đại Việt.

Sau hai lần tôi luyện trong khói lửa, tham gia chống giặc giữ nước, Phạm Ngũ Lão — con người đã từng ngâm bài thơ lập chí bất tử:

*«Hoành sào giang sơn cấp kỷ thu
Tam quân tỳ hổ khí thôn Ngưu
Nam nhi vị liễu công danh trái
Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu*

(Múa giáo non sông trải mấy thâu

Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu⁽¹⁾

Công danh nam tử còn vương nợ

Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu⁽²⁾)

đã trở thành vị danh tướng.

Những năm về sau, nhiều lần giặc ngoại xâm từ phương Tây, phương Nam tới, Phạm Ngũ Lão lại có dịp đem

(1) Có bản dịch «Ba quân khí mạnh nuốt sao Ngưu».

(2) Vũ Hầu tức Khổng Minh Gia Cát Lượng, một nhân vật kiệt xuất trong lịch sử Trung Hoa thời Tam quốc.

tại sức để giữ gìn bờ cõi. Các năm Hưng Long thứ 2 (1294), thứ 5 (1297), thứ 9 (1301) triều Anh Tông, Phạm Ngũ Lão đã từng cự giặc phong kiến Ai Lao thắng lợi, được nhà vua ban cho kim phù, vân phù, qui phù. Năm Hưng Long thứ 10 (1302) ông dẹp nội loạn được ban hổ phù. Đến năm Đại Khánh thứ 5 (1318) trước khi mất hai năm, Phạm Ngũ Lão còn tham gia chống giặc phong kiến Chiêm Thành thắng lợi, được nhà vua ban cho binh phù hình phi ngư⁽¹⁾. Năm Đại Khánh thứ 7 (1320) triều Minh Tông, Phạm Ngũ Lão mất tại Thăng Long thọ 66 tuổi⁽²⁾. Tên tuổi của ông mãi mãi ngời sáng cùng với chiến công oanh liệt của nhân dân Đại Việt trong cuộc đấu tranh giữ nước hồi cuối thế kỷ 13.

Không đợi đến khi được triều đình giao cho cầm quân giết giặc, mà cuộc đời của vị danh tướng họ Phạm đã là những trang tuyệt đẹp từ khi còn là cậu bé mồ côi ở làng Phù Ủng⁽³⁾.

(1) *Phù* là một vật bằng gỗ hay bằng kim ngọc, viết chữ lên trên, cắt làm đôi mỗi bên giữ một nửa để có thể so làm con tin. Kim phù = phù bằng loại kim; vân phù = phù có chạm hình mây; qui phù = phù có chạm hình con rùa; hổ phù = phù có chạm hình con hổ; phù hình phi ngư = phù có chạm hình con cá, như loại cá chuồn.

(2) Theo *Việt sử thống giám cương mục*, tập VI, chính biên. Bản dịch, Xuất bản Văn Sử Địa — 1958.

(3) Nay thuộc xã Đô Lương, huyện Ân Thi, Hải Hưng. Ở đây còn có đền thờ Phạm Ngũ Lão, tục gọi là đền Ủng.

Cuộc đời Phạm Ngũ Lão thời thanh thiếu niên, chính sử hầu như không ghi chép, hoặc chép rất sơ lược. Để dựng lại cuộc đời của danh nhân thời kỳ này, chúng tôi dựa vào những truyền thuyết quen thuộc, phổ biến đã được nhiều người nhắc tới. Đặc biệt chúng tôi còn khai thác chọn lọc sử dụng những tình tiết trong truyền thuyết về Phạm Ngũ Lão mà chúng tôi đã thu lượm được

.....

Vậy nên nấn ná đôi khi
Hình tuy còn ở, phách thì đã theo... »

★
★

Mấy hôm nay Ngọc Hân luôn luôn mê sảng. Nhưng cái cảnh lang thang trong mộng để được tìm theo Quang Trung mới ngất ngây hạnh phúc làm sao!

« Theo buổi trước ngự đèo Bồng đảo

Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân

Theo xa thôi lại theo gần

Theo phen điện quế, theo làn nguồn hoa.

Đương theo, bỗng tiếng gà sức tỉnh,

Đau đớn thay, ấy cảnh chiêm bao ».

Tỉnh lại rồi, nhưng đờn đau lại làm cho mệt người đi. Ngọc Hân sống thật mà cứ như sống giả.

« Trông mong luống những mơ màng

Mơ hồ bằng mộng bàng hoàng như say

Khi trận gió hoa bay thấp thoáng

Ngõ hương trời bằng lãng còn đâu

Vội vàng sửa áo lên chầu

Thương ôi quanh quẩn trước lầu nhện chăng!

Khi bóng giăng lá in lấp lánh

Ngõ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi

Vội vàng dạo bước tới nơi

Thương ôi vắng vẻ giữa trời sương sa ».

Sự thật và mộng ảo cứ thế lập lờ trong khối óc vốn tinh anh, tế nhị của Ngọc Hân, cho đến lúc, một hôm, rầu rầu nhìn lại những đoạn thơ dở dang còn ngổn ngang trên án thư, một ý nghĩ bất chợt lóe sáng: Quang Trung nếu còn sống chắc cũng không muốn ta sống bi lụy như thế này. Người anh hùng chồng ta chẳng bao giờ chịu sống bằng thương đau. Người sẽ sống mãi với những kỳ công của Người!

Ngọc Hân vút ngồi thẳng dậy, sửa lại những sợi tóc mềm mại rũ xõa trên vầng trán trắng xanh. Cặp mắt nâu trở lại trong suốt, Ngọc Hân nghĩ nhanh: Quang Trung đã có lần nhủ ta làm thơ nôm! Người say mê lối thơ chất phác mộc mạc đó! Bây giờ ta sẽ dùng thơ nôm để chuyển sang nói về Người, ghi tạc lại công tích của Người, để Người bất tử trong dòng thơ của ta. Phải, công tích của người trước hết cần đem so với những bậc tối minh quân, hiền vương của sử cũ. Ta sẽ không phải e ngại gì khi đem sánh Quang Trung với Thành Thang, Chu Võ Vương, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn của thượng cổ Bắc phương.

Dưới ngòi bút đắm mực của Ngọc Hân, những hàng chữ hiện ra:

« Nghe trước có đấng vương Thang, Võ

Công nghiệp nhiều tuổi thọ thêm cao »

« Nghe anh hùng trước vua Nghiêu, Thuấn

Công đức dày, ngự vận càng sâu »...

Ngọc Hân say sưa với những suy tưởng của mình—Bây giờ xen vào những câu thơ này, ta sẽ đặt những câu nói về Người. Phải ôn lại sự nghiệp của Người từ những ngày xưa: *« Từ cò thắm trở với cội Bắc »...*

Và hình ảnh ngọn cò đỏ rực mà Quang Trung hằng ưa thích đã gợi nhớ ngay đến câu nói cửa miệng của Người: *« Tôi vốn là người áo vải... »*. Phải, sự nghiệp của Quang Trung gắn liền với những hình ảnh đó: áo vải, cò đào.

Và Ngọc Hân hạ nhanh ngòi bút viết nên câu tuyệt bút về Quang Trung:

« Mà nay áo vải cò đào

Giúp dân dựng nước xiết bao công trình! »

VĂN LANG

Ăn mình sau lũy tre, làng Phù Ủng nổi lên giữa một dải đất quanh năm bốn bề ngập nước. Ngoài công việc đồng áng, người dân Phù Ủng còn thường xuyên làm nghề đánh cá, đan lát, và chợ búa. Cuộc sống ở đây gần như bình dị, thắm lặng.

Từ mấy hôm nay, cái làng nho nhỏ gần quan lộ mà xa kinh thành ấy bỗng rộn rịp hẳn lên. Người ta nô nức sửa soạn đón quan tân khoa Nguyễn Công Tiến vinh qui về làng. Rồi đó, quan tân khoa mũ áo, tàn quạt, võng lọng trở về. Người dân Phù Ủng và khắp vùng lân cận rủ nhau đến chúc mừng. Riêng làng Phù Ủng được lệnh ngừng lửa trong ba ngày. Quan tân khoa thết đãi tất cả già trẻ lớn bé. Trong ba ngày liền, nhà nào nhà nấy đều ngừng thổi cơm. Riêng ở đầu làng, có một ngôi nhà tranh lợp xúp vắn đều đặn ngày hai bữa đồ lửa.

Chủ ngôi nhà ấy là một người đàn bà góa và một cậu bé mười ba tuổi. Đó chính là Phạm Ngũ Lão, mồ côi cha từ lúc lên 5, đang sống với mẹ⁽¹⁾. Trong cô đơn và nghèo túng, hai mẹ con thương yêu dùm bọc lẫn nhau.

Hôm ấy đi chợ về thấy con đang đeo củ chuối làm cầu⁽²⁾, bà mẹ mắng yêu:

trong dịp về Phù Ủng hồi tháng 4-1972, do cụ Vũ Đình Biên 72 tuổi, trước đây chuyên trông nom đền Ủng và do đồng chí Vũ Đình Kiềm hiện đang phụ trách bảo tồn di tích đền Ủng cung cấp (N.A.).

(1) Còn có thuyết nói rằng Phạm Ngũ Lão mồ côi cha, ít lâu sau, mẹ cũng mất, sống với mẹ kế.

(2) Một thứ bóng, không đá mà tung hoặc dùng gậy-gạt, trò chơi nhiều người cùng tham gia.

— Suốt ngày con chỉ tập tành, hết tập võ lại chơi cầu chơi gụ⁽¹⁾ thật vô tích sự.

Nghe mẹ nói, Phạm Ngũ Lão chỉ cười. Cậu đứng dậy ôm quả cầu bằng củ chuối ra tung thử trong sân nhỏ hẹp. Nhìn đứa con trai mơn mớn, tay chân vạm vỡ, lớn nhanh như thổi đang tung cầu, bà mẹ cảm thấy sung sướng. Bất giác bà nghĩ đến cảnh nhà neo túng, ngày hai buổi chợ không biết có kiếm đủ gạo để nuôi con béo khỏe mãi được không? Bà cất dọn quang gánh, đem mấy bát gạo cất vào nhà. Từ ngoài sân, Phạm Ngũ Lão tay không rời quả cầu, chạy lại khoe với mẹ:

— Mẹ, con kiếm được nhiều gạo lắm.

Một niềm vui vụt hiện ra trong ánh mắt của bà mẹ nghèo:

— Gạo đâu thế hở con?

— Con và mấy đứa bạn rủ nhau đi tát cá, bắt được nhiều lắm. Con đổi được hàng chục bát gạo, lại còn đủ để mẹ con ta ăn trong mấy ngày.

Sực nhớ đến chuyện quan tân khoa, bà mẹ nói với con:

— Từ mai làng cấm lửa, ai nấy đều đến phục dịch và được quan tân khoa thết đãi trong ba ngày. Mẹ con ta cũng phải đi chứ.

Phạm Ngũ Lão lẳng lặng đứng dậy dọn cơm tối.

Đã khuya Phạm Ngũ Lão còn nằm choài trên chõng tre, cạnh đèn dầu để học bài. Bà mẹ mãi khâu mấy mụn áo rách cũng không thấy buồn ngủ. Thấy mẹ thức khuya hơn mọi ngày, Phạm Ngũ Lão giục mẹ:

(1) Một thứ cầu quay như loại cầu trẻ con hay chơi ngày nay. Ta còn thấy từ gụ trong câu nói «lăn như gụ» còn thông dụng ở một số địa phương vùng khu 4 cũ.

CAO BÁ QUÁT

Đã cả chiều. Bóng râm của căn nhà gỗ cũ kỹ vừa phủ kín mảnh sân nho nhỏ, ông đồ Cao nhòm dây, ngồi trên chiếc sập chân quý đã long móng. Khuôn mặt xương xương, trầm lặng và kín đáo của ông vẫn hướng vào quyển sách trên tay. Theo thói quen hàng ngày, ông gọi:

— Bá Đạt! Bá Quát!

— Dạ!

Chỉ nghe tiếng thưa của Bá Đạt, ông buông sách, trừng mắt hỏi:

— Thằng Bá Quát đâu?

— Thưa cha, em Quát vừa đi chơi ạ.

— Hừm!... con đi tìm em về đây!

Nhìn theo cho đến khi bóng con khuất sau giậu râm bụi, ông đồ Cao mới hạ tấm thân gầy gò mảnh khảnh xuống sập. Kê đầu trên chiếc gối đỏ đã xỉn màu, ông đặt sách ngang ngực, vất tay lên trán. Ông nghĩ đến dòng dõi nhà họ Cao, đến hai đứa con sinh đôi⁽¹⁾ mà ông đã đặt bao hy vọng vào chúng.

(1) Sử sách nhà Nguyễn không ghi rõ năm sinh của Cao Bá Quát. Nhưng căn cứ vào bài thơ "Cảm tác" và bài "Thiên cư thuyết" của Cao Bá Quát, ông Chu Thiên trong bài "Cao Bá Quát và

.....

Họ Cao với dòng dõi thi thư, nhưng đến cụ Đồ thì san bao nhiêu năm đèn sách, rốt cục cũng chỉ là một ông đồ kiệt. Một căn nhà gỗ, cửa bức màn ruộng một, chiếc sân gạch vỡ nát, đầm sào ruộng vườn hương hỏa, cuộc sống của hai vợ chồng con cái, chỉ trông vào bàn tay tháo vát tần tảo của bà Đồ. Tự an ủi, vui với cảnh nghèo, nhưng cái nghèo không làm cho ông đồ Cao vui được. Mấy giá sách quý cũng bán dần để mua gạo. Cuộc đời đèn sách của ông đã không thành đạt gì, hai đứa con trai sẽ làm đẹp mặt ông, thay ông làm rạng rỡ cho tổ tiên. Ngay từ lúc đặt tên cho hai con là Bá Đạt và Bá Quát ông đã thầm mong sau này chúng trở thành những hiền sĩ có thể giúp đời cứu dân như các hiền sĩ đời Chu⁽¹⁾. Cũng may hai con ông đều thông minh, chăm chỉ. Nhưng xem ra mỗi đứa một tính nết. Bá Đạt ngoan ngoãn, khuôn phép, còn Bá Quát thì thông minh, sắc sảo hơn nhưng lại bướng bỉnh và phóng túng. Cứ rỗi ông ra là Bá Quát đã đi chơi. Chắc hẳn cậu đang đùa nghịch với lũ trẻ ngoài gốc gạo...

Trong lúc đó Bá Quát đang chơi một mình ngoài sân đình. Chả là học xong bài, Bá Quát nhớ đến mẹ, cậu đi đón mẹ về chợ. Đứng thờ thẩn ngoài đầu làng, chưa thấy bóng mẹ, Bá Quát sà vào sân đình. Nhìn những câu đối treo trên cột, nét chữ đẹp như rồng bay phượng múa, Bá Quát say mê. Hàng ngày trong khi dạy học, cha vẫn thường nhắc hai anh em phải làm sao cho văn

cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương » *Thông báo khoa học*, tập I-1963 của Trường Đại học lồng hợp Hà Nội (khoa Sử) và ban biên tập cuốn *Thơ chữ Hán Cao Bá Quát* Nhà XB Văn học, 1970 trong « lời giới thiệu » đều cho rằng ông sinh vào năm 1809. Cao Bá Đạt và Cao Bá Quát là hai anh em sinh đôi.

(1) Đời Nhà Chu ở Trung Quốc có 4 cặp sinh đôi đều là hiền sĩ, trong đó có một cặp tên là Bá Đạt, Bá Quát.

— Đi ngủ đi mẹ ạ. Mai ta chẳng phải đến nhà quan tân khoa làm gì.

Bà mẹ rất đỗi ngạc nhiên. Phép vua cũng phải thua lệ làng. Làng đã cấm lửa, không nghe theo sao được. Bà bảo con:

— Ta phải đến mừng quan tân khoa, không đi không được đâu con ạ.

Không phải Phạm Ngũ Lão xem khinh quan tân khoa hoặc coi thường lệ làng mà với đầu óc tuy non nớt nhưng khá thông minh, tuổi nhỏ mà chí lớn, cậu đã suy nghĩ khác:

— Mẹ ạ, cũng là con người, người ta làm nên công danh sự nghiệp vẻ vang cho làng xóm, còn con chưa làm nên công cán gì cho dân làng, làm vui lòng mẹ, đến nhà người ta con thẹn lắm. Ta đừng đến nữa mẹ ạ!⁽¹⁾

Sợ phép làng nhưng lại chiều con, bà mẹ không nài ép. Phạm Ngũ Lão ngồi một mình cạnh ngọn đèn khuya với tập văn bài còn tươi roi rói màu son của thầy Huyền Du⁽²⁾. Phạm Ngũ Lão xem lại cẩn thận và đọc kinh sách cho đến trang cuối cùng. Khi Phạm Ngũ Lão cất tiếng ngáy đều đều cũng là lúc gà đã giục sáng.

Ba ngày liên tiếp, túp lều của mẹ con Phạm Ngũ Lão vẫn hàng ngày hai lần tỏa khói. Người ta bàn tán: có nhà không theo phép làng. Nhưng xưa nay, mẹ con Phạm

(1) Còn có thuyết cho rằng chuyện này xảy ra vào lúc Phạm Ngũ Lão đã 20 tuổi. (Xem Nguyễn Lân — *Những trang sử vẻ vang* — Nhà xuất bản Mai Lĩnh, Hà Nội, — 1944, truyện « Giáo dân không biết đau »).

(2) Tên thầy học của Phạm Ngũ Lão, người Bình Giang, dạy học ở làng Phù Ứng.

Ngũ Lão có điều tiếng gì đối với làng đâu. Tuy sống nghèo nhưng mẹ con bà đều được mọi người mến thương. Người ta thương bà mẹ đức độ, siêng năng, chồng chết từ khi còn trẻ mà khéo tần tảo nuôi con. Người ta mến cậu bé Phạm Ngũ Lão thông minh, vui vẻ, lâu lĩnh mà lễ độ, tuổi nhỏ mà chí lớn. Ngoài buổi học với thầy Huyền Du, về nhà cậu chịu khó đan lát, kiếm cá nuôi mẹ. Người ta còn mến Phạm Ngũ Lão, vì có cậu, cái làng Phù Ứng hẻo lánh này cũng trở lên vui nhộn vì những trò tập võ, đấu vật, kéo co, chơi cầu, chơi gu, hát trống quân mà cậu thường hay cầm đầu lũ trẻ làng. Đặc biệt nét ăn ở của Phạm Ngũ Lão thì không chê trách vào đâu được. Tuy nhà nghèo nhưng rất khảng khái⁽¹⁾, Phạm Ngũ Lão không chịu phiền lụy ai, trái lại, ai có công việc gì nhờ cậy, cậu đều vui vẻ giúp đỡ coi như việc nhà mình. Dân nghèo cùng cảnh ngộ rất mến thương mẹ con Phạm Ngũ Lão, chẳng ai nói đến chuyện không theo phép làng. Chỉ có mấy nhà hào phú, chức dịch trong làng thì tìm cách hoành hành, đặt điều, cho rằng mẹ con Phạm Ngũ Lão khinh quan tân khoa, coi thường phép nước lệ làng. Rồi câu chuyện lâu lâu cũng nhát đi như bát nước nóng nguội dần.

Bỗng có một hôm Phạm Ngũ Lão nói với mẹ:

— Mẹ ạ, nhà ta nghèo, mẹ thì ngày càng già yếu không lấy đâu mà nuôi con ăn học mãi được. Con phải đi kiếm công việc làm ăn.

Mặc cho mẹ can ngăn, Phạm Ngũ Lão đến từ giã thầy học rồi từ biệt mẹ. Một tay nải, vài chiếc quần áo rách với tấm thân măng trẻ lực lưỡng, tin ở đôi tay của mình,

(1) Theo *Việt sử thông giám cương mục*, Phạm Ngũ Lão « khảng khái, có chí khí lớn, rất chăm đọc sách và hay ngâm thơ ».

hay chữ tốt. Văn hay, thì phải học, còn chữ tốt cũng phải tập luyện chữ. Thế là ngoài lúc học bài, Bá Quát tập viết. Nền nhà, góc sân, cánh cửa, đâu cũng là chỗ tập viết của Bá Quát. Giờ đây ở sân đình, sẵn gạch vụn, Bá Quát chọn mẫu gạch non viết, viết rồi lại xóa. Bá Quát say mê với nét chữ thảo bay bướm, chữ triện vuông vắn, đến nỗi quên cả đón mẹ. Mãi mê tập viết, Bá Quát không biết mẹ đã về và đang đứng sau lưng mình. Khi nghe tiếng mẹ gọi, Bá Quát mới quăng mẫu gạch, đứng dậy níu lấy tay mẹ:

— Mẹ! mẹ có mua giấy cho con không?

Bà Đồ xoa đầu con, yên lặng. Bà chưa biết nói gì với con.

Từ mấy hôm nay, Bá Quát vẫn đòi bà mua giấy. Mỗi khi có giấy, bà chia đều cho hai con, ấy thế mà bao giờ Bá Quát cũng hết trước. Bà Đồ không hiểu Bá Quát làm gì mà tốn giấy thế. Bây giờ thì bà hiểu rồi. Lòng Bà se lại. Làm gì còn tiền để mua giấy cho con tập viết?

— Đến mai mẹ mua cho con!

— Mẹ cứ mai mãi! Thế nào mai mẹ cũng mua nhé?

Bà yên lặng, gật đầu, dắt tay con về nhà.

Vừa thấy bóng Bá Quát, ông đồ Cao đã nhồm dậy:

— Bá Quát! mày nghịch ngợm ở đâu mà thằng Bá Đạt tìm không thấy?

Bá Quát buông tay mẹ, đến trước mặt cha:

— Thưa, con đi đón mẹ.

— Thuộc bài chưa?

— Dạ, con thuộc lâu lâu rồi ạ.

— Được.

Đặt quang gánh trên thềm, bà đồ Cao bước lên nhà học, đứng khép nép bên chồng:

— Ông đồ ạ, rõ khờ. Ông vẫn mắng thằng Quát lấy giấy làm điều nên chóng hết. Tôi xem ra nó tập viết đấy. Nó tập viết la liệt ở sân đình kia kia.

Nghe nói, ông đồ Cao sức nhớ lại. Bá Quát, không những văn hay mà chữ cũng tốt hơn Bá Đạt nhiều. Ông đưa mắt nhìn quanh nhà, chỗ nào cũng thấy nét chữ bằng than, bằng gạch của Bá Quát. Nhìn kỹ nét chữ của con, ông vui hẳn lên. Ông gọi hai con lại. Bá Quát, Bá Đạt khoanh tay đứng cạnh cha. Khác hẳn mọi lúc, ông tỏ ra rất dịu hiền, âu yếm. Xoa đầu từng đứa, ông dặn dò:

— Các con phải học tập, cố gắng rèn luyện cho văn hay chữ tốt. Nhà ta nghèo, thanh bạch, nhưng thấy các con chăm chỉ, thông minh, cha mừng cho dòng họ Cao. Mai sau nhà nước mở khoa thi, các con chiếm bằng vàng, ra tay cứu dân giúp nước, làm đẹp mặt cho cha, cho làng nước.

Nghe dặn dò, Bá Đạt cúi đầu yên lặng, còn Bá Quát lại nhìn thẳng vào mặt cha mà lớn tiếng:

— Vâng ạ!

Không biết hai con đã hiểu được nỗi lòng của mình chưa, nhưng ông đồ Cao vẫn thấy vui vui. Bá Đạt và Bá Quát, nhất là Bá Quát, trong trí óc non nớt, thông minh sớm phát triển của cậu, đã khắc sâu lời dặn dò của cha từ hôm ấy.

★ ★

Hết Gia Long, đến Minh Mạng lên làm vua, ấy thế mà cũng như khắp nơi, làng Phú Thị trong đó có gia đình ông đồ Cao vẫn kéo lê thế cuộc sống chật vật. Cây gạo cổ thụ đầu làng⁽¹⁾, mặt hồ Thiên Mã⁽²⁾, đường

(1) (2) Đều là cảnh vật của quê hương thường được Cao Bá Quát nhắc trong thơ văn của ông.

Phạm Ngũ Lão đi lang thang khắp vùng tìm nơi cây thuê gặt mướn. Lúc rỗi rãi lại luyện tập võ nghệ và ngâm thơ⁽¹⁾, thỉnh thoảng Phạm Ngũ Lão đem tiền gạo về nuôi mẹ.

*
**

Vào thời bấy giờ, theo lệnh của triều đình, từ kinh đô cho đến các lộ đều phải tuyển lựa hoàng nam, lập hành các đồ ngũ để luyện tập, chuẩn bị chống giặc Mông Cổ. Khắp nơi đều rầm rập rèn gươm đao, luyện võ thi tài, sẵn sàng chờ lệnh của triều đình xông lên giữ nước. Người ta say sưa kể lại câu chuyện năm Nguyên Phong⁽²⁾, quân Mông Cổ do tên tướng Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy tràn sang cướp nước ta. Triều đình trối sứ giặc giam vào nhà ngục, tạm thời rút khỏi kinh thành để rồi trở lại đem quân đánh bật chúng ra khỏi bờ cõi. Câu trả lời của Thái sư Trần Thủ Độ khi vua Trần Thái Tông hỏi về việc chống giặc: «Đầu tôi chưa rơi xuống đất xin bệ hạ đừng lo» được các cụ già kể lại cho con cháu. Trong khi đó ở Thăng Long, sứ giặc vẫn nghênh ngang đi về, hạc sách, đòi hỏi, hăm dọa. Chúng tìm cơ hội để sang cướp nước ta. Cả nước đang trong tình trạng gấp rút sửa soạn đối phó với giặc dữ. Mong tưởng làm nên sự nghiệp để đẹp mặt làng nước, vui lòng mẹ già nẩy nở trong lòng Phạm Ngũ Lão từ trước vẫn ngày đêm thôi thúc. Phạm Ngũ Lão tự nhủ: Chẳng lẽ chỉ lang thang kiếm ăn ngày hai bữa để uổng phí tuổi trai trong lúc nước nhà hữu sự

(1) Xem chú thích 1 trang 37.

(2) Niên hiệu của vua Trần Thái Tông từ 1251 đến 1258. Câu chuyện năm Nguyên Phong tức câu chuyện chống giặc Mông Cổ lần thứ nhất vào năm 1258.

hay sao? Lúc này không lập nghiệp còn đợi đến bao giờ? Và còn có sự nghiệp nào đẹp hơn đem sức trai vùng vẫy trên chiến trường để cứu nước cứu nhà trong lúc Tổ quốc lâm nguy?

Nghe nói ở hương Vạn Kiếp, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn vẫn luyện tập quân sĩ, kén chọn người cầm quân giết giặc, Phạm Ngũ Lão tìm đến.

Nhưng làm thế nào để gặp Hưng Đạo Vương? Phạm Ngũ Lão băn khoăn. Dịp may đã đến. Hôm ấy sau buổi tập, trên bãi Vạn Kiếp còn lại một chàng trai đang luyện cung. Cánh cung to khỏe lạ thường cong vút trong đôi tay người bạn trẻ. Chăm chú theo dõi mũi tên vun vút lao đi, Phạm Ngũ Lão reo to:

— Trúng đích rồi!

Chàng trai luyện cung kiêu hãnh quay nhìn người lạ mặt:

— Đã nghe tiếng Nguyên Địa Lô, gia thần của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chưa?

Nghe nói Hưng Đạo Vương, Phạm Ngũ Lão mừng có cơ hội để bắt mối tìm vào ra mắt.

— Tôi có nghe tiếng mà nay mới biết thực tài. Cây cung tốt quá, anh cho tôi bắn thử.

Nguyên Địa Lô cười. Đây là loại cung nặng, ngoài mình ra còn có ai dùng nổi. Anh chàng này sức khỏe đến đâu mà dám đòi bắn thử? Nghĩ vậy, Địa Lô vẫn trao cung cho người bạn chưa quen biết. Bằng một động tác nhẹ nhàng và điêu luyện, Phạm Ngũ Lão giương cung, hướng mũi tên vào mục tiêu cắm sẵn phía trước. Nguyên Địa Lô hết sức ngạc nhiên. Trong khi đó Phạm Ngũ Lão lại quay mũi tên về hướng ngọn cờ đại đang phấp phới bay trên đỉnh cột nói với bạn:

— Không bắn mục tiêu cắm sẵn, tôi bắn dải cờ đang bay.

ngõ quanh co chật hẹp, những mái nhà chen chúc, tất cả như vãn tri trệ, không biết đến năm tháng.

Tuy vậy hai con trai ông đồ Cao nhất là Bá Quát lại ngày càng trở nên anh tuấn. Như cây măng mọc trên mảnh đất cằn, sức sống mãnh liệt sẵn có trong mầm non vẫn ngày một vươn cao trong môi trường sống khắc nghiệt. Khắp vùng Bắc Ninh, Bắc Thành⁽¹⁾, Cao Bá Quát đã nổi tiếng là học trò giỏi. Trong văn bài ở nhà trường cũng như thơ văn thù tiếp ứng đối, Cao Bá Quát thường áp đảo các sĩ tử, văn nhân. Lời văn của Cao đã tự nhiên, thanh thoát, hơi văn mạnh mẽ mà ý tứ lại mới lạ và hàm súc. Đường như tấm thân gầy yếu của cậu thư sinh Cao Bá Quát có khuôn mặt khôi ngô lồ lộ không cân đối với ý chí mãnh liệt và tâm hồn nồng cháy của cậu. Ngày đêm dùi mài đèn sách, soi kính nấu sữ, Cao Bá Quát hăm hở bước vào đời, ước vọng sẽ làm như Y Phó⁽²⁾ mà Cao thường đọc trong sách vở...

Minh Mệnh năm thứ 12 (1831), sau khoa thi hương ở Hà Nội, khắp vùng xôn xao vì chuyện một thí sinh đậu á nguyên⁽³⁾ bị đánh xuống rớt bằng cử nhân. Cao Bá Quát là nạn nhân trong câu chuyện đó.

Văn nhân, sĩ tử ai mà không biết đến chàng thư sinh họ Cao, 23 tuổi, quê ở Phú Thị tỉnh Bắc. Người ta bắt đầu kể cho nhau nghe nhiều giai thoại về chàng thư sinh gặp cảnh ngộ éo le ấy. Nào là chàng ta thông minh

(1) Tức Hà Nội ngày nay. Khi Gia Long lên ngôi vua, đổi kinh đô vào Huế, đổi Thăng Long gọi là Bắc Thành. Minh Mệnh năm thứ 12 (1831) lại đổi làm tỉnh lý tỉnh Hà Nội.

(2) Y Doãn và Phó Duyệt, hai vị tể tướng có tài đức lớn của nhà Thương.

(3) Đậu đầu thi hương gọi là giải nguyên tức là đậu đầu cử nhân. Đậu thứ hai gọi là á nguyên.

và hay chữ, đã chiếm được hai bồ chữ trong bốn bồ của thiên hạ. Nào là thuở bé, một lần Bá Quát đi chơi ở Hồ Tây, phạm vào đường cấm của xa giá nhà vua. Bọn lính thấy cậu bé lão xược liền bắt trói đem tâu vua. Nhà vua hỏi, Bá Quát xưng là học trò. Vua Minh Mệnh chỉ xuống mặt hồ ra câu đối:

«Nước trong leo lẻo, cá đớp cá» bắt phải đối, nếu không đối được sẽ bị đòn. Không một chút sợ hãi, Bá Quát ứng khẩu đọc ngay: «Trời nắng chang chang, người trói người». Nhà vua khen ngợi và tha cho...

Nhiều giai thoại về Cao được người đời thêu dệt và truyền đi khắp nơi.

Trong lúc thiên hạ xôn xao bàn tán về mình thì trong một ngôi nhà nhỏ ở khu Đình Ngang nằm sát phía Nam thành Hà Nội, Bá Quát vẫn cặm cuì mài trên đồng sách cũ. Khu đất hẻo lánh, dân cư nghèo nàn và chen chúc ấy cũng phù hợp với cảnh sống thanh bạch của gia đình họ Cao. Một căn nhà lụp xụp, một mảnh vườn con con, ngõ đi chật hẹp, cuộc sống chật vật chung đụng với xóm giềng nghèo và tốt bụng⁽¹⁾ giữa tỉnh thành phồn hoa lại càng thúc giục Cao Bá Quát vội vã trên đường sự nghiệp.

Qua kỳ thi hương, Cao Bá Quát đã bước đầu nếm thấy vị chua cay của nghiệp khoa cử. Nhưng còn có đường nào khác, «đời thái bình đâu có bỏ phí tài năng»? Bá Quát hy vọng vào kỳ thi hội. Ba năm một lần, Cao Bá Quát từ biệt gia đình lều chõng vào kinh đô rồi lại

(1) Theo lời Cao Bá Quát trong «Thiên cư thuyết» (câu chuyện đời nhà) xem *Thơ chữ Hán Cao Bá Quát*. XB Văn học, 1970. Những thơ văn chữ Hán của Cao Bá Quát và lời dịch dùng trong bài này, chúng tôi đều sử dụng theo sách trên. Những trường hợp ngoại lệ chúng tôi có chú thích riêng.

Vừa dứt lời, Phạm Ngũ Lão buông dây cung. Mũi tên rẽ gió vun vút lao đi. Dải cờ đứt đôi, cuộn cuộn sa xuống góc bãi tập. Nguyễn Địa Lô kinh ngạc nhìn Phạm Ngũ Lão. Lần đầu tiên Địa Lô gặp một người có sức khỏe và tài bắn cung hơn mình. Sau khi hỏi chuyện, biết rõ tâm sự của bạn, Nguyễn Địa Lô tìm cách đưa Phạm Ngũ Lão vào ra mắt chủ tướng.

Nhưng khốn thay, tài bắn cung của Phạm Ngũ Lão vẫn không đưa cậu đến làm môn khách của Hưng Đạo Vương được. Rắc rối là ở chuyện bắn đứt dải cờ. Chưa được thấy mặt Hưng Đạo Vương, Phạm Ngũ Lão đã bị các gia thần buộc tội dám bắn vào cờ của triều đình. Nhưng thấy Phạm Ngũ Lão còn trẻ tuổi, họ tha tội chỉ đuổi về bản quán.

Phạm Ngũ Lão đành khăn gói về nhà, tin tưởng sẽ có dịp trở lại.

★
★★

Tiếng hò reo luyện tập không mấy chiều im bãi trên bãi cỏ ven làng Phù Ủng. Phạm Ngũ Lão trở về giữa lúc quê nhà cũng như khắp nơi trên đất nước đang bừng bừng khí thế chống giặc. Trước mắt Phạm Ngũ Lão, lũy tre làng, đường ngõ quanh co, nhà tranh san sát hầu như không thay đổi. Chỉ có con người, người già thêm, và trẻ nhỏ lớn bổng lên trông thấy. Các bạn trẻ chơi cầu, đấu vật, kéo co mấy năm trước bây giờ đã trở thành những chàng trai lực lưỡng. Họ nhìn nhau ngơ ngàng lúc đầu gặp gỡ, rồi chưa kịp hàn huyên đã ôm nhau vật lộn trên bãi cỏ. Cho đến nay Phạm Ngũ Lão vẫn là chàng trai khỏe nhất làng, ấy là chưa kể đến những môn võ nghệ, Phạm Ngũ Lão đã học được trong những năm lưu lạc kiếm ăn xa. Bất gặp lại Phạm Ngũ Lão, trai làng vui mừng như tìm được chủ súy.

Phạm Ngũ Lão trở về túp lều tranh, sống cạnh mẹ già với hai bàn tay trắng. Cuộc sống đói nghèo có giày vò tấm thân trai trẻ đang độ sung sức của Phạm Ngũ Lão nhưng không làm giảm ý chí tiến thủ của người con trai có nghị lực phi thường ấy. Ngày lại ngày phải đan lát đồ mồi hoi trên đồng ruộng để đổi lấy bát cơm manh áo, Phạm Ngũ Lão vẫn không rời đèn sách và kiếm cung. Chiều chiều cùng các bạn trẻ luyện tập, tối về canh đèn khuya Phạm Ngũ Lão vùi đầu vào binh thư binh pháp. Nghĩ đến ngày mai, dẫn đầu đoàn quân xông lên cản giặc để bảo vệ xóm làng, quê hương thân yêu, Phạm Ngũ Lão coi thường đói nghèo và gian khổ. Trong mộng tưởng của tuổi thanh niên phơi phới, một ngày mai xéo lên xác giặc, đứng nhìn đất nước sạch bóng thù, ngắm non sông vững vàng như bàn thạch, hiện ra trước mắt Phạm Ngũ Lão mới đẹp để làm sao! Phạm Ngũ Lão quyết dốc hết sức trai để giành cho được ngày mai tươi đẹp ấy.

Rồi có một hôm khắp vùng xôn xao chuyện Hưng Đạo Vương từ Vạn Kiếp sắp trẩy quân qua đây về Thăng Long. Phạm Ngũ Lão trần trọc suốt đêm không ngủ. Có phải đây là dịp cho mình tìm được chủ tướng hay không?

Sáng hôm sau, Phạm Ngũ Lão dậy thật sớm, dẫn một cây tre to, vác dao ra đường cái quan đợi sẵn. Mặt trời vội vội trên đỉnh đầu. Ánh nắng lọc qua kẽ lá chiếu xuống mặt đường, nhảy múa trên tấm thân vạm vỡ của chàng trai ngồi đan sọt. Ngọn gió đông nam lùa hơi mát từ cánh đồng nước đưa lên rười rượi. Trong tiếng lao xao của lá reo, có tiếng trống từ xa vọng lại. Phạm Ngũ Lão đầu trần, một manh áo rách, vẫn ung dung ngồi vót nan đan sọt. Tiếng trống mỗi lúc một gần. Từ xa, cờ xi hiện ra phất phới. Đoàn người tiến đến,

về không. Đã biết «lầm vì chút phù danh», «nhưng vào đời đã có văn chương, trốn danh thì còn ham muốn gì?»⁽¹⁾ Cao Bá Quát mơn mõi trong hy vọng và chờ đợi. Trượt ba khoa thi hội liền, không phải vì kém tài năng mà chỉ vì ngòi bút của Cao không hợp với khuôn khổ gò bó khắc nghiệt của lối văn cử nghiệp!

Năm tháng cứ trôi đi, cha mẹ ngày càng già yếu, con cái nheo nhóc, từ Phú Thị, đến Đình Ngang, rồi về gần hồ Tây⁽²⁾, cái nghèo vẫn cứ lèo đèo theo sau Cao Bá Quát. Cao lấy việc dạy học để kiếm sống và tìm thú vui trong ngao du, xướng họa. Trong khi giao tiếp với bạn bè, đặt chân ở nhiều nơi, Cao Bá Quát đã có dịp nhìn thấy rõ bộ mặt của xã hội mà Cao vẫn nuôi mộng được góp phần xây dựng.

Khắp nơi, dân tình nhôn nhao đói khổ. Thuế khóa, sưu dịch nặng nề làm cho nhiều gia đình phải điêu bạt, tan nát. Loạn lạc nổi lên nhiều nơi. Những người dân lành kia sao lại phải sống cơ cực đến như vậy? Cao vẫn «muốn lên tuyệt đỉnh cao vời; hát vang mà gửi ra ngoài nước mây»⁽³⁾, muốn ném hạt mai lên núi để xuân về «sẽ thành một bức tranh cho mọi người xem chung»⁽⁴⁾. Nhưng chính Cao lại phải trông tận mắt cảnh thu thuế khắt cấp có những người «tính mạng chỉ đợi một đồng tiền là có thể đổi được»⁽⁵⁾; đã từng gặp những đoàn

(1) Bài «Phó Nam cung, xuất giao môn, biệt chư đệ tử». (Đi thi hội, ra đến cổng làng từ biệt các học trò).

(2) Xem bài «Thiên cư thuyết» đã dẫn.

(3) Bài «Quá Dục Thúy sơn» (qua núi Dục Thúy). Lời dịch thơ của Phan Xuân Hát — tiêu đề trong bài thơ «*Tiếng hát trên đỉnh tháp khoan*» (Bàn tay ta, Nhà xuất bản Thanh niên — 1972)

(4) Bài «Tài Mai» (Trồng mai)

(5) Bài «Cái tử» (người ăn xin)

người dắt diu, bồng bế nhau đi lĩnh chần khiến Cao phải tự than phiền: «Trong lúc thanh bình, nào ai có để ý đến từng người dân thường!»⁽¹⁾. Suy nghĩ về trách nhiệm của kẻ sĩ chân chính vẫn nuôi dưỡng đạo lý «lo trước, vui sau», Cao ngậm ngùi: «Tắc lòng mình hèn cho mình xưa kia, nay vẫn không đâu, chỉ cúi đầu tựa vào góc tường mà không nói»⁽²⁾.

Chẳng phải chỉ gặp nhau trong tâm tư tình cảm mà trong cuộc sống hàng ngày, Cao và những người dân hiền lành kia có khác gì nhau đâu:

«Lều nho nhỏ kéo tấm tranh lợp tướp, ngày thê lương nặng hạt dội mưa sa.

«Đèn côn con gom chiếc chiếu loi thoi, đêm tịch mịch soi chung vầng nguyệt tỏ.

«Áo Trọng Do bạc thếch, giải xuân thu cho đượm sắc xuân tươi;

«Cơm Phiêu Mậu hăm xi, đòi tuế nguyệt khải ngậm mùi đau khổ.

«Gió trăng rơi rụng, để cái quỳên gầy;

«Sương tuyết hắt hiu, làm con nhạn võ»⁽³⁾.

Bị lãng quên trong xã hội bất công và ngột ngạt, đầy đầy những quan lại hà khắc, ngu dốt, Cao Bá Quát vẫn ngàng cao đầu cất lên bài ca trong sáng về tư cách đạo đức của mình:

«Đói rau rừng, thấy thóc Chu mà ngảnh, đá Thú Dương chơm chớm, xanh mắt Di nằm tốt ngáy o o;

(1) (2) Bài «Quan chần» (quan phát chần)

(3) Bài «Tài tử đa cùng phú» của Cao Bá Quát (xem Ngô Tất Tố — *Thi văn bình chú*, cuốn thứ hai).

dẫn đầu là đội quân đi dẹp đường. Phạm Ngũ Lão như không hề biết chuyện. Mặc cho quân lính quát tháo, Phạm Ngũ Lão vẫn ung dung. Thấy có người bưng bình không chịu tránh đường, một người lính chạy lại báo cho Trần Quốc Tảng, con trai Hưng Đạo Vương, cỡi ngựa đi trước. Trần Quốc Tảng cho phép quân lính thẳng tay trừng trị. Được lệnh, lính dẹp đường dùng giáo đâm vào đùi Phạm Ngũ Lão. Người con trai ngồi đan sọt vẫn không hề thay đổi sắc mặt. Đến mũi giáo thứ ba, máu chảy lênh láng một bên đùi, Phạm Ngũ Lão vẫn không nhúc nhích. Tên lính hoảng sợ buông giáo chạy lại tìm gặp Trần Quốc Tảng. Người con trai Trần Hưng Đạo đến gần quát hỏi:

— Tại sao Đại Vương ta đi qua, nhà ngươi lại không chịu đứng dậy tránh đường?

Phạm Ngũ Lão nhìn chàng trai chăm chăm, trả lời:

— Kẻ nào đâm giáo vào đùi ta phải rút giáo ra, đừng hỏi lời thôi.

Đoàn người đi chậm chậm rồi dừng lại. Nghe chuyện lạ, Trần Hưng Đạo sai quân lính đưa mình đến gặp. Nhìn người con trai mặt mũi khôi ngô, đùi loang lổ máu, vẫn ung dung ngồi đan sọt, Hưng Đạo Vương thầm đoán kẻ này chắc hẳn không phải là người thường, liền xuống kiệu, đến gần, hỏi:

— Kẻ kia ở đâu, sao lại cản đường ta đi?

Phạm Ngũ Lão ngược nhìn. Một vị võ quan đã lớn tuổi, cằm vuông, mắt sáng, chòm râu đen nhánh đều đặn, cân đối càng làm tăng vẻ mặt hồng hào quắc thước mà hiền hậu của vị đại vương của triều đình. Biết đây là người mình cần gặp, Phạm Ngũ Lão buông dao sọt, đứng dậy vái chào:

— Kính thưa Đại Vương, vì mãi nghĩ đến một thế trận, tôi sợ ý không biết tránh đường, xin Đại Vương tha tội chết.

— Người ở đâu? Tên họ là gì?

— Kính thưa, tôi họ Phạm tên Ngũ Lão, quê ở Phù Ủng.

Sực nhớ đến câu chuyện thoáng qua do quân lính kể lại trước đây, Hưng Đạo Vương hỏi:

— Có phải Ngũ Lão năm trước bắn đứt dải cờ của triều đình là người đó không?

Phạm Ngũ Lão được dịp tỏ bày ý nguyện:

— Tâu Đại Vương, tôi nhà nghèo, được mẹ già nuôi cho ăn học đôi chút chữ nghĩa và theo đòi võ nghệ. Nay giặc ngoài đang lấn le xâm phạm bờ cõi, tôi ước ao được đem sức mọn dèn nợ nước cho phải chí làm trai. Năm xưa tôi sợ ý bắn đứt dải cờ nên không được may mắn gặp giáo đứng dưới trướng Đại Vương. Từ bấy đến nay tôi vẫn ân hận chưa tìm được nơi nương tựa.

Thấy Phạm Ngũ Lão khôi ngô, dũng cảm khác thường, ứng đáp trôi chảy, lại là người chí lớn, Trần Hưng Đạo ra lệnh đem thuốc dầu rịt vết thương và cho được theo về kinh đô.

III

Đêm Thăng Long. Tiếng trống cầm canh từ bốn cổng thành lần lượt dội về điện Giảng Võ. Đã sang canh hai. Hưng Đạo Vương gấp tập Binh thư đang đọc dở, bước ra hành lang, đứng nhìn về phía cửa Đoan môn⁽¹⁾. Gió đông nam quạt về lầu điện mát rượi. Hưng Đạo Vương thấy khoan khoái dễ chịu.

Từ lúc họa xâm lăng của giặc Mông Cổ trở thành không thể tránh được, Hưng Đạo Vương ngày quên ăn

(1) Tên cổng phía Nam thành Thăng Long thời Lý, Trần.

« Khát nước sông, trông giòng đục không vơ, phao Vĩ Thủy lênh đênh, bạc đầu Lã ngời dai ho lộ khự »⁽¹⁾. Cao khinh rẻ những kẻ hèn hạ chạy cầu danh lợi:

« Ngán nề kẻ tham bề khóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực chốn hầu môn;

« Quần bao kẻ màng cái dâm danh⁽²⁾, áo vẩy lân trùm dưới cơ phu, mỗi gối quì mòn sân trướng phủ »⁽³⁾

Như con thuyền lướt ngược dòng nước đục để tìm về nguồn trong, Cao Bá Quát lại càng bị những kẻ đang ngụp lặn bơi theo dòng đục gièm pha và ghét bỏ. Ông Cử Quát, văn chương lỗi lạc hơn người, tài đức trong sáng ít ai bì kịp mà vẫn chưa được người tiến cử, nhà vua vẫn không chịu bổ dụng.

Cho đến năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), Cao Bá Quát, con người mấy năm trước đã từng ngâm bài thơ:

« Trượng phu ba mươi tuổi, chẳng nên danh gì.

Đạo khắp ven trời, khí bất bình chưa dịu.

Ngâm xong bảy bài ca, ngán đầu nhìn lại.

Thân thể mờ mịt, chỉ đáng trông mắt trông đời⁽⁴⁾.

mới nhận được chỉ triệu vào kinh.

Cao Bá Quát bước vào quan trường với chức hành tẩu bộ Lễ⁽⁵⁾,

★ ★

(1) (3) Bài « Tài tử đa cùng phú » của Cao Bá Quát (xem Ngô Tất Tố — *Thi văn bình chú*, cuốn thứ hai).

(2) dâm danh (hư danh — dâm là cái khẩu mồm ngựa).

(4) Bài « Chơi sông Đàng Giang cùng bạn lên chơi chùa Kim Chung... ».

(5) Một chức quan nhỏ coi giữ giấy tờ ở một bộ chuyên việc lễ nghi khánh tiết và học tập. Theo Phan Thúc Trực trong *Quốc sử di biên*, thì sau khi vào bộ Lễ, Cao Bá Quát vì được Minh Mệnh yêu văn tài nên được đặc cách thăng Lang Trung.

Quan sơ khảo trường thi Thừa Thiên Cao Bá Quát bản khoản lật đi lật lại tập bài của thí sinh. Nhìn sang bên cạnh, Cao thấy bạn đồng nghiệp Phan Nha⁽¹⁾ đang cầm cùi trên quyền thi. Ánh đèn dầu soi rõ những nét son của quan sơ khảo vừa phê trên trang giấy đặc chữ màu đen kịt. Trước mặt là 24 quyền thi, Cao đã đọc đi đọc lại nhiều lần mà vẫn chưa quyết định. Thực tình 24 quyền này có thể lấy được, nhưng tiếc thay, quyền nào cũng chen vào vài câu dùng chữ sai lạc, phạm húy làm cho bài văn không trúng cách. Lương tâm của viên quan chấm thi buộc Cao Bá Quát phải thận trọng khi hạ bút trên những văn bài của sĩ tử.

Theo Cao, phạm húy đâu có phải vì bất tài! Chẳng qua chỉ vì sơ suất không kiêng tránh khi dùng đến những chữ trùng với tên của nhà vua và họ hàng nhà vua mà thôi; còn văn bài thì lỗi văn cử nghiệp với những luật lệ gò bó khắc nghiệt chỉ tổ kim hãm trói buộc ý tứ của sĩ tử, có quan trọng gì đối với việc đào tạo, tuyển dụng nhân tài. Cao vẫn bản khoả không hiểu tại sao người ta không vứt bỏ những điều phiền toái ấy đi. Bản thân mình đã bị quy chế thi cử của triều đình hành hạ, sao lại còn để cho chuyện thi cử vui dập người khác khi mình đang cầm ngòi bút son trong tay? Cao Bá Quát quay sang phía Phan Nha:

— Phan tiên sinh thấy 24 quyền thi này ra sao?

Phan Nha bước lại bên án thư của Cao Bá Quát:

(1) Phan Nha người làng Minh Quả, huyện Thanh Chương, Nghệ An (đỗ cử nhân khoa Tân Mão (1831), đồng khoa với Cao Bá Quát. Khoa Tân Sửu (1841) cùng với Cao Bá Quát, ông được cử làm sơ khảo trường thi Thừa Thiên, rồi cũng bị hạ ngục với Cao Bá Quát vì chuyện chữa văn cho 24 quyền thi trong khoa này.

đêm quên ngủ, lo trừ mưu kế, rèn luyện quân sĩ để chống giặc. Rồi lại được nhà vua giao cho chức Quốc Công Tiết Chế, thống lĩnh các quân, thì trách nhiệm của vương với dân với nước lại càng nặng. Ba mươi năm trước đây, giặc Mông Cổ tràn sang, quân dân ta đã đánh cho chúng đại bại, nay chúng lại kéo sang... Vì Quốc Công thống lĩnh toàn quân quyết tâm phải đánh bật chúng ra khỏi bờ cõi, để không hổ thẹn với tiền nhân, làm rạng danh cho đất nước, giữ lấy non sông gấm vóc truyền lại cho con cháu muôn đời. Hưng Đạo Vương hài lòng với lực lượng quân đội đã có trong tay. Từ chính binh của triều đình, gia binh của các vương hầu đến dân binh ở các lộ, tuy không đông lắm nhưng tinh nhuệ và ai cũng quyết tâm diệt giặc. Duy chỉ còn đội quân cấm vệ chưa tìm được người tài năng để giao phó. Sự thực trong số các gia tướng của vương hầu, Hưng Đạo Vương đã chú ý đến Phạm Ngũ Lão. Đã nhiều lần Vương tiến cử người con trai có đủ tài trí ấy cầm quân cấm vệ, nhưng đều có kẻ bài bác. Phạm Ngũ Lão không thuộc dòng dõi lệnh tộc, nhưng so về tài đức, trong đám vương hầu ít ai bì kịp. Nếu không cất nhắc con người này thì thiệt thòi lớn cho ba quân mà không khích lệ được người có tài đem hết tâm trí để lo việc nước. Hưng Đạo Vương băn khoăn, dạo bước trên hành lang.

Trong lặng lẽ của đêm kinh thành, tiếng ngâm thơ của quận chúa Anh Nguyên, con gái nuôi của Vương, từ phòng bên đưa lại nghe rõ mồn một. Hưng Đạo Vương chú ý lắng nghe. Một giọng ngâm thơ trong trẻo theo ánh sáng lọt qua song cửa thư phòng:

*«Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu
Tam quân tỳ hổ khí thôn Ngưu»*

*Nam nhi vị liễu công danh trái
Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu»*

Nghe hết bài thơ, vương rất đỗi ngạc nhiên. Sao lại có bài thơ lời lẽ lưu loát, khí phách hùng hồn đến như thế? Khẽ nhẩm lại hai câu cuối:

*«Nam nhi vị liễu công danh trái
Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu».*

Hưng Đạo Vương đi về phía thư phòng của con. Nghe tiếng chân người, Anh Nguyên quận chúa ngoảnh nhìn ra cửa. Vừa thấy cha, người con gái dịu dàng vừa đến tuổi 18 vội rời án thư, đứng dậy vòng tay cúi đầu:

— Thưa vương phụ, đêm đã khuya, vương phụ còn chưa đi nghỉ.

Như bị cuốn hút bởi bài thơ hay, Hưng Đạo Vương hỏi:

— Ta vừa nghe con ngâm bài thơ lạ. Thơ của ai mà ta chưa từng biết?

Tay vẫn vờ tả áo, Anh Nguyên quận chúa nhìn cha để dad.

— Thưa vương phụ, đó là bài thơ được truyền tụng trong quân sĩ, nữ tỳ của con nghe được, thấy hay hay con sai chép lại đọc cho vui.

Hưng Đạo Vương xem bài thơ rồi hỏi:

— Con có biết ai làm ra bài thơ này không?

Anh Nguyên quận chúa, má ửng hồng, rụt rè, trả lời nhỏ nhẹ:

— Thưa vương phụ, con nghe đâu bài thơ này của một người dưới quyền vương phụ tên là Phạm Ngũ Lão thì phải (1).

(1) Có thuyết cho rằng bài thơ này được sáng tác vào lúc Phạm Ngũ Lão đã từng cầm quân giết giặc làm nên sự nghiệp.

— Tôi vẫn băn khoăn, kể về thực tài thì lấy được, nhưng quyền nào cũng phạm phải sơ suất nhỏ, luật lệ thì cứ không tha thứ, thật là khó nghĩ.

Thấy bạn đồng nghiệp cũng một tâm sự như mình, Cao Bá Quát mạnh dạn:

— Phan tiên sinh ạ, tài giỏi đâu có phải vì những điều vụn vặt ấy. Không thể để cho sĩ tử bị vùi dập oan uổng được. Tôi muốn cứu mấy quyền này.

Phan Nha dè dặt:

— Đậu hay hỏng của sĩ tử cũng còn qua nhiều người chấm nữa. Nhưng bây giờ văn bài còn đang ở trong tay chúng ta, cứu vớt họ là phải. Làm thế nào là tùy ở tiên sinh.

Không chút do dự, Cao Bá Quát đưa ngọn bút son lên miệng nhắm nháp. Lúc này trong trí Cao Bá Quát hiện lên thấp thoáng hình bóng 24 sĩ tử không quen biết nào đó, còn nhà vua và triều đình, Cao không cần biết đến. Cao dùng muội đèn⁽¹⁾ làm mực chữa lại bài cho 24 quyền thi. Ít lâu sau việc bị phát giác, triều đình khép Cao vào tội giảo giam hậu⁽²⁾.

★ ★

Đã một năm rồi Cao vẫn bị tống giam chờ lệnh.

Trần trọc mái không ngủ được, Cao Bá Quát nhồm đậy, ngồi thu chân trên chiếc giường ọp ẹp của nhà ngục. Chiếc gông dài chắn ngang cổ trễ lệch trên đôi vai xo gầy. Tấm thân mảnh dẻ của Cao nay lại càng tiều tụy vì những đau đớn cực nhục và uất hận.

(1) Phép nước cấm quan trường không được đem mực nho vào trường, cho nên muốn có màu đen, Cao phải dùng đến muội đèn.

(2) Hình phạt phải thắt cổ chết nhưng hãy hoãn thi hành, giam lại đợi lệnh.

Nghĩ mình như « con chim có sức bay cao mà bị nhốt trong lồng »⁽¹⁾, Cao ôm hận đến trào ra theo dòng nước mắt.

Ngày đêm sống trong nhà ngục, ngồi mang gông mà không then với bóng, Cao tự cho mình đã làm việc thiện, thấy việc thiện phải làm và vì việc thiện mà nên tội.

Đêm nay cũng như bao đêm đã qua, mỗi khi nghĩ đến đời mình bị tan vỡ oan uổng, Cao Bá Quát không sao chợp mắt được. Cao dậy đốt đèn ngồi ngâm thơ. Bên cạnh Cao, chủ tiểu đồng nằm trơ mình co quắp một bên giường⁽²⁾. Khẽ rón rén kéo chiếu đắp cho chú bé, Cao bó gối ngồi rung đùi tìm ý thơ, chờ sáng. Bên gian nhà ngoài, mấy người trông ngục vẫn ngáy đều đều.

Cao rùng mình nghĩ đến những việc đã qua. Từ nhà ngục này đến nhà ngục khác, hết hỏi cung lại tra khảo, Cao không ngờ mình còn sống được qua những trận đòn roi ác liệt đến như thế. Mai là ngày trùng cửu⁽³⁾, tròn một năm từ khi bị tống giam, Cao Bá Quát nảy ra ý nghĩ kỷ niệm ngày đột biến của đời mình⁽⁴⁾.

Mặt trời mùa thu đã lên cao, trong nhà ngục vẫn tối tăm lạnh lẽo. Nhiều người tù còn uể oải nằm trần trố

(1) Bài « Tức sự ».

(2) Theo Mộng Trạch — « Những nhà lao của Huế thời xưa », Tri Tân số 18 tháng 10-1941, cho biết có những nhà lao như nhà lao Trấn Phủ, ở đó tù nhân phải tự sắm thức ăn vật dụng. Tù nhân có thể đem tiền đi thuê hoặc nhờ bạn bè gần đây tiếp tế hoặc đem theo người đi kèm để tiện săn sóc giúp đỡ. Căn cứ vào những bài thơ của Cao Bá Quát làm trong thời gian ở tù, chúng tôi cho rằng Cao đã bị tù theo chế độ này.

(3) Tức là ngày 9 tháng 9 âm lịch hàng năm.

(4) Viết theo bài « Ngày trùng cửu mời khách ».

Hưng Đạo Vương gật đầu. Một niềm vui thầm kín thoáng hiện trên khuôn mặt của vị Quốc Công. Vương lại càng hài lòng thấy mình không nhầm khi tiến cử người con trai có tài văn võ này. Từ lâu, vương đã có ý chọn Phạm Ngũ Lão làm con rể ⁽¹⁾. Lúc này nghĩ đến tương lai hạnh phúc của con gái yêu, vương thấy vui vui. Nhưng nước nhà hữu sự, mọi việc riêng tư hãy xếp lại, còn nhiều việc phải lo lắng hơn nhiều. Hưng Đạo Vương nói với con :

— Ngoài Phạm Ngũ Lão ra, không ai có thể làm bài thơ lập chí đạt đến mức này được.

Anh Nguyên quận chúa lúng túng, e lệ khác thường khi nghe cha khen bài thơ hay và nhắc đến tên Phạm Ngũ Lão.

★ ★

Từ hôm có tin triều đình mở khoa thi võ để chọn người cầm quân cầm vệ, sân trường Giảng Võ ngày đêm rầm rập bóng người luyện tập. Riêng Phạm Ngũ Lão lại đến gặp Hưng Đạo Vương xin phép được về quê để sửa soạn dự thi võ của triều đình. Biết Phạm Ngũ Lão là người tài trí hơn người, Hưng Đạo Vương liền cấp cho tiền gạo và ngựa về quê và hẹn ngày trở lại dự thi. Cũng từ ngày ấy Phạm Ngũ Lão cỡi ngựa về, làng Phù Ủng bừng lên một niềm kiêu hãnh. Dân làng rủ nhau đem tiền gạo giúp Phạm Ngũ Lão ăn tập. Ai nấy nô nức cho con em theo bước Phạm Ngũ Lão rèn luyện để phò vua giúp nước.

(1) Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú « Năm ông ngoài 20 tuổi, Hưng Đạo Vương thấy biết là người có tài bèn gả con gái nuôi và tiến cử lên ».

Sáng sớm tinh mơ cho đến khuya, trên bãi cỏ ven làng không mấy lúc vắng mặt Phạm Ngũ Lão. Từ môn cỡi ngựa bắn cung đến côn, quyền, roi, kiếm, Phạm Ngũ Lão đều thành thạo, điêu luyện. Chỉ còn môn cấp giáo nhảy qua tường hào, Phạm Ngũ Lão luyện mãi vẫn chưa vừa lòng. Mấy hôm sau, được các bạn trẻ giúp sức, Phạm Ngũ Lão đắp một cái gò đất ở ven làng để tập nhảy ⁽¹⁾. Riêng việc đắp gò cũng là dịp để Phạm Ngũ Lão tập mang nặng. Cứ ba sọt đất đầy ăm ắp, Phạm Ngũ Lão nhấc bổng lên vai bước thoăn thoắt từ thung đấu lên đỉnh gò, trong lúc các bạn khác, người khỏe nhất chỉ mang được hai sọt. Vài ngày sau, một gò đất lớn đã nổi lên lù lù ở ven làng. Ngày nào cũng vậy, từ sáng sớm, Phạm Ngũ Lão đã có mặt ở chân gò, từ xa chạy lên đỉnh rồi lại nhảy xuống, hoặc chống sào nhảy qua. Sau mấy ngày luyện tập, Phạm Ngũ Lão đã nhảy được một cách dễ dàng. Nhưng không thể dừng lại ở đây, Phạm Ngũ Lão quyết tâm vượt xa hơn nữa. Phạm Ngũ Lão mặc quần dài rồi cho đất vào ống quần, buộc túm lại để tập nhảy. Trong mấy ngày đầu, đôi chân của Phạm Ngũ Lão như bị cấm chặt xuống đất. Thật khó khăn mới nhấc bổng được đôi chân. Mồ hôi ướt đầm, chân tay rời rã, nhưng gian khổ không đầy lùi quyết tâm rèn luyện của Phạm Ngũ Lão. Từ bỏ ngõ, khó khăn đến quen thuộc, lượng đất tăng dần cho đến ngày hai ống quần căng đầy, và khi đó gò đất cũng mòn lở vì gót chân của Phạm Ngũ Lão. Đến khi bỏ đất ra, Phạm Ngũ Lão cảm thấy người lâng lâng, nhẹ nhàng nhảy qua gò như con phượng hoàng lướt qua đỉnh núi. Lúc này, bức tường thành sừng sững trong sân

(1) Hiện nay ở Phù Ủng còn dấu vết một cái gò, tương truyền rằng đó là gò của Phạm Ngũ Lão luyện tập.

trên giường. Thầy trò Cao Bá Quát đã thức dậy từ sáng sớm để dọn dẹp sửa soạn công việc. Một người tù trẻ tuổi thấy vậy hỏi:

— Thầy trò ông Cao làm gì đấy?

Cao Bá Quát cười đáp:

— Hôm nay là ngày vui của đời ta!

Trong bảy tám người tù bị giam chung, có những người chưa rõ về Cao. Họ chỉ biết đây là một ông quan rất giỏi thơ và vui tính. Như mọi hôm, vào lúc này ông Cao còn trùm chần nằm ngâm thơ, nhưng hôm nay ông lại bận rộn thu xếp công việc gì vậy? Cho đến lúc chú tiểu đồng lễ mễ bê vò rượu về và Cao Bá Quát mời các bạn tù ngồi quây quanh chiếu rượu, họ mới biết ông Cao thiết tiệc.

Rót đầy rượu cho từng người. Cao Bá Quát nâng chén mời:

— Đây là tiệc sinh nhật kiếp này của gã Mẫn Hiền đây. Xin mọi người hãy cạn chén mừng cho ta vừa tròn một tuổi.

Các bạn tù ngơ ngác nhìn nhau, lấy làm lạ cho ông thánh thơ lẫn thần này! Họ nhớ lại chuyện ông vịnh cái gông. Cầm gông trong tay ông nói với gông: « Gông dài! Gông dài! Mày biết ta chẳng? ta cũng chẳng hợp gì với mày đâu! »⁽¹⁾ rồi ông lấy bút mực viết luôn một lúc ba bài thơ. Nhà giam trói buộc được con người ông, nhưng cấm sao được thơ của ông. Càng buồn bức, càng đau đớn uất hận ông lại càng làm thơ. Năm ngoái, sau khi bị trận đòn tra khảo khốc liệt ở bộ Lễ, về nhà

(1) Lời dẫn của Cao Bá Quát trong bài « Một thiên vịnh cái gông dài ».

giam, gượng đau ông viết bài ca về cái roi song⁽¹⁾. Lời thơ của ông đau xót, náo nùng, oán hờn nhưng cũng rất kiên cường, ai đọc cũng phải khâm phục. Hôm nay được Cao Bá Quát thiết rượu, các bạn tù lấy làm lạ cũng là phải. Họ có biết đâu rằng từ khi bước vào vòng tù tội, Cao lại càng cảm biết sâu sắc bộ mặt thật của bè lũ cầm quyền ngu tối và tàn bạo, kẻ đã gây nên bao điều bất công, tàn nhẫn, oan uổng đối với dân lành mà Cao đã từng được chứng kiến ở khắp nơi. Nhà vua và triều đình đối với Cao — một « kẻ sĩ đầy hùng khí », đã trở thành xa lạ.

Niềm tin có thể đem tài năng để phò vua, giúp nước làm nên sự nghiệp lớn của Cao, trước đây có bị sứt mẻ, đến bây giờ thì vỡ hoàn toàn. Ngọn lửa mới đã nhen nhóm trong lòng Cao từ lúc ông vừa bước chân vào nhà ngục. Cuộc đời mới của Cao bắt đầu từ ngày bị nhà vua đặt chiếc gông vào cổ đến nay vừa tròn một tuổi. Tâm sự của Cao Bá Quát không phải ai cũng hiểu được.

★
★★

Sau gần hai năm đầy đọa trong tù ngục (1841—1843) giữa kinh thành Huế, Cao Bá Quát được tha, phải đi dương trình hiệu lực ở Giang-lưu-ba⁽²⁾. Cùng năm đó, Cao trở về bộ Lễ để rồi bị thải hồi.

Bước vào công danh chẳng « vẹo đầu », Cao lại ung dung trở về với quê hương, gia đình, bè bạn và học trò.

(1) Bài « Bài ca cái roi song »

(2) Tứ Gia-các-ta, thủ đô In-đô-nê-xi-a hiện nay. « Dương trình hiệu lực » là một hình phạt phải đi theo phục dịch cho một phái bộ đi ra nước ngoài qua đường biển, để lấy công chuộc tội của một phạm nhân được tạm tha.

trường Giảng Võ không có gì đáng sợ với Phạm Ngũ Lão nữa.

Và ngày thi đã tới. Dân làng bảo nhau đem xôi, rượu, thịt đến tiễn chân chàng trai lên đường. Phạm Ngũ Lão mang tặng phẩm ra thết đãi các bạn trẻ lúc chia tay.

Từ biệt mẹ già, Phạm Ngũ Lão nói với mẹ:

— Mẹ ạ, hiện nay vận nước đang bị đe dọa. Xin mẹ, con đi. Việc quân bận rộn, chưa biết bao giờ con mới trở về thăm mẹ được. Mẹ đừng mong.

Bà mẹ lặng lẽ nhìn con, mắt sáng ngời kiêu hãnh. Đã mấy chục năm trời tần tảo nuôi con, cuộc đời nghèo khổ của bà chỉ có đứa con là niềm hạnh phúc duy nhất. Nay đã lớn khôn, nó đi lo việc nước, làm rạng rỡ cho xóm làng, làm vẻ vang mặt mày cho bà. Tuổi đã già bà có chết đi cũng vui lòng. Đôi tay già yếu khẳng khiu của bà run run buộc lại tay nải cho con. Cùng với xóm giềng, bà tiễn con đến đầu làng và đứng nhìn cho đến khi bóng con khuất sau lùm cây bên đường ngoặt.

Và từ hôm ấy, đêm đêm hình ảnh đứa con trai thân yêu ung dung trên lưng ngựa đi thẳng không ngoái đầu nhìn lại, như còn in rõ trong đáy mắt của bà.

★
★

Trên các ngã đường vào kinh đô Thăng Long, quân trảy rầm rập. Các đội dân binh từ các lộ, gia binh của vương hầu từ các trang trại xa xôi đổ về kinh đô rồi lại được lệnh vượt sông đi về mạn Bắc. Giặc Mông Cổ như bày thú dữ đang tiến đến gần biên thùy nước ta.

Từ khi đổ đầu kỳ thi võ rồi được triều đình giao cho cầm quân cấm vệ, chuyên bảo vệ nhà vua và kinh thành, Phạm Ngũ Lão càng thêm bận rộn. Là người chỉ huy trẻ tuổi, nắm trong tay mấy ngàn tinh binh, làm thế nào để tròn trách nhiệm đối với dân với nước trong lúc nước nhà có giặc? Luyện quân rồi lại luyện quân. Phạm Ngũ Lão không có thì giờ để nghĩ đến cuộc sống riêng tư của mình nữa; mặc dù ở quê hương, Phạm Ngũ Lão còn có mẹ già ngày đêm mong đợi và trong dinh của Hưng Đạo Vương, có người con gái mến thương vẫn đợi chờ. Theo Phạm Ngũ Lão, cái lớn lao và gấp gáp hơn vẫn là chuyện mất còn của đất nước. Nước còn, còn tất cả, nước mất, mọi thứ, cả đến hạnh phúc riêng tư cũng tiêu tan. Phạm Ngũ Lão dồn tâm trí mài mài binh thư binh pháp và không ngày nào ngừng rèn luyện quân sĩ, chỉnh đốn cơ ngũ.

Rồi có một hôm, sau buổi tập trận trên sông, Hưng Đạo Vương truyền cho Phạm Ngũ Lão được lệnh về quê thăm nhà và trở lại kinh thành để điều quân đi trấn giữ vùng ải Bắc.

Trời xế chiều, ngựa đã sắp sẵn yên cương. Phạm Ngũ Lão đang sửa soạn về quê, người nữ tỳ của Anh Nguyên quận chúa đem lại phong thư và một gói nhỏ. Phạm Ngũ Lão vui mừng trân trọng mở ra xem. Quận chúa gửi lụa về biếu mẹ già.

Mặt trời vẫn chiều lao xuống mỗi lúc một nhanh. Con ngựa hồng của Phạm Ngũ Lão thở phì phì, phi nước đại trên đường về làng Phù Ủng. Ngồi trên lưng ngựa, Phạm Ngũ Lão băn khoăn không hiểu mẹ mình bây giờ đang làm gì? Chắc đã già yếu đi nhiều. Mẹ già hẳn

Không đủ tư cách làm bầy tôi của triều đình, Cao Bá Quát lại có thừa tài đức để nhân dân, bạn bè yêu mến.

Như thanh gươm qui bị vùi ở Phong Thành⁽¹⁾ vẫn tỏa ra ánh sáng khiến người đời phải tìm kiếm, vào năm Thiệu trị thứ 7 (1847) Cao Bá Quát lại được triều đình lục dụng sau 4 năm sống nghèo ở quê hương.

Lần này trên con đường vào kinh nhận chức ở Viện hàn lâm, Cao không còn hào hứng và tin tưởng như xưa:

« Lòng bùi ngùi mất hứng thú

Mối hận trào theo dòng sông trong ».

Trong mấy năm làm việc ở Viện hàn lâm, Cao lại có dịp chứng kiến cuộc sống xa hoa hưởng lạc của triều đình⁽²⁾. Trong khi đó ở khắp nơi, dân tình cơ cực, loạn lạc nổi lên⁽³⁾. Nhà vua chỉ biết sức cho các quan trấn áp, tiêu phạt. Tiếng súng của Phú Lãng Sa đã nổ ở cửa biển Đà Nẵng⁽⁴⁾, nạn nước đang ngập ngề bị đe

(1) Một điển tích Cao Bá Quát có dùng trong một bài thơ của mình. Trương Hoa đời Hậu Hán, thấy ở Phong Thành đêm đêm có hào quang bốc lên, sai Lôi Hoán ra làm quan ở đấy để dò xét. Sau đào nền nhà ngục ở Phong Thành thấy một cái hộp đựng hai thanh bảo kiếm, một tên là Long Tuyền, một tên là Thái A.

(2) Các vua triều Nguyễn hoang chơi, lãng phí vô độ. Vua nào cũng xây dựng vạn niên cơ làm phần mộ từ khi còn sống. Ngoài ra còn xây cung điện, đài tạ, tổ chức tuần du, bắt nhân dân phải phục dịch đến khuynh gia bại sản. Các nghi lễ khánh tiết đều tổ chức xa hoa cùng cực. Vua có đến hàng trăm vợ...

(3) Đời Thiệu trị làm vua chỉ có 7 năm (1841 — 1847) mà đã có đến 58 cuộc khởi nghĩa; Tự Đức từ 1848 chỉ tính đến 1862 mà đã có đến 40 cuộc khởi nghĩa của nông dân chống lại triều đình.

(4) Tháng 3-1847, hạm đội của Pháp gồm hai chiếc tàu Gloire và Victorieuse, (« Vinh quang », và « Thắng lợi ») kéo tới Đà Nẵng

.....

dọa. Buồn vì không giúp ích được gì cho dân, Cao Bá Quát tự bảo:

« Đáng phàn nàn cho ta chỉ đóng cửa mà gọt giữa câu văn.

Lải nhải nhai lại, từng câu từng chữ.

Có khác chi con sâu đo muốn đo cả đất trời »⁽¹⁾

Để sống qua những ngày vô vị ở Viện hàn lâm, Cao Bá Quát thường đi du ngoạn và xướng họa. Bạn thơ của ông thì nhiều, nhưng người tâm đắc thì hiếm. Ông thường tỏ ra khinh bỉ những kẻ « nuốt sống bắt tươi », « mô phỏng quá nhiều, phong cốt chưa cao, tô điểm có khéo, nhưng tinh thần còn thấp », văn chương chỉ những « nắn nót », « lõe người », « tự phụ »⁽²⁾.

Vào thời đó ở Huế có « Mạc Vân thi xã » là một nhóm nhà thơ gồm các đại thần, vương tôn, công tử. Họ thường tụ họp để cùng nhau xướng họa đề vịnh. Người ta kể rằng một hôm có người đem thơ « thi xã » đọc cho Cao Bá Quát nghe. Nghe xong ông xua tay ngang mũi, đọc ngay hai câu lục bát:

« Ngán thay cái mũi vô duyên

Câu thơ thi xã⁽³⁾ con thuyền Nghệ An⁽⁴⁾.

bao vây hai chiếc thuyền đồng của ta để làm áp lực buộc triều đình Huế phải công nhận quyền tự do truyền đạo và theo đạo. Ngày 15-4, chúng nổ súng đánh đắm 5 chiếc thuyền đồng rồi rút lui. Đây là một hành động thăm dò, chuẩn bị cho việc cướp nước ta của thực dân Pháp.

(1) Bài « Đề sau khúc Yến đài anh ngữ của ông Đô sát họ Bùi ».

(2) Những chữ trong ngoặc kép đều của Cao Bá Quát dùng trong *Bài tựa đề cuối tập thơ của Miên Thẩm*.

(3) (4) Nhóm thơ lấy tên là Mạc Vân gồm có Tuy Lý Vương, Tùng Thiện Vương... Cao Bá Quát tỏ ý chê thơ của Mạc Vân thi xã dở không chịu được, hời hợt như con thuyền Nghệ An là thuyền dùng để chở mắm ruốc.

sẽ sung sướng biết bao khi nhận được món quà của con dâu chưa cưới gửi cho. Rồi quê hương, làng mạc, các bạn trẻ lần lượt hiện ra trong trí Phạm Ngũ Lão với hàng trăm câu hỏi và phỏng đoán.

Khi Phạm Ngũ Lão dừng ngựa trước sân nhà thì trời đã tối mịt. Túp lều tranh le lói ánh đèn. Một người nhỏ nhỏ đang nằm trên chõng tre, nghe có tiếng động, ngồi nhồm dậy. Phạm Ngũ Lão buộc ngựa bước vào. Chủ nhà thấy có khách lạ vội cầm đèn soi đường. Không nén được vui mừng, Phạm Ngũ Lão chạy đến trước mặt mẹ reo lên:

— Mẹ ơi! Mẹ!

Bà mẹ cầm đèn soi đi soi lại. Sắc phục võ tướng của đứa con trai đã làm cho bà ngỡ ngàng. Đùng con trai của bà rồi. Trông nó oai vệ quá, không phải là thằng Ngũ Lão rách mướp, đàn sọt khi xưa nữa. Đôi vai to rộng, khuôn mặt vuông vuông, cặp mắt sáng như sao, tiếng nói oang oang của nó thì bà không nhầm vào đâu được. Con ra đi, bà vẫn thăm hỏi tin tức hàng ngày, không ngờ nó lại về thăm bà giữa lúc này. Nghe nói quân giặc đã đến gần biên ải. Bà vẫn tưởng lúc này con bà còn mãi chinh chiến ở nơi xa và vẫn thăm cầu trời khẩn phật cho nó được chân cứng đá mềm. Thế mà con bà lại trở về ư? Vui mừng và ngỡ ngàng, bà hỏi:

— Sao lại về hử con?

— Thưa mẹ, con về thăm mẹ.

Nghe con nói, bà yên lòng thở dài. Thấy mẹ không vui, Phạm Ngũ Lão thăm đoán ở nhà đang có chuyện chẳng lành và lo lắng hỏi lại:

— Nhà có chuyện gì thế hử mẹ?

— Không, mẹ vẫn khỏe, xóm làng vẫn vui, năm nay được mùa lại càng vui con ạ.

Phạm Ngũ Lão băn khoăn, chưa kịp cất lời thì bà mẹ đã tiếp:

— Xóm làng vẫn mừng cho mẹ có đứa con làm nên sự nghiệp đang cầm quân đuổi giặc để giữ cho mọi nhà được yên vui. Mẹ nghèo nhưng vẫn vui khỏe vì con. Mẹ còn sống mãi đến ngày tan giặc, chờ con trở về với mẹ. Thế mà nay con lại đã về. Có phải vì còn chút mẹ già làm cho con không yên tâm lo việc nước hay không? Nếu vậy, thì mẹ chết quách cho con khỏi vương vẩn, sao nhãng việc quân cơ, làm lỡ việc nước, con ạ.

Nói xong bà cầm đèn đi vào nhà.

Lúc này Phạm Ngũ Lão mới hiểu nỗi lòng của mẹ. Mẹ đã hiểu lầm con rồi! Phạm Ngũ Lão vội chạy lại cầm tay mẹ:

— Mẹ ơi! Con về thăm nhà một đêm sáng mai đi ngay. Chỉ nhìn thấy mặt mẹ một lát con đã vui rồi⁽¹⁾.

Nói đến đây, Phạm Ngũ Lão rút từ trong tay nải gói lụa trao cho mẹ:

— Thưa mẹ, đây là chút quà của con gái Hưng Đạo Vương gửi về biểu mẹ.

Nét mặt hân hoan, bà vịn to đèn nhìn con, triu mến. Đêm hôm đó, nằm trên chõng ôm gói lụa vào lòng, bà ngủ ngon lành. Nụ cười hiền hòa còn đọng trên khuôn

1. Theo truyền thuyết, chi tiết này còn có người kể rằng bà mẹ toan dùng dải yếm để buộc cổ tự tử, và Phạm Ngũ Lão từ giã mẹ ngay tối hôm đó để có mặt ở Thăng Long vào lúc trời chưa sáng.

Còn có một lần Cao Bá Quát đã làm mọi người sợ xanh mặt nhưng vẫn phục lẫn vì ông đã cho Tự Đức bề mặt trong dịp nhà vua khoe tài trước quần thần. Vốn sinh thơ và hay chữ, một hôm Tự Đức khoe với quần thần rằng đêm trước nằm ứng mộng hiện ra được hai câu thần cú, rồi đọc cho mọi người nghe:

« Viên trung, oanh chuyển khê khả ngữ
Đã ngoại, đào hoa lấm tấm khai ».

Nghe tai nghe hai câu thơ kỳ lạ, các quan xun xoe tấ tấ khen tài dùng chữ của nhà vua. Cao Bá Quát cũng có mặt ở đấy. Đã không ưa kể nhai văn nhá chữ, lại thêm một lũ quần thần xu nịnh, Cao liền đứng dậy tâu:

— Muôn tâu, đó là hai câu trong một bài thơ thần đã được nghe.

Tự Đức ngạc nhiên. Hai câu thơ do chính mình nằm đêm vất óc nghĩ ra sao lại nói là của một bài thơ cũ? Nhà vua hỏi:

— Toàn bài thơ đó ra sao, người đọc cho trẫm nghe!

Các quan giật mình, quả hai câu thơ này họ chưa từng nghe. Cao Bá Quát đọc ở sách nào ra vậy? Trong lúc đó Cao vẫn thần nhiên, nhăm lại bài thơ rồi đọc một mạch:

« Bảo mã tây phong huếch hoác lai,
Huênh hoang nhân tự thác đề bài.
Viên trung, oanh chuyển khê khả ngữ,
Đã ngoại, đào hoa lấm tấm khai.
Xuân nhật bất văn sương lộp bộp
Thiên thu chỉ kiến vũ bãi nhai.
Khê khả thi tứ ca nhân thức
Khệnh khạng tương lai văn tú tài ».

(Ngựa báu theo gió tây huếch hoác lại
Huênh hoang người tự thác về.

Trong vườn, tiếng oanh hát khê khả

Ngoại, đào hoa đào nở lấm tấm.

Ngày xuân chẳng nghe sương lộp bộp.

Trời thu chỉ thấy mưa bãi nhai.

Khê khả thi tứ ca nhân thức

Còn khệnh khạng đem hỏi các nhà văn học)⁽¹⁾.

Nghe thơ, vua quan đều giương mắt nhìn nhau. Đùng là giọng thơ của Cao Bá Quát! Đã vậy lại còn chê nhà vua là khê khả, khệnh khạng. Nhiều viên quan rút cổ thè lưỡi sợ cơn giận của nhà vua vì cái ngạo mạn của Cao Bá Quát. Tự Đức giận lắm, nhưng không có cơ gì để buộc tội người đọc thơ. Cả vua lẫn quan bị một vố đau nhưng cũng phải giật mình kinh ngạc vì tài ứng khẩu của Cao Bá Quát.

Là người có biệt tài về thơ văn, nhưng Cao không chỉ vừa lòng với việc sống để làm thơ. Từ thuở còn đi học ông vẫn hy vọng sẽ đem sở học để xây nền trị bình cho đất nước. Nhưng hoàn toàn thất vọng, ông đã thấy:

« Bước đường công danh không khác gì chỗ rơi
bị vỡ,
Nghiep nhà thư sử cũng tựa như nghề mỗ
rồng »⁽²⁾.

Trong dịp đi chơi Hoành Sơn, đứng trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ của đất nước, ông nghĩ đến tình cảnh cơ cực của nhân dân mà kẻ sĩ như ông có trách nhiệm phải

(1) Theo lời dịch của Trúc Khê — Cao Bá Quát, Hà Nội 1952.

(2) Bài « Đang bị ốm, có người bạn mời uống rượu, làm ngay » — Mỗ rồng: Ngày xưa, có người đi học 'nghề mỗ thịt con rồng, học hết phép, khi về nhà thì chẳng có rồng mà hành nghề — ý nói: uống công vô ích.

mặt già nua và phúc hậu của người mẹ nghèo đáng kính.

Sáng sớm hôm sau, Phạm Ngũ Lão từ giã mẹ, phi ngựa trở về Thăng Long. Trên đầu, trời cao lồng lộng, một vài ngôi sao mai còn nhấp nháy ở chân trời phía tây. Hai bên đường, cây cối đồng ruộng nhẩy múa lúi lắt. Phạm Ngũ Lão đặt chân đến đất Thăng Long vào lúc nắng sớm đã trải khắp kinh thành. Người con trai làng Phù Ủng thấy người khoan khoái nhẹ nhõm như không khí trong lành, mát dịu của một ngày mới.

NGUYỄN ANH

TRẦN NHẬT DUẬT

Đoàn thuyền dài đặc, chậm chạp ngược nước Hoàng Giang⁽¹⁾ trở về kinh đô Thăng Long. Đủ các kiểu thuyền lớn nhỏ chen chúc bên nhau. Chiếc nào cũng sắc sảo, long lanh những lụa là gấm vóc căng vuông, quây tròn làm nên cảnh màn che trướng rủ ngay trên sông nước. Vừa tháng trước, đoàn thuyền của hoàng gia cũng kênh mà gấp gáp rời kinh thành đi lánh giặc, bây giờ tất cả đã tươi vui, hồ hởi trở lại hoàng cung: đại quân của Trần triều vừa cả phá binh đoàn hung bạo của tướng giặc Cốt Đái Ngột Lang⁽²⁾, thu được kinh đô!

Gió xuân ấm và ẩm nhẹ nhẹ lay cánh màn trong tay Linh từ quốc mẫu⁽³⁾ — người vừa góp phần không nhỏ vào chiến thắng của triều đình Đại Việt. Chưa đầy

(1) Khúc sông Hồng chảy qua miền Lý Nhân (Nam Hà), nơi nhà Trần thường chọn làm chỗ tránh giặc ngoại xâm của hoàng gia.

(2) Theo cách gọi của Trần Hưng Đạo trong *Hịch tướng sĩ*. Tên tướng phong kiến Mông Cổ cầm đầu cuộc xâm lược Việt Nam năm 1258 này, còn được gọi là Ngột-lương Hợp-thái.

(3) Tên thật là Trần Thị Dung, vợ thái sư Trần Thủ Độ — người nắm mọi quyền bính của nhà Trần lúc sơ khởi, thường được gọi là “quốc phụ”.

lo lắng. Nhưng khốn thay với triều đình mờ tối và tàn bạo này ông không thể trông mong gì được. Ông chỉ còn ngao ngáo:

*«Sớm lên đứng trên núi Hoành Sơn
Chiều xuống tắm ở dòng khe Bàn Thạch
Nhặt lấy mỗi nơi một viên đá,
Cả non sông không đầy một vốc bàn tay».*⁽¹⁾

và tỏ ý thăm kín:

*«Người anh hùng không kéo lại được nước đã
ngàn năm»*⁽²⁾

Là một viên quan nhỏ ở Viện hàn lâm, bị triều đình hắt hủi, nhưng tư cách và tài năng của Cao Bá Quát lại vượt trên tầm của nhiều người. Giữa triều đình ruồng một với một bề vua quan bất tài chỉ biết đến vinh thân phì gia, Cao vẫn thường nhủ:

*«Làm hoa nên làm hoa sen,
Hương thanh, thân thẳng, dáng điệu xinh tươi.
Bùn vàng năm đấu, nước một thước,
Có một phong cách đặc biệt như sóng trong
động tiên.*

*Công thành danh toại rồi thì đi tập,
Không dây dưa gì đến các loài hoa cỏ tầm
thường»*⁽³⁾,

Trong tình cảnh ấy, con người «chỉ ôm ấp hoài tấm lòng lo trước vui sau» của Cao Bá Quát đã trở thành cái gai trước mắt nhiều kẻ.

Năm thứ 3 triều Tự Đức (1850), Cao Bá Quát được lệnh rời kinh đô Huế đi nhận chức giáo thụ phủ Quốc

(1) Bài «Tắm ở khe Bàn Thạch»

(2) Bài «Lên núi Hoành Sơn»

(3) Bài «Ông Dy Xuân, vì có chậu sen bị gió thu làm xơ xác, có thơ gửi cho, ta theo vần làm bài ca họa lại».

Oai⁽¹⁾. Từ ngày ấy Cao Bá Quát không còn phải nằm khênh trong gian gác nhỏ bên sông Hương để làm những bài thơ «ngâm lên cũng có thể làm rung sao»⁽²⁾ và nhìn dòng sông lại thấy «Ngọn sông dài như lưỡi gươm dựng giữa trời xanh»⁽³⁾ nữa!

★
★★

Khắp phủ Quốc Oai, ai mà không biết tiếng ông giáo thụ họ Cao. Chả phải đến bây giờ, ngay từ ba năm trước, khi nghe tin Cao Bá Quát về giữ chức giáo thụ của phủ nhà, người ta đã mừng cho con em trong phủ được một ông quan nổi tiếng văn học trông nom dạy dỗ. Chẳng bao lâu câu thơ được truyền tụng từ kinh đô: «Văn như Siêu, Quát: vô Tiền Hán; thi đáo Tùng, Tuy: thất Thịnh Đường»⁽⁴⁾ cũng đến với người dân phủ Quốc Oai xa xôi này.

Người ta biết nhiều chuyện về quan giáo thụ nhưng không ai hiểu được tâm sự của ông.

Thuở thiếu thời, ông cũng miệt mài bút nghiên, gửi gắm tương lai vào khoa cử. Đến bây giờ mái tóc đã hoa râm, sau hàng chục năm lao đao chốn quan trường, ông đã thấy mình nhảm. Cứ như thế này, cái sở học của ông chẳng giúp gì được cho đời cả. Chẳng phải đâu xa

(1) Hà Tây bây giờ.

(2) Bài «Nằm cùng với ông đốc học Quảng Nam họ Bùi, đang đêm trở dậy thấy trăng»

(3) Bài «Làm khi chơi sông Hương».

(4) Có nghĩa: Văn của Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát thi đời Tiền Hán cũng không bằng; Thơ như của Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương thi thời Thịnh Đường cũng đành thua. (Tiền Hán và Thịnh Đường là hai thời kỳ có nền văn xuôi và thi ca phát triển rực rỡ của Trung Quốc).

một tháng trường dốc sức lo liệu việc đưa gón cả hoàng gia vừa kịp rời bỏ kinh thành trước lúc giặc Thát⁽¹⁾ ập đến tàn phá, rồi lại đứng đầu việc thu thập, quyền góp binh khí, quân nhu gửi ra trận tiền cho tướng sĩ— mái tóc của Linh từ quốc mẫu đã thêm nhiều sợi bạc. Và bây giờ thì bà lão quốc mẫu đang vén cánh màn gấm, ngó đầu ra ngoài khoang thuyền. Linh từ quốc mẫu vừa toan cất tiếng gọi thì đã dừng ngay lại: quay lưng về phía bà, một bóng người nhỏ xíu đang lặng lẽ đứng thẳng ở mũi thuyền, mê mải nhìn mãi ra phía trước, chẳng hề động dậy.

Linh từ quốc mẫu chớp chớp mắt, lắc đầu. Từ ngày để con người nhỏ bé kia theo sát bên mình trong suốt thời gian cùng hoàng gia lánh giặc, quốc mẫu ngày càng nhận ra những nét đặc biệt ở vị hoàng tử thứ sáu của vua Thái Tông. Mới 5 tuổi đầu mà khác hẳn mọi đứa trẻ, hoàng tử lúc nào cũng lặng lẽ như luôn luôn đắm mình vào những việc xa xôi.

Quốc mẫu bước nhẹ ra mũi thuyền, đặt tay lên vai đứa cháu nhỏ:

— Nhật Duật!

Chú bé đứng nhìn đắm đắm vào một vùng sóng nước trước thuyền, nghe tiếng gọi đột ngột mà chẳng hề thẳng thốt giạt mình⁽²⁾, thong thả xoay người trở lại, gương mặt hướng về phía người vừa gọi mình, nhìn kỹ một lúc rồi mới mở miệng gọi:

— Bà ơi, cháu...

(1) Hoặc Thát Đát, phiên âm từ Tác-ta — tên gọi để quốc phong kiến Mông Cổ ở đời Trần.

(2) Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* chép về Trần Nhật Duật: « Ông là người nhả nhặn điềm đạm; mừng, giận không bao giờ lộ ra sắc mặt ».

— Hoàng tử Chiêu Văn⁽¹⁾! Cháu phải gọi ta là « quốc mẫu ».

Linh từ quốc mẫu nhẹ nhàng mà nghiêm nghị uốn nắn cách xưng hô cho đứa cháu nhỏ. Chú bé lặng lẽ ngược mắt nhìn lên rồi thong thả:

— Tàu quốc mẫu, người ở đây ai cũng gọi bà là « bà »...

— Đây là tiếng nói của dân thường. Còn hoàng tộc thì đã có lệ phải dùng chữ của người Hán để phân biệt!

Trí tuệ của vị noàng tử 5 tuổi bắt lấy ý đó và nói rộng ngay:

— Tàu quốc mẫu, ở vùng này có nhiều người nói tiếng gì mà nhiều khi không giống hẳn người thường?

Linh từ quốc mẫu mở to mắt nhìn đứa cháu. Lại một việc kỳ lạ nữa! Quốc mẫu giảng giải:

— Đây là người Chiêm Thành mà các đời vua trước đi trận bắt được, cho về sống ở đây...

Khuôn mặt non nớt của Trần Nhật Duật thoáng một nét đắm chiều:

— Người Hán này, người Chiêm Thành này... Thế ở quanh ta đây còn có bao nhiêu giống người tất cả?

— Nhiều... — Vị quốc mẫu bắt đầu lúng túng — Rồi... lớn lên cháu sẽ biết!

Chiêu Văn hoàng tử Trần Nhật Duật lại xoay người nhìn ra trước mũi thuyền. Trong khi đó, Linh từ quốc mẫu cũng nghiêng người ngắm đứa cháu: Thằng bé

(1) Tên hiệu Trần Nhật Duật. Sử cũ chép rằng vua Trần Thái Tông nhờ đạo sĩ cầu tự nằm mộng thấy Ngọc hoàng thượng đế sai Chiêu Văn đồng tử giáng sinh; đến khi sinh hạ Trần Nhật Duật thì cũng thấy ở cánh tay đã có sẵn hai chữ « Chiêu Văn », bèn lấy tên ấy đặt làm tên hiệu cho Trần Nhật Duật.

là ngay trên mảnh đất Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây này, người dân vẫn điêu đứng trong đói nghèo liên miên. Không phải vì dân thiếu ruộng cày, không biết làm ăn, mà chỉ vì sưu dịch, thuế khóa và nạn tham nhũng; nay phải cung đốn cho tỉnh nhà, mai cho kinh đô để nuôi béo một lũ vua quan chỉ biết bòn rút và dùng hình phạt. Ấy thế mà ông lại nằm lì ở phủ Quốc Oai này với nghề ông đã cho là lầm lạc. Con người do ông đào tạo nên phỏng có giúp ích gì cho dân nước trong tình hình này không? Ông không còn hào hứng với chức nghiệp giáo thụ này nữa, và đã chán ngấy cái triều đình đang đòi ông phải cúc cung tận tụy. Ông đã có con đường đi của mình.

Thỉnh thoảng người ta gặp quan giáo thụ thuê võng đi từ Quốc Oai về trấn Bắc Thành. Nhớ bạn, ông đi tìm bạn. Yêu quê, ông về thăm quê. Ở Quốc Oai, hàng ngày sau buổi dạy học, nếu không về tư thất làm ban với sách vở, thì ông lại đeo bầu rượu túi thơ rủ bạn đi thăm những thắng cảnh trong vùng. Tuy ở nơi thôn dã xa xôi này, nhưng bạn bè khách khứa tìm đến với ông khá đông. Không mấy ngày nhà ông không có khách.

Ai đến trường học cũng phải dùng chân đọc đôi câu đối viết trên tường:

« Mô phạm dăm ba thằng mặt trắng

Đỉnh chung chiếc rươi cái lương vàng » (1)

Còn ở nhà riêng, người ta không thể nhin cười vì câu đối dán trên vách:

« Nhà trống ba gian, một thầy, một cô,

một chớ cái.

Học trò dăm đứa, nửa người, nửa ngợm,

nửa đời trời

(1) Lương vàng: lương trả bằng thóc.

Ấy thế mà quan phủ cũng phải nể ông Cao, bởi vì đến tổng đốc Sơn Hưng Tuyên Nguyễn Bá Nghi, ông giáo thụ họ Cao còn chẳng sợ nữa là. Thà đem học trò lên núi bình văn thơ cho khỉ nghe chứ Nguyễn Bá Nghi biết gì mà ông phải gửi những bài văn hay lên cho tổng đốc (1).

Ngoài việc dạy học, ông chỉ thích đi chơi và tiếp khách. Vào thời buổi loạn lạc này, việc đi lại, giao thiệp của người dân cũng bị xét hỏi, theo dõi nghiêm ngặt. Đối với ai, chứ với ông giáo thụ họ Cao, từ kinh cho đến các tỉnh, ở đâu ông cũng có bạn, thì việc khách khứa, bạn thơ lui tới nhà ông đông đảo cũng không lạ.

Không ai để ý đến trong số bạn bè thường lui tới nhà quan giáo thụ có một người khách ít khi đến thăm ông Cao, nhưng mỗi khi đến, thường hay ở lại chơi hàng mấy ngày.

Hôm nay ông ta lại đến nhà Cao Bá Quát vào lúc trời tối. Cao thu mình trong chiếc áo kép đã sờn, đang ngồi cạnh ngọn đèn. Quyền binh pháp Tôn Tử dọc dờ còn để một góc án thư. Bên ngoài gió bắc từng cơn, xô vào liếp ọp ọp. Bên bếp rượu nóng, Cao Bá Quát ngâm nga mấy bài thơ của mình đề vịnh trên vách núi. Đang mãi ngâm thơ, chú tiểu đồng bước vào:

— Thưa thầy, nhà có khách ạ.

Cao Bá Quát gấp vội sách đặt lên giá, xốc áo đứng dậy. Khách bước vào:

— Kính chào Cao tiên sinh.

Cao mừng rỡ reo lên:

— Ngài Nguyễn Kim Thanh ! Tôi tưởng có khách từ
trần thành lên chơi.

(1) Theo truyền thuyết về Cao Bá Quát khi làm giáo thụ ở Quốc Oai.

đã sớm lộ thiên tư, ham thích hiểu biết về các tiếng nói và các giống người! — Bất giác, đầu óc của vị quốc mẫu hình dung ngay ra cái thế của người Việt đang sống xen giữa bao giống người khác mà bà, cũng như cả triều đình, đều chưa am tường. Trong khi chính đây lại là chuyện hệ trọng. Nội một việc trại chủ vùng Qui Hóa⁽¹⁾ vừa tự đem binh mừng của mình ra chặn đánh giặc Thát trên đường chúng rút chạy từ Thăng Long về nước, cũng đủ để thấy rằng, liên kết chặt chẽ được với những người mà triều đình vẫn quen gọi là Phiên, Man, thì lợi ích sẽ không nhỏ. Phên giậu của triều đình chính là họ, nếu rồi đây quân giặc lại gây hấn nữa.

« Phải có riêng người để cậy trông việc giao dịch kết liên với các Phiên, Man và các lân bang » — Linh từ quốc mẫu vừa nhủ thầm, vừa long lanh cặp mắt nhìn mãi vào khuôn mặt khôi ngô của đứa cháu nhỏ, trong khi vị hoàng tử thứ sáu của vua Thái Tông vẫn thản nhiên, khẽ nhuộm cặp lông mày xanh biếc, nhìn mãi về phía trước...

I

Hơn 20 năm đã qua, kể từ ngày đạo quân của tướng Cốt Đãi Ngột Lang tàn phá kinh đô rồi tháo lui khỏi kinh đô. Giặc Thát đã một lần nhục nhã tởm rút chạy, nhưng

(1) Miền Tây Bắc và hữu ngạn thượng du sông Hồng. *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: Mùa xuân năm 1258, ban thưởng cho trại chủ Qui Hóa là Hà Bổng tước hầu, vì có công tập kích giặc.

giặc mộng cuồng điên thôn tính nước Đại Việt của chúng vẫn chẳng bao giờ nguôi. Vô ngựa quân Thát đã băng qua sa mạc Trung Á, tràn tới tận trung tâm châu Âu, vượt qua Vạn lý trường thành, giày xéo khắp đất Trung Hoa mệnh mông, không lẽ nào dừng lại trước một nước Đại Việt! Binh mã đã sẵn sàng, nếu Đại Việt « không chịu ngồi yên, cố ý kháng mệnh, thì... cứ sửa sang thành lũy, sắm sửa giáo binh, chờ đấy mà xem! »⁽¹⁾.

Từ một chú bé phải theo hoàng gia đi chạy giặc, Trần Nhật Duật đã trở thành một chàng thanh niên tuấn tú vào giữa những ngày đó. Non sông đang chuyển mình dữ dội trước cơn giông bão từ phía giặc Thát lừng lững kéo tới, đe dọa quét sạch từng ngọn cỏ gốc cây. Thấy rõ cha anh mình cùng nhân dân Đại Việt đổ mồ hôi và máu xương đương đầu với quân giặc, tuổi trẻ của Trần Nhật Duật là những năm tháng miệt mài rèn luyện để nên người hữu dụng, xứng đáng với dân tộc và dòng họ.

Đọc binh thư, tập nghề võ, luyện văn chương như mọi người và hơn nhiều người, Trần Nhật Duật còn trẻ mà đã nổi tiếng hiểu nhiều biết rộng. Nhưng uy tín của vị hoàng tử ít tuổi còn nổi cao hơn nữa ở trong triều ngoài nước, chính là nhờ tài ba được luyện rèn trên cái năng khiếu đã sớm lộ rõ từ ngày còn nhỏ. Đề tâm nghiên cứu, tìm hiểu về các nước láng giềng, chàng thanh niên Nhật Duật đặc biệt chú ý đến nước Trung Hoa dưới vương triều Tống ở phương Bắc, và nước Chiêm Thành ở phía Nam. Học tiếng Tống và tiếng

(1) Chiếu thư của vua Mông Cổ gửi vua Trần năm 1278, chép trong *An nam chí lược*.

Sau khi ngồi yên chỗ, Cao Bá Quát rót rượu mời khách. Nguyễn Kim Thanh cởi tấm khăn nhiễu buộc đầu rút ra một phong thư, kính cẩn trao cho Cao Bá Quát. Xem kỹ bức thư nhiều lần, Cao lặng lẽ đưa lên ngọn lửa. Tờ giấy bắn bốc lửa cháy bùng bùng, soi rõ gian nhà lá. Ngọn lửa lui dần rồi tắt ngấm, chỉ còn lại một ít tàn đen uốn éo quăn queo và nát vụn. Cao Bá Quát hạ giọng:

— Từ khi biết Lê minh chủ⁽¹⁾, lại được hội kiến với người bàn về việc dựng cờ nghĩa cứu vớt muôn dân, tôi mừng cho vận nước. Chỉ tiếc rằng tôi đã uống phí cả một thời trai trẻ để rồi phải mòn đầu dưới trướng lữ hôn quân. Đến khi tỉnh ngộ thì đầu đã bạc.

Nguyễn Kim Thanh đỡ lời:

— Thừa tiên sinh, triều đình đưa tiên sinh về Quốc Oai là chúng thả hổ về non cỏ. Được tiên sinh theo về, Lê minh chủ mừng có người giúp rập tai giới. Ngày đêm ngài vẫn mong đợi tiên sinh về bên màn trướng để cùng bàn việc nước.

Hiểu ý, Cao Bá Quát xua tay:

— Trong thư Lê minh chủ có nói ý đó. Tôi muốn ôm mãi chức giáo thụ Quốc Oai này làm gì? Dấy nghĩa để quét sạch lũ hôn quân bạo chúa, cứu dân dựng nghiệp cũ là cần thiết và hệ trọng. Phải làm sao thuyết phục được nhân tâm, tha nạp các sĩ phu, hào kiệt. Đến khi bùng dậy phải như sấm sét, như vũ bão, khiến chúng che tai không kịp. Xem thư, tôi đã hiểu lòng Lê minh chủ. Ngài hãy về tàu với Lê minh chủ rằng tôi còn phải

(1) Tức Lê Duy Cự, con cháu nhà Lê, người đã nổi dậy, tự xưng làm minh chủ, cầm đầu cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương chống lại triều đình vào năm 1854.

liên kết với các văn nhân sĩ tử, chiêu mộ hào kiệt, thành lập nghĩa đảng ở các tỉnh Bắc Ninh, Sơn Tây, Hà Nội để các nơi cùng ứng nghĩa. Bằng như nay, bỗng nhiên bỏ về với Lê minh chủ thì chưa phải lúc, chỉ làm cho triều đình thêm nghi ngờ mà thôi.

Cho đến quá nửa đêm, ánh đèn nhà Cao Bá Quát mới tắt. Quan giáo thụ vẫn thường thức khuya để đọc sách hoặc chấm bài!

Sáng hôm sau, tiễn chân khách đến đầu đường, Cao về trường dạy học trò lên núi Sài Sơn bình văn.

Một tháng sau, quan giáo thụ phủ Quốc Oai được lệnh của bộ Lễ cho phép nghỉ việc về quê phụng dưỡng mẹ già.

★
★

Trong dinh tổng đốc, Nguyễn Quốc Hoan đứng ngồi không yên. Ngay từ lúc mới phát giác ra đảng nghịch, vội tâu về triều đình, Nguyễn Quốc Hoan mừng phen này sẽ lập được công lớn. Đã bốn tháng rồi, Nguyễn Quốc Hoan được lệnh của Tự Đức phải hiệp sức với tổng đốc Hà Ninh là Lâm Duy Hiệp, tổng đốc Sơn Hưng Tuyên là Nguyễn Bá Nghi để trừ loạn Cao Bá Quát. Chẳng phải chỉ có quan lại ở địa phương, mà từ kinh đô Huế, Tự Đức cũng lo nơm nớp. Một khi các sĩ phu kết hợp được với dân nghèo đã sẵn cảm thù triều đình để vùng dậy, thì đất Bắc Hà khó mà giữ được và ngai vàng của nhà vua cũng có cơ bị trút đổ. Cho nên Tự Đức đã vội phái phó lãnh binh Thanh Hóa đem 500 quân, vệ úy Hoành Thành đem ngay một vệ lính tuyển phong, 20 súng thần cơ, 15 võ sinh từ kinh ra Hà Nội để hỗ trợ tiêu phạt.

Chiêm, sử dụng thành thạo các ngôn ngữ ấy, Nhật Duật còn am hiểu nhiều mặt của các nước đó, kể cả những phong tục tập quán chi li nhất. Đối với các dân tộc ở trong nước, Nhật Duật càng chuyên tâm học hỏi, tìm tòi. Hiểu về họ, Nhật Duật không chỉ hiểu tiếng, mà còn hiểu cảnh, hiểu người.

Ngoài 20 tuổi, Trần Nhật Duật đã được phong tước vương, và là người của triều đình nhà Trần đặc trách những công việc về các dân tộc có liên quan. Vua Trần Nhân Tông vừa kinh ngạc vừa thán phục khả năng của Trần Nhật Duật, thường thân mật nói đùa: « Chiếu Văn Vương dường như không phải người Việt mà chính là hậu thân của các giống Phiên, Man! ». Trong khi đó, tiếp xúc với sứ thần của triều đình nhà Nguyên, có lần Trần Nhật Duật đã vui vẻ tự nhiên, cùng uống rượu và chuyện trò suốt cả một ngày, khiến cho sứ Nguyên nhất định cho rằng Nhật Duật là người Hán ở Chân Định⁽¹⁾ sang làm quan ở bên Đại Việt⁽²⁾.

Giữa thư phòng ngồn ngộn sách vở, Chiếu Văn Vương Trần Nhật Duật cúi đầu đọc rón mấy trang của bộ *Thái Bình hoàn vũ ký*⁽³⁾ trước khi ra sảnh đường tiếp khách.

Việc đọc sách bao giờ cũng khiến Trần Nhật Duật mê say. Những dòng chữ cổ kim, đọc lúc thư nhàn hay vội vã, luôn luôn cuốn hút trọn vẹn tâm trí Nhật Duật.

(1) Thuộc Trục Lệ, gần ngay Bắc Kinh bây giờ.

(2) Đoạn này viết theo tài liệu ở các sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Lịch triều hiến chương loại chí* và *Việt sử thông giám cương mục*.

(3) Bộ sách lớn của Trung Quốc vào đời Tống (966 — 1284), do Nhạc Sử biên soạn, ghi chép những sự việc quan sát được ở đời Thái Bình hưng quốc (976 — 984) trên đất Trung Hoa và các miền lân cận.

Phần *Lĩnh nam đạo* của bộ sách Thái Bình đồ sộ này có nhiều dòng trực tiếp đề cập đến các tộc người sống trên miền giáp ranh giữa hai nước Trung Hoa và Đại Việt — chính là những trang ưa nghiền ngẫm hàng ngày của vị thân vương trẻ tuổi đặc trách công việc miền biên viễn. Nhật Duật với tay lên giá sách, chọn thêm mấy cuốn trong bộ *Lĩnh ngoại đại đáp*⁽¹⁾, cặm cụi tra cứu, so sánh đoạn văn vừa chợt thấy có điều ngờ ngợ. Cuối cùng, ông đặt cả những tập sách lên án thư, ngược mắt đắm đắm nhìn vào thanh bảo kiếm treo nghiêng trên vách, lặng lẽ suy tư...

« ... Nước Tống quả là có lắm người tài. Kiến thức của họ thật là rộng. Sách vở của họ như núi. Lĩnh Nam⁽²⁾ là miền đất xa ngoài biên cương mà họ cũng dày công viết nhiều đến như vậy! Một nước văn hiến đến thế, mà sao không cự nổi giặc Thát? » — Trần Nhật Duật suy nghĩ miên man, bàn tay vô tình mân mê chiếc ấn mang hai chữ triện « Chiếu Văn » vương vức đặt trên án thư — « Hoàng đế nhà Tống rút chạy quân Thát từ Bắc xuống Nam cuối cùng đã phải trẫm mình ngay ở Nhai Sơn thuộc Lĩnh Nam⁽³⁾. Đất Lĩnh Nam mà Tống triều đã bỏ công nghiên cứu viết sách, cuối cùng không giúp được vua Tống thắng giặc. Sao vậy? » — Bàn tay của Nhật Duật tiếp tục gại ngón trên gờ sắc của chiếc ấn —

(1) Sách của Chu Khứ Phi, cũng đời Tống, chuyên khảo về miền đất phía Nam nước Trung Hoa.

(2) Miền đất từ núi Ngũ Lĩnh trở về phía Nam. Đây là địa bàn của các tộc người Việt thời cổ, bị cắt nhập vào đất đai của người Hán.

(3) Năm 1279, sau hơn 40 năm kháng cự người Mông Cổ, căn cứ cuối cùng của triều đình Nam Tống ở Nhai Sơn (Tân Hội, Quảng Đông) bị tấn công, vua Tống Triệu Bính phải nhảy xuống biển tự tử.

Bốn tháng ròng rã, các phủ huyện ra sức tầm nã, bắt bớ không biết bao nhiêu người để tra khảo mà vẫn chưa dò la được tung tích Cao Bá Quát, trong lúc đó chuyện Cao Bá Quát nổi dậy chống triều đình ngày một lan rộng, tình hình trong tỉnh không lúc nào yên.

Cuộc đời làm quan bấy lâu đã cho Nguyễn Quốc Hoan biết dân mà đối thì khó bề yên được. Ấy thế mà tỉnh Bắc Ninh này cũng như các tỉnh khác đang trải qua cơn đói khủng khiếp. Theo các phủ huyện báo lên thì nhiều làng, dân phiêu bạt, bồng bế nhau đi lang thang, người chết đói nhan nhản. Nạn đói còn kéo dài. Vụ chiêm đã mất vì châu chấu, vụ mùa lại mất vì ngập lụt. Tổng đốc Nguyễn Quốc Hoan lo lắng. Không phải ông ta lo dân đói, mà lo không bắt được Cao Bá Quát thì ông cũng khó mà giữ được đầu chữ đừng nói đến cái ghế tổng đốc.

Nguyễn Quốc Hoan phải đến trấn Bắc Thành hội bàn với các tổng đốc như đã hẹn, để tung lưới quyết bắt cho được Cao Bá Quát.

Trấn Bắc Thành chìm ngập trong hoang mang, lo sợ. Từ mấy tháng nay chẳng những người dân ở trấn thành luôn luôn bị khám xét, tra hỏi, mà cả những người đói từ các nơi đổ về phố phường ăn xin, đêm hôm nằm ngổn ngang ở đầu đường xó chợ cũng bị xua đuổi, bắt bớ. Lệnh của tổng đốc Lâm Duy Hiệp ban ra: cấm không được tụ họp đông người, ban đêm ai đi đâu phải mang theo đèn đóm... Người ta đồn rằng Cao Bá Quát sẽ dẫn binh đánh úp trấn thành. Chưa thấy ai gây loạn, chỉ mới thấy quan lại, binh lính được dịp sách nhiễu, cướp bóc ức hiếp dân chúng. Trên đường phố quân lính điều chuyển tới tấp. Không mấy ngày không

có những tốp người gầy gò rách rưới tay trói, cổ mang gông, bị lính áp giải vào nhà lao trấn thành.

Ai nấy lo lắng, hồi hộp đợi chờ một biến cố lớn, hy vọng có thể thay đổi cuộc sống ngọt ngát đang hàng ngày hàng tháng đè nặng cả trấn thành.

Hôm nay phố phường lại một phen nhốn nháo vì chuyện tổng đốc Ninh Thái Nguyễn Quốc Hoan, tổng đốc Sơn Hưng Tuyên Nguyễn Bá Nghi đến hội kiến với tổng đốc Hà Ninh Lâm Duy Hiệp.

Bình thường thì việc đi lại của các quan tổng đốc, dân thường chẳng mấy ai biết đến. Nhưng vào lúc này thì khác. Quan tổng đốc đi từ tỉnh Bắc, tỉnh Sơn sang trấn thành phải có hàng mấy trăm tinh binh khi giới sẵn sàng hộ tống. Dọc đường quan đi, người ta cấm dân không được tụ họp. Ai trái lệnh thì bắt giữ, nếu chống lại thì chém đầu ngay tại chỗ. Còn ở trấn thành, trạm canh gác vốn đã dày đặc như mạng nhện, hôm nay số trạm gác lại tăng lên gấp bội. Trên đường, các thầy cai, thầy đội lăng xăng cặp gươm đi tuần. Thỉnh thoảng một viên quan võ rap mình trên lưng ngựa, lao nhanh như tên bay. Hai bên phố phường cửa ngõ đóng im ỉm.

Người ta bảo nhau: các quan tổng đốc sợ quân ông Cao Bá Quát bắt giết đấy!...

Trong khi đó ở khu rừng Ngang huyện Mỹ Lương⁽¹⁾ quốc sư Cao Bá Quát, thượng thư Nguyễn Kim Thanh cùng với Lê minh chủ đang bàn việc ra quân.

(1) Huyện Mỹ Lương thuộc tỉnh Sơn Tây xưa, bao gồm huyện Mỹ Đức, một phần nhỏ huyện Chương Mỹ (Hà Tây), và một phần huyện Lương Sơn, (Hòa Bình) ngày nay.

« Tổng triều chăm viết sách mà không chăm việc cổ kết lòng người nơi biên viễn. Sách vở của họ cũng đầy rẫy những chuyện miệt thị các dân ngoại tộc, ngay trên từng dòng viết về miền Lĩnh Nam... Phải chăng đây chính là cái gương nhõn tiền mà người lo việc biên viễn phải kiêng dè? »

Mấy tiếng chuông báo hiệu từ sảnh đường vọng vào thư phòng. Trần Nhật Duật dứt ra khỏi dòng suy tưởng, sửa sang khăn áo, tạm rời bỏ chồng sách.

Ít lâu sau, quân quan nhà Tống thất trận trước giặc Thát, ùn ùn rời quê hương sang nương náu ở Đại Việt. Nhiều người trong bọn họ là những kẻ có chí khí và tài năng. Rất có thể đây sẽ là một cái vốn quý trong cuộc chiến tranh với quân Thát sau này — Trần Nhật Duật lặng lẽ tính toán rồi đứng ra xin vua Trần cho phép thu nạp họ. Dưới trướng Chiêu Văn Vương, từ năm trước đã nhận vào đạo sĩ Hứa Tông Đạo là người có tài văn chương, giỏi phép thuật. Bây giờ đến lượt một võ tướng, họ Triệu tên Trung, biết liếng Chiêu Văn Vương chiêu hiền đãi sĩ, đã vừa gửi thiệp xin được yết kiến.

Trần Nhật Duật dùng thẳng tiếng Tống trò chuyện cùng Triệu Trung. Viên tướng của nhà Tống rõ ràng đang hoang mang về cảnh ngộ mất chúa cũ mà chưa tìm được chủ mới, bực bực với Nhật Duật:

— Tôi là kẻ mất nước nên phải lưu lạc sang đây. Chẳng hay thân phận bèo bọt này rồi sẽ ra sao ở dưới trướng của Ngài?

— Giặc Thát đã chiếm mất nước ông, bức hại hoàng đế của ông. Chúng đang muốn diễn lại cảnh ấy trên nước Đại Việt. Cho nên kẻ thù của chúng tôi cũng là kẻ thù của ông — Trần Nhật Duật điềm đạm trả lời Triệu Trung — Ông vì mối thù chung đó mà cùng chúng tôi cự

giặc, nếu Tống sử không ghi công của ông thì Việt sử sẽ làm việc thay thế.

Thấy Triệu Trung rang rỡ sắc mặt vì những lời khích lệ chân tình, Trần Nhật Duật thông thả nói tiếp:

— Tôi mới được nghe mấy câu thơ của người nước ông, bây giờ xin đọc lại:

*« Nhân sinh tự cổ thù vô tử
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh »⁽¹⁾.*

Câu thơ chưa đọc dứt, viên tướng của Tống triều đã nước mắt lưng tròng, sụp ngay xuống lạy:

— Triệu Trung này những tướng chỉ riêng mấy người Tống chúng tôi mới biết Văn Thiên Tường⁽²⁾, nào ngờ chuyện vừa mới xảy ra mà Ngài cũng đã tường tận những lời nghĩa khí của bậc nhân giả chúng tôi. Quả là danh bất hư truyền! Xin cho được cùng lũ bộ hạ cấp giáo theo hầu Ngài suốt đời dưới trướng!

★★

Đoàn quân dài dặc, sáng lóe giáo gươm, rực rỡ tinh kỳ, rời nhanh kinh thành nhằm thẳng hướng Tây Bắc tiến phát. Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật cưỡi ngựa

(1) « Đời người từ xưa, ai chẳng chết? »

Lưu lại lòng son với sử xanh ».

(2) Năm 1278, một năm trước khi nhà Tống mất, Văn Thiên Tường, nhà thơ yêu nước nổi tiếng của nhân dân Trung Quốc bị xâm lược Mông Cổ bắt. Đáp lại lời dụ dỗ của giặc, để bày tỏ chí khí của mình và động viên nhân dân đánh giặc, ông đã làm nhiều bài thơ tráng khí, trong đó có 2 câu thơ nổi tiếng nói trên.

Đặt thanh gươm nằm ngang trên án thư, Lê Duy Cự vén tay áo thụng, nhìn Cao Bá Quát:

— Kế hoạch đánh úp trấn Bắc thành bị vỡ lở, ta phải ra quân ngay. Quốc sư xem còn có kế nào khác để cứu vãn tình thế không?

Như đã sắp sẵn mọi kế hoạch, không cần suy nghĩ, Cao Bá Quát trả lời:

— Tàu mình chủ, lũ tàu cầu đã đánh hơi được mưu đánh chiếm trấn Bắc Thành của ta. Từ mấy tháng nay chúng đang bắt bớ truy nã ráo riết người cầm đầu. Cứ như tin tức thám báo cho biết hiện nay Nguyễn Quốc Hoan, Lâm Duy Hiệp và Nguyễn Bá Nghi chưa biết tôi đã về đây. Chúng tưởng rằng tôi còn ngấm ngầm hoạt động ở Bắc Ninh. Đồng đảng của ta nhiều người bị bắt giữ, nhưng chúng không thể phá vỡ hết cơ sở của ta được. Khắp vùng Bắc Ninh, Sơn Tây, Hà Nội đều có người theo chúng ta. Và hiện nay dân tình đói khổ cực đã nhiều, ai cũng căm giận triều đình. Chỉ cần chúng ta sớm phát cờ nghĩa, trừ bạo cứu dân, lòng người khắp nơi sẽ hướng về. Trước hết ta đánh chiếm các phủ huyện lân cận thuộc Sơn Tây, Bắc Ninh, Hà Nội, sau đó tràn về chiếm trấn Bắc Thành, nghiệp lớn lo gì không thành đạt. Nếu còn chần chừ tức là bỏ tay nộp mạng cho triều đình và đắc tội với dân.

Lê Duy Cự gật đầu, quay lại với thượng thư Nguyễn Kim Thanh:

— Ta cho lời Cao Quốc Sư bàn là phải. Thượng thư thấy thế nào?

— Tàu mình chủ, đến lúc này mà chưa ra quân là 17 sách lớn. Quân sĩ cũng nóng lòng đợi ngày xuất

trận. Dân chúng khắp nơi đang chờ đợi chúng ta — Ngừng một lát, Nguyễn Kim Thanh nói tiếp — Tôi thiết tưởng dấy nghĩa phải có cờ hiệu. Lũ chúng tôi đã sắp sẵn, xin mình chủ chọn chữ đề cờ.

Nhìn tấm vóc vàng trải rộng trên mặt bàn, Lê Duy Cự bóp đầu suy nghĩ. Dấy quân để khôi phục lại cơ nghiệp nhà Lê vẫn là ý nghĩ nung nấu trong đầu, Lê Duy Cự muốn viết chữ «Lê» trên lá cờ đại. Sự nhớ đến Cao Quốc Sư, con người văn hay chữ tốt nổi tiếng một thời đang đứng bên cạnh, Lê Duy Cự cười nói với quốc sư:

— Ta trao cho Cao Quốc Sư quyền chọn chữ đề trên cờ nghĩa của chúng ta.

Cao Bá Quát nhận lệnh gọi người đem bút mực đến. Đã lâu nay bận lo chức đẳng kìn, lo việc quân cơ, tâm trí của Cao Bá Quát đều dồn cả vào chuyện kiếm cung. Vả lại với triều đình tàn bạo này, cây bút của Cao không có giúp ích gì cho dân. Cao Bá Quát đã quyết định cầm gươm. Và Cao đã thực sự xếp bút nghiên cầm thanh gươm từ ngày trả chức giáo thụ Quốc Oai lại cho triều đình. Đến bây giờ Lê mình chủ lại giao cho Cao cầm bút chọn chữ đề trên cờ nghĩa. Ông thánh Quát viết:

« Bình Dương, Bồ Bản vô Nghiêu, Thuấn
Mục Dã, Minh Điều hữu Vũ, Thang »⁽¹⁾

(1) Ở Bình Dương, Bồ Bản không có vua Nghiêu, vua Thuấn (hai vua cổ đại Trung Quốc điển hình về nhân chính và thịnh trị trong các vua chúa xưa) thì ở Mục Dã, Minh Điều đã có Vũ Vương. Thành Thang nổi dậy lật đổ Kiệt, Trụ (điển hình của những tên hôn quân bạo chúa xưa).

đi trên đầu đoàn quân, dưới hiệu cờ « Trấn thủ Đà Giang ». Đây là chức mới được phong của Nhật Duật. Vị thân vương 27 tuổi đó, lần đầu tiên mặc nhung phục, cầm đầu một đạo quân lớn, đi chinh chiến phương xa.

Mấy hôm trước, vua quan nhà Trần đã vào cuộc họp bàn, lo lắng nhận được tin chúa đạo Đà Giang⁽¹⁾. Trịnh Giác Mật vừa tụ họp phe đảng nổi lên cự lại triều đình. Tin dữ trong nước đến cùng một lúc với điều cấp báo từ ngoài biên ải: vừa diệt xong nhà Tống, Xu mật viện⁽²⁾ nhà Nguyên đã xin với hoàng đế Hốt Tất Liệt cho ra quân đánh ngay Đại Việt, và vua Thái đã hạ lệnh đóng chiến thuyền, tính thêm cả đường vượt biển để vào Đại Việt! Tình thế thật gấp gáp đã khiến triều đình nhà Trần phải quyết định dẹp yên ngay mối họa trong nước. Để tránh cái thế nổi loạn ở phía sau, trong khi đang dồn sức ra chống giặc ngoài ở phía trước. Vậy thì không còn ai hơn được Nhật Duật trong việc đảm nhiệm trọng trách này. Và thế là chỉ mấy ngày sau, vị tướng trẻ đã làm lễ ra quân, lên đường.

Bây giờ thì làng mạc ruộng đồng đã lùi cả về phía sau. Đoàn quân đã tiến sâu vào miền núi rừng điệp trùng, hiểm trở. Trại quân của Trịnh Giác Mật chẳng còn bao xa nữa⁽³⁾.

Giữa lúc đó, chúa đạo Đà Giang cũng đang ngồi giữa đám đầu mục của mình:

(1) Đơn vị hành chính ở miền núi của thời nhà Trần, thuộc miền Tây Bắc ngày nay.

(2) Cơ quan tham mưu và quyền lực tối cao của triều đình phong kiến.

(3) Theo sách *Hưng Hóa phủ* của Vũ Phạm Hàm thì nơi Nhật Duật bình Giác Mật là miền Chợ Bờ ngày nay (Hòa Bình).

— Đêm qua ta mộng thấy một con chim lông đỏ bay đến đậu ở trước trại quân. Thế là điềm tốt! Lại dò được tin kẻ làm tướng của triều đình chính là Chiêu Văn Vương Nhật Duật. Đây là người có tiếng thông thạo tình hình đất đai dân cư của ta...

Đám đầu mục nhón nhác nhìn nhau. Trịnh Giác Mật hùng hăng ho:

— Thượng sách bây giờ là tránh giao chiến. Ta đã nghĩ ra một kế dụ chủ tướng của triều đình tới đây. Nếu nó là người non nớt, chỉ có hư danh, thì ta giết luôn. Còn nếu nó đúng là người tài, thì phải giảng hòa với nó!

Một lá thư bay ngay đến lều trận của Trần Nhật Duật khi ấy đã cùng đội quân của mình hạ trại ngoài núi: « Giác Mật không dám trái mệnh triều đình, nếu ân chủ một mình một ngựa đến, Giác Mật xin ra hàng ngay »⁽¹⁾.

Các tướng sĩ của Nhật Duật đều ra sức can ngăn chủ tướng. Không nên nghe theo lời thư của chúa đạo Đà Giang. Quí kẻ đang ăn náu sau đây. Nhưng Trần Nhật Duật vừa đọc kỹ lại lá thư, vừa âm thầm suy tính: « Giác Mật không dám đảng hoàng cự chiến, vậy là đã nao núng. Cái kế mọn dụ tướng, xưa nay chỉ dọa được kẻ non gan. Ta sẽ nhân kế này mà xoay chuyển cuộc dấy loạn. Đạo Đà Giang xa xôi này không thể dồn quân chinh chiến lâu dài. Không thể hao binh tổn tướng mãi ở đây, trong khi triều đình đang cần từng người lính để sửa soạn cự lại giặc Nguyên ở bên ngoài. Thượng sách vẫn là thu phục được lòng người ở đây, khiến họ thuận theo về với triều đình làm nên cái thế liên kết lâu bền ở trong một nước... »

(1) Câu này chép theo sách *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Cao Bá Quát đã gói gọn trong 14 chữ đầy đủ ý nghĩa và mục đích trong sáng của việc làm mà Cao đã quyết vì nó hy sinh đến trọn đời.

Nét mực đen lấp lánh nổi bật trên nền vóc vàng như rồng bay phượng múa. Lê minh chủ, Nguyễn thượng thư ngáy người đứng nhìn lá cờ. Lê minh chủ nói với Cao Bá Quát:

— Tài thư kiếm trên đời này ai dám sánh với quốc sư? Ta giao cho quốc sư thảo tờ hịch kẻ tội triều đình và bố cáo việc nghĩa của ta cho trăm họ biết.

*
**

Một buổi sớm mùa đông lạnh rạo, trong khu rừng Ngang huyện Mỹ Lương, các đội nghĩa quân Trung, Tiền, Hậu, Tả, Hữu tập trung dưới quyền chỉ huy của Thiên hạ nguyên súy, Hoàng Giang chánh thống, chánh giá đại nhân Lê Duy Cự, quốc sư Cao Bá Quát và các tướng lĩnh quan chức đủ các cấp.

Từ vùng bán sơn địa này, nghĩa quân rẽ cây rừng tràn về đồng bằng theo hai ngã. Đình Công Mỹ, Bạch Công Trán — suất đội trong cơ Sơn Dũng tỉnh Sơn Tây đã theo về với dân nghèo, dẫn đầu một đoàn quân tiến về chiếm huyện lỵ Ứng Hòa. Cùng lúc đó, ngọn cờ đại màu vàng do Lê Duy Cự, Cao Bá Quát, Nguyễn Kim Thanh chỉ về phía huyện Yên Sơn reo phần phật.

Từ mấy hôm trước, nhân dân khắp vùng đã truyền cho nhau tờ hịch kẻ tội triều đình, hô hào mọi người nổi dậy. Nghe lời hịch mà hả lòng hả dạ. Ai nấy đều nghe ngóng, mong mỗi chờ đợi. Thì đây, cờ nghĩa đã

giương cao, nghĩa quân đã nổi dậy. Người ta rủ nhau vác gậy gộc, giáo mác đi theo đoàn quân.

Gió rét. Cái rét buốt cay nghiệt như cắt da thịt, không cản nổi những người nghèo khổ phong phanh manh áo mỏng lên đường. Đã hàng năm trời đói rơng rã, chỉ ăn rau má củ rừng, lại bị sách nhiễu đủ đường, dân nghèo không thể ngồi yên đợi chết. Người ta phải vùng dậy quật ngã bè lũ vua quan, giành lấy cơm áo để mà sống chứ! Nhắm về phía ngọn cờ vàng, làng xóm lũ lượt kéo nhau đi theo đoàn quân mỗi lúc một đông. Tất cả đang ào ạt tiến lên như vũ bão.

Đó là cánh quân do Thiên hạ nguyên súy Lê Duy Cự, quốc sư Cao Bá Quát, thượng thư Nguyễn Kim Thanh, phó vệ úy Nguyễn Văn Thục đang tiến về đánh chiếm huyện lỵ Yên Sơn⁽¹⁾.

Ngồi trên kiệu, Cao Bá Quát phất cờ lệnh. Đoàn quân dài dằng dặc chuyển mình như rồng uốn khúc. Cao Bá Quát đưa mắt nhìn chung quanh. Làng mạc, đồng ruộng hiện ra trước mắt Cao như một bức tranh tuyệt đẹp. Núi non dăng hàng, viền xanh thẫm dưới chân trời trắng đục. Cao Bá Quát mơ đến ngày mai, sau khi quét sạch lũ vua quan tàn bạo, thanh gươm Cao đang đeo bên mình chắc sẽ thành vô dụng. Lúc ấy Cao trở về cầm bút để viết nên những bài thơ ca ngợi đất nước gấm vóc với cuộc sống thanh bình.

Tiếng reo hò của đoàn quân gọi ông thánh thơ Cao Bá Quát trở về với nhiệm vụ cầm quân dấy nghĩa.

Cao Bá Quát phất cờ lệnh.

(1) Nay thuộc Quốc Oai, Hà Tây.

Nhật Duật quyết định một mình một ngựa đến ngay trại Giác Mật, chỉ mang theo mấy tiểu đồng cấp tráp đi hầu.

Con ngựa trắng của Chiêu Văn Vương đi thủng thính giữa những hàng quân dữ tợn của chúa đạo Đà Giang. Một lớp gươm rồi lại một lớp giáo, Giác Mật cố ý dàn quân phô trương, dọa nạt. Nhưng nét mặt của vị thân vương đi trấn thủ đạo Đà Giang vẫn lặng lẽ thản nhiên. Chỉ có mấy chú tiểu đồng, khi vừa đến sát ngôi nhà sàn đồ sộ của Giác Mật, nghe một loạt tiếng quát dữ dội, và thấy đám quân lính sắc phục kỳ dị của chúa đạo Đà Giang chĩa ra một loạt mũi giáo nhọn hoắt, thì tái xanh nét mặt, đổ bưng đôi tai!

Trần Nhật Duật thông thả bước lên nhà sàn, chậm rãi nói với Trịnh Giác Mật vừa từ phía trong tiến ra:

— Lũ tiểu đồng của ta khi đi đường thì nóng tai trái, vào đến đây thì nóng tai phải...

Dùng ngay ngôn ngữ của dân tộc Đà Giang, vừa chỉ tay vào những đôi tai đỏ ửng của bảy tiểu đồng, vừa điềm nhiên nói năng thật rành rẽ, Trần Nhật Duật thốt nhiên khiến cho chúa đạo Đà Giang và cả đám đầu mục cùng sững sờ kinh ngạc. Những tiếng rì rầm nổi lên giữa các thủ lĩnh của Giác Mật:

— Người này là ai mà biết nói hết những điều giống hệt tục lệ của ta? Nóng tai trái là có người ngoài mong đợi, nóng tai phải là có người thân trông ngóng. Sao nói giỏi vậy?

Trong khi đó, Trần Nhật Duật vẫn như không nghe thấy những tiếng bàn tán xôn xao, đang hoàng phân ngồi chủ khách, cùng Trịnh Giác Mật ngồi giữa nhà. Mâm rượu đã bày sẵn, và chúa đạo Đà Giang vừa nheo mắt thách thức, vừa đưa tay mời: Chỉ có một quả bầu

cắt đôi, sòng sánh một thứ rượu ngấm và một đĩa thịt nai muối. Trần Nhật Duật không chút ngần ngại, bình thản nhón một miếng thịt, rồi vừa nhai vừa ngửa mặt, cầm gáo rượu bầu từ từ dốc vào mũi, uống ăn hết sức thành thạo⁽¹⁾.

Trịnh Giác Mật không kìm giữ được nữa:

— Nghe vua Trần vẫn nói Chiêu Văn Vương chính là hậu thân của các giống Phiên, Man, quả đúng thế chẳng?

Trần Nhật Duật khi ấy mới nhìn thẳng vào mắt Giác Mật một hồi lâu, rồi hỏi lại:

— Chúng ta xưa nay vẫn là anh em. Triều đình đối với dân Đà Giang xưa nay vẫn không có điều tiếng gì, cơ sao gây chuyện bất hòa?

Những tiếng kêu nhao nhao khắp nhà:

— Nó là anh em với ta!

— Chúng ta là anh em với nhau thôi!

Đường như chỉ đợi có thế, Trần Nhật Duật nhẹ nhàng vẫy gọi tiểu đồng tới gần. Viên trấn thủ của triều đình tự tay mở tráp, lấy ra những chiếc vòng bạc long lanh sáng trắng, trao tận tay cho từng đầu mục đạo Đà Giang, và chọn riêng cho chúa đạo Đà Giang một chiếc vòng lớn, lồng nguyên một chiếc vuốt cọp!

Những người cầm đầu đạo Đà Giang xa xôi chỉ còn biết sung sướng đón nhận lấy những tặng phẩm kết nghĩa đúng với phong tục cổ truyền của mình...

(1) Đây là tục "tỵ âm": đổ rượu vào mũi uống, trong khi vẫn ăn nuốt bình thường, mà ở một vài dân tộc ít người Tây Bắc hiện nay vẫn thấy còn.

Đoàn quân dấy nghĩa tràn đi như gió lướt. Trước sức mạnh của nghĩa quân, tri huyện Yên Sơn bỏ huyện đường chạy trốn. Nghe tin Yên Sơn bị mất, tổng đốc Nguyễn Bá Nghi điều gấp quân về chiếm lại. Quốc sư Cao Bá Quát bàn với Thiên hạ nguyên súy Lê Duy Cự tiến lên chiếm huyện lỵ Vĩnh Tường và bao vây triệt hạ trấn thành Tam Dương⁽¹⁾.

Ngọn cờ màu vàng hiên ngang cắm trên huyện đường Vĩnh Tường, vẫy gọi dân nghèo tứ xứ nổi dậy. Nhân dân ở hầu khắp các tỉnh Bắc Hà nô nức hưởng về ngọn cờ nghĩa. Triều đình Huế càng bối rối hoảng sợ.

Nghe tin triều đình điều thêm quân ra Bắc, quốc sư Cao Bá Quát nói với Lê Duy Cự:

— Thừa Nguyên súy, Tự Đức điều thêm quân ở Nghệ An, Thanh Hóa ra đóng giữ các vùng Hà Nội, Ninh Bình, Sơn Tây. Vẫn còn sợ, hấn lại điều tên chưởng vệ Nguyễn Trọng Thao đang giữ chức đề đốc kinh đô ra làm đề đốc Hà Nội để đối phó với nghĩa quân của chúng ta. Nếu chỉ có lũ chuột nhắt Nguyễn Bá Nghi, Lâm Duy Hiệp, Nguyễn Quốc Hoan thì Hà Nội, Bắc Ninh, Sơn Tây đã về tay chúng ta từ lâu rồi.

Lê Duy Cự bồn chồn hỏi lại:

— Một khi quân của triều đình kéo đến đây thì ta đối phó bằng cách nào?

Cao Bá Quát khàng khái đáp:

— Chỉ có đánh; nếu bất lợi, ta rút về Yên Sơn liên lạc với đạo quân thứ nhất tiến về chiếm trấn Bắc Thành.

(1) Nay thuộc Vĩnh Phú.

Trong khi hai người đang nói chuyện, thì một nghĩa quân tiến vào phủ đường nộp tờ cáo của triều đình. Xem xong, Lê Duy Cự trao cho quốc sư. Đọc tờ cáo, Cao Bá Quát cười khẩy:

— Cái đầu của Cao này, Tự Đức đã vứt đi, nay hấn lại phải tìm mua với giá đắt đến thế này cơ à⁽¹⁾?

Cao vui cười hỏi người nghĩa quân:

— Các người có đem nộp ta đề lĩnh thưởng của Tự Đức không?

Bị hỏi đột ngột, người nghĩa quân kinh cần sợ hãi đáp:

— Thừa ngài, dân nghèo chúng tôi thề cùng mất còn với nguyên súy và quốc sư.

Lê Duy Cự, Cao Bá Quát cùng cười.

Hàng tháng trời trên miền đất Vĩnh Tường, nghĩa quân đã làm cho quân thù phải khiếp sợ. Được thêm 500 lính từ Thanh Hóa kéo ra hỗ trợ, quan quân của tỉnh thành Sơn Tây tiến hành vây chặt nghĩa quân ngày càng ráo riết. Để tránh mối nhon ở đây, quốc sư Cao Bá Quát điều quân rút về Yên Sơn.

Dẫn đầu đoàn quân, trước mặt Cao Bá Quát, ngọn cờ đại màu vàng tung bay trước gió. Hai hàng chữ do Cao viết đang chập chờn như đôi cánh chim bay lượn trên lưng trời. Tâm sự và ý chí của Cao đã gửi gắm cả vào lá cờ đại ấy.

Hàng mấy tháng trời lá cờ đại đã dẫn đoàn quân áo vải tung hoành trên một vùng đất rộng lớn thuộc các tỉnh Sơn Tây, Hà Nội, buộc vua quan nhà Nguyễn phải giật mình run sợ...

(1) Tự Đức treo giải nếu ai bắt sống được Cao Bá Quát thì thưởng 500 lạng bạc, nộp chết thưởng 300 lạng bạc, và quan tước lục phẩm.

Tình hình trong nước bấy giờ đã đủ yên ổn để có thể dốc toàn lực cự lại giặc ngoài. Vừa lúc ấy, hoàng đế nhà Nguyên hung hăng điều động một đạo binh mã khổng lồ 50 vạn, do chính con trai y là Thoát Hoan làm tổng chỉ huy, chia đường tràn vào Đại Việt.

Quân giặc xâm lược mưu toan từ ba mặt đè bẹp nước Đại Việt. Trên biên giới phía Bắc, hai cánh quân từ mạn Tây và mạn Đông dồn xuống. Liền đó, từ mạn biên giới phía Nam, một cánh quân nữa sẽ do đường Chiêm Thành đánh ra. Cả ba cánh quân đều phóng thẳng đến kinh đô Thăng Long: Chúng sẽ hội sư sau khi chiếm thành, bắt sống triều đình nhà Trần ở đấy.

Nước Đại Việt lập tức tung các lực lượng ra để đối phó. Vua Trần thân chinh cùng với các vương hầu, tướng lĩnh chia nhau kéo quân đi các ngả chặn giặc. Ngả phía Tây của mặt trận biên giới phía Bắc được giao trọn cho Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật. Vị thân vương lần này sẽ lại ra quân trên địa bàn rừng núi quen thuộc, sẽ đánh những trận lớn vào tuổi 32 của đời làm tướng còn rất trẻ của mình.

*
**

Cửa trận đã khép lại. Hồi chuông thu quân như còn quyện mãi trong màn sương chiều đang buông nhanh xuống núi rừng.

Những ngọn đuốc nhựa thông đã thấp sáng khu đại trại Thu Vật⁽¹⁾. Chiêu Văn Vương cỡi bộ chiến bào, ngồi nghỉ giữa quân doanh. Cả một ngày đốc quân

1. Nay là vùng huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

chặn giặc, bây giờ mới được một lúc thư thái, bộ óc ham suy tính của vị tướng trẻ đã lập tức hoạt động. Liền ngay đó, cái điều ngờ ngợ cảm thấy ở giữa bãi chiến trường lúc ban ngày đã lớn vụt lên. Tại sao ở ngay trận đánh mở màn hôm nay, quân Nguyên chỉ giao chiến cầm chừng? Mấy lần tung quân kỵ mở đường qua cửa ải bị chặn lại, chúng không nôn nóng liều mạng tràn tới nữa. Cái cung cách tiến đánh như thế rõ ràng có điều khác với những kiến thức mà Nhật Duật đã thu lượm được về quân giặc. Nghe Bảo Văn Hầu⁽¹⁾ kể lại việc năm Nguyên Phong⁽²⁾, ở trận Phù Lỗ⁽³⁾, vừa nhắc thấy quân ta bày trận ở bên kia bờ, giặc Thát bị vướng sông ở bờ bên này đã xô lên, dùng ngay cung tên bắn xuống nước để dò đáy, gặp chỗ nào không thấy tên nổi lên là lập tức phóng ngựa ào qua để tấn công. Thế mà bây giờ quân giặc lại chỉ đánh chác rời rạc, hẳn là còn đang mưu toan điều gì. Phải chăng chúng còn muốn đưa quân bọc sau quân ta rồi mới hai mặt giáp công? Một hồi trống hiệu giục giọng vọng tới. Quân canh đưa vào trình một người lính khấp người bết mồ hôi và bụi bặm đường trường. Nhận ra sắc phục lính Thánh Dực⁽⁴⁾, Nhật Duật đã linh cảm ngay một biến cố hệ trọng. Nhưng viên tướng trẻ vẫn không hề đổi sắc mặt, chỉ rướn cặp lông mày dò hỏi. Người lính từ chỗ vua Trần gấp đường tìm đến vội vã trình ngay tình hình: ở mạn Đông của mặt trận biên giới, quân ta do vua

(1) Tước phong của Lê Tần, người được vua Trần cho đổi tên là Lê Phụ Trần (người họ Lê giúp nhà Trần) — anh hùng của lần kháng chiến chống xâm lược Mông Cổ năm 1258.

(2) Niên hiệu dùng trong khoảng 1251 — 1258 của vua Trần Thái Tông.

(3) Thuộc huyện Đa Phúc, tỉnh Vĩnh Phú bây giờ.

(4) Lính cận vệ của vua Trần.

Cho đến một hôm, giữa lúc sự nghiệp còn dang dở, Cao Bá Quát đã hy sinh dưới ngọn cờ này trong một cuộc giáp mặt với quân thù trên mảnh đất Yên Sơn để lại cho người đương thời và các thế hệ mai sau một niềm thương tiếc và kính phục vô hạn⁽¹⁾

NGUYỄN ANH

(1) Về cái chết của Cao Bá Quát, theo chính sử nhà Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên, Đại Nam chính biên liệt truyện* đều cho biết Cao Bá Quát bị trúng đạn chết trong một trận chống nhau với quân triều đình tại miền huyện Yên Sơn, Sơn Tây. Tên suất đội Đinh Thế Quang, kẻ đã bắn chết Cao Bá Quát được đặc cách thăng cai đội.

Nhưng vì yêu mến Cao Bá Quát, người ta đã dựng nên những truyền thuyết khác nhau. Có thuyết cho rằng Cao Bá Quát bị bắt giam ở nhà ngục Sơn Tây rồi bị đóng cũi giải về Hà Nội, hành hình ở bờ hồ, khu vực hàng Hàng ngày nay. Trong ngục ông có câu: — « Một chiếc cùm lim chân có để; ba vòng xích sắt bước thì vương »; và khi lâm hình, ông ứng khẩu đọc: Ba hồi trống giục, mồ cha kiếp; một nhát gươm đưa, bỏ mẹ đời ». Còn có thuyết cho rằng khi bị bắt giải về Hà Nội, những người muốn cứu Cao Bá Quát, đem một tù phạm có nét mặt giống Cao để thay vào. Cao Bá Quát trốn thoát được, lên Lạng Sơn giả làm sư. Chúng tôi dựa vào chính sử, nhất trí với những công trình nghiên cứu về Cao Bá Quát gần đây để khẳng định rằng Cao Bá Quát đã hy sinh anh dũng trong cuộc giáp mặt với kẻ thù ở huyện Yên Sơn vào tháng 12 năm Giáp Dần (1854).

MỤC LỤC

		Trang
BÀ TRIỆU	Văn Lang	5
PHẠM NGŨ LÃO	Nguyễn Anh	26
TRẦN NHẬT DUẬT	Văn Lang	57
MẠC ĐÌNH QU	Quỳnh Cư	74
TUỆ TÌNH	Quỳnh Cư	110
NGUYỄN XÍ	Nguyễn Anh	134
NGUYỄN HỮU CẦU	Quỳnh Cư	159
LÊ NGỌC HÂN	Văn Lang	194
CAO BÁ QUÁT	Nguyễn Anh	214

Trần và Hưng Đạo Vương chỉ huy đã giao chiến lớn với đại binh của giặc ở Vạn Kiếp ⁽¹⁾. Thế giặc rất mạnh. Và Quốc Công Tiết Chế Hưng Đạo Vương đã cho lệnh lui quân để bảo toàn lực lượng...

Truyền cho dân người lính Thánh Dực đi nghỉ, Trần Nhật Duật ngồi giữa quân doanh diêm tĩnh tính toán. Đại cuộc như thế, lui quân là phải. Nhưng ở đây, ta và giặc đều mới vào trận. Nhất đán rút đi là việc dễ bị đuổi đánh. Phải có cách lui quân sao cho an toàn....

Suốt đêm đó, rồi cả ngày hôm sau nữa, viên tướng trẻ phụ trách gánh nặng của mặt trận biên giới phía Tây không hề chớp mắt. Nhật Duật căng óc liệu định từng chi tiết trước mắt của cuộc rút quân, cũng như cả những công việc lâu dài về sau.

Nhưng quân lính dưới trướng vẫn chỉ thấy chủ tướng của mình thân nhiên, ung dung như mọi ngày. Và một hôm sau thì tất cả đều đã gọn ghẽ, nhẹ nhàng xuống thuyền kín dòng sông Chảy xuôi. Trần Nhật Duật đã quyết định chọn đường sông để rút quân, dựa vào sở trường sông nước của quân nhà để hạn chế thế mạnh trên bộ của kẻ địch. Quân ta sẽ từ sông Chảy vào sông Lô rồi ra Nhị Hà, về Thăng Long.

Đoàn chu sư của Trần Nhật Duật vừa rút lui được một chặng đường thì đã thấy hậu quân báo lên: có dấu hiệu giặc đuổi theo! Trần Nhật Duật lên thẳng lầu thuyền cao, neho mắt nhìn kỹ về phía sau. Cát bụi đang bốc lên ở cả hai bên bờ sông. Quân giặc đúng là đang men theo dọc sông để bám gót quân ta. Nhưng đám bụi quân hành trông mới lơ lửng, thung dung làm sao! Đuổi theo quân ta mà sao chúng chậm chạp làm vậy?

1. Đất huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng ngày nay.

Mối nghi ngờ lại lóe lên, viên tướng trẻ thận trọng phái ngay mấy chiếc thuyền nhẹ chèo gấp về phía trước dò đường. Quả nhiên, chẳng bao lâu đã có tin báo về: một cánh quân giặc đã cắt ngang sông ở mạn hạ lưu!

Trần Nhật Duật lục lại trí nhớ, hình dung ra địa thế quanh miền và cân nhắc tình hình rất nhanh. Sau đấy, rất bình tĩnh, viên tướng trẻ hạ lệnh ghé thuyền vào bờ hữu ngạn, rút hết quân lên bộ, nhẹ nhàng tạt vào rừng, tắt đường rút về phía Tây. Cái bẫy quỷ quyết mà quân giặc dụng công giương lên, không ngờ lại để lộ một lỗ hổng tai hại này!

Nhưng, vừa đưa được quân đội an toàn về đến Bạch Hạc ⁽¹⁾, Trần Nhật Duật đã lại nhận thêm được một tin dữ nữa: mới ngày hôm qua ⁽²⁾, sau trận đánh chặn giặc ở bến sông Hồng ngoài thành Thăng Long, đại quân triều đình đã bỏ kinh thành, rút xa hơn nữa về phía Nam—về phủ Thiên Trường ⁽³⁾. Tướng giặc Thoát Hoan đã chiếm tòa kinh đô bỏ trống. Và thế là đường về với quân triều đình của Trần Nhật Duật bị giặc chặn ngang ở quãng ấy!

Thử thách đến với đạo quân của viên tướng trẻ tuổi lần này quả là lớn. Trong quân ngũ đã thoáng thấy những ánh mắt lo ngại. Nhưng một mệnh lệnh kiên quyết đã bay ra: toàn quân sẽ tạt xa nữa về phía Tây, đi xuyên vùng các tộc Phiến Man, vòng qua miền giặc chiếm đóng mà về với đại quân ở Thiên Trường!

Trần Nhật Duật đã cho lệnh triệu ngay các bộ tướng đến dưới trướng. Nhưng trước đó, vị tướng trẻ đã kịp

1. Ngã ba sông Hồng, sông Lô, sông Đà, thuộc Vĩnh Phú ngày nay.

2. Ngày 19-2-1285.

3. Miền Nam Định, tỉnh Nam Hà bây giờ.

gọi riêng viên đạo sĩ của nước Tống, Hứa Tông Đạo — bấy lâu nay vẫn cho đi theo quân ngũ — dặn dò cẩn kè:

— Hứa đạo sĩ! Mấy năm nay thu nạp người tài ở dưới trướng, bây giờ mới là lúc ta cần đến ông. Hãy thiết lập một đàn tế trời đất ở ngay bờ sông Bạch Hạc này! Ngày mai, trước lúc quân sĩ lên đường, đạo sĩ sẽ là người lo việc làm lễ ăn thề cho toàn quân, để mọi người đều yên lòng theo ta đánh giặc!

Sau đấy, giữa các bộ tướng, Trần Nhật Duật, điềm đàm nói:

— Vạn nước gian nan thì mới thấy rõ lòng người. Dẫn quân qua vùng Phiên Man để về với triều đình là việc khó mà dễ. Khó vì đường xa hiểm trở. Dễ vì thung thỏ ở đây ta đã thuộc như lòng bàn tay. Lại thêm các dân Phiên Man năm trước đều đã theo Trịnh Giác Mật một dạ kết liên với triều đình. Vậy chỉ còn cần chư tướng cùng quân sĩ đốc lòng. Ngày mai, Hứa đạo sĩ chủ trì lễ cắt tóc tuyên thệ, nguyện lấy lòng trung để báo ơn vua của tất cả mọi người!

Rút phắt thanh gươm bên sườn, Trần Nhật Duật cắt ngọt ngay một vạt tóc của mình và tiếp tục nói đều đều:

— Kẻ nào trong chúng ta mà đổi dạ thay lòng thì sẽ như mớ tóc này! ⁽¹⁾

★
★★

(1) Về sau, chính đạo sĩ Hứa Tông Đạo đã ghi lại việc cắt tóc ăn thề ở sông Bạch Hạc của đoàn quân Trần Nhật Duật trong bài văn soạn năm 1321 để khắc trên quả chuông ở Thông Thánh quán (gần đầu cầu Việt Trì bây giờ). Xem tài liệu của Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm: *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên — Móng (thế kỷ XIII)*.

Đã qua rồi những ngày gian khổ để chuẩn bị cho thời cơ hưng khởi nức lòng bây giờ. Đạo quân mà Trần Nhật Duật vượt núi rừng đưa được nguyên vẹn về Thiên Trường, nay đã đến lúc tung hoành thỏa chí.

Mấy hôm trước, trong cuộc họp bàn với các tướng lĩnh thân cận, Hưng Đạo Vương đã tâu xin vua Trần cho lệnh bắt đầu phản công, và chọn phòng tuyến của giặc Nguyên xây dựng trên sông Hồng làm hướng tiến đánh trước tiên. Vua Trần chấp nhận kế sách ấy, và hồ hởi nói với mọi người:

— Quân giặc nhiều năm đi xa, quân nhu chở đi vạn dặm, tất rất mệt nhọc. Lấy nhàn đổi mệt, trước hết làm mất khí thế của chúng thì nhất định phá được! ⁽¹⁾

Và thế là trận đánh mở màn do chính Quốc Công Tiết Chế ⁽²⁾ chỉ huy, nhằm vào đại đồn A-lỗ ⁽³⁾ của giặc Nguyên đã bùng nổ. Quân ta xung trận với khí thế ngất trời, đánh tan tác cánh quân trú phòng A-lỗ của tên tướng Vạn Hộ Lưu Thế Anh, buộc tên tướng giặc khét tiếng gian hùng này phải cầm đầu tháo chạy.

Rồi đó, đến lượt Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật! Mục tiêu của trận đánh lớn giao phó cho viên tướng trẻ, chính là cửa Hàm Tử ⁽⁴⁾ của quân giặc. Nhận được lệnh ra quân, Trần Nhật Duật lập tức cho dàn sẵn binh thuyền. Một mặt, truyền lệnh cho gọi riêng viên tướng

(1) Câu này chép theo *Đại Việt sử ký toàn thư*.

(2) Chức tước của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn trong lần kháng chiến chống xâm lược Mông Cổ năm 1285.

(3) Chỗ sông Hồng nối với sông Luộc.

(4) Nay ở trên sông Hồng, thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hải Hưng.

Tổng Triệu Trung đến dưới trướng. Như ngày nào đã giao nhiệm vụ cho đạo sĩ Hứa Tông Đạo trên bến Bạch Hạc, lần này, viên tướng trẻ của nhà Trần cũng lựa lời khích lệ Triệu Trung, rồi ghé sát vào tai, thì thầm mật lệnh. Không biết Nhật Duật đã nói những gì mà chỉ thấy cuối cùng, Triệu Trung sáng bừng nét mặt, vòng tay nói thật cảm kích:

— Được một lần sống lại cùng cố quốc như thế, Triệu Trung này dầu gan óc lầy đất cũng hả lòng!

Triệu Trung vừa ra đi thì Trần Nhật Duật cũng ban bố điều lệnh tiến lui cho quân sĩ dưới trướng. Sau đấy thì toàn quân lên thuyền, nhằm thẳng cửa Hàm Tử tiến gấp.

Đoàn chu sư của Trần Nhật Duật dồn nhanh đội hình tiến quân để xông thẳng vào thủy trại của giặc, xung sát cực kỳ dũng mãnh. Chiến thuyền giặc Nguyên gắng gượng chống cự được một chập thì phải giạt dần vào bờ, nhờ quân bộ tiếp cứu. Theo dõi trận đánh, thấy thế trận đã chuyển, Trần Nhật Duật, sau một thoáng cân nhắc, đã vờ ngay lấy chiếc dùi trống trận, thúc một hồi dài. Trao lại dùi trống cho một viên tùy tướng, Nhật Duật nhảy ngay xuống một chiếc thuyền nhẹ, tuốt gươm vẫy quân ồ ạt tràn lên bờ. Đạo quân thiện chiến của Trần Nhật Duật lẫn xả vào trận giặc đang bắt đầu rối loạn, công phá dữ dội. Từng đám từng đám xác giặc đổ gục. Chỗ này một tên tướng rống lên, ngã nhào xuống chân ngựa. Chỗ kia, một lá cờ hiệu bị chém rơi, giẫm nát.

Vừa lúc ấy, từ phía sau hàng trận giặc Nguyên cũng xuất hiện một cánh quân lạ. Lá cờ hiệu dẫn đầu cánh

quân mang chữ «Tống» cực lớn. Tiếng trống thúc lẫn với tiếng quân reo dội tới, nghe cũng lạ tai: tiếng Tống! Cuối cùng, khi cánh quân đã áp tới gần, đã có thể nhận ra những bóng người mặc toàn sắc phục của quân Tống, thì những loạt tên từ những chiếc cung hai cánh lớn — thứ vũ khí lợi hại chỉ riêng những đạo quân cung thủ đặc biệt của Tống triều mới có — đã bay như mưa rào vào phía sau hàng trận quân Nguyên.

Một cảnh cực kỳ hỗn loạn chưa từng thấy, diễn ra ngay giữa hàng trận quân giặc. Bị đánh dồn từ hai mặt: một bên là đạo quân của Trần Nhật Duật vẫn ào ạt xông tới, mạnh như chẻ tre, một bên là cánh quân Tống triều mà lũ giặc Nguyên kinh hãi rụng rời, tưởng đâu là họ đã khôi phục được quốc triều, mới từ đất Tống kéo sang chi viện cho quân Trần — toàn trại binh Nguyên trên cửa Hàm Tử phút chốc vỡ tan, bị giết một phần, còn thì bị bắt vô số⁽¹⁾.

Hai cánh quân vừa giáp công ở cửa Hàm Tử đã gặp nhau. Tướng Triệu Trung — phải, chính là viên gia tướng được thu nạp dưới trướng Trần Nhật Duật, theo mật lệnh của chủ tướng, đã cho bộ hạ của mình một phen dùng lại sắc phục của nước mình, góp phần cùng quân Trần đánh tan kẻ thù chung như lời khích lệ của Nhật Duật ngày nào — bây giờ tiến thẳng đến trước vị chủ

(1) Trong bài thơ nổi tiếng, cảm tác vào lúc ăn mừng đại thắng cuộc xâm lược của giặc Nguyên năm 1285, Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải chỉ nhắc tới hai trận đánh tiêu biểu của cuộc kháng chiến, trong đó, trận Hàm Tử là một, và nói gọn thành tích của trận này: «Cầm Hồ Hàm Tử Quan» (Cửa Hàm Tử bắt thù)!

tướng trẻ tuổi mà mưu trí như thần, dánh lá cờ của tướng Nguyên vừa cướp được, giữa tiếng reo vui đại thắng của quân sĩ⁽¹⁾.

★
★★

Đoàn chiến thuyền lại ken đặc mặt nước đỏ ngầu phù sa, vùn vụt lướt sóng, tiến lên phía trước. Chu sư nhà Trần đang rầm rộ ngược sông Hồng về thu phục lại Thăng Long.

Ở chiếc kỳ hạm đi đầu, Trần Nhật Duật đứng thẳng người dưới lá cờ hiệu mang hàng chữ « Chiêu Văn Vương, Trần ». Đôi mắt của viên tướng trẻ mở to, bao quát cả một vùng cảnh quan đang trải ra bao la phía trước. Thốt nhiên, từ một điểm lung linh sâu thẳm của ký ức viên tướng trẻ, hiện dần lên cảnh tượng của hơn 20 năm trước — cảnh tượng của đoàn thuyền hoàng gia tươi vui, hồ hởi ngược sông trở lại kinh thành, sau trận thắng giặc năm Nguyên Phong⁽²⁾. Phải rồi, vẫn đất kia, sông này. Ngày ấy, Thăng Long giải phóng vẫy gọi đoàn thuyền. Bây giờ, Thăng Long cũng đang mong chờ đại quân tiến về giải phóng. Viên tướng trẻ của nhà Trần bỗng nhớ lại, rõ mồn một, hình ảnh của Linh từ quốc mẫu và câu chuyện trên mũi thuyền giữa bà quốc mẫu

(1) *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: Tháng tư (âm lịch) 1285, « quan quân cùng quân Nguyên giao chiến ở cửa Hàm Tử. Chư quân đều ở đó. Chỉ có quân của Chiêu Văn Vương Nhật Duật có quân Tống, mặc áo Tống, cầm cung tên để đánh... Quân Nguyên thấy đều kinh hãi, bảo nhau là có người Tống sang đánh giúp, vì thế thua chạy ».

(2) Niên hiệu dùng trong những năm 1251 — 1258 của vua Trần Thái Tông.

cùng đưa cháu thơ dại — vị hoàng tử nhỏ tuổi mà đã ham hiểu biết...

Tự nhiên, Trần Nhật Duật thấy mình muốn mỉm cười. Nhưng viên tướng trẻ vẫn quen không để lộ cảm xúc ra ngoài nét mặt, mặc dầu trái tim đang rộn lên những nhịp đập tự hào. Từ chỗ phải chạy giặc lần ấy, đến bây giờ, lần này, đã xuất hiện một vị tướng trẻ, đóng góp một phần không nhỏ vào sự nghiệp bảo vệ đất nước. Ôi, Đất Nước, những ngày tắm mình trong giòng bão thử thách quyết liệt như thế này, thật đã khiến cho những ai biết gắng sức mình sống cho xứng đáng, đều sẽ vụt lớn bổng lên, diệu kỳ biết bao⁽¹⁾.

VĂN LANG

(1) Trần Nhật Duật còn sống đến năm 77 tuổi (1330). Nhưng ngay từ năm 1285, « bàn về chiến công, ông đứng hàng đầu, được phong Tả thánh Thái Sư » (*Lịch triều hiến chương loại chí*). Là « thân vương quý hiền trải thờ 4 triều (vua nhà Trần)... thông hiểu kinh điển, giỏi âm luật, được người đương thời khen là bậc hiểu biết rộng rãi, những văn thư của triều đình đều do tay ông thảo ra » (*Lịch triều hiến chương loại chí*). Đến đời vua Trần Minh Tông (1314 — 1329) Trần Nhật Duật còn được tặng phong đến những chức tước: « Nhập nội kiểm hiệu Thái Úy. Bình Thái Đô Nguyên Soái. Thượng trụ quốc Khai quốc vương » (theo lời Bài văn trên chuông Thông Thánh quán). Một năm trước khi mất, lại được phong làm Đại Vương (*Đại Việt sử ký toàn thư*).

MẠC ĐỈNH CHI

I

Trời nổi giông. Con mưa tai ác kéo ập đến giữa chiều. Từ trong rừng sâu, hai mẹ con Mạc Đĩnh Chi vội vàng bó củi để gánh về bán cho nhà hào phú ở Lũng Động theo thường lệ.

Nhưng cổng nhà hào phú đã đóng chặt. Mạc Đĩnh Chi ái ngại nhìn mẹ rồi đặt gánh củi xuống bên đường, đẩy mạnh cánh cổng, nhưng cánh cổng làm bằng gỗ lim tẩm, không nhúc nhích.

Mạc Đĩnh Chi băn khoăn:

— Minh con ở lại chờ ngớt mưa rồi bán. Mẹ về trước đi.

Bà mẹ đứng nép vào bó củi, tránh cơn gió mạnh:

— Lần đầu đi, con biết bán thế nào? Con về nghỉ lấy sức mà học. Đẳng nào mẹ cũng phải chờ. Mẹ phải chờ con ạ — Bà mẹ nhắc lại, giọng thiếu nảo.

Trong suốt đời mình không bao giờ Mạc Đĩnh Chi quên được cái nhìn buồn bã ấy của mẹ. Gương mặt mẹ lúc ấy như teo lại vì thấm rét, còn vì cả lo lắng nữa.

Chợt nhớ ra nhà hào phú có đưa con cùng học với mình một lớp, Mạc Đĩnh Chi tỏ ra thích thú, lên tiếng

gọi bạn. Cuối cùng, một gia nô ra mở cổng. Hai mẹ con Mạc Đĩnh Chi vừa gánh củi vào đến sân, thì một lũ chó, con nào con nấy béo nung núc nhảy xổ vào cắn. Theo bản năng, Mạc Đĩnh Chi vội đặt gánh, rút một thanh củi để chống chọi với đàn chó. Lập tức, từ trên nhà lớn, giọng một đứa trẻ quát:

— Họ nhà khỉ! Động đến chó nhà tao thì cứ liệu hồn.

Nhận ra tiếng bạn, Mạc Đĩnh Chi vội nói:

— Đánh chó cho tôi với. Mạc Đĩnh Chi đây mà.

Mạc Đĩnh Chi sững sốt nghe thấy bạn sùng sộ:

— Ai bạn với thằng khỉ! Muốn chết bảo ông!

Hai mẹ con Mạc Đĩnh Chi nín nhịn rồi vừa chống cự với đàn chó vừa gánh củi vào dãy nhà ngang. Câu chuyện tưởng đã xong. Nào ngờ khi Mạc Đĩnh Chi vừa định bước lên nhà trên thì lập tức bị ngăn lại. Vẫn giọng thẳng bé con nhà hào phú:

— Ai mời mà mày dám vác mặt lên đây, làm bẩn nhà tao.

Bị xúc phạm đến nước ấy, Mạc Đĩnh Chi không nhịn được nữa. Nhìn thẳng vào kẻ đang chặn mình, Mạc Đĩnh Chi nói rành rọt:

— Tao không thèm đến nhà mày. Chỉ vì tao phải bán củi. Ngừng một lát, Mạc Đĩnh Chi nói tiếp, giọng khinh bỉ: Mày quên mất những lúc mày phải van lạy tao, nhờ tao làm hộ bài tập văn cho mày rồi sao?

Không ngờ bị Mạc Đĩnh Chi tố ra sự dốt nát của mình, con tên hào phú bù lu bù loa:

— Trời ơi! Nó dám hỗn hào, dám đến nhà người ta để bắt nạt người ta.

— Cái gì thế? Tên hào phú uể oải rời chiếc sập gu sơn son thếp vàng, gất hỏi.

— Thằng Mạc Đình Chi, con nhà bần tiện, bắt nạt con — con tên hào phú vừa đáp vừa khóc rưng rức như người bị oan thực sự.

Nghe con nói vậy, tên hào phú nhảy xổ ra hiên. Nhưng, lập tức hấn dừng lại. Hấn đã bắt gặp cậu bé con nhà nghèo khổ này ở đầu mà trông quen đến thế. Kia, tướng mạo nó trông thật xấu: người thì thấp bé, cái trán dô ra, miệng rộng, nước da đen cháy, nhưng đôi mắt lại thật lạ lùng. Hấn chưa thấy cậu bé nào có đôi mắt sáng như thế. Ai nhìn vào đôi mắt ấy cũng sinh lòng nể trọng. Hấn cố bóp óc suy nghĩ. À phải rồi, hấn đã gặp Mạc Đình Chi và nghe cậu bé tự đọc bài thơ của mình trong buổi bình văn ở trường Lũng Động. Không ai ngờ cậu bé xấu xí ấy lại làm được bài thơ hay đến thế. Và, cũng qua thầy đồ Lũng Động, hấn còn sững sốt được biết rằng đứa trẻ nổi tiếng thần đồng và có tài học uyên bác mà cả vùng đồn đại bấy lâu cũng chính là cậu bé con nhà tiểu phu khố. khổ ấy. Bây giờ thì đứa trẻ mà hấn vừa phục vừa ghét ấy, đang đứng trước mặt hấn, ngay dưới thềm, toàn thân run lên vì rét. Lấn lộn trong tình cảm vừa phục tài vừa ghen ghét, hấn cố lấy giọng đường bệ:

— À, vẫn cái thằng giống khỉ nhiều hơn giống người này. Mày lại dám so đo tài năng với con vàng cháu ngọc của ta à!

Mạc Đình Chi nghiêm trang:

— Thưa ông! Tôi không hề có ý so đo tài năng với con ông, và cũng không thể so đo được ở chốn này. Chỉ là vì con ông cậy gần nhà...

— Mày dám xách mé vì con tao là chó à — tên hào phú cắt ngang câu nói của Mạc Đình Chi, sừng sộ.

Bà mẹ Mạc Đình Chi ngỡ ngàng trước tình huống ấy, vội bước lại, giọng run lên không hẳn vì rét:

— Lay cụ đoái thương cho tình cảnh mẹ con con. Cháu nó đại mồm đại miệng, cụ tha thứ cho nó, con được nhờ ơn cụ. Con đã gánh củi đến, cụ cho mẹ con kẻ nghèo này nấu gạo.

Tên hào phú chưa kịp xua tay từ chối, thì cũng rất bất ngờ, hấn nghe thấy Mạc Đình Chi nói với mẹ:

— Mẹ đừng nói thế, coi thường mẹ con mình đi. Con có lỗi gì mà mẹ phải xin. Ông ấy mua thì trả tiền bằng không thì thôi.

Nói rồi, Mạc Đình Chi kéo tay mẹ và gánh củi trở về. Tên hào phú tức lộn ruột, nhưng hấn hoàn toàn bị động trước thái độ cứng rắn và phản ứng nhanh, nhạy của Mạc Đình Chi. Đến lúc hấn thấy cần phải trừng trị, bằng cách xua cho chó cắn chết hai mẹ con kẻ tiểu phu, thì Mạc Đình Chi đã đi xa. Hấn quay lại, trút giận dữ vào đứa con ngây thơ, vẫn còn khóc tí tí:

— Mày bằng lứa với nó, nhưng mày chỉ đáng xách traps hầu nó thôi.

★
★

Giấc ngủ đã cho Mạc Đình Chi sự yên tĩnh trở lại và những lời khuyên bổ ích. Sau đêm tưởng phải thức trắng vì bức mình, vì đôi ấy, Mạc Đình Chi tự nhủ: phải quên những va vấp như thế nhanh chóng nào hay chừng ấy. Hơn thế nữa, Mạc Đình Chi sẵn sàng đón đợi những sự thật phũ phàng hơn. Mạc Đình Chi không lạ gì thói đời kẻ giàu vẫn khinh miệt người nghèo. Mà người nghèo ấy lại là mình: mồ côi cha từ sớm, tài sản không có gì đáng giá ngoài túp nhà tranh bên ven

rừng và mảnh vườn xơ xác. Chỉ thương mẹ vì mình mà phải chịu bao cực nhọc, hết gồng thuê gánh mướn lại lên rừng kiếm củi, chắt chiu từng đồng để nuôi con qua khỏi bao nhiêu lần sài đen, ốm ho, bệnh hoạn, giữa bao lời đồn đại lẫn cả tiếng chê cười. Mẹ đã đơn giản định ninh một điều rằng, người ta nghèo khổ quá chỉ vì ngu dốt, nếu học được nhiều, ắt có ngày thành đạt. Vì vậy, mẹ đã chịu đựng tất cả, hy sinh tất cả để cố nuôi cho con đi học. Biết con học sáng, mẹ rất vui lòng. Và, trong những năm tháng nhọc nhằn, tủi nhục, mẹ vẫn thường ước ao con mẹ sẽ có ngày đỗ đạt. Niềm tin ấy đã vực mẹ vượt qua tất cả. Hiểu lòng mẹ nên Mạc Đĩnh Chi càng cố tâm học tập. Vốn là cậu bé có tư chất thông minh lại phải sống trong cảnh mồ côi, bị người đời khinh rẻ, nên Mạc Đĩnh Chi sớm thấu hiểu ý nghĩa cuộc đời. Đối với Mạc Đĩnh Chi, dường như chỉ có học tập, học tập thành tài mới là con đường đưa cậu bé thoát khỏi cảnh nghèo nàn và bị coi khinh. Hơn thế nữa, thời này đây phẩm giá thanh cao của con người cũng từ sự đỗ đạt mà nên. Vì vậy, không mấy lúc Mạc Đĩnh Chi ngơi đọc sách, nghiền ngẫm nghĩa sách. Không có đủ sách học, Mạc Đĩnh Chi mượn thầy mượn bạn. Mạc Đĩnh Chi cố học thuộc những cuốn sách quý. Không có tiền mua nến để học, Mạc Đĩnh Chi lấy củi thay thế. Hết củi, Mạc Đĩnh Chi đi kiếm lá rừng.

Nhưng đã đến lúc kho sách của thầy và của bạn không đủ đáp ứng nhu cầu của cậu bé. Lấy đâu ra tiền để mua sách? Mạc Đĩnh Chi loay hoay mãi mà chưa nghĩ ra. Mạc Đĩnh Chi đi kiếm củi thêm. Và, dù chẳng được bao nhiêu tiền, nhưng là cách duy nhất để cậu bé có thể có tiền mua sách. Từ đó, hàng ngày Mạc Đĩnh Chi

vừa đi kiếm củi vừa học. Mạc Đĩnh Chi có gầy đi và đen thêm nhưng kiến thức cũng vì thế ngày càng được mở mang.

★
★

Chỉ còn hai năm nữa lại đến kỳ thi Đình⁽¹⁾. Tự thấy sức mình không đủ dạy Mạc Đĩnh Chi, thầy đồ Lũng Động đã khuyên Đĩnh Chi đến theo học một người bạn mình vốn đã đỗ tam khôi⁽²⁾ đang ngồi dạy học ở vùng bên. Hôm chia tay, vì thương nhà Mạc Đĩnh Chi nghèo, thầy đồ đưa cho Đĩnh Chi ít tiền và ân cần căn dặn:

— Thời này, sau ba lần đuổi giặc, đức vua biết nới sức dân, chú tâm tuyển lựa nhân tài mở mang nền thịnh trị thái bình cho dân nước. Vì vậy, con có cơ đạt được công danh trên đường khoa bảng. Con là người có chí, có tài lại có đức, nhưng vì thuộc dòng cùng dân nên cái tài cái đức của con phải hơn người gấp bội mới mong được trọng dụng.

Mạc Đĩnh Chi rưng rưng nước mắt:

— Thầy đã xua tan cho con một lớp mây mù. Tạ ơn thầy chỉ giáo. Con tin theo lời thầy để cố công học tập. Ngừng lại một lát để nén xúc động, Mạc Đĩnh Chi tiếp, dáng ngẩn ngại — thầy còn trông các em, con không dám nhận số tiền này. Lúc nào cần con sẽ xin thầy sau.

Thầy đồ thoáng buồn rồi lấy bọc tiền Mạc Đĩnh Chi đang cung kính trao lại. Đã từng dạy Đĩnh Chi bao năm, thầy đồ hiểu cậu bé khẳng khái và cương nghị này không dễ bắt ép làm một việc gì mà cậu ta không cho là

(1) Từ năm 1246, vua Trần Thái Tông quy định cứ 7 năm tổ chức một kỳ thi kén người hiền tài.

(2) Ý nói Thám Hoa.

phải. Dầu vậy, thầy đồ vẫn có ý không bằng lòng. Nhưng ngay sau đó, thầy đồ lại tự cắt nghĩa. Có lẽ nó thường bị người đời khinh rẻ do phận nghèo, nên mới khi khái quá đáng như thế. Và, cho đến lúc Đinh Chi ôm học hành lý đã đi xa, thầy đồ vẫn đứng nhìn theo mãi. Phải xa cậu học trò yêu, thầy đồ vừa vui vừa buồn. Vui vì thầy đồ thấy mình làm được một việc có nghĩa. Chắc rằng, gặp được thầy dạy giỏi, sức học Mạc Đĩnh Chi sẽ mau chóng tấn tới. Từng dạy học lâu năm, nhiều người đã thành đạt, nhưng thầy đồ chưa thấy trò nào thông minh, có trí nhớ kỳ lạ, ứng đối nhanh nhẹn, nhất là có nghị lực như Mạc Đĩnh Chi. Thầy đồ buồn vì phải xa người học trò vừa giỏi vừa ngoan. Đặc biệt điều làm thầy đồ băn khoăn là liệu Mạc Đĩnh Chi có đủ tiền gạo theo học đến đầu đến đũa không? Mặc dầu vậy, linh tính như báo trước: một cậu bé có nghị lực phi thường đã từng chịu đựng cảnh nghèo, khổ công học tập trong bao năm thì nay cũng sẽ vượt được tất cả.

II

Tin Mạc Đĩnh Chi đỗ trạng nguyên được lan truyền rất nhanh ở kinh đô. Ngay sau lễ truyền lô ⁽¹⁾, nhân dân kinh đô Thăng Long xôn xao bàn tán về tài học có một không hai của vị tân trạng nguyên vốn là con nhà tiểu phu xuất thân. Rồi họ nô nức kéo nhau đi xem mặt trạng. Nhưng cũng giữa khi ấy, trong triều đình lại xảy ra một việc trái lệ thường. Lúc Mạc Đĩnh Chi vào ra mắt vua Trần Anh Tông ⁽²⁾ trước khi đi điều các phố

(1) Lễ xướng danh.

(2) Làm vua từ năm 1292 đến 1314.

thì vì thấy tướng mạo Mạc Đĩnh Chi quá xấu, vua chẳng nói chẳng rằng cho Mạc Đĩnh Chi lui và bắt hoãn các nghi lễ đón rước trạng. Vua cho vời quan chủ sự cuộc thi vào hỏi:

— Khanh đã xem xét kỹ lưỡng văn bài của các sĩ nhân chưa? Trẫm ngỡ rằng có sự nhầm lẫn nào chăng?

— Muôn tâu vương thượng! Thần và các quan chủ khảo cũng vì sợ sự nhầm lẫn đó mà đã xem đi xem lại nhiều lần. Thực tài Mạc Đĩnh Chi hơn nhiều người lắm.

— Trẫm phải xem lại lần nữa văn bài của Mạc Đĩnh Chi và mấy sĩ nhân được chấm đỗ cao.

Lập tức một xếp bài thi được đem đến. Vua Anh Tông chăm chú đọc lại các bài thi. Hồi lâu vua nói với quan chủ sự:

— Quả là lý lẽ của Mạc Đĩnh Chi hàm súc, thanh thoát không sĩ nhân nào sánh được. Trẫm khá khen thay. Chẳng hay linh hạnh Mạc Đĩnh Chi ra sao?

— Thần thật không ngờ con người ấy sớm phải chịu cảnh mồ côi cha. Việc ăn học của Mạc Đĩnh Chi chỉ do một tay người mẹ hèn, làm nghề dọn củi chăm lo.

— Sao, con nhà tiểu phu à? — Vua ngắt lời viên quan, không giấu được vẻ sửng sốt, thất vọng.

— Nhưng — viên quan tiếp — thần xin lấy đầu đảm bảo Mạc Đĩnh Chi là người cương trực, liêm khiết biết kính trên nhường dưới. Về mặt ứng đối lại càng sắc sảo. Con người ấy nếu biết dùng sẽ là người có tài kinh bang tế thế đời nay.

Vua Anh Tông cau mày suy nghĩ rồi nói, giọng không vui:

— Trẫm thật lấy làm tiếc, một người có tài như ông ấy mà là hạng cùng dân. Đã thế, tướng mạo lại xấu xí. Trẫm thật tình không muốn cho đỗ.

★
★★

Đêm ấy Mạc Đĩnh Chi thao thức không ngủ được. Hóa ra không phải chỉ có bọn nhà giàu khinh kẻ nghèo mà chính vua cũng chê kẻ nghèo. Mới chỉ có mấy ngày sống ở kinh đô, bước đầu tiếp xúc với các văn võ bá quan, Mạc Đĩnh Chi đã học được bao nhiêu điều không có trong sách vở. Trong thâm cung của sự thật bao giờ cũng chứa nhiều cay đắng — Mạc Đĩnh Chi buồn rầu, nhận ra điều ấy. Lẽ nào leo cao đã đến buồng, cao đã cắt được rồi, mà bỗng dừng, chỉ vì phận nghèo, kết quả rồi lại xoi hỏng hỏng không! Ta lại phải rời kinh đô, trở về làng cũ, vùi dập bao năm dùi mài đèn sách, soi kính nấu sữ. Hơn thế nữa, vùi dập cả bao mơ ước muốn đem những điều đã học được để phụng sự cho đời hay sao? Mạc Đĩnh Chi suýt bật khóc khi nghĩ tới mẹ già từng chịu bao đắng cay, tủi nhục vì con và đang đổ mắt trông chờ tin con. Từ đáy lòng Mạc Đĩnh Chi thấy dội lên tình cảm yêu ghét xen lẫn lòng oán giận đối với triều đình vua Trần. Nhưng chẳng lẽ ta lại cam chịu số phận ấy một cách dễ dàng đến thế? Chẳng lẽ vua lại không muốn dùng người hiền, những người muốn đem tài trí của mình để dựng nên nền thịnh trị thái bình cho dân nước? Các bậc đế vương xưa đâu có chật hẹp như thế? Chẳng lẽ vua Anh Tông lại thiên cận đến mức ấy sao? Sau gần trọn đêm mất ngủ, một ý định chợt nảy ra: Ít nhất cũng phải để cho vua thấy ta tuy nghèo nhưng là người có phẩm giá thanh cao, có chí thờ vua giúp nước như bao người quyền quý khác. Ý nghĩ

ấy khiến cho Mạc Đĩnh Chi thấy tỉnh táo, mình hẳn hẳn lên. Ta phải viết một bài phú dâng vua nói được chí mình! Mạc Đĩnh Chi vùng dậy, đốt nến, lấy nghiên bút thực hiện ý định. Mạc Đĩnh Chi viết bài phú rất nhanh. Viết nhanh, diễn đạt ý nghĩ của mình khúc chiết, sắc sảo, đó là chỗ mạnh của Mạc Đĩnh Chi; huống hồ, ý tứ bài phú tuy mới dội lên từ hồi đêm, nhưng là những điều đã chất chứa, tích lũy qua bao nhiêu sách vở, qua bao vị cay đắng, mặn chát của cuộc đời. Vì vậy, không đầy một trống canh, bài phú dâng vua đã thảo xong. Mạc Đĩnh Chi buông bút, ngả người lên thành ghế đọc lại bài phú và hài lòng vì thấy đã gói gọn được ý mình. «Ngọc tỉnh liên» (hoa sen trong giếng ngọc), đầu đề bài phú cũng thật hợp với hàm ý toàn bài. Nói được ý mình, Mạc Đĩnh Chi như thấy trút được những ăm ực trong lòng. Mạc Đĩnh Chi phẩn chấn đọc lại những đoạn mà mình thích thú nhất⁽¹⁾.

Chẳng phải như đào trần, lý tặc; chẳng phải như trúc cối, mai gầy⁽²⁾

Cầu kỷ phòng Tăng khó sánh⁽³⁾; mẫu đơn đất Lạc nào bì⁽⁴⁾.

(1) Nguyên văn chữ Hán, xem Việt điện ký văn hợp lục. Phần dịch này theo Hoàng Ngọc Phách, Kiều Thu Hoạch trong « giải thoại văn học Việt Nam ».

(2) Đào trần, lý tặc: Do câu thơ cổ « Đào lý mãn sơn tông thô tặc » (Hoa đào hoa mận đầu núi đều là thứ thô tặc).

(3) Cầu kỷ phòng Tăng: cầu kỷ là tên một cây thuốc. Đời Đường, Lưu Vũ Tích vịnh cây cầu kỷ có câu: « Tăng phòng được thụ y hàn tỉnh » (cây thuốc của nhà chùa nương bên giếng lạnh)

(4) Mẫu đơn đất Lạc: Đất Lạc Dương Trung Quốc là nơi có hoa mẫu đơn đẹp nhất, nên cũng thường gọi là hoa Lạc Dương.

Giậu Đào lệnh, cúc sao vi được; vườn Linh quân, lan sá kể gì (1)

Chợt Mạc Đĩnh Chi cảm thấy bài phú còn chỗ nào chưa thật như ý. Mạc Đĩnh Chi vội đọc lại lần nữa rồi căng óc suy nghĩ. Phải rồi, nếu chỉ làm rõ được phẩm giá thanh cao của mình thì thật chưa hoàn hảo. Phải thêm, chính ta là người có chí tiến thủ, muốn được như người xưa, đem tài năng đức độ cang đáng những trọng trách gây đời thịnh trị cho dân nước. Và, ta có thể làm được những việc ấy chứ không phải bên trong trống rỗng. Chẳng qua số phận ta gặp nhiều trắc trở, không được thi thố hết sức mình. Nhưng dầu số ta có hăm hiu như thế chẳng nữa, những điều ta đọc được, học được để phụng sự cho đời cũng không dễ mai một. Rồi một lúc nào đấy, ta sẽ được mặc sức đem tài năng nổi chí người trước, cứu cho khắp, giúp cho cùng được muôn họ. Cần thêm những ý ấy dù phải chép lại cả bài phú—Mạc Đĩnh Chi tự nhủ và cảm bút ghi vội những ý nóng hổi:

«Không phải là bên trong trống rỗng không có gì. Than cho số phận thuyên quyền phần nhiều gặp sự trắc trở. Nếu cái cuống lá của ta vẫn đứng thẳng, thì mưa gió có hại gì» (2).

(1) Giậu Đào lệnh: Đào Lệnh tức Đào Tiềm đời Tấn, làm quan lệnh ở Bành Trạch. Thơ Đào Tiềm có câu: «Thái cúc đông lý hạ» (hái hoa cúc ở dưới giậu phía đông).

— Vườn Linh Quân: Khuất Nguyên tên chữ là Linh Quân. Thiên Ly tao của Khuất Nguyên có câu: «Dư ký tư lan chi cửu uyển hề, hữu thụ huệ chi bách mẫu» (Ta tưới hoa lan chín uyển lại trồng hoa huệ trăm mẫu). Một uyển bằng 30 mẫu Trung Quốc đời xưa.

(2) Theo *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần viết về Mạc Đĩnh Chi.

Bài phú được dâng lên vua. Vua Trần Anh Tông xem xong lại càng sửng sốt trước tài năng của Mạc Đĩnh Chi. Vua nói với giới văn thần:

— Trẫm chưa được đọc bài phú nào hay đến thế. Không câu nào, chữ nào thoát ra khỏi khuôn phép của đầu đề. Phải là người có học vấn uyên thâm, có khí phách cao cường mới viết được bài phú như vậy. Một người như thế lẽ nào ta không để cho đỗ trạng.

Quyết định của vua cũng thật bất ngờ. Ngay ngày hôm đó, vua cho vời Mạc Đĩnh Chi vào cung và ra lệnh cho các quan thần phải làm đầy đủ mọi nghi thức đối với vị tân trạng nguyên.



Vì cảm phục tài năng của Mạc Đĩnh Chi, vua Anh Tông phải cho đỗ trạng. Nhưng trong thâm tâm vua và cả các viên đại thần triều Trần đều không có ý trọng dụng vị tân trạng nguyên có tướng mạo xấu xí ấy. Vì thế, mấy năm rồi, Mạc Đĩnh Chi chỉ được làm một chức quan nhỏ: Nội thư gia, chức quan ít quyền hành, không có điều kiện thi thố tài năng.

Nhưng rồi, có lần vua Anh Tông đã nhận ra sai sót của mình và phải trọng dụng Mạc Đĩnh Chi. Chuyện ấy cả kinh đô ai cũng biết. Giới văn thần triều đình từ đó càng khâm phục Mạc Đĩnh Chi hơn.

Ngày ấy, sứ nhà Nguyên sang nước Việt để thăm dò nhân tài. Đang trên đường tới Thăng Long, viên sứ đột ngột dừng lại ở trạm Xương Giang. Từ đấy, sứ gửi cho vua Trần một phong thư và cố ý chờ không chịu đi tiếp. Thư đến Thăng Long, vua Anh Tông mở ra xem thì chỉ thấy có một bài thơ ngụ ngôn như sau:

« *Lưỡng nhật bình đầu nhật*
Tứ sơn diên đảo sơn.
Lưỡng vương tranh nhất quốc
Tứ khẩu tung hoành gian⁽¹⁾

Thật là một bài thơ kỳ quặc, vua Trần chịu không hiểu. Vua hỏi các văn thần, nhưng luận bàn mãi không ai giải đoán ra được. Có người tâu vua, thử cho mời Mạc Đĩnh Chi đến hỏi. Nhưng Mạc Đĩnh Chi đã về quê hộ tang mẹ từ tháng trước. Chỉ cần trả lời chậm cũng đủ làm nhục quốc thể; huống chi cả triều đình đang bó tay không hiểu. Chẳng được, vua sai đem xe ngựa, nghi trượng gấp đi đón Mạc Đĩnh Chi hồi triều. Vua cố ý dùng nghi lễ trang trọng đón vị trạng nguyên, cốt để xi xóa chỗ sai sót, lâu nay không trọng dụng tài năng Mạc Đĩnh Chi.

Giữa lúc ấy Mạc Đĩnh Chi đang sống ở quê nhà, ngay ngôi nhà tồi tàn mà khi xưa hai mẹ con đã sống, người tiều tụy hẳn đi. Nhắc thấy nghi lễ đón mình quá trang trọng, Mạc Đĩnh Chi thoáng sửng sốt. Nhưng rồi, vị trạng nguyên trẻ tuổi đã đoán ra:

— Có phải sứ nhà Nguyên đã sang đó không — Mạc Đĩnh Chi hỏi viên quan bộ Lễ, khi viên quan này chưa kịp chào.

Viên quan bộ Lễ kinh hoàng:

— Thật không ngờ quan trạng đã thấy trước được mọi việc. Vương thượng đang nóng lòng chờ quan trạng.

(1) Nghĩa là: Hai mặt trời, mặt trời bằng đầu
Bốn trái núi, trái núi diên đảo
Hai ông vua tranh nhau một nước
Bốn cái miệng ở trong khoảng dọc ngang.

Mạc Đĩnh Chi nghĩ thầm: Chắc có điều gì nan giải, ai nấy phải bó tay nên vua mới vời mình về. Vua đã bao giờ thực bụng dùng mình đâu. Nhưng linh tính như báo trước có việc hệ trọng lắm, nên Mạc Đĩnh Chi nén thương đau, bỏ qua những phật ý nhỏ nhất, vội lên xe ngựa.

Vừa tới kinh, vua Anh Tông an ủi Mạc Đĩnh Chi rồi vừa đưa phong thư của sứ Nguyên cho Mạc Đĩnh Chi, vừa nói:

— Sứ nhà Nguyên quen thói hống hách gửi cho trẫm thư này. Khanh khá vì trẫm đề giảng giải ý nghĩa của nó cho trẫm nghe.

— Mạc Đĩnh Chi đỡ lấy bài thơ. Đọc xong, vị trạng nguyên trở lại dáng hoạt bát, linh lợi thường ngày:

— Muôn tâu vương thượng, cái trò đánh đố nhỏ nhặt này bỏ bèn gì mà vương thượng phải bận lòng suy nghĩ.

— Khanh nói sao? Vua hồ hởi, cắt ngang — Ý tứ của bài thơ phải luận ra thế nào?

— Muôn tâu vương thượng — Đó chỉ là chữ Diên [日] Và bài thơ ấy có nghĩa là:

Hai nhật (日) bằng đầu để sóng hàng

Bốn sơn (山), xáo lộn dọc cùng ngang

Hai vương (王) nghiêng ngửa lo tranh nước

Bốn khẩu (口) liền nhau ghép chữ vàng.

Vua vỗ nhẽ, nức nở khen:

— Khanh đã giúp trẫm giải được điều có thể làm nhục đến quốc thể.

Hiểu ra ý tứ bài thơ, giới văn thần vô cùng khâm phục Mạc Đĩnh Chi.

Sứ nhà Nguyên càng kinh hoàng hơn, bởi vì cũng chỉ ở nước Nam này, ý nghĩa bài thơ mới được khám phá.

III

Được vua Anh Tông cử đi sứ theo yêu cầu của vua Nguyên, Mạc Đĩnh Chi vừa vui lại vừa lo. Vui vì đây là lần đầu tiên Đĩnh Chi được vua giao cho trọng trách, được có dịp đem thi thố những hiểu biết cống hiến cho dân nước. Lo vì nhà Nguyên là một triều đại lớn, chúng quen hống hách trịch thượng, nếu mình có sai sót gì thì điều ấy sẽ làm tổn hại đến danh dự một nước. Bao người đi sứ trước đã chẳng phải chống chọi với bao nhiêu thách đố tinh vi, bắt nguồn từ sự khinh thị của tầng lớp thống trị một nước lớn đối với nước nhỏ? Chẳng phải trong khi vua quan nhà Nguyên muốn dịch ta phải đi sứ, họ vẫn xưng xưng gọi ta là bồi thần đó sao? Việc được giao nặng nề và khó khăn, nhưng chính vì thế Mạc Đĩnh Chi đã đón nhận trọng trách ấy một cách phấn chấn. Hơn thế nữa, việc đi sứ đã đặt cho Mạc Đĩnh Chi nhiều suy nghĩ. Mấy năm làm quan trong triều, được đi đây đó, nơi đâu chẳng có dấu vết bao cảnh tàn phá khủng khiếp của giặc Nguyên để lại. Ngay thành Thăng Long này, giặc Nguyên đã có lần san phẳng thành tro bụi tất cả. Ba lần giặc kéo sang xâm lược với binh hùng tướng mạnh, với những đội quân chưa hề nếm mùi chiến bại trên các nẻo đường chinh chiến, gây đau thương cho biết bao nhiêu dân tộc, xứ sở. Nhưng đến nước Đại Việt này, cả ba lần quân Nguyên đều bị đánh cho thất điên bát đảo, phải tháo chạy như lũ chuột về nước. Vậy mà chúng vẫn thường

hách sách, bắt vua tôi nước Việt phải thần phục chúng? Có thể nào lại vô lý như thế được? — Mạc Đĩnh Chi nhói lên cảm giận — Chẳng lẽ kể ba lần đại bại lại dám cậy thế nước lớn, đòi quyền này quyền khác, bắt kẻ chiến thắng phải thần phục, theo thói lấy thịt đè người được sao? Chẳng hay thấy vua quan nhà Trần nhún nhường vì không muốn gây ra thảm họa binh đao nên nhà Nguyên ý thế làm gì? Xuất phát từ những suy nghĩ ấy, Mạc Đĩnh Chi tự nhủ: trong lần đi sứ này, phải giữ vững tư thế của người chiến thắng, chống lại những đối xử bất công và thái độ khinh thị nước nhỏ của nhà Nguyên. Hơn thế nữa, tiếng nói của đoàn sứ nước Đại Việt ở triều Nguyên phải là tiếng nói đĩnh đạc của kẻ chiến thắng. Ta sẽ không gây ra sự căng thẳng dẫn đến mối hiềm khích giữa hai nước — Mạc Đĩnh Chi thầm nghĩ — cũng không tỏ ra yếu mềm trái với sĩ diện của một nước dù nhỏ, nhưng đã lập nên kỳ công, đánh thắng kẻ thù mạnh hơn mình gấp bội. Trái lại, theo Mạc Đĩnh Chi, đi sứ lần này, chính là cuộc đấu trí, đấu lý để tuyên ngôn được dụng ý, nước Đại Việt và nước Nguyên đều hùng cứ một phương và chống lại mọi sự khinh miệt, cậy thế nước lớn của người Nguyên, gìn giữ quốc thể. Người đi sứ vì vậy, tựa như người lính khi xuất trận, phải tỉnh táo giáng trả mọi ngón đòn tinh vi từ mọi hướng, và mỗi bang giao hữu hảo giữa hai nước chỉ được kiến lập khi vua quan nhà Nguyên không dám coi thường nước Đại Việt.

Việc đi sứ đã vạch xong, thái độ đi sứ đã định rõ, Mạc Đĩnh Chi thấy thanh thản lạ thường. Chỉ còn một việc cuối cùng là tự bồi bổ cho mình kiến thức uyên thâm, làm lợi khí cho những cuộc đấu trí trước khi lên đường. Cả về mặt này nữa, Mạc Đĩnh Chi cũng không dám coi thường. Vì vậy, mấy tháng ròng Mạc Đĩnh Chi

không mấy khi rời khỏi nhà. Đinh Chi để toàn sức vào việc ôn luyện văn thơ, đọc kinh sử nước Nguyên, tìm hiểu phong tục người Nguyên. Rồi, biết ai từng đi sứ, dù xa mấy, Mạc Đinh Chi cũng tìm đến hỏi điều hay lẽ phải cho bằng được.

Gần đến ngày đi sứ, vua Anh Tông cho vời Mạc Đinh Chi vào triều căn dặn:

— Lần này hoàng đế nhà Nguyên muốn thăm cử khanh đi sứ chắc là muốn đề thử tài khanh. Trẫm yên lòng vì biết khanh đề công khó nhọc luyện tập văn sách, phòng khi phải dùng đến. Tuy thế, chuyến đi này khanh phải cẩn thận lắm mới được. Đừng mềm quá người ta lên mặt cũng đừng thái quá sợ tổn hại đến mối bang giao giữa hai nước. Giao cho khanh việc lớn là đề khanh đền ơn và báo ơn cho trẫm đó!

Mạc Đinh Chi cung kính đáp:

— Muôn tâu vương thượng! Việc học không biết bao nhiêu cho đủ. Nhưng thần xin gắng hết sức để khỏi phụ lòng tin của vương thượng. Thần đã nghĩ kỹ rồi — Đinh Chi tiếp, sau một khắc yên lặng — ta là nước thắng trận, cho nên trong mọi việc, ta phải giữ được tư thế đường hoàng của người thắng trận.

Vua Anh Tông không giấu được niềm vui:

— Khanh sẽ làm rạng thanh danh nước Đại Việt đúng tầm vóc của nó. Ta tin nơi khanh vì khanh đã nói tới lẽ ấy. Mạc Đinh Chi lui rồi, vua Anh Tông nói với quần thần:

— Ta nghiệm rằng Mạc Đinh Chi nhỏ bé nhưng lúc nào cũng giữ được phong độ ung dung, thư thái. Con người mẫn tiệp ấy sẽ lưu được tiếng thơm ở nước người. Các khanh có nghĩ như trẫm không?

Quần thần văn võ đều đáp:

— Chọn đi sứ lần này không ai hơn được quan trạng.

★
★

Sau bao ngày hành trình, đoàn sứ Đại Việt do Mạc Đinh Chi dẫn đầu đã đến ải Pha Lũy⁽¹⁾. Rủi thay, gặp ngày mưa to gió lớn nên đoàn sứ đến cửa ải sai hẹn với viên quan coi ải của nhà Nguyên. Đoàn sứ đến, cửa ải đã bị đóng kín. Mạc Đinh Chi nói mãi, người Nguyên vẫn không chịu cho qua. Sau, họ vớt từ trên ải xuống một vế câu đối, bảo hễ Mạc Đinh Chi đối được thì mới mở cửa ải:

Quá quan trì, quan quan bế, nguyệt quá khách quá quan⁽²⁾.

Thật là một câu đối hiểm hóc. Trong có 11 chữ mà riêng chữ quan nhắc lại bốn lần, chữ quá nhắc lại ba lần. Chưa chi bọn quan lại nhà Nguyên đã cố tình thách đố, gây khó dễ. Mạc Đinh Chi nghĩ thầm và toát mồ hôi vì thấy rõ vế đối rất khó, không thể nghĩ ra trong chốc lát được. Hắn rằng đây là một câu đối có chuẩn bị của một văn quan nào đó trong triều đình nhà Nguyên. Nếu vậy, chắc gì viên quan võ này đã đối được. Mạc Đinh Chi thích thú với giả định ấy. Và, để dồn đối phương vào thế bí không thể tránh khỏi, Mạc Đinh Chi ứng khẩu đọc:

— *Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối⁽³⁾,*

(1) Nay là Hữu nghị quan.

(2) Nghĩa là: Qua cửa quan chậm, cửa quan đóng, mời khách qua đường qua cửa quan.

(3) Nghĩa là: ra câu đối dễ, đối câu đối khó, xin tiên sinh đối trước.

Tình thế bỗng đổi khác. Tưởng đã bí thế mà lại hóa ra một câu đối hay. Viên quan nhà Nguyên chịu là vị trạng nguyên đất Việt có tài ứng biến đã chuyển bại thành thắng nên lập tức xuống mở cửa ải, ân cần ra đón Mạc Đĩnh Chi.

★
★★

Tin viên bồi thần nước Đại Việt, trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, đã phá được câu đối ở cửa Pha Lũy khiến cho vua và giới văn thần triều Nguyên hết sức chú ý. Vì vậy, vua quan nhà Nguyên vừa có ý gờm vừa chuẩn bị để có dịp làm nhục viên sứ nước Đại Việt cho hả giận.

Ngày hôm đầu vào bệ kiến, vua Nguyên muốn địch thân thử tài Mạc Đĩnh Chi, nhân thế đề dò khí tiết của viên sứ, nên đã ra câu đối:

— Nhật: hỏa, — vân: yên, bạch đản thiêu tàn ngọc thổ⁽¹⁾.

Biết là vua Nguyên kiêu căng, tự coi mình là mặt trời và coi Đại Việt như mặt trăng, ban ngày phải bị mặt trời thôn tính, Mạc Đĩnh Chi thấy cần phải tỏ rõ thái độ của mình. Hơn thế phải khẳng định nước Đại Việt ở thế thắng nên ứng khẩu đọc ngay:

Nguyệt: cung, — tinh: đạn, hoàng hôn xạ lạc kim ô⁽²⁾.

Thật là một câu đối sắc như lưỡi kiếm, đầy khí phách của kẻ chiến thắng mà lại rất chính. Vua Nguyên thấy mình bị trả miếng rất đau, nhưng cũng hết sức phục tài viên sứ nước Đại Việt. Vì vậy, vua tỏ ra vui vẻ:

(1) Nghĩa là: Mặt trời là lửa, mây là khói, ban ngày đốt cháy vùng trăng.

(2) Nghĩa là: Trăng là cung, sao là đạn, chiều tối bắn rơi mặt trời.

— Quả là danh bất hư truyền. Lời đồn đại về tài năng của người thật chẳng ngoa. Nói rồi, vua Nguyên sai ban rượu ngon và bắt viên nội giám xuất nhiều vàng bạc trong kho để lạng thưởng cho Mạc Đĩnh Chi.

Trước lúc ra về, vua Nguyên làm như chợt nhớ ra điều gì, vội hỏi:

— Ta nghe nói khi trước chỉ vì một bài thơ của sứ thần ta mà cả triều đình vua Trần phải bó tay, không giải được. Vì lẽ đó, vua Trần buộc phải nhờ đến nhà người, trọng dụng nhà người và xi xóa hiềm khích cũ, chuyện ấy có không?

Mạc Đĩnh Chi thanh thản đáp:

— Tâu bệ hạ! Giải nghĩa một bài thơ là phận của bề tôi chứ đâu phải việc của vua. Huống chi thần mới đỗ trạng, giao cho thần luận giải bài thơ chỉ là vì vua muốn xem học vấn của thần đến đâu mà thôi.

Vua Nguyên thấy không dễ lung lạc được Mạc Đĩnh Chi nên bỏ dở câu chuyện không hỏi tiếp.

★
★★

Đoàn sứ Việt Nam được nghỉ mấy ngày để đi xem phong cảnh thành Biện Kinh cổ kính, trước khi vào phủ tể tướng. Mạc Đĩnh Chi và đoàn sứ đã đi khắp đó đây và dừng lại không biết bao lần, ngắm xem vẻ đẹp lộng lẫy của khu hoàng thành. Nguyên Thế Tổ sau khi chiếm được nước Tống đã tập trung về đây những thợ kiến trúc giỏi nhất để sửa chữa, tu bổ lại kinh thành, biến Biện Kinh thành một hòn ngọc của cả vùng. Tại Biện Kinh cũng như trong cuộc hành trình dài ngày trên đất Tống, Mạc Đĩnh Chi đã gặp gỡ tiếp xúc

với bao nhiêu người Tống. Nhân dân Tống đã đón tiếp đoàn sứ thân thiện và bày tỏ mối cảm thông sâu sắc, chân thành đối với nhân dân Đại Việt, những người từng chống kẻ thù chung là giặc Nguyên. Họ không giấu được sự vui mừng trước kỳ công của nhân dân Đại Việt đã ba lần đánh thắng giặc Nguyên và hứa hẹn sẽ có ngày dấy cờ nghĩa đánh đuổi bọn giặc đang giày xéo, hãm dân tộc họ vào vòng lầm than. Ngược lại, tự coi mình là những người anh em, Mạc Đĩnh Chi và đoàn sứ Đại Việt trước sau đều bày tỏ lòng kính trọng và thông cảm nỗi khó khăn mà nhân dân Tống đang chịu đựng. Bằng những cuộc tiếp xúc ấy, Mạc Đĩnh Chi thấy rõ, chỉ có bọn vua quan nhà Nguyên và những người Tống cam tâm giở giáo đón giặc, mới có ác cảm với dân chúng Đại Việt. Mạc Đĩnh Chi không thể nào quên được chuyện đụng độ với tên quan người Tống chiều hôm trước. Lúc ấy, Mạc Đĩnh Chi và đoàn sứ đang cười đùa đi thăm hàng phố, thì bỗng lừa Mạc Đĩnh Chi chạm phải ngựa của viên quan người Tống. Tên quan nhìn Mạc Đĩnh Chi bằng nửa con mắt và đọc một câu tỏ rõ sự khinh thị:

— Xúc ngã kỵ mã, Đông di chi nhân giả, Tây di chi nhân giả⁽¹⁾.

À, thằng cha này không biết thân biết phận, không biết xấu hổ phải ăn cơm thừa của người Nguyên lại còn lấy chữ « Đông di » ở sách Mạnh Tử, tỏ ý khinh rẻ, cho ta là kẻ mọi rợ, man di sao? Mạc Đĩnh Chi tự hỏi. Và trong cơn giận không kìm được, Mạc Đĩnh Chi nhìn thẳng vào mặt tên quan, đáp:

(1) Nghĩa là: Chạm ngựa ta cười là người rợ phương Đông hay phương Tây?

— Ất dư thừa lư, Nam phương chi cường dư, Bắc phương chi cường dư?⁽²⁾

Mạc Đĩnh Chi rất hài lòng về câu đối ấy, vì chữ « Nam phương » lấy ở sách Trung Dung đã nói rõ thâm ý người phương Bắc chắc gì đã mạnh hơn người phương Nam. Nếu mạnh hơn sao lại chịu để cho giặc Nguyên đô hộ?

Viên quan người Tống tỏ ý xấu hổ, ra roi cho ngựa đi thẳng không dám hoành hợ gì nữa.

★
★

Cái ngày vào phủ tể tướng, nơi mà Mạc Đĩnh Chi biết trước sẽ phải đấu trí với tinh hoa của giới văn thần triều Nguyên thâm thoát đã đến. Mặc dù Mạc Đĩnh Chi định bụng sẽ kết giao, giữ tình thân thiện với giới văn thần triều Nguyên, nhưng vị trạng nguyên Đại Việt không dễ làm được điều ấy.

Ngay lúc bước vào phủ, thấy bức tranh thêu con chim sẻ đậu trên bụi trúc tuyết đẹp, Mạc Đĩnh Chi xô lại ngắm nghĩa mãi không thôi⁽²⁾. Nhưng sao bức tranh có cái gì trái cựa thế này? Sao không phải là bức vẽ cảnh mai chim sẻ mà lại là cảnh trúc chim sẻ. Mãi suy nghĩ, Mạc Đĩnh Chi không biết vị tể tướng triều Nguyên và những người ở đó cười chế giễu mình từ lúc nào: Được, cứ cho ta là quê mùa đi — Mạc Đĩnh Chi thầm nhủ — ta sẽ mở mắt cho các người. Nghĩ thế,

(1) Nghĩa là: Ngần lừa ta ngồi, hỏi người phương Nam mạnh hay người phương Bắc mạnh?

(2) Giai thoại ta ghi rằng Mạc Đĩnh Chi tưởng là chim sẻ thật liền chạy tới vỗ. Lẽ nào Mạc Đĩnh Chi lại có sự nhầm lẫn ngớ ngẩn ấy. Sự thật theo chúng tôi, chỉ có thể như truyện này thôi.

Mạc Đĩnh Chi thản nhiên đến xé toạc bức trướng. Người Nguyên chưa hết ngạc nhiên, Mạc Đĩnh Chi đã chậm rãi, biện luận:

— Từ xưa, tôi chỉ nghe nói có « mai tước họa » (bức vẽ cảnh mai chim sẻ) chứ chưa hề nghe nói đến « trúc tước họa » (bức vẽ cảnh trúc chim sẻ). Nay tể tướng lại đề bức trướng « trúc tước họa », « trúc » là quân tử, « tước » là tiểu nhân; làm như vậy là đề tiểu nhân lên trên quân tử, tôi e rằng cái đạo tiểu nhân sẽ ngày một rộng rãi, mà cái đạo quân tử sẽ ngày một tiêu tan. Cho nên tôi phải vì thiên triều mà trừ trước cái mầm họa ấy đi.

Sau giây phút im lặng căng thẳng, một văn thần thì thầm nói với viên tể tướng: « Quan tể tướng đã thấy chưa, hắn có tài biện luận chuyển bại thành thắng đúng như lời đồn đại lâu nay, ta không dễ bắt bẻ được. Nhưng hắn sẽ chết vì câu đối của tôi. Nói rồi, viên quan văn ấy đứng lên, hướng về phía Mạc Đĩnh Chi: »

— Tôi nghe lời biện luận của ngài trạng nguyên cũng thấy có lý. Ngài rõ là một người biết ứng biến trong mọi việc, thật đáng khen thay. Nghe nói ngài còn là bậc văn chương siêu việt. Vậy xin ngài đối giùm một vế—Viên quan tùm tùm cười rồi đọc:

— « Ly, My, Vong, Lrong, tứ tiểu quý⁽¹⁾. »

Thấy viên quan người Nguyên dùng lời lẽ trịch thượng, chê mình xấu xí nên lời họ hàng nhà quý ra để giễu cợt, Mạc Đĩnh Chi giận lắm. Tuy thế, Đĩnh Chi vẫn làm ra bộ tươi cười, đối ngay lại rằng:

— Cầm, Sát, Tỳ, Bà, bát đại vương⁽²⁾.

(1) Nghĩa là: Các chữ Ly, My, Vong, Lrong là bốn con quý nhỏ.

(2) Nghĩa là: Những chữ Cầm, Sát, Tỳ, Bà có 8 chữ vương lớn ở trên (và cũng là tên 4 loại đàn).

Giới văn thần triều Nguyên kinh ngạc trước câu đối rất chọi mà còn có tính cách « ăn miếng trả miếng » thật tài tình của Mạc Đĩnh Chi: các người khinh ta là tiểu quý, nhưng ta chính là đại vương đây. Không dờn được Mạc Đĩnh Chi vào thế bí bằng câu đối, sau bao ngày nghiền ngẫm, viên quan nhà Nguyên thực sự phục tài Mạc Đĩnh Chi, không còn dám khinh là xấu xí, quê mùa nữa.

Nhưng thua keo này bày keo khác, các quan lại nhà Nguyên lại xúm xít đề ra hàng loạt câu đối chiết tự để thách thức Mạc Đĩnh Chi. Một viên quan phong độ nhỏ nhả ra một câu đối:

— An, nữ khừ, thỉ nhập, vi gia⁽¹⁾.

Trước khi đi sứ Mạc Đĩnh Chi đã dày công ôn luyện lại loại câu đối này nên câu này tưởng như Đĩnh Chi cho là quá dễ, không cần nghĩ ngợi, đáp:

— Tù, nhân xuất, vương lai, thành quốc⁽²⁾.

Người Nguyên tuy biết câu đối của Mạc Đĩnh Chi vừa chọi, vừa có khí phách, mà lại hàm ý ngạo mạn ở bên trong: lấy chữ « vương » là vua cho đối chữ « thỉ » là lợn. Nhưng ai nấy đều lắc đầu lè lưỡi, xuýt xoa khen ngợi mãi.

Thấy Mạc Đĩnh Chi mấy lần đối trôi chảy phản ứng nhanh nhạy, áp đảo được mọi người, viên quan nhà Nguyên khác lại ra câu nữa:

— Thập khâu tâm tư, tư quốc, tư gia, tư phụ mẫu⁽³⁾.

Cũng rất bất ngờ, viên quan nhà Nguyên vừa đọc xong Mạc Đĩnh Chi đã lên tiếng đối rằng:

(1) Nghĩa là: Chữ an bỏ chữ nữ thay chữ thỉ vào là chữ gia.

(2) Chữ tù bỏ chữ nhân thêm chữ vương thành quốc.

(3) Ghép chữ thập chữ khâu chữ tâm thì thành chữ tư là lo, lo nước, lo nhà, lo bố mẹ.

— Thốn thân ngôn tạ, tạ thiên, tạ địa, tạ quân vương⁽¹⁾.

Đến lúc này, giới quan lại triều Nguyên chỉ còn biết bày tỏ sự khâm phục trước tài học uyên bác và trí thông minh tuyệt vời của Mạc Đĩnh Chi. Chính viên tể tướng triều Nguyên, người bày ra cuộc thách đố ác ý này đã bị Mạc Đĩnh Chi giáng trả những đòn đau đớn. Hơn thế nữa, tài năng của vị trạng nguyên nước Đại Việt đã khiến cho viên tể tướng không giấu được sự kinh ngạc.

— Ngài quả là bậc kỳ tài. Người ra câu đố đã giỏi, người đối lại càng giỏi hơn. Tựa trung, toàn là những tay cự nho cả.

Các văn thần triều Nguyên có mặt trong buổi ấy bị tài năng của Mạc Đĩnh Chi thu phục đã bỏ qua mối hiềm khích thâm căn cố đế, để vây quanh viên sứ nước Đại Việt tiếp tục bàn luận chuyện văn chương một cách thân ái.

** thuongmaitruongxua.vn

Thấm thoát đã đến ngày đoàn sứ Đại Việt sắp lên đường về nước. Nhân dịp ấy, Nguyên Thành Tổ lại cho vời Mạc Đĩnh Chi vào cung mình dự tiệc. Cùng dự tiệc hôm ấy còn có sứ thần của nhiều nước. Vốn hâm mộ tài năng xuất chúng của Mạc Đĩnh Chi, nhân một sứ thần dâng cho mình quạt quý, vua Nguyên bảo Mạc Đĩnh Chi và sứ Cao Ly làm thơ đề quạt.

Làm thơ vịnh theo kiểu này là ngón sở trường của Mạc Đĩnh Chi nên Đĩnh Chi rất yên lòng. Vấn đề là phải lấy từ tích nào để có ý hay lời đẹp hàm nghĩa uẩn súc.

(1) Ghép chữ thốn chữ thân chữ ngôn thì thành chữ tạ là ơn, ơn trời, ơn đất, ơn vua chúa.

Mạc Đĩnh Chi còn đang loay hoay tìm ý chọn lời, thì sứ Cao Ly đã cầm bút viết thoăn thoắt.

Mạc Đĩnh Chi chẳng nóng lòng, suy nghĩ cho chín hơn và bình tĩnh cầm bút viết luôn một mạch:

— Lưu kim thước thạch, thiên địa vi lô
Nhĩ tư thời hề, Y, Chu cự nhu (nho)
Bắc phong kỳ lương, tuyết vũ tái đồ
Nhĩ tư thời hề, Di, Tề ngã phu
Y! Dung chi tắc hành, xả chi tắc tàng
Duy ngã dự nhĩ hữu thị phù⁽²⁾

Bài thơ của Mạc Đĩnh Chi xong trước sứ Cao Ly. Nguyên Thành Tổ xem rồi nức nở khen mãi. Vua Nguyên thực sự khâm phục tài năng viên sứ nước Đại Việt, hơn thế nữa, lại càng quý mến con người có hình thù xấu xí ấy. Được nghe lại bao lời đối đáp của Mạc Đĩnh Chi, tuy biết viên sứ này đôi lúc trả miếng lại người Nguyên rất thâm thúy nhất là lúc nào cũng giữ phong độ ung dung đối đáp cũng trái với ý muốn của mình, nhưng đó là cung cách của con người biết giữ gìn quốc thể, không dễ bắt bẻ được. Chính là Nguyên Thành Tổ tiếc rằng mình thiếu một bề tôi có tài năng, có khí phách và linh lợi như thế. Nghĩ vậy, nên sau khi nức nở khen ngợi Mạc Đĩnh Chi, Nguyên Thành Tổ không do dự phê vào bài thơ 4 chữ « Lương quốc trạng nguyên » và tự tay trao văn bằng cho Mạc Đĩnh Chi. Vua triu mến nói:

(1) Nghĩa là: Chảy vàng tan đá, trời đất là lò lửa
Người lúc ấy như Y Doãn, Chu Công là những bậc cự nho
Gió bắc lạnh lùng, mưa tuyết đầy đường,
Người lúc ấy như Bá Di, Thúc Tề là những ông già chết đuối.
Ôi! Dùng thì chuyên tay, bỏ thì xếp xó
Chỉ có ta với người là như thế chăng?

— Tài năng của nhà người, bản triều ta không dễ có người sánh được. Cũng chỉ ở nước Đại Việt mới có được những viên sứ như nhà người.

IV

Sau chuyến đi sứ, Mạc Đĩnh Chi đã thực sự chiếm được lòng tin của vua Anh Tông. Vua đã vì cái công đi sứ khó nhọc làm vẻ vang cho nước mà cất nhắc Mạc Đĩnh Chi lên địa vị xứng đáng: quan Ngự Sử. Tên tuổi của vị lương quốc trạng nguyên cũng từ đó được cả nước yêu mến, hâm mộ.

Nhưng lúc ấy, bọn quý tộc và quan lại nhà Trần xoay ra chơi bời hưởng lạc. Ở các thái ấp của bọn quan lại nhà Trần thường ngày đêm ca xướng yến tiệc. Vua Anh Tông về cuối đời, cũng bắt đầu nảy sinh tấm lòng mộ đạo. Vua đã xuất không biết bao nhiêu công quỹ để xây dựng chùa chiền, đúc chuông đúc đỉnh. Chẳng tháng nào, ông vua mộ đạo ấy lại không đi thăm chùa này chùa khác; có lúc vua còn tụ họp các nhà sư ở chùa Yên Tử để đọc sách Phật, phó mặc triều chính cho bọn đại thần ⁽¹⁾.

Đứng trước cảnh ấy, Mạc Đĩnh Chi đã bao lần can gián vua nhưng không được. Gặp năm lũ lụt, dân đói kém phiêu giạt đầy đường, Mạc Đĩnh Chi đập đầu tâu vua:

— Nước thịnh là ở chỗ vua cùng quần thần biết chăm lo đến sức dân, thương dân như con. Nay gặp cảnh mưa lụt mất mùa, nếu vương thượng không sửa việc nhân đức, phó mặc triều chính cho các đại thần không biết

(1) Theo *Lịch triều hiến chương loại chí*.

thương dân, thì tránh sao khỏi tiếng oán than của dân chúng. Vua Anh Tông lộ rõ sự khó chịu:

— Trẫm và bọn đại thần đã làm gì để dân chúng kêu than?

Thấy rõ lúc này nếu tiếp tục can vua sẽ không được lòng vua. Nhưng nếu không tâu hết sự thực, thì cứ đà này, dân sẽ ra sao? Nước sẽ đi đến đâu? Mạc Đĩnh Chi đã chẳng tận mắt nhìn cảnh dân chạy lụt nheo nhóc, khổ sở đầy đường đó sao! Chính cảnh tượng thê thảm ấy đã giúp Mạc Đĩnh Chi thêm dũng khí, đáp:

— Muôn tâu vương thượng! Nước là của vua, dân chúng không phân biệt sang hèn, đều là thần dân của vua. Nước thịnh dân giàu hay nước suy dân khổ cũng là từ vua mà nên.

Vua mếch lòng nhưng nghe Mạc Đĩnh Chi nói có lý nên không bắt bẻ được. Và, cũng là cách để trừng phạt Mạc Đĩnh Chi, vua Anh Tông giao cho Đĩnh Chi thêm chức quản tổng coi việc hộ dè.

Mạc Đĩnh Chi nhận trọng trách mới một cách vui vẻ. Chỉ mấy ngày sau, Đĩnh Chi đã rời kinh đô, thân đến miền lũ lụt nặng nhất ở Chương Mỹ ⁽²⁾. Mạc Đĩnh Chi đã huy động dân chúng khẩn cấp hàn dè, úy lạo, cứu giúp dân bị nạn và lo khôi phục lại mùa màng. Thấy Mạc Đĩnh Chi ngày ngày đều có mặt trên dè, bọn quan lại ở lộ, phủ cũng không dám chềnh mảng. Dân chúng càng phấn chấn hơn vì thấy triều đình đề mắt tới; hơn thế nữa, còn cứu giúp những gia đình thiệt hại, một việc xưa nay chưa từng có, nên ai nấy đều dốc sức cho việc hàn dè. Dân cảm cái công ấy, coi Mạc Đĩnh Chi

(1) Chương Mỹ thuộc phủ Ứng Thiên, lộ Sơn Nam nay là huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

như người ân nhân đã cải tử hoàn sinh cho họ. Rồi nơi nào có đê vỡ, nơi ấy có Mạc Đĩnh Chi. Nơi nào bọn quan lại lơ là việc phu đê, hộ đê, Mạc Đĩnh Chi đều xử phạt để nêu gương. Phe cánh quan tư đồ Trần Trung Hoài vốn không thích Mạc Đĩnh Chi, nhân đó đã xúc xiêm, tâu vua:

— Mạc Đĩnh Chi lâu nay cậy có công sinh ra kiêu ngạo, tự ý xử mọi việc, gia ân báo oán tùy ý, không còn coi ai ra gì. Xin vương thượng cho triệu hần về.

Vua Anh Tông tin lời bọn Trần Trung Hoài, đã xuống chỉ, triệu Mạc Đĩnh Chi hồi triều.

★
★

Mạc Đĩnh Chi vẫn giữ chức Ngự Sử nhưng trong lòng không vui. Bọn Trần Trung Hoài được vua trao cho quyền bính, mặc sức lộng hành, tha hồ vơ vét làm giàu. Bọn chúng chẳng những không can vua đừng bỏ nhiều tiền của và công sức của dân xây am Ngọa Vân⁽¹⁾ thì chớ lại còn một mực tăng bốc, coi việc vua xây am là việc nghĩa, nên làm. Trong hoàn cảnh ấy, dù biết việc mình làm sẽ gây nên thù oán, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng, nhưng Mạc Đĩnh Chi đã dăng sớ can vua và tố cáo bọn Hoài lũng đoạn triều chính. Nhưng ông vua say đạo đã bỏ qua lời can gián ấy và tỏ ra không còn mặn mà với Mạc Đĩnh Chi nữa. Được dịp bọn Trần Trung Hoài tìm mọi cách hãm hại Mạc Đĩnh Chi. Hoài tâu với vua:

(1) Chính sử ghi vua Anh Tông xây am Ngọa Vân làm nhọc sức dân vô kể.

— Mạc Đĩnh Chi xuất thân hèn hạ. Nay được vương thượng tin dùng không lấy đó làm ơn lại còn hay dôm dổ vào việc triều chính, gây bè phái mưu hại lẫn nhau. Từ khi làm quan hộ đê, cậy có chút công, đã mặc sức vơ vét của cải của dân để xây một dinh cơ cực kỳ sang trọng ở Lũng Động. Ngày ngày, ở nhà hần, rầm rập người vào ra không rõ bàn luận những chuyện gì. Nếu vương thượng không chặn trước thì sao gọi là một ông vua anh minh được!

Chưa đến nỗi mê muội trong mọi việc, vua Anh Tông nửa tin nửa ngờ, bảo Trần Trung Hoài:

— Trẫm chưa thấy ai kêu ca hần ngoài lũ người. Nhưng việc này ta sẽ cho tra xét.

Nhưng công việc chưa tiến hành thì vua Anh Tông đã mất⁽¹⁾.

★
★

Còn thừa từ vua Anh Tông tên là Mạnh lên nối ngôi cha lấy hiệu là Minh Tông⁽²⁾, Minh Tông tuy trẻ nhưng là người có tài. Khác với vua cha, Minh Tông chăm lo đến chính sự biết cất dùng văn nho nên kén được nhiều nhân tài giúp.

Lợi dụng lúc Minh Tông mới lên ngôi vua, bọn Trần Trung Hoài lại xúc xiêm ton hót tìm cách hại Mạc Đĩnh Chi. Chúng muốn nhờ ngay cái gai thường ngăn cản chúng để dễ bề thao túng triều chính.

Nhưng nghe chúng tâu, vua Minh Tông không tỏ rõ thái độ của mình. Tuy thế, vốn tinh thận trọng, Minh Tông đã cho vời một viên quan tâm phúc vào cung nói:

(1) Năm 1314.

(2) Minh Tông ở vua từ 1314 đến 1329.

— Đức của vua là không được thưởng bầy vì tư ân, phạt bầy vì tư nộ. Trẫm nghe quan tư đồ tâu rằng quan Ngự Sử Mạc Đĩnh Chi vợ vết của dân để xây dinh cơ ở Lũng Động. Trẫm không tin việc đó, nhưng lại không muốn làm mất hòa khí giữa các quần thần. Khanh đi xem xét sự việc rồi cho trẫm hay.

Nửa tháng sau viên quan đó về tâu với vua rằng:

— Thần đã về Lũng Động, nhân thể thăm dò cả dân tình nơi ấy. Ở đây không có dinh cơ nào của Mạc Đĩnh Chi mà chỉ có một ngôi nhà nhỏ mà quan Ngự Sử xây cho mẹ. Cửa cái có gì đáng gọi là tốn phí? Dân ở đó ai cũng một mực khen ngợi quan Ngự Sử hiếu thảo và biết thương yêu đồng loại. Ngay ở Kinh đô, Mạc Đĩnh Chi cũng sống thanh đạm như một viên tiểu quan vậy. Không làm gì có người vào ra nườm nượp ở nhà quan Ngự Sử như lời tâu của quan tư đồ. Thần sợ trong lời tâu ấy có điều gì ám muội chăng?

Vua tỏ ra vui vẻ:

— Trẫm cũng ngờ rằng bọn Hoài vu cáo làm vậy, chứ tính khí Mạc Đĩnh Chi trẫm vẫn có bụng yêu mến từ lâu — ngừng lại một lát, vua tiếp — Khanh hãy vì trẫm làm thêm việc nữa, âu cũng là cách thử xem ai ngay ai tà, để trẫm có thể phân xử được công bằng. Nhưng việc này khanh phải hết sức khéo léo mới được.

Nói rồi vua cho viên quan được đến gần để dặn dò công việc.

★
★★

Sáng ấy Mạc Đĩnh Chi vào chầu vua theo thường lệ, nhưng nét mặt lộ rõ vẻ bàng hoàng. Thấy vậy, vua Minh Tông hỏi:

— Quan Ngự Sử trong người không được khỏe hay sao mà có dáng không thanh thản làm vậy?

— Muôn tâu vương thượng—Mạc Đĩnh Chi vội đáp—Thật là lạ, đêm qua ai đã bỏ vào nhà thần 10 quan tiền và một số đồ quý⁽¹⁾. Thần ngờ rằng của cải ấy là do một người nào đấy định dứt lột mà thần chưa nghĩ ra. Vậy thần đem tới đây để tâu vương thượng rõ.

— Khanh có khó nhọc giúp người ta thì người ta mới cho như thế. Vậy khanh cứ coi những vật đó là của mình cũng được chứ sao?

— Phàm của cải không do tay mình làm ra thì không được lơ hào đến — Mạc Đĩnh Chi khẳng khái, đáp.

Vua giữ lại tiền và các đồ vật ấy rồi cho Mạc Đĩnh Chi lui. Vua nói với viên quan tâm phúc:

— Lòng quan Ngự Sử thật là ngay. Con người như thế sao lại dám gán bừa là ăn hối lộ được. Trẫm đã xét rõ được một người.

Vua lại cho triệu quan tư đồ Trần Trung Hoài vào triều hỏi:

— Khanh có việc gì cần tâu trình không?

Trần Trung Hoài ngần ngừ chưa kịp đáp, vua lại hỏi tiếp:

— Chắc khanh không được khỏe nên coi bộ không vui. Nếu không có việc gì thì cho khanh lui.

Trần Trung Hoài nghĩ: nếu không nhân dịp này trừ Mạc Đĩnh Chi đi thì về sau sẽ rất khó. Vì vậy, hăn khệ nệ tiến lên mấy bước rồi quỳ xuống, đáp:

(1) Theo Lịch triều hiến chương loại chí: Vua Minh Tông cho người bỏ tiền vào nhà Mạc Đĩnh Chi để thử thách đức liêm khiết của ông.

— Muốn tâu vương thượng! Mọi việc thần làm vẫn thông đồng bên giọt. Có điều dân tình hiện vẫn kèn ca nhiều về quan Ngự Sử. Đêm qua tại tư gia quan Ngự Sử lại thấy tụ tập quá nhiều người, không biết để làm gì?

Thấy đã có đủ tang chứng về việc tổ giặc mưu hại lẫn nhau giữa quan Tư Đồ và quan Ngự Sử, Minh Tông nét mặt hầm hầm, bảo Trần Trung Hoài:

— Đã bao năm, người giữ trọng trách nhưng lại không nghĩ đến việc thờ vua giúp nước mà chỉ lo bòn vét cho nhiều. Chẳng những thế, người lại còn mưu hại người chính trực như quan Ngự Sử, gây bè phái, rối triều đình. Ta đã vì ích nước mà để mắt xem xét lời tố giác của người cùng cung cách làm việc của lũ người. Té ra quan Ngự Sử là người thẳng thắn, liêm khiết. Ngược lại bọn văn dốt vũ dát, chuyên dối trên lừa dưới, ăn hối lộ, lo làm giàu lại chính là lũ người. Đêm qua ta đã cho người bỏ vào nhà người và quan Ngự Sử những số tiền lớn. Nhưng quan Ngự Sử thì trả lại, còn người thì im đi. Thế là nghĩa làm sao?

Trần Trung Hoài không ngờ sự thế lại như thế. Nhưng hối hận cũng đã muộn. Số tiền và các đồ vật quý của vua hần đã cất kỹ ở trong kho của mình. Thấy vua đã khám phá ra tông tích mình, Trần Trung Hoài sợ hãi mặt tái đi như gà bị cắt tiết. Thường ngày hần ăn to nói lớn là thế, mà lúc này, cứ đứng trơ ra, thuôn mặt không cãi được câu nào. Hần lồm lét nhìn vua rồi nặng nề đứng lên, vác cái bụng gàn vượt quá mắt lúi dẩn lúi dẩn. Cuối cùng, cả cái cây thịt đồ sộ ấy đồ sụp xuống.

Lập tức vua Minh Tông cách chức Trần Trung Hoài và giao cho hình quan xét xử tội Hoài và đồng bọn.

Cũng ngày hôm ấy vua thăng cho Mạc Đĩnh Chi chức nhập nội hành khiển. Việc làm thận trọng nhưng cương quyết của vua Minh Tông được giới văn võ bá quan triều đình hả lòng hả dạ. Do vậy ai nấy đều hết lòng vì vua vì nước. Mạc Đĩnh Chi lại càng phấn chấn hơn, vì mối oan của mình đã được giải bày. Hơn thế nữa, ở chức vị mới, Mạc Đĩnh Chi có thể thi triển được tài năng, có dịp thực hiện được hoài bão làm cho nước thịnh dân giàu.

QUYNH CƯ

TUỆ TĨNH

I

Thế là Nguyễn Bá Tĩnh⁽¹⁾ không được tới trường theo học nữa. Vị cao tăng đồng thời là ân nhân của Bá Tĩnh mất đi, thượng tọa mới thay quyền chủ trì chùa Giao Thủy ⁽²⁾ một hôm bảo Bá Tĩnh rằng:

— Cháu đã 15 tuổi đầu rồi, phải tập làm ăn đi thôi. Bao nhiêu con nhà khá giả cũng chẳng theo đuổi việc học đến nơi đến chốn được nữa là cháu. Mà học để làm gì? Cháu không nghe nói: «Tướng là chim ưng, quân dân là vịt»⁽³⁾ đó sao. Ngay con nhà vương tôn quý tộc ở vùng này cũng chỉ rượu chè, cờ bạc, ngày đêm yến tiệc ca xướng, có học hành gì đâu? Ta thương cháu mới lấy lời bảo ban cháu như thế.

Nghe thượng tọa nói, Bá Tĩnh buồn lắm. Đã mấy lần Bá Tĩnh lạy lời xin, nhưng thượng tọa vẫn không chuyển ý. Hàng ngày, những lúc rảnh rỗi, Bá Tĩnh thường đem vở học ra xem. Chao ơi, giờ lại những

(1) Tuệ Tĩnh tên thật là Nguyễn Bá Tĩnh, sinh năm 1341. Bị bắt sang triều Minh năm 1386, lúc ông mới 45 tuổi.

(2) Thuộc trấn Sơn Nam (Thái Bình — Nam Định).

(3) Đó là quan điểm của bọn quý tộc nhà Trần về mấy đời sau.

trang sách mà Bá Tĩnh như vẫn nghe thấy lời giảng âm áp của thầy cũ, tiếng nô đùa của chúng bạn và những giờ tập văn sôi nổi. Bây giờ thì những kỷ niệm ấy đã qua rồi. Bá Tĩnh nhớ bạn, nhớ trường quá. Giá^a cha mẹ ta còn sống—Bá Tĩnh tủi thân ao ước—lẽ đâu ta phải bỏ học thế này. Càng nghĩ về cảnh mình, Bá Tĩnh càng thêm nhớ vị cao tăng, đã nuôi cho ăn học và coi Bá Tĩnh như con. Bá Tĩnh không biết mặt cha mẹ, vì cha mẹ mất từ năm Bá Tĩnh 6 tuổi. Nghe nói, một vị sư gần nhà⁽¹⁾ đem về nuôi, rồi vị cao tăng chùa Giao Thủy lại xin lại đem về đây. Nhưng nay vị cao tăng đã mất, Bá Tĩnh cảm thấy bơ vơ, không người nương tựa.

Thượng tọa thường bảo ta cái gì nhỉ? Có thể thượng tọa cũng là người thương ta thật bụng? Nhưng bọn con nhà vương, hầu mãi chơi bời thì kệ chúng nó, sao lại bắt ta thôi học. Ta là con nhà nghèo⁽²⁾, lại không còn cha mẹ, nhưng chính vì thế mà ta cần phải học giỏi. Sự thật là bao giờ Bá Tĩnh cũng học giỏi nhất trường. Bá Tĩnh sung sướng thấy con nhà nghèo cũng có thể học giỏi được. Ước gì ta được học đến đầu đến đũa và thành đạt để làm rạng rỡ cho tổ tông, đền ơn phụng dưỡng của nhà chùa và các bạn nghèo khắp chốn văn hảng khuyến khích, an ủi ta. Hay là ta lại xin thượng tọa một lần nữa. Cứ mạnh bạo nói hết lời, có thể thượng tọa thương cho chăng? Bá Tĩnh vừa vui mừng vừa lo lắng đi tìm gặp thượng tọa.

★
★

(1) Quê Tuệ Tĩnh ở làng Nghĩa Phú, tổng Văn Trai, huyện Cẩm Giàng, Hải Dương.

(2) Theo Lê Trần Đức (Viện Đông y) gia đình Tuệ Tĩnh là bần nông.

Chùa Giao Thủy được mở rộng không ngờ. Nhiều nhà giàu trong vùng thi nhau cúng tiền của và ruộng đất cho nhà chùa⁽¹⁾. Người đi tu, ngày một đông⁽²⁾. Vì vậy, kể từ khi thôi học, Bá Tĩnh bận không sao mở mắt được. Thấy Bá Tĩnh thông minh, lanh lẹ, thượng tọa lại càng hay sai bảo. Bây giờ thì Bá Tĩnh đã rõ, thượng tọa thương Bá Tĩnh theo ý riêng. Nhà sư muốn Bá Tĩnh trở thành một người chân tu. Nhưng bao đêm rồi, Bá Tĩnh không sao chợp mắt được. Cũng có lúc Bá Tĩnh nghĩ như thượng tọa: người nghèo như Bá Tĩnh khó mà học thành đạt được. Nhưng sao Phạm Ngũ Lão, cũng là con nhà nghèo xuất thân, lại được vua trọng dụng, phong cho chức trọng quyền cao? Vua Trần chẳng vẫn mở khoa thi kén người tài giúp nước đó sao? Bá Tĩnh thường hỏi mọi người về Phạm Ngũ Lão. Tấm gương khổ học và những chiến công của người anh hùng ấy có sức thu hút và cổ vũ Bá Tĩnh mạnh biết bao. Cuối cùng, Bá Tĩnh quyết định: phải khổ công tự học. Bá Tĩnh thấy rõ cách học ấy sẽ vô cùng khó khăn nhưng là con đường duy nhất để đạt được chí mình. Bá Tĩnh ăn hận đã để lỡ mấy năm không tự dùi mài đèn sách. Chỉ đã quyết, từ đây, ngoài công việc của nhà chùa, Bá Tĩnh đi tìm sách để học.

Nhưng việc tự học của Bá Tĩnh gặp nhiều khó khăn. Bá Tĩnh thiếu thầy, thiếu sách, thiếu cả dầu. Lại nữa, nhiều ngày phải làm việc nặng, phải đi nhiều, đêm đến gắng lắm mới khỏi buồn ngủ. Nhưng Bá Tĩnh đã quyết là làm, không khó khăn nào ngăn cản được chí lớn.

(1) Thời kỳ này, đạo Phật vẫn còn thịnh, quý tộc Trần vẫn hay đem tiền của, ruộng vườn cúng vào nhà chùa. Riêng Văn Huệ Vương Trần Quang Triều đã cúng cho nhà chùa một nghìn mẫu ruộng là một ví dụ.

(2) Thời này, người tu hành vẫn có thể lập gia đình.

của Bá Tĩnh. Chẳng mấy chốc, chùa Giao Thủy và nhân dân trong vùng bàn tán nhiều về chàng trai đang khổ luyện học tập. Người ta nói rằng, chỗ ở của Bá Tĩnh chứa rất nhiều sách. Những sách ấy, Bá Tĩnh tự làm ra tiền để mua, hoặc đi mượn. Ai cũng bảo Bá Tĩnh là thần đồng và chẳng có điều gì chàng lại không biết. Hồi ấy, nể còn hiếm, chỉ đủ dùng cho nhà chùa, nên đêm đêm, Bá Tĩnh đốt lá đèn để học mãi tận khuya. Một lần, nửa đêm thức giấc, thấy Bá Tĩnh đang ngồi học như thế, Thượng tọa cảm động quá, ôm lấy chàng trai mà khóc. Từ đó thượng tọa xuất một phần nển và thường tìm mua sách quý về cho Bá Tĩnh. Gương khổ học của Bá Tĩnh được dân trong vùng đem ra răn dạy con cháu và ai cũng yêu thương chàng trai mồ côi, tuổi trẻ mà có chí lớn. Bá Tĩnh bối rối khi được nghe tất cả những lời đồn đại về mình. Bá Tĩnh bối rối vì nó là sự thật. Tuy thế, có những chuyện mà nhân dân không biết, và khiến cho Bá Tĩnh vô cùng cảm động. Một lần, khi Bá Tĩnh thức dậy, thấy ai để cạnh chỗ ngủ của mình một chục cây nến lớn và năm nén bạc. Bá Tĩnh không dám nhận. Nhưng biết của ai để trả lại? Cách mấy tháng sau, Bá Tĩnh lại nhận được món quà như thế. Nhưng lần này thì Bá Tĩnh bắt được thủ phạm. Đó là người gia nô, theo lệnh của một tiểu thư, con nhà giàu thường vẫn đến tụng kinh ở chùa, đem đến. Thật là một thử thách đối với chàng trai. Nhưng Bá Tĩnh vẫn bắt người gia nô phải đem trả cô gái tất cả những tặng phẩm rất đối có ý nghĩa đó. Công chưa thành, danh chưa toại, làm sao Bá Tĩnh có thể nghĩ đến chuyện khác, ngoài việc học tập được!

Năm tháng trôi qua, thấm thoát Bá Tĩnh đã lớn phổng lên thành một thanh niên đỉnh đạc, tuần tú. Tiếng tăm hay chữ của Bá Tĩnh đã lan rộng khắp vùng. Các nhà giàu cũng

phải nỗ lực về tài học và tính tình điềm đạm của Bá Tĩnh. Nhưng Bá Tĩnh không tự bằng lòng về những điều đã học được trong sách vở. Bá Tĩnh say mê tìm hiểu phép âm dương, ngũ hành⁽¹⁾ để cắt nghĩa những mối liên hệ của vạn vật, kể cả con người trong thực tế. Từ chỗ hiểu bốn mùa vận hành âm dương biến hóa, khí trời đất hòa hợp nhau mà sinh ra vạn vật, Bá Tĩnh thấy được sự sống chết, già cỗi hay bệnh tật của người ta là đều do sự biến chuyển của hai khí âm dương cả. Đi đâu, làm gì Bá Tĩnh cũng luôn đặt cho mình câu hỏi, rồi lại tự lý giải. Không tự trả lời được Bá Tĩnh lại tìm thêm sách ở khắp mọi nhà để nghiên ngẫm cho kỹ hiểu mới thôi.

Thượng tọa và mọi người xung quanh thấy Bá Tĩnh thông kinh sử, hiểu luật trời đất có ý khuyên Bá Tĩnh đi thi. Ai cũng chắc sẽ có ngày Bá Tĩnh đỗ đạt và được hưởng quyền cao chức trọng. Tự thấy sức mình có thể đỗ được, Bá Tĩnh vui đầu vào việc học để chờ khoa thi.

II

Một tai biến khủng khiếp đã xảy ra trong vùng Giao Thủy. Bệnh dịch hoành hành dữ dội, đã giết chết bao sinh mạng con người. Chùa Giao Thủy cũng không thoát khỏi chứng bệnh ác nghiệt ấy. Mấy vị sư thầy, sư ông đã bị chết. Thượng tọa chủ trì và một số tăng sư

(1) Phép âm dương ngũ hành, triết học cổ đại ở vùng Á đông.

Âm dương: nói về quy luật mâu thuẫn thống nhất của sự vật. Ngũ hành: đúng quy luật thúc đẩy và hạn chế của 5 loại vật rất cơ bản: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ để nói lên mối liên quan mật thiết của vạn vật.

trong chùa cũng đang lâm bệnh. Trong vùng lan truyền một cái tin: vì dân vùng Giao Thủy làm trái ý trời nên trời giáng họa. Thế là từ nhà giàu đến nhà nghèo, ai cũng lo sửa lễ cúng trời. Các đình làng khói hương nghi ngút ngày đêm.

Trước cảnh ấy, Bá Tĩnh không còn lòng dạ nào nghĩ đến việc học để đi thi nữa. Dù chưa biết nhiều về thuốc, nhưng có chút ít kiến thức về luật âm dương ngũ hành, Bá Tĩnh lao vào một thử thách vượt quá sức mình. Phải chuyển họa vì phúc, khởi tử hoàn sinh cứu lấy trăm họ! Bá Tĩnh quên ăn quên ngủ để tìm hiểu sách thuốc. Nhưng, ngay cả những thầy thuốc nổi tiếng cũng đều bó tay. Thẳng hoặc, có người biết cách chữa thì lại chui rúc vào các nhà giàu, phục dịch bọn quyền quý, bỏ mặc dân lành. Chưa bao giờ Bá Tĩnh tự thấy mình vô dụng, đáng hổ thẹn như lúc này. Bá Tĩnh không tin có ma quái nhưng đành phải bó tay trước thảm họa ghê gớm ấy. Và, một ý nghĩ làm cho Bá Tĩnh đau nhói: Biết đâu cha mẹ ta khi trước cũng bị chết về chính căn bệnh ác hiểm này?

Đã mấy ngày rồi, Bá Tĩnh chạy hết nơi này đến nơi khác để tìm thầy thuốc. Nhưng người này mách người khác, không ai dám hứa làm phúc cho dân. Cuối cùng biết một danh y có thể chữa được căn bệnh thì lại ở tít trong thái ấp của một vị vương họ Trần. Bá Tĩnh đã lần tìm tới. Nhưng người ta đã xua đuổi Bá Tĩnh như xua đuổi một con vật ghê tởm. Nuốt hận trở về, nhìn những người thân đang đau đớn, chưa biết sống chết thế nào, Bá Tĩnh vô cùng khổ tâm. Chỉ tới lúc khó khăn đến mới biết được lòng người — Bá Tĩnh chưa chát nghĩ thâm — Các vị cư quan nhiệm chức, lương cao bổng hậu, đi một bước bắt dân hầu hạ phục dịch, mà

lúc dân gặp cảnh khốn, không thấy ra tay cứu hộ độ trì. Họ bỏ mặc dân lành và nở coi trăm họ như vẹt cá hay sao?

Chao ơi, chỉ có mấy ngày thôi mà Bá Tĩnh gặp biết bao điều ngang trái, tâm hồn Bá Tĩnh trải qua bao nhiêu xáo động! Đáng lẽ giờ này, nhà chùa phải gióng chuông và tất cả sư sãi, tăng ni đang lặng lẽ thu xếp mọi việc trong ngày để lên chùa nghe Thượng tọa thuyết giáo. Tiếng chuông chùa ngân nga, giọng tụng kinh xen lẫn tiếng mõ đều đều ngày nào cũng giống ngày nào ấy, có lúc khiến Bá Tĩnh chán ngán sao lúc này lại đáng nhớ đáng yêu đến thế. Thiếu nó Bá Tĩnh như thấy thiếu một cái gì thiêng liêng dù Bá Tĩnh vẫn thường ít quan tâm đến nó. Chưa bao giờ Bá Tĩnh yêu những cây đại trơ trụi lá cành, yêu những cây huyết dụ mỏng manh sắc lá đỏ tía, nấp dưới những bông mẫu đơn bạch đài các, tinh khiết kia đến thế. Phải rồi, ta yêu cả ngôi chùa thâm nghiêm, ngày đêm ánh nến leo lét không đủ soi sáng những bát hương lúc nào cũng lan tỏa mùi thơm đầm ấm siêu thoát. Nhưng yêu cảnh cũng không thể bằng yêu những con người hiền lành, thủy chung, cùng cảnh ngộ, bao năm cùng sống dưới mái chùa, từng chia sẻ những ngọt bùi, cay đắng. Nhưng đã mấy người chết rồi, mấy người đang lâm bệnh? Lòng Bá Tĩnh càng thêm rối bời vì bất lực, vì tủi hổ. Ta thương các sư sãi tăng ni, ta thương những người nghèo khắp chốn — Bá Tĩnh bứt dứt thầm nghĩ — Nhưng ta làm gì để thương họ. Ừ nhỉ, sao ta chưa bao giờ nghĩ đến điều ấy? Ta vô tâm, phụ bạn đến thế sao? Ta khổ học bao lâu để làm gì? Để làm quan mưu vinh hoa phú quý bỏ mặc dân lành như những ông quan vùng này ư? Nếu ta là thầy thuốc? Ừ mà sao ta lại không theo đạo làm thuốc để cứu chữa dân lành? Nhưng

nghề thuốc không có địa vị cao sang mà chỉ là một chức thuật, chuyên chép ở ngoài sử. Phải, người ta dùi mài kinh sử suốt đông sang hè đều để làm bậc thang phú quý công danh đâu chỉ để theo đạo làm thuốc. Chẳng lẽ ta cứ chạy theo khoa cử ư? Nếu đỗ đạt thì danh giá và vinh thân thực. Thiếu gì người không phải vương tôn quý tộc, do đỗ đạt, được bổ làm quan. Và những danh hiệu tam khôi⁽¹⁾ không phải không có lúc làm cho Bá Tĩnh xao xuyến. Không, Bá Tĩnh thấy đời mình gắn bó với những người dân lành, những người từng đùm bọc Bá Tĩnh từ buổi thiếu thời ở ngay trên mảnh đất này. Họ còn đang bị đói cơm nợ nần, tật bệnh lẽ nào Bá Tĩnh lại mưu phú quý, danh lợi riêng mình được. Thậm chí có khi chính danh lợi là một bệnh khó chữa hơn cả. Lòng Bá Tĩnh đã quyết: thi cử chỉ là việc phụ, việc chính là phải học đạo làm thuốc để trị bệnh cứu người.

Có tiếng ồn ào từ căn phòng của Thượng tọa. Bá Tĩnh như tỉnh cơn mê, hốt hoảng chạy tới.

— A di đà phật, Thượng tọa nguy mất — một sư thầy nói trong tiếng nấc.

Bá Tĩnh đứng sững giữa gian nhà, đầu đón nhìn Thượng tọa khó nhọc chuyển mình rồi sẽ nói, mắt rơm rớm:

— Con thực vô dụng!

— Tĩnh lại đây — Đột nhiên Thượng tọa tỉnh lại, cố lấy tay ra hiệu, giọng yếu ớt — Mấy ngày nay con vất vả nhiều. Ta thương con lắm. Ta không để ra con nhưng con săn sóc, coi ta như cha vậy. Con là người sáng láng.

(1) Tam khôi: Năm 1247, vua Trần đặt ra 3 học vị: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa cho kỳ thi Đình.

Con phải trung với đạo, đi theo con đường bát chính⁽¹⁾ để mở mắt, mở trí cho người, khiến cho tinh thần người người được bình tĩnh, được thông tỏ, được sáng suốt, được tới cõi nết bần!

— A di đà phật, con sẽ đi theo đường ấy. Hơn nữa, theo đạo làm thuốc để mong khỏi phải thấy cảnh đau lòng này.

Thượng tọa mắt sáng lên giây lát, gật đầu và định nói điều gì nữa. Nhưng thần chết đã cướp thêm một người thân nữa của Bá Tĩnh.

★
★★

Đã tự chọn cho mình một nghề cao quý, lại thông minh cần cù. Bá Tĩnh sớm vạch cho mình trình tự công việc và dốc toàn tâm lực vào việc học. Bá Tĩnh tự thu thập sách thuốc. Nghe nói cuốn nào hay, ở xa mấy Bá Tĩnh cũng lần đến mua cho bằng được. Việc đọc các trước tác... Được thư pháp⁽²⁾ và Nội kinh của Hoàng Đế⁽³⁾ đã đem đến cho Bá Tĩnh những say mê mới. Một lần nữa, Bá Tĩnh am hiểu thêm luật âm dương ngũ hành và rút ra rằng: âm dương được thăng bằng thì

(1) Bát chính:

1. Chính kiến: thành thực mê tin đạo.
2. Chính tư duy: thành thực mà suy xét.
3. Chính ngữ: thành thực mà nói năng.
4. Chính nghiệp: thành thực mà làm việc.
5. Chính mệnh: thành thực mà mưu sinh.
6. Chính tinh tiến: thành thực mà mong tới.
7. Chính niệm: thành thực mà tưởng nhớ.
8. Chính định: thành thực mà ngẫm nghĩ.

(2) Dược thư pháp có từ năm 2838 trước công nguyên, do Thần Nông soạn ra.

(3) Trần Anh nông (1293—1313) đã lập ra Thái y viện, nhằm phát triển thuốc Nam.

kin đáo khỏe mạnh, âm dương chênh lệch thì sinh bệnh; âm thắng thì dương bị bệnh, dương không đủ thì âm bị bệnh, dương có thừa thì phát sốt, âm dương suy kiệt và lia nhau thì chết. Xem thế, bệnh tật có nhiều loại nhưng rút cục đều do sự chênh lệch về thể chất của âm dương thịnh hay suy và cơ năng của khí huyết hư hay thực mà sinh ra. Do đó, phép chữa trị bệnh chính là lấy việc điều hòa âm dương, lấy chính khí áp đảo tà khí, bồi bổ chính khí làm chủ, phối hợp công với phật. Bá Tĩnh không nhớ rõ đã mất bao nhiêu đêm ngày để đọc rộng, biết sâu những điều đã có trong sách vở ấy, nhưng qua việc đọc các sách ấy, cộng với sự suy nghĩ của bản thân mình, Bá Tĩnh thấy rõ nền Trung y không thể cứ để nguyên mà dùng cho người Việt được. Lý do vì thể trạng con người, khí hậu, đất đai đều mỗi nơi một khác. Vả chăng, thuốc Bắc xưa nay vẫn là hiếm, chỉ có bọn vương tôn quý tộc và các nhà giàu mới mua được. Còn người nghèo chẳng những không có thuốc dùng; chẳng hoặc, nếu cố chạy tiền chữa khỏi được bệnh thì lại rơi vào cảnh nợ nần, túng thiếu không tài nào dứt được.

Một vấn đề lớn đặt ra cho Bá Tĩnh, thôi thúc Bá Tĩnh đêm ngày suy nghĩ: Người phương Bắc dùng thuốc Bắc thì người phương Nam dùng thuốc Nam và thuốc Nam có thật không linh nghiệm bằng thuốc Bắc không? Giải được khó khăn này chính là giúp cho cả trăm họ làm than khỏi được tật bệnh bằng thứ thuốc rẻ tiền, dễ kiếm. Hơn thế nữa, mở ra con đường sáng sửa cho ngành thuốc của người Nam, giúp cho các lương y không phải bó tay trước con bệnh có khi chỉ vì thiếu thuốc.

Nghĩa lớn thôi thúc, niềm tin vào sự linh nghiệm của thuốc Nam, khiến Bá Tĩnh làm việc quên mệt mỏi và dốc cả tâm trí cho công việc. Bá Tĩnh để tâm

tìm hiểu công việc của Thái y viện Trần Anh Tông, đi các nơi sưu tầm những bài thuốc dân gian, tìm mua các phương thuốc gia truyền và bí truyền. Nghe nói ở đâu có môn thuốc hay là ở đó có mặt Bá Tĩnh. Bá Tĩnh đã đến rừng thuốc hoang ở Yên Tử (Đông Triều) tận mắt xem vườn thuốc Vạn An, lên núi Nam Tào, Bắc Đầu (Phả Lại) nghiên cứu các loại dược liệu quý⁽¹⁾. Bằng cả công trình tìm hiểu công phu, kéo dài trong nhiều năm, Bá Tĩnh thấy rõ một số thầy thuốc tiền bối sùng bái kinh điển, dùng nguyên các phương thuốc Bắc để trị bệnh, ít để tâm dùng kinh nghiệm trong dân gian, coi thường dược liệu trong nước là sai lầm. Ngược lại, Bá Tĩnh chủ trương phải « dùng thuốc Nam chữa người Nam Việt ». Bá Tĩnh tiếp tục tìm hiểu dược tính của mỗi loại cây thuốc, phân loại các dược liệu, đồng thời xét bệnh chứng, tìm bệnh nguyên, chọn các phương thuốc, phân biệt rõ kinh trị hay truyền trị⁽²⁾ ghi chép thành từng mục rõ ràng cụ thể. Khi những ghi chép đã đầy bằng cả tâm người, Bá Tĩnh từ coi việc theo đạo làm thuốc đã được một nửa. Còn một nửa khác là thể hiện những hiểu biết của Bá Tĩnh vào việc chữa bệnh, tìm ra những vị thuốc mới, định giá trị của từng phương thuốc. Bá Tĩnh biết rằng, phần này là phần quyết định. Người thầy thuốc giỏi hay kém không phải chỉ ở chỗ biết nhiều phương thuốc, đoán bệnh đúng mà còn phải linh hoạt gia giảm từng phương cho từng loại bệnh cụ thể, Bá Tĩnh vừa náo nức vừa lo lắng bước vào thử thách mới.

★★

(1) Những vườn thuốc này được vua Trần khuyến khích trồng từ cuối thế kỷ XIII. Có tài liệu cho là do Trần Hưng Đạo chăm lo.

(2) Kinh trị: các phương thuốc đã được ứng dụng. Truyền trị: các phương thuốc truyền miệng trong dân gian.

Bá Tĩnh đã lập nhà trị bệnh ngay tại chùa Giao Thủy. Nhà chùa cũng dành cho Bá Tĩnh cả một khu đất rộng ngay cạnh chùa để trồng các cây thuốc quý. Nhưng người đến xem mạch chữa bệnh ở đây rất ít. Dân chúng dù yêu mến Bá Tĩnh, nhưng vẫn tìm đến các thầy thuốc Bắc. Bá Tĩnh bần khổ lắm. Có thể do ta mới vào nghề. Bá Tĩnh thầm nghĩ — lại chủ trương dùng Nam dược nên dân chúng chưa tin, trong khi ấy, thói sùng bái Trung y, phục thuốc Bắc ăn sâu đến nỗi ngay cả những người nghèo, phải đi vay nợ để chữa bệnh họ cũng không ngần ngại. Giữa lúc Bá Tĩnh gặp khó khăn ấy, các thầy thuốc trong vùng vốn cho Bá Tĩnh coi trọng thuốc Nam là điên rồ, có dịp dè bủ, khích bác.

Một vài danh y trong vùng có lần tới chùa Giao Thủy, hỏi Bá Tĩnh:

— Tôi nghe nói ngài mở nhà trị bệnh bằng thuốc Nam to lắm, nên tôi xin học hỏi những điều hơn người.

Biết vị danh y nói vậy, Bá Tĩnh thận trọng đáp:

— Thưa ngài, tôi học vấn sơ sài, vào nghề thuốc chưa lâu cần học hỏi các ngài chứ đâu dám tự cho mình làm cái việc dạy bảo vô lễ ấy. Vả chăng, tôi không coi nghề thuốc là nghề kiếm sống để nhắm mắt chạy theo lợi lộc.

—Ồ, thật là quý hóa — Nhưng cũng phải sống mới làm được thuốc chứ. Xem ra thì nhà chữa bệnh của ngài không có khách — Vị danh y cười tủm tỉm. Mà không có khách cũng là phải thôi.

— Ngài cứ dạy tiếp.

— Cỗ nhân nói: « Đạo làm thuốc như đạo làm tướng ». Vậy nên người thầy thuốc không thể dùng mấy

thứ lá lầu lững nhặng để đùa với tử thần được. Ngài mồ côi sớm, không được học đến đâu đến đấy nên, không thấy hết khó khăn, vất vả của đạo làm thuốc đó thôi.

Bị xúc phạm tới cảnh đời tư, Bá Tĩnh cố kìm cơn phần nộ, mềm mỏng:

— Xin ngài cứ nói hết lời.

— Cho nên, tôi lấy tình thương xin thành thật khuyên ngài, nghề thuốc khó kiếm sống lắm. Ngài nên chọn nghề khác dễ dàng hơn, hoặc đi theo Trung y; chỉ cần bỏ tiền mua trứ thuốc là có lời trông thấy.

— Hóa ra thế — Bá Tĩnh mát mẻ nói — Khi trước nghe lời đồn đại, tôi tưởng ngài tài giỏi lắm. Nhưng nay thì tôi đã rõ. Ngài buôn thuốc nhiều hơn là hành nghề thuốc. Còn tôi, chính vì tôi mồ côi sớm nên tôi không muốn cho ai phải mồ côi như tôi. Tôi không coi thường thuốc Bắc, nhưng thuốc Bắc sang ta ít, nó lại nằm trong nhà các ngài, trăm họ không phải ai cũng lo đủ tiền để mua được. Ngài có thuốc Bắc, tôi có thuốc Nam. Thuốc Nam chữa người Nam sao lại không dùng được? Tôi không ngờ trong đạo làm thuốc cũng có lối luồn cúi, lệ thuộc như thế.

Sau chuyện ấy, Bá Tĩnh suy nghĩ nhiều lắm. Nhưng cũng từ và chạm đó, Bá Tĩnh càng quyết đi sâu học hỏi hơn nữa. Dân chúng ít đến xem bệnh thì ta đi xem bệnh cho dân chúng — Bá Tĩnh nhận nhục quyết định — Vì vậy, nghe nói trong vùng nhà nào có người đau ốm, Bá Tĩnh đều lần tới tìm cách cứu chữa không lấy tiền. Một lần nghe nói cuối làng có đứa bé bị hóc, uống thuốc Bắc không khỏi, Bá Tĩnh đến xem bệnh và chỉ cho nuốt hai cục mỡ lợn là khỏi hẳn. Gia đình cháu bé cảm cái đức của Bá Tĩnh, rồi rít cảm ơn và nằng nặc tạ lại

đôi gà thiến, nhưng Bá Tĩnh nhất định không lấy. Một lần khác, Bá Tĩnh cũng tự tìm đến chữa khỏi bệnh sản hậu cho một thiếu phụ trẻ bằng hoa kinh giới và hạt đào nhân, sau khi gia đình này đã mang nợ vì chạy thuốc.

Tuy thế, những cố gắng của Bá Tĩnh không phải một lúc đã chinh phục được lòng tin của dân trong vùng. Nhiều người nghèo vẫn đi vay nợ để chạy thuốc Bắc, chứ chưa chịu tin vào những vị thuốc Nam rẻ tiền dễ kiếm của Bá Tĩnh. Ta muốn làm phúc cho muôn họ — Bá Tĩnh buồn rầu tự nhủ — mà làm phúc cũng không dễ được tin.

Trong lúc đang băn khoăn, Bá Tĩnh được tin năm sau vua Trần Duệ Tôn mở khoa thi Đình lấy tiến sĩ⁽¹⁾. Nhớ lại lần va chạm hôm nào và cảm thấy nếu đỗ đạt cao, con đường làm thuốc sẽ dễ dàng hơn, nên Bá Tĩnh quyết định đi thi. Từ đấy, ngoài việc chữa bệnh cho dân, chăm bón cây thuốc trong vườn chùa, Bá Tĩnh ngày đêm soi kính nầu chờ khoa thi.

III

Bá Tĩnh cùng các tân khoa tiến sĩ đang chuẩn bị lên ngựa đi diễu xem các phố xá Thăng Long, thì được lệnh vua vời đến. Trên đường tới cung vua, phải đi ngang qua nơi mà ban sáng vừa thiết đại triều làm lễ

(1) Năm 1374, vua Trần Duệ Tôn mở khoa thi này lấy tiến sĩ. Nhưng người đương thời vẫn quen miệng gọi là « thái học sinh ». Mãi năm 1442, đời Lê Thái Tôn, danh hiệu Thái học sinh mới mất hẳn. Danh hiệu Thái học sinh có từ năm 1232 đời Trần Thái Tôn. (chú theo Dương Quảng Hàm trong « Việt Nam văn học sử yếu »)

truyền lô ⁽¹⁾, lĩnh mũ áo, nhất là qua dinh bộ Lễ vừa mới tan tiệc yến, Bá Tĩnh càng thêm hồi hộp.

Vừa trông thấy vua Duệ Tôn ngồi trên bệ rồng giữa hai hàng văn võ đại thần, Bá Tĩnh vội quỳ xuống thi lễ.

— Hoàng thượng cho bình thân — viên quan nội giám nhắc Bá Tĩnh rồi bảo Bá Tĩnh tiến lên.

— Trẫm nghe nói — vua Trần Duệ Tôn cất tiếng hỏi — Khanh từ chỗ khổ học mà đỗ được tiến sĩ, như vậy là rất đáng khen. Trẫm cũng nghe nói lâu nay Khanh dầy công nghiên ngẫm đạo làm thuốc và thu góp được nhiều phương thuốc hay, việc ấy đến đâu?

— Muôn tâu hoàng thượng — Bá Tĩnh đáp — thần sống ở nơi thôn dã, thương dân lành ốm đau tật bệnh nên đề tâm tới việc học thuốc đã lâu. Nhưng thần chỉ chuyên chú về thuốc Nam và các phương thu thập được tuy nhiều nhưng chưa biết công hiệu thực hư ra sao!

— Trẫm muốn cho Khanh làm quan Ngự y. Chẳng hay ý Khanh ra sao?

Bá Tĩnh lo lắng:

— Muôn tâu hoàng thượng, được hoàng thượng giao phó cho việc lớn, thần xin rập đầu lay tạ, đầu dám chối từ. Nhưng ngặt vì thần tài hèn sức mọn, lại chuyên tâm thuốc Nam được, chỉ hợp trong việc trị bệnh cho lương dân.

Vua nghĩ thầm: lời đồn đại về đức rộng của Bá Tĩnh quả không ngoa, con người này lúc nào cũng nghĩ đến dân lành. Tuy thế, vua chỉ nói:

— Trẫm hỏi ý Khanh là để minh chứng cho lòng trẫm yêu quý Khanh chứ trẫm đâu nỡ ép. Và, biết chăm lo cho thần dân cũng là lo cho tính mệnh của trẫm rồi. Khanh có cần trẫm giúp đỡ gì không?

(1) Lễ truyền lô: lễ xưng danh.

— Được hoàng thượng khích lệ nhìn tới, thần chỉ biết gắng công để báo đền.

Sau đó, Bá Tĩnh lại họp mặt với các bạn đồng khoa. Ai cũng tiếc cho Bá Tĩnh để lỡ một dịp được quyền cao chức trọng. Nhưng Bá Tĩnh chỉ cười mà không trả lời.

Nhân dân vùng Giao Thủy nô nức đi đón vị tân khoa tiến sĩ theo nghi lễ, với tất cả lòng tự hào của họ. Biết tin Bá Tĩnh không ra làm quan theo ý vua, mà trở về theo đạo làm thuốc, khiến cho ai nấy càng thêm yêu mến và kính trọng. Còn Bá Tĩnh, Bá Tĩnh cũng không ngờ việc đỗ đạt của mình đã đem lại uy tín và lòng tin của trăm họ đến thế. Bá Tĩnh không bao giờ quên được ánh mắt tỏ rõ lòng ngưỡng mộ của dân chúng hôm Bá Tĩnh từ kinh trở về. Bá Tĩnh càng hài lòng về quyết định không ra làm quan của mình. Phải xứng với lòng tin yêu ấy của muôn họ — Bá Tĩnh tự nhủ. Và, từ hôm trở về, Bá Tĩnh lại dốc sức vào việc trị bệnh, trồng thuốc và tiếp tục thu thập những phương thuốc quý trong dân gian.

Một hôm Bá Tĩnh đang loay hoay tưới cho những cây thuốc trong vườn chùa thì mấy vị danh y trong vùng đến gặp Bá Tĩnh. Vừa bước vào nhà thuốc, Bá Tĩnh sững sốt nhận ra một gương mặt quen. Bá Tĩnh chưa kịp nhớ ra, người ấy đã đến vái Bá Tĩnh, nói:

— Chúng tôi xin có lời mừng ngài tân khoa tiến sĩ.

— Xin đa tạ tấm lòng các ngài — Nhưng các ngài hiểu giùm, đi thi không phải là một chủ định lớn của tôi, cũng chỉ là vì để đạo làm thuốc được dễ dàng mà thôi.

— Ngài vẫn chưa bỏ lỗi cho tôi à!

— A, hóa ra là ngài — Bá Tĩnh sững sờ khi nhớ ra vị danh y khi trước đã đến khích bác mình — Tôi đâu để bụng những chuyện ấy.

Vị danh y mặt đỏ bừng, nói:

— Khi trước, chúng tôi có nhiều lầm lẫn, tưởng ngài là người ít học. Nay mới biết là bậc tài năng lỗi lạc chúng tôi không thể nào theo kịp. Chúng tôi đến tạ lỗi và xin nhập môn với ngài và để ngài tùy ý sai bảo.

Ra họ sùng bái khoa bảng — Bá Tĩnh nghĩ thầm. Nhưng vốn là người rộng lượng, Bá Tĩnh lộ rõ vẻ mừng rỡ:

— Các ngài quá khen. Nhưng nếu được các ngài chung lưng đấu cật thì môn thuốc Nam của người Nam ta chẳng mấy chốc phát đạt.

Có người tự nguyện đến giúp sức, bệnh nhân đến chữa ngày một đông, Bá Tĩnh thấy rõ cần phải mở rộng quy mô nhà trị bệnh, và bằng thực tế việc chữa bệnh để tìm ra những phương thuốc hay, những vị thuốc mới. Ý nghĩ mở lớp học Đông y và viết bộ sách chỉ dẫn các phương pháp đề phòng và chữa bệnh bằng thuốc Nam sẵn có, rẻ tiền dễ kiếm, cùng các phép ngoại khoa đơn giản và tiện dụng, như xông hơi, chườm cứu, nắn bóp, đắp rịt thuốc, thối thụt để thông quan khai khiếu đã thôi thúc Bá Tĩnh làm việc say sưa không biết mệt. Và, để có danh nghĩa sắp đặt công việc, Bá Tĩnh quyết định đi tu⁽¹⁾.

(1) Theo tài liệu của cụ Lê Trần Đức, Viện Đông y, Bá Tĩnh đi tu năm 35 tuổi, nghĩa là sau khi thi đỗ tiến sĩ.

Quyết định đi tu rồi trở thành sư chủ trì chùa Giao Thủy, đã tạo điều kiện cho Tuệ Tĩnh⁽¹⁾ dễ dàng mở rộng công việc từ thiện và điều khiển các tăng đồ theo ý mình. Tăng đồ các chùa trong vùng hết đợt này đến đợt khác kéo đến chùa Giao Thủy để học làm thuốc. Thực tế giảng dạy đòi hỏi Tuệ Tĩnh cần phải viết gấp bộ Hồng nghĩa giác tư y thư⁽²⁾, nhằm ghi lại những lý luận đơn giản về y học và dược học để các tăng đồ biết chẩn đoán bệnh và cách phân tích gia giảm các phương thuốc nhất là việc chọn lọc các vị thuốc thích dụng.

Nhờ đào tạo được nhiều tăng đồ am hiểu y học, dược học, lại được nhân dân hết lòng hưởng ứng, Tuệ Tĩnh đã đi khắp đây đó, điều khiển việc tu bổ 24 ngôi chùa khác nhau. Tại những ngôi chùa này, Tuệ Tĩnh lo việc trồng thuốc, kiểm thuốc, chế thuốc vừa để chữa bệnh giúp dân vừa nghiên cứu trên lâm sàng và truyền bá rộng rãi cho nhân dân ứng dụng. Không nơi nào có bệnh khó, bệnh lạ lại không có mặt Tuệ Tĩnh. Không có bệnh nguy hiểm nào, Tuệ Tĩnh lại ngần ngại từ nan. Tuệ Tĩnh đã dành tất cả tài năng, sức lực và tình thương chăm sóc người bệnh. Đối với Tuệ Tĩnh, uy quyền, danh lợi, giàu nghèo, sang hèn không ảnh hưởng đến thái độ chăm sóc. Hơn thế nữa, Tuệ Tĩnh dành sự đối xử ân cần đặc biệt cho người nghèo. Kể rằng có lần một quý tộc trong vùng cho con đến mời Tuệ Tĩnh vào tư dinh để xem bệnh đau lưng cho mình. Tuệ Tĩnh

(1) Đi tu Bá Tĩnh lấy pháp hiệu là Tuệ Tĩnh.

(2) Bộ sách này gồm 2 quyển: Nam dược quốc ngữ phú, Trục giải chỉ nam dược tính phú. (lý luận cơ bản của Đông y và phương pháp biên chứng luận trị với sự vận dụng 13 cổ phương gia giảm, bằng quốc âm).

Bộ sách này được triều Lê khắc in năm 1717 (Theo Lê Trần Đức, trong *Nghiên cứu lịch sử*, số 100).

sắp sửa đi thì đột ngột cặp vợ chồng nông phu mếu máo khiêng đến nhà bệnh của Tuệ Tĩnh, đưa con bị ngã gãy đùi. Tuệ Tĩnh xem mạch cậu bé rồi bảo người con nhà quý tộc:

— Anh về thưa với cụ nhà rằng ta sẵn lòng đi, nhưng ngặt vì bận cứu chữa chú bé này.

Con nhà quý tộc sững sốt:

— Xin ngài đến đẳng đình tôi trước. Bọn gia nô đã đem võng cáng đợi sẵn ở ngoài kia.

— Không — Tuệ Tĩnh phác một cử chỉ dứt khoát — ta phải chữa gấp cho chú bé này. Nếu chậm tất có hại.

Tuệ Tĩnh bắt tay ngay vào việc không chú ý đến thái độ hăm hực của người con nhà quý tộc. Qua gần trọn buổi, bằng những thứ thuốc Nam dễ kiếm, Tuệ Tĩnh đã cứu được cậu bé con nhà nông phu. Nhìn cậu bé đã được bó chân nằm ngoan ngoãn trên giường bệnh, Tuệ Tĩnh thở phào nhẹ nhõm.

Vợ chồng người nông phu tiến đến trước mặt Tuệ Tĩnh, cảm động nói:

— A di đà phật! Nếu không có y sư ra tay cứu giúp, tính mạng cháu khốn mất. Ông này biết lấy gì đền đáp được!

— Người nghèo cứu giúp nhau lúc hoạn nạn, sao ông bà lại nói ơn với huê? Thôi, ông bà yên tâm mà về, chỉ một tuần trăng là chú bé sẽ đi lại như thường.

Trời gần tối, nhưng chợt nhớ ra cần phải đến xem bệnh cho người quý tộc đến mời từ trưa, Tuệ Tĩnh vội gọi một tăng đồ đi theo, không kịp cả cơm nước.

Cùng với sự tận tụy chữa bệnh của Tuệ Tĩnh, môn thuốc Nam ngày càng có uy tín và được truyền bá rộng

rãi không ngờ. Nhiều gia đình tự trồng thuốc và tự chữa lấy những bệnh đơn giản. Cần phải truyền lại kinh nghiệm cho tất cả mọi nhà một cách rõ ràng rành mạch. Nghĩ vậy nên mặc dù mới biên soạn xong bộ « Hồng nghĩa giác tu y thư », Tuệ Tĩnh cần nghỉ ngơi dưỡng sức, nhưng do nhu cầu thôi thúc, Tuệ Tĩnh lại say sưa bắt tay vào soạn bộ « Nam dược thần hiệu » — bộ sách mà Tuệ Tĩnh đã thai nghén từ lâu, tài liệu thu thập cho nó bắt đầu từ mười năm trước⁽¹⁾.

Bảng 580 vị thuốc Nam, 10 khoa chữa bệnh tổng hợp, 3.873 phương thuốc dân tộc ứng trị cho 184 loại bệnh mà Tuệ Tĩnh đã dày công nghiên cứu, thử nghiệm qua thực tế chữa bệnh, Tuệ Tĩnh để công phân ra từng loại bệnh chi tiết để biên soạn. Trong mỗi loại bệnh, Tuệ Tĩnh nêu rõ nguyên nhân, bệnh lý phương pháp trị liệu rồi tổng hợp các nghiệm phương cổ truyền, ứng theo triệu chứng.

Đến khi đưa hai bộ sách cho các tăng đồ đóng, xén, Tuệ Tĩnh bàng hoàng thấy từ ngày bắt đầu viết đến lúc hoàn thành thoát đã 9 năm trôi qua ⁽²⁾, Tuệ Tĩnh đọc lại từng trang sách và hài lòng vì mỗi một loại bệnh, Tuệ Tĩnh đã ghi được nhiều phương thuốc điều trị và

(1) Bộ Nam dược thần hiệu gồm 11 quyển. Trong bộ sách này, Tuệ Tĩnh chia các loại bệnh như sau: Bệnh trúng (ngoại cảm), bệnh về khí, bệnh về huyết, bệnh có đau, bệnh không đau, bệnh chia khiểu, bệnh nội thương, bệnh phụ nữ, bệnh trẻ em, bệnh ngoại khoa, thương khoa kèm theo môn thuốc chữa bệnh gia súc.

(2) Thời gian biên soạn hai bộ sách ấy chừng 9 năm. Nếu kể cả công sưu tầm tư liệu thì tới trên dưới 20 năm.

mỗi một phương thuốc ấy, đều là những kết quả rút ra từ thực tế chữa bệnh⁽¹⁾.

Nhân dân vùng Giao Thủy vô cùng tự hào về người ân nhân tài năng lỗi lạc của họ. Cái tên « Tuệ Tĩnh » đã trở thành niềm tin của họ trong đời sống hàng ngày và cả trong ước mơ. Nơi nào Tuệ Tĩnh từng đi qua, nơi ấy nhắc nhở tới công ơn và nuôi mãi hình ảnh của Tuệ Tĩnh. Nhiều danh y nghe biết về quy mô bộ sách đã lặn lội tìm đến chùa Giao Thủy xin xem cho bằng được. Trong số họ, có người trở về đã lập bàn thờ sống Tuệ Tĩnh để tỏ rõ lòng khâm phục về đức độ và tài năng của nhà đại danh y⁽²⁾.

Tiếng vang của bộ sách và phép trị bệnh giỏi của Tuệ Tĩnh đến tai vua Trần, truyền sang cả nước Ngô. Còn Tuệ Tĩnh, lúc ở chùa này khi đến chùa khác vẫn đang dốc toàn tâm lực vào việc chuyển hóa vi phúc, khởi tử hồi sinh cho muôn dân.

★ ★

Ba tên lính cấm vệ đeo kiếm đang phóng ngựa chạy như bay về phía chùa Giao Thủy. Vượt qua cầu, rẽ vào chùa, đột nhiên chúng cho ngựa chạy chậm lại. Tên lính đầu nói:

— Nhà vua đã dặn rõ, y sư Tuệ Tĩnh được lòng dân lắm nên không được trùng trình, lỡ hỏng việc.

(1) Qua tác phẩm, Tuệ Tĩnh tỏ ra tin tuyệt đối vào cách chữa của mình. Có thể đó là một nhược điểm của Tuệ Tĩnh.

(2) Theo truyền thuyết, điều này cũng lặp lại đối với Hải Thượng Lãn Ông sau này.

— Phải bắt đi ngay chiều nay sao? — tên lính thứ hai hỏi lại.

— Chừ để lại qua một đêm, nhớ có chuyện gì thì sao?

Tên lính đi thứ ba lúc này mới lên tiếng:

— Sao vua ta không bãi cái lệ cống người này đi nhỉ. Nghe nói nhà Ngô bắt vua ta phải nộp 20 người có tài khéo, nghề tinh. Trong số ấy, chúng ghi đích danh y sư Tuệ Tĩnh.

— Thôi đấy, đừng có nhiều sự. Mất đầu như chơi.

Tới chùa Giao Thủy, ba tên lính xuống ngựa, tiến thẳng vào chùa.

— Y sư Tuệ Tĩnh có ở chùa không? — tên lính đi đầu hỏi chủ tiểu khi chủ này hốt hải chạy ra.

— Bẩm ngài, y sư của chúng tôi đang ở dưới vườn thuốc.

— Gọi ngay về đây, ta có việc cần.

Một lúc sau Tuệ Tĩnh và các sư sãi, tăng ni bước tới trước mặt ba tên lính.

— A di đà phật! Chúng tôi cần gặp y sư Tuệ Tĩnh.

— Chính ta là Tuệ Tĩnh đây — Tuệ Tĩnh khẳng khái trả lời — các người có việc gì cần?

— Có chiếu chỉ của Hoàng thượng mời y sư về kinh ngay — Tên lính quý xuống nâng tờ chiếu.

Tuệ Tĩnh mặt biến sắc nhưng vẫn đón lấy tờ chiếu theo đúng lễ:

— Có chuyện gì thế này? Tuệ Tĩnh hỏi — sau khi đọc xong tờ chiếu.

— Chúng tôi chỉ tuân theo lệnh của nhà vua — vẫn tên lính lúc nãy trả lời.

— Các người có thể để thư cho sáng mai được không? Quần áo ta lấm láp thế này đi ngay sao tiện.

— Nhà vua truyền phải đi ngay. Vả trời cũng đã về chiều rồi. Đây là ngựa của y sư — tên lính giọng hơi sáng, chỉ vào con ngựa đã được dắt tới.

Đột nhiên một tiếng nấc bật lên trong đám sư sãi, tăng ni, rồi nhiều người cùng khóc. Tuệ Tĩnh gượng cười quay lại an ủi:

— Ở hiền thì gặp lành. Ta đi rồi ta về, việc gì mà khóc.

Nói rồi không đợi tên lính giục, Tuệ Tĩnh lên ngựa phóng đi trước.

Ra khỏi chùa, Tuệ Tĩnh bảo mấy tên lính:

— Ta ngờ rằng Hoàng thượng bắt ta đem cống cho người Ngô!

Cả ba tên lính đều cúi đầu im lặng.

— Ta không tiếc thân ta. Nhưng thiếu ta các tăng đồ của ta khó mà chữa khỏi tất cả các bệnh nhân đang được cứu chữa. — ngừng lại để nén xúc động, Tuệ Tĩnh tiếp — Ta tiếc rằng ta phải đi quá sớm. Ta còn bao nhiêu việc cần phải làm. Ta cũng chưa kịp bàn soạn, giao phó công việc cho các tăng đồ của ta.

Ngựa đã phóng qua khỏi địa phận chùa Giao Thủy. Bất giác Tuệ Tĩnh quay lại ngắm nhìn ngôi chùa lần chót. Ba tên lính bỗng mỉm lòng khi thấy ở khuôn mặt phúc hậu nhưng cứng cỏi của nhà đại danh y, đã đầm đìa nước mắt. Nhưng Tuệ Tĩnh đã lại phóng ngựa đi,

vì từ phía ấy Tuệ Tĩnh thấy các sư sãi, tăng ni đang tất tả chạy theo, hình như họ đang khóc. Tuệ Tĩnh khẽ thở dài rồi dùng vạt áo nâu sồng lau khô những dòng nước mắt. Ta lau những dòng nước mắt cuối cùng — Tuệ Tĩnh thì thầm với mình — hình như chùa Giao Thủy đã khuất từ lâu rồi.⁽¹⁾

QUYNH CƯ

(1) Tuệ Tĩnh bị bắt sang Trung Quốc năm 45 tuổi. Truyền rằng, lúc đầu Tuệ Tĩnh được vua Minh phong cho chức Y tư cửu phẩm. Sau có công chữa khỏi bệnh sản hậu cho Minh hoàng hậu nên được phong là Đại y thiên sư.

Biết mình không được trở về nước và sẽ chết ở bên ấy, Tuệ Tĩnh đã khắc một tấm bia nói: « Về sau có ai sang thì cho xác tôi về với ». Đời sau, khoảng năm 1670, có Nguyễn Danh Nho, người cùng làng, đi sứ sang Trung Quốc, nhân thấy văn bia ấy bèn rập đưa về Hải Dương, thuê khắc một tấm bia khác đem về làng để thờ. Khi đưa bia về, vì bị lụt, bia rơi xuống giữa cánh đồng giáp giới thôn Văn Trai và Nghĩa Phú. Sau dân làng đắp ở chỗ ấy một cồn cát để dựng bia và xây một cái bệ để thờ tại đấy, gọi là « Đền Bia ».

NGUYỄN XÍ

Một đêm vào cuối mùa thu năm Bình Ngô (1426), trời Lam Sơn trong vắt, nhiều sao. Khi mảnh trăng hình lưỡi liềm nhô lên sau đỉnh đồi, núi rừng Lam Sơn đã rậm rạp bước chân người. Đây là lần thứ ba, trong vòng hơn một tháng, các đạo nghĩa quân Lam Sơn tiến ra Đông Quan. Hai ngàn quân tinh nhuệ nối nhau dưới chân đồi, đợi lệnh lên đường.

Ngồi trên lưng ngựa, viên thượng tướng trẻ tuổi lên giữa hàng quân, chờ đợi.

Đã hơn 10 năm, từ khi rời quê hương huyện Chân Phúc⁽¹⁾ về Lam Sơn tìm minh chủ để giết giặc cứu nước cứu nhà đến nay, không biết bao nhiêu lần người con trai ấy cùng đội thiết đột của mình xông vào trại giặc. Từ lúc nghĩa quân còn bị vây khốn ở Chí Linh đến trận đột kích đồn Đa Căng mở đường tiến vào Nghệ An (1424) rồi trận Bồ Đằng, trận Trà Long, trận Khả Lam, Bồ Ai và tiến lên vây thành Nghệ An, người con trai đất Chân Phúc đã cùng với nghĩa quân Lam Sơn sống những ngày gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt. Trên

1. Nguyễn Xí quê ở làng Thượng Xá, huyện Chân Phúc, nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

đường tiến vào Nghệ An, mỗi bước quân đi là thành giặc tan lành, quân Minh kinh hồn bạt vía. Cho đến nay, suốt dải đất từ Thanh Hóa trở vào hầu như vắng bóng giặc. Chúng hoảng sợ, rút vào cố thủ trong một số thành trì, chịu số phận cá nằm trên mặt thớt.

Năm tháng trôi đi, cùng với nghĩa quân trưởng thành trong chiến đấu, người con trai vốn quen nghề buôn muối⁽¹⁾ ấy đã trở thành viên thượng tướng của đoàn quân bách chiến.

Mặt trăng mỗi lúc một lên cao, tiếng gà gáy sáng đã vang rộn, viên thượng tướng lại càng sốt ruột vì chưa thấy phát lệnh xuất quân. Vừa lúc đó người lính hầu cận của quan Tư Không Đinh Lễ từ đầu đoàn quân phi ngựa tới:

— Thưa thượng tướng, tiền quân đã chuẩn bị xong, xin thượng tướng cho quan Tư Không biết tình hình hậu quân ra sao.

Ta đang chờ lệnh chuyển quân, mọi việc đã xong xuôi. Viên thượng tướng vừa dứt lời, không kịp chào người lính đã quay ngựa. Một lát sau, tiếng pháo lệnh xé trời. Viên thượng tướng xuống ngựa, trao cương cho người lính tùy tùng, hòa mình vào đoàn hậu quân, bước vội trên đường đời quen thuộc.

Viên thượng tướng trẻ tuổi đang cùng đại quân tiến như vũ bão về phía sào huyệt của giặc, chính là Nguyễn Xí.

★
★

(1) Đại Việt thông sử (Liệt truyện) cho biết Nguyễn Xí, cha là Nguyễn Hồi, anh là Nguyễn Biện, làm nghề buôn muối ở vùng Nghệ An, Thanh Hóa.

Lịch triều hiến chương loại chí (nhân vật chí) cho biết: “Khi vua (Lê Lợi) vây khốn quân Minh ở Nghệ An, chia sai các tướng đi kinh lược các nơi để tiến gần đến Đông Kinh, vua phong ông (Nguyễn Xí) làm thượng tướng quân. Lúc ấy ông vừa 30 tuổi...”

Phía đông nam thành Đông Quan, làng Thanh Đàm nằm bên dòng Nhị Hà vẫn yên tĩnh. Trong khi đó ở các mặt Tây, Tây Nam sào huyệt của giặc, chiến sự không mấy ngày không xảy ra. Nhưng bên trong cái vẻ yên tĩnh bề ngoài ấy, làng Thanh Đàm và các vùng phụ cận đang như một đồng lửa ủ kín, dợi dịp để bùng lên.

Hơn một tháng trời lặng lẽ đóng quân ở đây, mấy hôm nay đạo quân thứ ba của nghĩa quân Lam Sơn đang gấp rút sửa soạn nhận lệnh mới.

Sau khi đi kiểm tra lại các cơ ngũ, thượng tướng Nguyễn Xi trở về bản doanh thì đã xế chiều. Tháng 10 ngày ngắn trời lâm tím mưa, thời tiết bắt đầu lạnh. Vừa đặt người xuống ghế ngồi chưa ấm chỗ, Nguyễn Xi được tin quan Tư Không Đinh Lễ trở về. Nguyễn Xi vội vã đi ra cửa. Trông thấy Đinh Lễ, Nguyễn Xi không ngăn nổi vui mừng:

— Ngài từ Cao Bộ về phải không? Tôi đang mong đợi.

Nhìn viên thượng tướng trẻ vạm vỡ, võ phục gọn gàng lúc nào cũng ở tư thế sẵn sàng xung trận, Đinh Lễ thăm phục Binh Định Vương đã khéo dùng người và luyện tướng. Giá như lúc bình thường thì Đinh Lễ đã kéo viên thượng tướng dưới quyền mình và cũng là người bạn chiến đấu tâm phúc dềnh dàng bên vò rượu nóng để bàn luận việc quân cơ. Nhưng lúc này thì không được. Vừa bước vào nhà, Đinh Lễ vừa báo tin:

— Tình hình khẩn cấp rồi đó!

Không cần suy nghĩ, Nguyễn Xi nắm chặt đốc gươm trả lời:

— Thưa ngài, đại quân của chúng ta chỉ đợi lệnh là lên đường.

Đinh Lễ ngồi yên lặng, nhìn những hạt mưa bay lất phất ngoài trời.

Trong căn nhà lá, ngồi đối diện với Đinh Lễ bên án thư, Nguyễn Xi nhận thấy vừa mới mấy ngày qua mà khuôn mặt quan Tư Không đã gầy sút hẳn đi. Nguyễn Xi biết lắm. Năm li ở Thanh Đàm cùng với đại quân, nhưng hàng ngày Nguyễn Xi vẫn theo dõi sát diễn biến của chiến trường. Tổng binh Vương Thông đem 8 vạn quân từ thành Đông Quan kéo ra mặt Tây Nam đóng quân ở ba nơi: bến Cồ Sở⁽¹⁾, cầu Sa Đối⁽²⁾ và cầu Thanh Oai⁽³⁾, hình thành thế chân vạc. Hẳn định một trận là quét sạch đạo quân của Thái Úy Lý Triện đang hoạt động ở đây. Rồi đó, chiến trận xảy ra ở Cồ Lãm⁽⁴⁾, Sơn Thọ, Mã Kỳ phải bỏ Thanh Oai chạy về Đông Quan để lại 1.000 xác chết và 500 quân bị bắt sống. Đến lượt Phương Chính, Lý An hoảng sợ phải bỏ cầu Sa Đối. Vương Thông tập trung quân về bến Cồ Sở. Và Cồ Sở cũng bị ta tấn công. Với số lượng ít hơn quân giặc nhiều lần mà phá tan kế tấn công của giặc dữ không phải là chuyện dễ. Trong cuộc đó sức cực kỳ anh dũng và mưu lược ấy, quan Tư Không đã góp phần điều binh khiển tướng. Trong lúc đó Nguyễn Xi vẫn cùng đại quân nằm im ở Thanh Đàm. Mặc dù đã biết rõ nhiệm vụ quyết định vô cùng quan trọng của đạo quân do mình chỉ huy, nhưng trong những ngày chờ đợi, viên thượng tướng không phải không có lúc thầm ghen tị với đạo quân thứ nhất.

(1,2,3,4): Theo các tác giả sách "Lam Sơn khởi nghĩa"..., nhà XB Khoa học — 1969, bến Cồ Sở, tên nôm là bến Già là một bến sông đây nay thuộc xã Yên Sở, huyện Hoài Đức, Hà Tây. Cầu Sa Đối — cầu trên sông Nhuệ, nối liền thôn Phú Đô xã Mỹ Trì với thôn Đại Mỗ xã Hữu Hưng, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Cầu Thanh Oai ở khoảng thôn Bình Đa xã Bình Minh, huyện Thanh Oai. Cồ Lãm — nay thuộc các xã Phú Lãm, Phú Cường, Văn Khê, huyện Thanh Oai.

Đang lúc nóng lòng sốt ruột, thì Đinh Lễ từ mặt trận Tây Nam trở về, Nguyễn Xí nói với quan Tư Không :

— Thừa ngài, chỉ một đạo quân của Thái Úy Lý Triện, đã nhờ bắt được hai vị tri Thanh Oai và Sa Đối, dồn chúng về bên Cổ Sở. Nếu có mặt đạo quân của ta nữa, lo gì chẳng bắt sống được Vương Thông.

Đinh Lễ vẫn yên lặng. Cái yên lặng kín đáo của người chỉ huy cao tuổi, đã dạn dày kinh nghiệm, khiến viên thượng tướng trẻ phải dè dặt, đến khó chịu. Không thể dẫn lòng được, Nguyễn Xí đứng dậy chống gươm :

— Vâng lệnh đại vương, chúng ta đem hai ngàn quân ra đây kìm chân giặc ở Đông Quan, đợi dịp đánh thẳng vào sào huyệt của chúng. Nay Vương Thông sang, hãnh hùng hỏ kéo quân ra ngoài thành nhằm tiêu diệt đại quân của Thái Úy Lý Triện. Trong tình thế này còn nằm im mãi, nếu có cơ sự gì, lũ chúng ta còn mặt mũi nào mà nhìn đại vương nữa.

Thấy Nguyễn Xí nóng nảy, Đinh Lễ lại càng chậm rãi :

— Sau khi thăm dò lực lượng của Vương Thông ở Cổ Sở, đại quân của ta đã rút về Cao Bộ⁽¹⁾ để giữ chỗ hiểm. Hiện nay Vương Thông đang gấp rút tập trung lực lượng để hành quân tiêu diệt quân ta ở Cao Bộ đấy !

— Vương Thông dẫn đại quân tiến đánh Cao Bộ ? — Nguyễn Xí hỏi dồn dập.

— Đúng thế, hãnh mưu tập trung quân ở Ninh Kiều⁽²⁾ rồi chia làm hai cách kẹp chặt lấy Cao Bộ. Đạo quân của

(1) Cao Bộ nay là thôn Trung Cao thuộc xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

(2) Ninh Kiều, một vị trí ở phía bắc huyện Chương Mỹ (vùng Ninh Sơn).

Thái Úy Lý Triện đang trong tình thế bị uy hiếp nghiêm trọng.

Nghe chuyện, Nguyễn Xí trừng mắt, đập tay xuống án thư, nói như thét bên tai Đinh Lễ :

— Từ ngày lũ chúng ta theo đại vương đến nay, trong lần bị vây khốn ở Chi Linh, tuyệt lương hàng tháng; khi ở Khôi Huyện quân ta không còn một lữ, ấy thế mà chúng không làm gì được ta. Nay ba đạo quân của chúng ta kéo ra đây theo lệnh của đại vương không phải để bó tay chịu cho chúng tiêu diệt. Lũ Vương Thông có tám vạn chứ tám mươi vạn quân, phỏng quân ta có sợ gì chúng. Trước tình thế này, mưu kế của các ngài ra sao ?

Không trả lời thẳng điều Nguyễn Xí hỏi, Đinh Lễ chỉ nói nửa vờ :

— Đã đến lúc cần đến đạo quân của chúng ta rồi đó.

Nguyễn Xí cau mày suy nghĩ. Con người vốn ưa hành động, sẵn sàng đánh giặc và quyết thắng giặc kỳ được của Nguyễn Xí lúc này bừng bừng như bốc lửa. Trong trí ông, khu đồng lầy vùng Cao Bộ mà ông đã có dịp đi qua hiện ra rõ rệt. Tám vạn quân Vương Thông hùng hỏ dẫn xác đến đấy, trong khi quân của ta cả hai cánh chỉ có 6 ngàn người không kể một số lớn dân binh tham gia⁽¹⁾ ấy thế mà ông và các bạn chiến đấu của ông phải thắng và quyết thắng. Nguyễn Xí nói với Đinh Lễ :

— Quan Tư Không ạ, theo phép dùng binh, dủ người tới chứ không để người dủ tới. Nay Vương Thông hùng

1. Theo chính sử, cánh quân của Phạm Văn Xảo và Lý Triện, gồm hơn 3000, cánh quân của Đinh Lễ và Nguyễn Xí khi xuất phát có 2000, nhưng đến khi hội quân ở Cao Bộ lại có trên 3.000 và 2 voi chiến.

hồ, tự đặc dẫn quân đến Cao Bộ ấy là hấn đã bị ta dữ đến rồi đó. Tôi xem ra vùng đất Tốt Động ⁽¹⁾ Chúc Động ⁽²⁾ là chiến trường có lợi cho ta và sẽ là mồ chôn lũ giặc dữ. Cứ theo ý tôi thì ta sẽ hội quân mai phục ở dọc đường tiêu diệt giặc ngay giữa đồng lầy không cho chúng đặt chân đến Cao Bộ.

Đinh Lễ nghe, gật đầu mỉm cười. Quả rằng trong chiến đấu cứ mỗi lần chạm trán với quân giặc, Đinh Lễ lại càng thấy tài mưu lược của viên tướng trẻ họ Nguyễn. Trong khi họp bàn ở Cao Bộ, các tướng lĩnh quyết định phải cấp tốc điều đạo quân ở Thanh Đàm về ngay trong đêm nay để kịp phá giặc. Không có mặt trong cuộc họp, chỉ nghe qua tình hình mà Nguyễn Xi đã vạch được mưu kế phá giặc như lời bàn của hội đồng tướng lĩnh. Đinh Lễ cười cởi mở, đứng dậy vỗ vào vai Nguyễn Xi và nói nhỏ:

— Thượng tướng bàn thật xác đáng. Nội đêm nay chúng ta phải dẫn đại quân về Cao Bộ — Vạch tay trên mặt án thư, Đinh Lễ nói tiếp — Con đường từ Ninh Kiều vào Cao Bộ sẽ là nơi phục của quân ta đó. Theo tin thám báo thu được, nội đêm nay, khoảng canh tư canh năm, chính binh do Vương Thông cầm đầu gồm khoảng 6 vạn sẽ đi qua Tốt Động vào Cao Bộ. Đạo quân của chúng ta có dịp lập công lớn rồi đó.

Nguyễn Xi nắm chặt tay:

— Quân ta ít nhưng tinh nhuệ, ai cũng hăm hở giết giặc để trả thù. Một người có thể địch được 10 tên giặc. Chúng ta chẳng những phá được đại quân của Vương

(1) Tốt Động, thuộc xã Tuy An, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

2. Chúc Động, thuộc xã Trúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

Thông, mà còn đuổi chúng đến tận thành Đông Quan nữa chứ!

Hai người nhìn nhau cùng cười. Cái cười hả hê thoải mái của mỗi tình bạn thăm thiết đã từng thử thách trong chiến đấu, mà cũng là của những tướng lĩnh thao lược, luôn luôn tỏ ra biết mình và biết người.

Trong ánh sáng mờ mờ của một buổi hoàng hôn vào ngày đầu tháng 10 ⁽¹⁾ dưới làn mưa nhẹ, 3.000 quân sĩ cùng 2 thớt voi lặng lẽ nhưng vội vã rời làng Thanh Đàm.

Đồng lửa ủ kín ở Đông Nam thành Đông Quan đã bắt đầu cời ra trước gió.

★
★

Cánh đồng Tốt Động lầy lội và im ắng. Trong bóng tối mờ mờ của một đêm không trăng sao, con đường dọc đạo từ Ninh Kiều về Cao Bộ trườn qua cánh đồng lầy chỉ còn là một vệt xám xám im lìm lặn vào đồng ruộng.

Vào đúng nửa đêm, cánh đồng Tốt Động như thức tỉnh. Ngoài tiếng gió thổi ù ù, người ta còn nghe tiếng chân người bước rầm rập. Đạo quân thứ 3 từ Thanh Đàm đã về đây, đang gấp rút tản vào làng xóm và các gò đồng rầm rập. Hai bên đường, trên mặt ruộng, quân chia nhau ngồi thu hình trong các mô ra ⁽²⁾.

Sự thức tỉnh tạm thời của vùng đồng quê hẻo lánh cũng nhanh chóng tiêu tan. Làng xóm lại như trong giấc ngủ

(1) Trận Tốt Động — Chúc Động xảy ra vào ngày 7-11-1426 tức ngày 8-10 năm Bình Ngô. Như vậy Đinh Lễ và Nguyễn Xi phải điều quân rời khỏi Thanh Đàm vào đêm 7-10 Bình Ngô.

(2) Theo truyền thuyết giết giặc Ngô của nhân dân địa phương.

ngon lành. Làm sao có thể biết được trong cả vùng rộng lớn ấy, giữa một đêm đầu mùa đông, hàng vạn quân dân, cả già trẻ lớn bé đều không ngủ và tỉnh táo hơn bao giờ hết. Người ta đang sống qua những khoảnh khắc căng thẳng nhất.

Đứng cạnh con voi chiến phủ phục trong lùm cây bên đường, Nguyễn Xi nắm chặt cây mâu trong tay. Đằng sau viên tướng trẻ là toán quân thiết đột thân tín. Nhìn bóng đêm dày đặc, cảnh vật im lìm. Nguyễn Xi rất hài lòng. Trong cuộc độ sức này chỉ một việc đưa 4 ngàn quân⁽¹⁾ đến mai phục nhanh chóng và bí mật ở đây đã là giành được một nửa phần thắng lợi rồi. Nhìn về phía Chúc Động, ông thầm nghĩ: vào lúc này cánh quân của Phạm Văn Xảo, Đỗ Bí cũng đã ẩn kín trong núi rừng. Bây giờ đây Vương Thông với đại quân của hắn đang ở đâu?

Nặng nề và dai dẳng vẫn là thời khắc chờ đợi. Trong cuộc đời hơn 10 năm đánh giặc của mình, Nguyễn Xi đã bao nhiêu lần đợi giặc. Nhưng chẳng lần nào giống lần nào. Đây là lần đầu tiên ông đợi giặc trên mảnh đất gần sào huyệt của chúng, và là đợi một đạo quân đông đảo do chính tên Tổng binh Vương Thông mới hùng hổ dẫn từ bên nước hắn sang. Không có đạo viện binh này thì hà tất ông phải nằm lì ở Thanh Đàm đến hơn một tháng; có lẽ ông đã được lệnh dẫn quân vào chiếm Đông Quan rồi. Ấy cái nghề đánh giặc có nhiều chuyện bất ngờ như thế đó. Không gặp nhau ở Đông Quan thì gặp nhau ở đây, đâu cũng là đất trời của ta cả. Trong cuộc độ sức này, chúng sẽ biết thế nào là sức

(1) Số quân mai phục ở Tốt Động gồm toàn bộ cánh quân của Đinh Lễ và Nguyễn Xi phối hợp với một phần quân của Phạm Văn Xảo và Lý Triện.

manh của nghĩa quân Lam Sơn, là khí phách của đất trời Đại Việt. Từ nửa đêm, khi chia tay về vị trí chỉ huy của mình, Nguyễn Xi đã nói với Thái Úy Lý Triện và quan Tư Không Đinh Lễ rằng: «Lũ chúng ta quyết đánh bại Vương Thông, về đón đại vương ra đây, nếu không phải đem cái chết mà đền tội». Rồi để chia tay, Thái Úy Lý Triện về với hậu quân, Nguyễn Xi về với trung quân của mình, còn Đinh Lễ ở với tiền quân. Họ hẹn nhau lấy đoạn đường gần ba dặm qua cánh đồng lầy Tốt Động làm mồi chôn quân giặc. Nguyễn Xi đang mãi suy nghĩ thì từ Cao Bộ vang lên bốn tiếng trống cầm canh giống giã. Vừa lúc đó có tiếng chân người bước vội vã. Một người lính từ chỗ Đinh Lễ đến báo cho Nguyễn Xi biết giặc đã sang sông, đang chia quân tiến vào Cao Bộ. Nguyễn Xi nắm chặt cây mâu, truyền cho quân sĩ sẵn sàng và nhắc lại lệnh:

— Pháo lệnh thứ nhất, ai nấy bắt động,⁽¹⁾ nghe pháo lệnh thứ hai, nhất tề xông lên!

Tiếng thì thầm nhắc bảo nhau truyền đi trong đêm tối.

Bên cạnh Nguyễn Xi, người lính quan sát đang nằm úp tai vào một tấm da căng trên miệng hố, vụt nhồm dậy:

— Thừa thượng tướng, có tiếng rầm rập đang tiến gần về chúng ta.

— Được!

Nguyễn Xi nhảy lên mình voi cùng với hai người lính hộ vệ. Con vật không lồ co chân chồm dậy, vụt vèo vói, đứng yên tại chỗ.

(1) Đại Việt sử ký toàn thư chép: «Nhân bắt được gián điệp của giặc, Lý Triện bèn dùng kế của giặc, hạ lệnh cho các quân nếu nghe tiếng sùng thì nấp náu không động».

Trên mặt đường, giặc Minh nối nhau tiến vào.

Xóm làng đồng nội vẫn yên lặng.

Khi tiền quân của giặc do Thượng thư Trần Hiệp dẫn đầu vượt khỏi vị trí mai phục, một tiếng pháo lệnh nổ vang. Quân Minh hò reo thúc nhau xông lên, ào ào tiến vào Cao Bộ.

Ngồi trên mình voi chiến, Nguyễn Xi nói nhỏ với quân lính:

— Giặc đã trúng kế của ta rồi đó!

Viên thượng tướng nói vừa dứt, lại một tiếng pháo lệnh thứ hai. Tiếp theo, cả đất trời Tốt Động rung chuyển. Các mô rạ trên đồng lầy mở tung; xóm làng, gò đồng như chồm dậy. Tiếng chiêng trống nổi lên, bốn ngàn quân được lệnh xông tới. Ngay từ đầu, con voi chiến của Nguyễn Xi đã xô ra. Như một tảng đá khổng lồ, voi lướt trên con đường độc đạo. Từ trên mình voi, Nguyễn Xi hô quân, thét vang như sấm, cây mâu trong tay xoay vù vù mở đường cho voi tiến. Cùng lúc đó, trong các làng mạc xung quanh, trống mõ thúc liên hồi. Dọc theo con đường độc đạo, nghĩa quân như một bầy sư tử, cắt quân giặc ra làm nhiều đoạn, thả sức chém giết. Bị phục kích bất ngờ, người ngựa của giặc hốt hoảng nhảy bổ xuống ruộng, chôn chân trên bùn lầy, ngã gục tại chỗ. Nhiều tên giặc liều chết chạy thoát vào làng xóm lại bị rơi vào tay nghĩa binh.

Ngồi trên mình ngựa, Tổng binh Vương Thông rống lên như lợn bị chọc tiết. Hắn giục Mã Kỳ ra lệnh tiến quân. Nhưng trong đám loạn quân còn ai nghe lệnh của hắn. Vương Thông chỉ thấy quân lính xô nhau chạy trở lại. Con ngựa của hắn như chôn chân trong dòng người hỗn loạn. Tiến hay lui? Tên tướng giặc chưa kịp quyết

định, thì trong ánh sáng mờ mờ, con voi chiến của Nguyễn Xi đã xéo lên quân giặc xô tới. Từ trên mình voi, Nguyễn Xi chỉ ngọn mâu vào bầy tướng giặc thét lớn:

— Vương Thông, lũ mày trốn đâu cho thoát!

Tên tướng giặc lại rống lên, muốn nhảy bổ tới, quyết sống mái với viên tướng chỉ huy cầm mâu ngồi trên mình voi. Nhưng đâu phải chỉ có một mình viên tướng đó, hàng biển người từ hai bên đồng ruộng cũng vừa réo tên hắc vừa vác gươm đao xông đến. Còn quân lính của hắn thì không nghe theo ai nữa rồi. Để bảo mạng, Vương Thông ra lệnh cho Sơn Thọ, Mã Kỳ:

— Lui binh, giữ toàn quân là hơn cả!

Vương Thông, Sơn Thọ, Mã Kỳ quay ngựa, xéo lên quân của chúng mà chạy.

Dẫn tàn quân chạy đến Chúc Động, Vương Thông mừng được thoát chết. Không ngờ ở đây, tiếng chiêng trống lại nổi lên và quân mai phục trong rừng cây bên sườn núi xô ra đón hắn. Trong lúc đó quân Lam Sơn từ Tốt Động đuổi theo. Vẫn con voi chiến với viên tướng trẻ sử dụng cây mâu như thần dẫn đầu. Vương Thông, Sơn Thọ, Mã Kỳ phải liều chết mở đường máu kéo đến bờ Ninh Giang, vượt cầu phao chạy về thành Đông Quan, để lại lũ tàn quân tranh nhau sang cầu, ngã xuống sông như rạ. Số còn lại bị tiêu diệt gần hết⁽¹⁾.

Trời đã sáng tỏ. Dưới làn mưa bụi, các tướng lĩnh gặp nhau bên chân núi Trúc Sơn. Bùn và máu bám đầy người, họ giờ gươm chào nhau, mừng chiến thắng. Trên

(1) Trong trận Tốt Động — Chúc Động, ta giết chết Thượng thư Trần Hiệp, Nội quan Lý Lượng và hơn 5 vạn quân địch tại trận. Hơn 1 vạn quân bị bắt làm tù binh. Tổng binh Vương Thông bị thương.

minh voi chiến, Nguyễn Xí cất giọng vang vang hướng về phía Lý Triện và Đinh Lễ đang phi ngựa:

— Lũ chúng ta đón Đại Vương ra Bắc được rồi đó.

★
★★

Nguyễn Xí bừng tỉnh, chung quanh một màu tối đen. Đây là đâu nhỉ? Viên thượng tướng khẽ cựa mình. Đôi tay có sức mạnh dả hổ của Nguyễn Xí giờ đây không cử động được nữa. Nguyễn Xí cố nhớ lại những việc vừa xảy ra, nhưng đầu nặng trĩu, lại chìm vào cơn mê sáng li bì.

Cho đến lúc cánh cửa lim xịch mở, Nguyễn Xí mở choàng mắt dậy. Cùng với ánh sáng yếu ớt lọt vào trong nhà tối, tên giám ngục bước vào. Lặng lẽ như một chiếc bóng, hắn hăm hăm nhìn Nguyễn Xí đang nằm sổng sượt trên sàn nhà, rồi trở ra. Cánh cửa lim sập lại. Nguyễn Xí nghe rõ tiếng khóa cửa lách cách.

Lúc này Nguyễn Xí mới tỉnh hẳn. Diễn biến của sự việc vừa qua dần dần hiện ra trong đầu viên thượng tướng. Mới sáng hôm trước, nhận được lệnh từ dinh Bồ Đề ⁽¹⁾ cùng với quan Tư Không Đinh Lễ đến tiếp ứng cho Thái Giám Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt, Nguyễn Xí đã cùng Đinh Lễ cỡi voi chiến dẫn 500 quân thiết đột từ cửa Nam đánh thốc vào sườn đạo quân của Vương Thông. Bị đánh cả hai mặt, Vương Thông vội rút quân vào thành. Đang đà thắng trận, Đinh Lễ và Nguyễn Xí đuổi theo tên Tổng binh giặc. Voi chiến lướt nhanh,

(1) Theo *Cương mục và Đại Việt sử ký toàn thư*: năm Đinh Mùi (1427) « Lê Lợi tiến quân đóng ở bờ bên sông Nhị Hà », « Bây giờ vua làm lầu nhiều tầng ở dinh Bồ Đề, trên bờ sông Lô » (tức sông Nhị Hà).

hậu quân không theo kịp. Thấy vậy, đến Mai Động ⁽¹⁾, tên tướng giặc quý quyết quay lại. Xung trận trên một vùng đất nhiều ao hồ và ruộng bùn, không may voi bị sa lầy, Đinh Lễ và Nguyễn Xí bị rơi vào tay giặc ⁽²⁾. Tiếp theo là những trò dụ dỗ, dọa dẫm của Vương Thông. Bị giam hãm trong thành Đông Quan, tên tướng giặc đang tìm cách kéo dài tình trạng này để chờ viện binh. Bất sống hai tướng, Vương Thông hy vọng sẽ khai thác được điều cần biết. Nhưng để trả lời tên tướng giặc, Đinh Lễ và Nguyễn Xí chỉ một mực cười khẩy, chửi rủa thậm tệ, bảo cho bè lũ tướng tá giặc biết ngày nộp mạng của chúng không còn xa nữa. Tên tướng giặc gầm lên như một con quỷ khát máu. Hắn dùng đến cực hình...

Nguyễn Xí băn khoăn không hiểu quan Tư Không Đinh Lễ có sống được qua cơn đòn thù ác liệt ấy không? Mình thì không chết, chúng sẽ còn giữ những trò gì nữa đây? Đang mãi suy nghĩ, cánh cửa lim lại mở. Một người lạ mặt, theo sau là một tên lính cầm gươm bước vào. Nguyễn Xí lão đảo khắp khên đi theo chúng. Ra khỏi cửa, Nguyễn Xí đưa mắt quan sát chung quanh. Đây là khu trại giam của giặc ở trong thành. Bên ngoài có hào lũy bao bọc. Xa xa phía sau trại giam, tường thành chạy dài một màu xám xịt. Chúng giải Nguyễn Xí đi dọc theo trại giam rồi đẩy vào một buồng kín ở đầu dãy. Nhờ chút ánh sáng luồn qua khe hở, Nguyễn

(1) Mai Động tức vùng Hoàng Mai ngày nay.

(2) Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*: « Khi ấy Lễ và Xí cưỡi voi cố sức đánh, voi sa lầy bị người Minh bắt được đem về thành Đông Quan. Lễ không chịu khuất bị giết chết. Xí về sau nhân ban đêm mưa gió, dùng mẹo đánh lửa kẻ canh giữ, thoát về được, vào ra mắt vua ở dinh Bồ Đề ».

Xi nhận thấy trong buồng có kê giường chiếu, chăn đệm. Trên án thư để giữa buồng còn có sẵn một mâm cơm rượu. Nguyễn Xi thầm nghĩ: lại trò mới của Vương Thông đây, rồi vật mình nằm trên giường. Đã lọt vào tay giặc, chúng muốn làm gì mặc chúng, việc gì phải băn khoăn, đến chết cũng chẳng sợ nữa là! Điều băn khoăn của Nguyễn Xi là không hiểu lúc này ai sẽ thay quan Tư Không và mình để vây giữ mặt thành phía Nam? 500 quân thiết đột của mình sẽ ra sao? Nhưng dù sao thì chắc chắn vòng vây của ta mỗi ngày một khép chặt. Nghĩ đến ngày Đại Vương dẫn quân vào chiếm thành Đông Quan và trên đất nước không còn bóng giặc, Nguyễn Xi thấy người khỏe hẳn lại, chỉ tiếc rằng mình không có mặt trong trận chiến đấu cuối cùng. Vượt qua được trận đòn thù, Nguyễn Xi thấy cần phải sống, nhưng sống ra sao khi còn nằm trong tay giặc quỷ quyết và hung dữ?

Thấm đờn đau, người mệt, bụng cồn cào, Nguyễn Xi ngồi lại bên mâm rượu. Khi tên lính canh ngục bước vào, thấy mâm rượu hầu như còn nguyên vẹn, hẳn nhìn Nguyễn Xi đang nằm trên giường. Nguyễn Xi nói với hắn như truyền lệnh:

— Cơm rượu đây, cho các người!

Tình trạng đó diễn ra trong mấy ngày liền. Rồi một hôm, bưng cơm rượu đến không phải là người lính mọi bữa, mà là một người hầu gái xinh đẹp, theo sau một tên ngục quan đã cao tuổi. Đứng trước viên tướng trẻ tuổi bị cầm tù, mặc dù được lệnh phải sẵn sóc, đối đãi chu đáo, nhưng tên ngục quan lại tỏ ra hách dịch trịch thượng:

— Không may lọt vào đây, được tha chết, lại được quan Tổng binh ân cần săn sóc, tôi nghĩ đã là vạn phúc

cho ông lắm rồi. Biết điều mà ăn ở, thế nào mà chẳng được trọng dụng.

Không thèm nghe những lời bĩ đời của hắn, Nguyễn Xi trừng mắt quát:

— Mày là người Việt ăn cơm giặc đi hầu quân giặc mà không biết nhục. Cút đi, đừng đứng đây làm bẩn mắt tao!

Tên ngục quan vênh váo lui ra, để lại người hầu gái đứng nép một góc buồng, sợ hãi. Nguyễn Xi im lặng ngồi vào bàn. Cô gái rút rè tiến lại gần, toan rót rượu. Bàn tay xinh đẹp của cô chưa chạm tới be rượu thì đã phải rút lại vì cái gạt tay phũ phàng của viên tướng trẻ:

— Đề mặc ta!

Lui vào một góc buồng, cô ngơ ngác cúi đầu... Cái nghề hầu rượu này, cô đã quen lắm rồi. Tiếp xúc với bọn quan tướng nhà Minh, qua những buổi rượu chè hoan lạc thâu đêm suốt sáng trong thành Đông Quan này, cô đã trở nên dạn dày, liều lĩnh. Ấy thế mà đứng trước viên tướng trẻ đang bị cầm tù, được lệnh phải chiều chuộng đủ điều này, cô lại sợ. Hình ảnh người con trai khỏe mạnh, quắc mắt mắng vào mặt quan Tổng binh cho đến lúc chết ngất vì cực hình, cô quên làm sao được. Nhưng ông ta không chết, và từ hôm nay cô phải hầu hạ... Không biết con người ấy sẽ đối xử với mình ra sao?

Ngày này qua ngày khác, cô vẫn ra vào im lìm như chiếc bóng. Cái nhan sắc trẻ trung của cô đã từng làm cho quan tướng nhà Minh mê mết, trái lại viên tướng trẻ không thèm nói với cô một lời. Cho đến một hôm, sau khi ăn xong, Nguyễn Xi nhìn chăm chăm vào mặt cô:

— Ở ở đâu? Có sao lại đi hầu quân giặc?

— Thưa ngài, tôi người Đông Quan. Cha và em không may bị chết vì loạn lạc, tôi bị giặc bắt. Hiện nay tôi còn mẹ già phải nuôi dưỡng.

— Hừm! Nguyễn Xí tỏ ý khó chịu.

Câu chuyện chấm dứt.

Rồi có một hôm trời trở gió, Nguyễn Xí kêu đau mình mẩy, nằm li bì. Mấy ngày liền, bọn gác ngục được dịp chia nhau mâm cơm rượu còn nguyên vẹn.

Cô hầu gái băn khoăn lo lắng và thương hại ông tướng trẻ. Mặc dù thái độ lạnh nhạt của Nguyễn Xí, cô vẫn thấy đây lại là những ngày đáng ghi nhớ nhất trong cuộc đời đi hầu rượu của cô.

Mấy hôm sau, vào một đêm mưa gió, bọn lính gác ngục và cả cô hầu gái có biết đâu rằng ông tướng trẻ ốm liệt giường đang vùng dậy hành động trong nhà ngục. Nghe ba tiếng trống cầm canh lạc lõng chìm trong tiếng mưa rơi rào rào và sấm nổ ran trời, Nguyễn Xí nhồm dậy, áp tai vào cánh cửa nghe ngóng. Lính gác ngục đã đổi phiên. Gió từng hồi quật mưa vào mái ngói kêu lộp độp. Tiếng chân lính gác đi lại dưới hàng hiên thưa dần, rồi im hẳn. Nguyễn Xí khẽ dựng giường làm thang, đu mình lên mái nhà ngục. Một đám ngói bị dõ tung, mưa hắt vào mặt lạnh buốt. Nghĩ đến lúc trở về ra mắt Bình Định Vương và gặp lại đội quân thiết đột của mình, Nguyễn Xí thấy lòng ấm lại và như được tiếp thêm sức mạnh. Đu lên mái nhà ngục, ngồi dưới gió mưa lạnh lẽo, Nguyễn Xí căng óc tìm mưu kế lọt qua mắt lính gác ngục. Ép sát người, tụt dần xuống chân mái ngói, đợi lúc hồi sấm bắt đầu râm ran, Nguyễn Xí buông người nhảy xuống. Tên lính cấp gươm đi lại dưới hàng hiên nghe tiếng động. Hẳn chưa kịp ngoái lại thì

Nguyễn Xí đã xông đến. Bị hai tay của Nguyễn Xí khóa chặt vào cổ và nhấc bổng lên, hắn chỉ còn như một khúc gỗ, chân tay cứng đờ cho đến khi chết hẳn. Lột áo quần của tên lính, mặc vào người, Nguyễn Xí ung dung đi lại trên hàng hiên để thăm dò. Đẳng xa, phía cổng nhà ngục thấp thoáng ánh đèn. Trong chòi canh tên lính gác đang ngồi thu mình trong áo khoác. Nguyễn Xí đường hoàng đi về phía cổng. Thấy bóng người đi tới, tên lính gác tưởng là đồng đội. Cho đến khi vừa kịp nhận ra người lạ mặt, thì đầu hắn đã lìa khỏi cổ vì đường gươm sắc bén của người tù vượt ngục.

Như con hổ được thả về rừng, Nguyễn Xí leo qua cổng, lao mình trong mưa gió, chạy biến về phía tường thành...

Đã sang canh tư. Trên cánh đồng lầy ở phía Nam, cách thành Đông Quan chưa đầy một dặm, Nguyễn Xí ngoái đầu nhìn tòa thành chìm trong mưa, cười thầm: chắc lúc này lũ giặc đang hốt hoảng tìm ông tướng vượt ngục. Được, ta sẽ trở lại...

★
★

Dinh Bồ Đề ngạo nghễ đứng sừng sững bên kia dòng Nhị Hà như con mắt thần ngày đêm soi vào thành giặc. Hàng ngày từ thượng lầu, Bình Định Vương cùng Nguyễn Trãi quan sát tòa thành đang thoi thóp. Hôm nay sau trận mưa, trời tạnh ráo. Bãi dâu xanh rờn viền bên ven sông đang chao mình trong nắng sớm. Dòng sông màu hồng, chảy lững lờ kéo theo từng tảng bọt trắng đục. Một buổi sáng thanh bình lạc loài trong những tháng ngày chiến tranh ác liệt. Đứng dựa vào lan can, Bình Định Vương chỉ tay về bên kia bờ sông nói với Nguyễn Trãi:

— Quân sĩ của ta căm giận đòi hạ thành Đông Quan không phải không có lý. Nay lũ giặc bị giam chân trong thành chờ chết, Vương Thông bề ngoài vờ giảng hòa nhưng vẫn ngầm đào hào đắp lũy đợi việc binh. Thỉnh thoảng nhằm lúc quân ta sơ hở, giặc lại đem quân ra ngoài gây thêm tội ác. Tháng hai vừa rồi, chúng kéo quân ra Cảo Động và bãi Sa Đới. Ở Cảo Động ta đã mất Lý Triện và Đỗ Bi⁽¹⁾. Tháng 3, chúng đánh ra Tây Phù Liệt, ta lại mất thêm Đinh Lễ và Nguyễn Xi. Tội ác của chúng chồng chất như núi. Vòng vây của ta dày đặc, ai chẳng muốn xông lên để trả thù. Nhưng quân sĩ có biết đâu rằng đánh thành là hạ sách.

Nói đến đây Lê Lợi trở vào án thư ngồi dựa mình trên kỷ. Nguyễn Trãi bước lại gần, chấp tay kính cẩn:

— Tàu vương thượng, một khi chúng ta diệt gọn hai đạo viện binh của giặc thì Vương Thông tất phải nộp thành.

— Đúng như thế, đánh vào thành hàng tháng hàng năm không hạ nổi, quân mệt khi nào. Viện binh của chúng đến, trước sau đều có giặc thì nguy khốn. Diệt viện vây thành là phải lắm. Ta quyết dốc toàn lực đánh một trận cuối cùng tiêu diệt hai đạo viện binh của Liễu Thăng và Mộc Thạnh⁽²⁾ quét sạch lũ giặc trên đất nước. Giả như chúng ta còn có Lý Triện, Đỗ Bi, Đinh Lễ, Nguyễn Xi thì...

(1) Đại Việt sử ký toàn thư: « Tháng 2, ngày 7, Phương Chính ngầm đem quân đánh ở Quả Động (Cảo Động) huyện Từ Liêm, Triện cố sức đánh lại, bị chết, Bi bị giặc bắt được. Sau giặc về nước, lấy lễ đưa Bi trở lại ».

(2) Theo Đại Việt sử ký toàn thư: Đạo viện binh của An Viễn hầu Liễu Thăng gồm 10 vạn binh, 2 vạn ngựa đánh vào cửa ải Pha Lũy. Đạo viện binh của Kiêm quốc công Mộc Thạnh gồm 5 vạn binh và 1 vạn ngựa đánh vào cửa ải Lê Hoa.

Hai đạo viện binh của giặc ở ải kéo sang vào đầu tháng 10-1427.

Nguyễn Trãi tiếp lời:

— Vâng, tàu vương thượng, thì chúng ta còn có thêm nanh vuốt để vây thành và diệt viện.

Câu chuyện giữa Lê Lợi và Nguyễn Trãi bị đứt quãng vì có tiếng chân người bước vội dưới tầng thứ hai. Lau sậy rung rinh. Nguyễn Xi xuất hiện bất ngờ, đến phục dưới chân Lê Lợi.

Cùng một lúc, Lê Lợi và Nguyễn Trãi đều thốt lên kinh ngạc:

— Thượng tướng Nguyễn Xi!

Từ sau trận Tây Phù Liệt, được tin Đinh Lễ và Nguyễn Xi rơi vào tay giặc và đã bị chúng giết hại, Lê Lợi đau xót, đinh ninh rằng mình đã mất thêm hai tướng tài. Nay Nguyễn Xi đột ngột trở về, Lê Lợi vẫn tưởng mình đã nhìn nhầm. Đến khi nâng viên tướng phục dưới chân mình dậy, nhìn rõ khuôn mặt vuông vuông có đôi mắt sáng quắc như sao của viên tướng trẻ quen thuộc, Lê Lợi mừng rỡ reo lên:

— Sống lại! Thực là sống lại!⁽¹⁾

★
★

Nắng tháng 10 vàng chói không đủ sức sưởi ấm núi rừng, đồng ruộng. Đã mấy ngày liền đất trời chìm ngập trong gió lạnh từ phương Bắc tràn về. Trên con đường từ Xương Giang về Đông Quan, 4 thớt voi chiến cùng đội quân thiết đột đang hành quân vội vã.

Ngồi trên mình ngựa, Nguyễn Xi ngoái đầu nhìn lại. Xương Giang đã lùi xa, chỉ còn là những vệt núi mờ mờ. Khuôn mặt rạm nắng, với những đường nét hơi thô của viên tướng trẻ bừng lên một niềm tự hào và kiêu hãnh.

(1) Theo Đại Việt sử ký toàn thư và Lịch triều hiến chương loại chí (nhân vật chí).

Nguyễn Xi vừa tham dự trận phá tan gần 10 vạn viện binh, bắt sống Thôi Tụ và Hoàng Phúc, giáng một đòn cuối cùng để kết liễu hoàn toàn đạo viện binh của Liễu Thăng trên vùng đất Xương Giang⁽¹⁾.

Từ chiến trường nhận được lệnh gấp rút điều quân về Đông Quan, Nguyễn Xi vui sướng tưởng như mình đang dẫn đại quân tiến vào san phẳng thành giặc. Nhưng càng đến gần Bồ Đề, đạo quân của Nguyễn Xi càng phải đi chậm lại. Chẳng những chỉ có các đạo quân ở Xương Giang mà cả các đạo quân ở cửa ải Lê Hoa cũng được điều về. Trên mặt đường, quân dân đi như thác, đông vui như ngày hội. Đến gần dinh Bồ Đề, Nguyễn Xi được tin Vương Thông đã xin giảng hòa, nhận trao trả lại thành trì, mong được toàn quân rút về nước. Bình Định Vương và quan Hành Khiển đã có ý chấp thuận. Nguyễn Xi bất bình. Không thể chấp nhận giảng hòa như thế được! Tội ác của chúng đối với non sông đất Việt này chồng chất như núi, phải bắt đền nợ máu. Nếu chịu giảng hòa, tại sao chúng lại không giảng hòa ngay từ khi ta mới từ Lam Sơn tiến ra đây, hà tất phải đợi đến khi 10 vạn viện binh bị tiêu diệt mới chịu giảng hòa. Nguyễn Xi vội vã tìm đến dinh Bồ Đề⁽²⁾.

(1) Trận Xương Giang diễn ra vào ngày 15-10 năm Đinh Mùi (3-11-1427). Trong trận Xương Giang, Thôi Tụ, Hoàng Phúc và hơn 300 võ tướng bị bắt sống; khoảng 30.000 quân địch bị bắt và 50.000 bị giết chết. Theo *Hoàng Minh thực lục* thì trong trận này, toàn bộ quân địch đều bị bắt và bị giết, chỉ có một tên sống sót thoát về nước.

(2) *Đại Việt sử ký toàn thư*: Khi ấy các tướng sĩ và người nước ta bị khổ nhục vì sự tàn ngược của giặc đã lâu, rủ nhau cố xin với vua rằng giặc nhiều mảnh khoe biến trá, nên lấy binh mà đánh thẳng, khuyên vua giết hết đi. Duy có Hành Khiển Nguyễn Trãi ở nơi tham mưu... biết rõ thể mạnh yếu của giặc, mới chuyên chủ mặt hòa (thực chất là chấp nhận sự đầu hàng của giặc—N.A.)

Bước lên tầng lầu thứ hai, vừa thấy Bình Định Vương và Nguyễn Trãi, Nguyễn Xi đã không kìm được tình nóng nảy của mình:

— Tâu vương thượng, lũ chúng tôi theo vương thượng từ ngày còn ăn náu ở rừng núi Lam Sơn, bao phen vào sinh ra tử chỉ mong có ngày diệt hết lũ giặc để trả thù cho dân, rửa nhục cho nước. Nay lũ giặc trong thành Đông Quan đã như cá nằm trên thớt, không thể để cho chúng toàn quân rút về nước! Vương thượng và quan Hành Khiển có biết quân dân ta chỉ còn đợi lệnh của vương thượng là xông lên diệt cho đến tận tận giặc cuối cùng để rửa hận hay không?

Không đợi cho Bình Định Vương nói, Nguyễn Xi lại hỏi tiếp:

— Hay là Vương thượng còn e rằng ta không đủ sức hạ thành Đông Quan?

Không biết đây là lần thứ bao nhiêu trong mấy ngày hôm nay, Lê Lợi và Nguyễn Trãi đã nghe giọng nói bất bình của các tướng lĩnh về chủ trương giảng hòa của mình. Thái độ bức dọc của viên tướng tâm phúc không làm cho Lê Lợi khó chịu. Hiểu rõ nỗi lòng của Nguyễn Xi, Lê Lợi ôn tồn giảng giải:

— Dùng binh cốt lấy bảo toàn cả nước làm trên hết. Để cho bọn Vương Thông về nói với vua nhà Minh trả lại đất đai cho ta, không xâm lấn bờ cõi ta, đó là điều ta không cần gì hơn thế nữa. Hà tất phải giết chết hết bọn chúng để gây oán với nước lớn làm gì⁽¹⁾.

Sau nhiều lời giảng giải rạch ròi của Bình Định Vương, Nguyễn Xi nghe ra phải lẽ. Nhưng nghĩ đến việc để cho tên tướng giặc Vương Thông được yên thân, dẫn

(1) *Đại Việt thông sử* (để kỷ).

quân về nước thì Nguyễn Xi vẫn thấy phần uất. Không dám chống lại lệnh của Bình Định Vương, Nguyễn Xi đành phải chấp thuận:

— Tâu vương thượng, số phận của lũ giặc đang nằm trong tay chúng ta. Cho chúng sống hay buộc chúng phải chết là tùy ở vương thượng. Lũ chúng tôi chỉ biết tuân lệnh của vương thượng.

★
★★

Mùa xuân đến gần với quār dân thành Đông Quan vào giữa lúc tên giặc Minh cuối cùng cấp giáo cắt về nước⁽¹⁾. Một vùng đồ nát ngồn ngang hào lũy đang vùng dậy sau cơn binh lửa tàn hại để đón mùa xuân lịch sử.

Thành Đông Quan thay màu áo mới.

Ngày đêm trên các ngã đường, quân lính đi về tấp nập không lúc nào ngớt. Ngoài thành, dân cư chạy giặc lũ lượt kéo nhau về. Cuộc sống thanh bình khoáng màu xuân chiến thắng đang trở về, hiện trên nét mặt của quân dân thành Đông Quan.

Trên con đường cái chạy về phía Đông Nam thành, Nguyễn Xi buông cương cho ngựa đi bước một.

Sau những ngày bận rộn tiếp nhận việc giảng hòa của giặc, hôm nay viên thượng tướng đi thăm lại mảnh đất chiến trường cũ. Dừng ngựa ở Mai Động, Nguyễn Xi đưa mắt nhìn kỹ xung quanh, cố tìm cho ra chỗ voi bị sa lầy ngày trước. Chỉ mới hơn nửa năm trời mà cảnh vật ở đây đã quá nhiều thay đổi. Vùng đồng ruộng

(1) Vương Thông rút quân về nước ngày 12-12 năm Đinh Mùi (29-12-1427).

lầy lội nay đã đổi khác. Qua mùa khô ráo, hai bên đường chỉ là những thửa ruộng cạn. Trên mặt đất xám xịt nứt nẻ chân chim, lớp cỏ thấp lè tè ánh lên màu xanh mơn mớn dưới nắng của mặt trời mùa đông. Rải rác đó đây nổi lên nhiều gốc mai đang rộ hoa vàng lấm lấm...

Trên con đường trở về, len giữa đoàn người tấp nập gánh gồng, nô nức đi sắm tết, Nguyễn Xi nhớ đến quê hương. Giờ đây ở quê hương Chân Phúc, Nghệ An, không còn bóng giặc chắc cũng đang rộn rịp đón xuân. Mới ngày nào đó mà đã hơn 10 năm⁽¹⁾ rồi đấy nhỉ. Nguyễn Xi mỉm cười một mình, nhớ lại những ngày còn mơn vai gánh muối, phải tìm đủ mưu chước để vượt qua các đồn giặc mới mong kiếm được bát gạo về nuôi cha già. Rồi chỉ vì không thể bó tay nhìn quê hương bị giặc giày xéo, không thể cam tâm kéo lê thè ngày tháng sống nhục nhã dưới ách của giặc ngoại xâm, Nguyễn Xi đã tìm đến Lam Sơn lấy việc giết giặc, cứu nước làm lẽ sống. Từ đó, bàn chân của người con trai quen nghề gánh muối đã đặt lên bất cứ nơi nào có bóng giặc. Say sưa với hoài ức về những năm tháng sống đầy ý nghĩa của đời mình, Nguyễn Xi không để ý đến con ngựa đã đưa ông tới ven hồ Lục Thủy⁽²⁾.

Tiếng cười đùa riu rít của lũ trẻ vui nghịch bên bến nước làm cho Nguyễn Xi chú ý. Được ngày nắng ấm, nhân dân quanh vùng kéo nhau ra hồ tắm giặt để sửa soạn đón xuân. Nhìn viên tướng trẻ võ phục oai nghiêm, thanh kiếm dài đeo lệch bên hông, đang ung dung cỡi ngựa

(1) Nguyễn Xi đến Lam Sơn từ năm 19 tuổi, thọ 69 tuổi, mất năm 1465. (theo *Lịch triều hiến chương loại chí*). Như vậy Nguyễn Xi có mặt ở Lam Sơn từ 1415.

(2) Vùng hồ Hoàn Kiếm ngày nay.

trên đường, ai nấy đều trầm trồ nhìn theo. Nhiều cô gái yếm thắm môi son, dùng tay giặt áo, ghé mắt nhìn người con trai hùng dũng ấy. Họ trêu nhau, cười giòn như bắp nổ. Mãi vui đùa, không ai để ý đến một cô gái xinh đẹp đang dìu mẹ già bước lên bến nước. Dừng chân bên hồ, cô ngáy người nhìn viên tướng trẻ. Cô nhớ lại con người quen quen, cũng nước da rám nắng, cũng khuôn mặt với những đường nét hơi thô, có đôi mắt luôn nhìn thẳng, lúc nào cũng sáng như sao ấy. Lúc tìm trong trí nhớ, cô băn khoăn tự hỏi không biết có phải ông tướng Nguyễn Xi đã vượt ngục đó chăng? Mãi nhìn theo cho đến khi bà mẹ giục, cô mới quay lại dắt mẹ về nhà.

Trong lúc đó, Nguyễn Xi vẫn thông dong cho ngựa bước chậm chậm giữa đoàn người tấp nập, đi về khu hoàng thành. Ông đang nghĩ đến ngày mai. Tổ quốc thân yêu đã không còn bóng giặc, biết bao nhiêu công việc đang đợi chờ⁽¹⁾

thuongmaivietnam.vn
NGUYỄN ANH

(1) Cuộc khởi nghĩa chống quân Minh thành công. Nguyễn Xi bắt tay vào xây dựng đất nước, trải qua các triều Lê Thái Tổ (1428—1433), Lê Thái Tông (1434—1442), Lê Nhân Tông (1443—1459), Lê Thánh Tông (1460—1497). Ông được phong Long Hồ thượng tướng quân (1428), Nhập Nội đô đốc (1445), Thiếu bảo (1448); Khai phủ nghi đồng tam phủ, Nhập nội kiểm hiệu Thái Phó, Bình chương quân quốc trọng sự, Á quận hầu (1460). Cũng năm đó ông được phong Thái quận công; gia thêm Nhập Nội tả tướng quốc (1462); ít lâu sau lại thăng Thái Úy. Năm 1465, ông mất, thọ 69 tuổi. Ngoài sự nghiệp chống giặc Minh thắng lợi, ông còn có công đánh giặc Chiêm Thành (1445), dẹp loạn Nghi Dân (1459).

NGUYỄN HỮU CẦU

Từ mờ sáng, một toán lính Trịnh thuộc đạo quân của Hoàng Ngũ Phúc đang đi chinh tiêu ở vùng Nam, bất ngờ tràn vào làng Lão Phong⁽¹⁾. Chúng được triều đình cho phép: quân đi tiêu phạt ở vùng nào có quyền trưng thóc ở vùng ấy⁽²⁾. Bọn cường hào ở Lão Phong được mật báo từ trước, đã dẫn lính đến từng nhà để thu thóc. Ai không có, liền bị lính bắt giải đến đình làng để tra hỏi. Nhưng dân nghèo Lão Phong không còn thóc. Họ đang lâm vào cảnh đói trầm trọng như các làng khác. Nhiều nhà đã phải sống nhờ vào rau cỏ, ăn cả thịt chuột, rắn.

Gần trưa rồi mà số thóc thu được không thấm tháp vào đâu so với định mức của quan quân. Bao nhiêu người đã bị đánh sưng mắt, sai quai hàm hoặc nằm bất tỉnh chỉ vì không nộp đủ mỗi suất đình một xô thóc⁽³⁾. Đến lượt một thiếu phụ bế trên tay một đứa con nhỏ bị gọi tới.

(1) Thuộc huyện Nghi Dương, Kiến An cũ. Chính sử ghi Nguyễn Hữu Cầu đã cứu dân đói ở vùng này.

(2) Thời ấy chúa Trịnh lượng mức chi rồi bỏ cho dân đóng góp.

(3) Đơn vị đo lường cũ, một xô chừng 35,40kg thóc.

Tên quân hách dịch quát:

— Tại sao nhà chị không chịu nộp thóc. Thóc giấu ở đâu?

Thiếu phụ run run:

— Bầm quan, nhà con, quan đã khám, một đấu thóc cũng không có; chồng con lại mới mất.

Tên hào phú có cặp lông mày rậm như con sâu róm, hăng giọng:

— Nghĩ thương cảnh mày góa bụa, tao làm phúc nộp cho suất thóc ấy.

Thiếu phụ vẻ biết ơn, nhanh nhẩu:

— Vâng, nếu cụ cho vay, con sẽ làm thuê làm mướn lo trả sau.

— Bây giờ thóc cao gạo kém, một cái bánh đa đổi được cả một mẫu ruộng⁽¹⁾ mà mày ăn nói dễ nghe nhỉ. Tao nộp cho suất thóc ấy nhưng phải gán mảnh vườn và cái nhà xiêu vẹo không được như cái chuồng trâu ấy cho tao.

— Thế thì con đành chịu chứ đến nước ấy thì mẹ con con biết sống ở đâu?

Tên quân nạt nộ:

— Dẫu phải chết đói cũng không được phép thiếu thóc nộp cho quan quân. Có bằng lòng không?

— Nhưng phải có thóc mới có nộp, không có thóc thì đào đâu ra? Thiếu phụ đáp, dáng cương quyết.

— À, quân này lão, dám xem thường phép nước. Tên quân vừa quát vừa dùng hết sức đá vào bụng người thiếu phụ.

(1) Chính sử có ghi sự việc này.

Thiếu phụ ngã lăn ra giẫy dánh dạch, đứa con đang bế bị văng ra khóc thét lên.

— Chúng nó giết chết chị Hạnh rồi. Đám đông dân chúng kêu thất thanh rồi đổ xô lại, người bế cháu nhỏ, người cứu chữa nạn nhân. Nhưng người thiếu phụ bị cái đá hiểm mẫm mẫm không dậy được nữa. Không khi cảm phần sục sôi trong đám dân chúng, một thanh niên mắt long lên giận dữ xông tới tên quân. Nhưng lập tức anh bị cả toán lính đè sắp xuống. Tên chỉ huy vừa đập lên người anh vừa nghiêng răng trèo treo:

— Ngươi này thì sớm muộn cũng sẽ theo nghịch Cầu làm loạn thôi.

Dân chúng bỗng xô động ầm ầm. Từ đầu làng, một đoàn ngựa chiến đang phi nhanh như gió lốc về phía họ.

— Quân ông Cầu! chột một người thét lên thích thú.

— Đúng quân ông Cầu rồi. Dân chúng đã nhận ra Nguyễn Hữu Cầu. Họ reo hò không ngớt.

Binh lính Trịnh và bọn cường hào vội tháo chạy. Nhưng nghĩa quân và dân chúng Lão Phong ngay sau đấy đã bắt gọn được bọn chúng. Nguyễn Hữu Cầu trong bộ chiến phục bó sát người đang đi giữa đám đông dân chúng trở về đình. Viên tướng nông dân được coi là Hạng Võ của nước Nam này có một vẻ đẹp thật khỏe mạnh. Bộ võ phục bằng lụa đỏ sẫm không che lấp được những bắp thịt to tròn, nở cuồn cuộn ở đôi vai; ngược lại, chất lụa mềm mại lại làm tôn lên lồng ngực nở nang, nhất là đôi tay to lớn nổi từng thớ chắc nịch. Vẻ đẹp võ tướng ấy, gầm trời Nam này chỉ một Nguyễn Hữu Cầu mới có.

Nguyễn Hữu Cầu đã tới sân đình. Viên tướng nông dân lần lượt đỡ những người bị lính triều đình đánh ngã

vừa ngồi dậy được. Cặp mắt sáng ngời của viên tướng chợt dừng lại bên xác người thiếu phụ, đang nằm bất động bên cạnh một bà già đang bế đứa cháu nhỏ. Nguyễn Hữu Cầu chợt hiểu. Viên tướng bước nhanh về phía ấy rồi không chần chừ, bế xác người thiếu phụ đặt nằm ngay ngắn trên chiếc kỷ vừa được mang tới. Đứa trẻ bỗng bật khóc dữ dội khi thấy có người mang mẹ nó đi. Tiếng gọi mẹ của con thơ vò xé lòng viên tướng. Nguyễn Hữu Cầu hướng về phía dân chúng giọng nghẹn lại:

— Tội ác của triều đình đã chất cao như núi. Khắp nơi dân nghèo bị dồn đến đường cùng đang nung nấu chỉ trả thù. Tiếng khóc của em bé nay đang kêu gọi chúng ta phải đứng dậy trả thù!

Nhiều người động lòng bật khóc rung rức.

Lập tức tên cầm đầu toán lính bị dẫn đi hành hình. Cầu chỉ vào bọn cường hào, phú ông, tiếp tục ra lệnh cho nghĩa quân:

— Phải đi khám nhà từng đứa một và tịch thu hết thóc đem về đây để chia cho dân nghèo. Rồi Cầu lại hướng về phía dân chúng Lão Phong lúc này đang há hốc nhìn mình:

— Nạn đói đang hoành hành khắp chốn. Ta vốn coi dân là ruột thịt, như anh em trong một nhà. Đại quân ta lấy việc bảo dân là mục đích, lẽ nào thấy trăm họ đói mà không cứu giúp, thấy giặc tàn ác mà không trừng trị. Nay đang lúc giáp hạt, quân ta đang chia đi nhiều ngã để cứu đói. Ai túng thiếu ta cấp tiền, ai đói khát ta cấp gạo.

— Tướng quân là ân nhân của dân chúng tôi!

— Tướng quân đã cải tử hoàn sinh cho người nghèo chúng tôi. Dân chúng Lão Phong nghẹn ngào đáp lại lời Cầu.

— Còn anh em binh lính triều đình — Nguyễn Hữu Cầu tiếp — Anh em cũng là những người nghèo. Cha mẹ, vợ con anh em chắc gì đã hơn số kiếp những người cùng dân vừa bị anh em hành hạ. Nghĩ như thế, ta tha cho anh em trở về quê quán, nhưng phải cải tà quy chính chăm lo việc làm ăn.

Một người lính bước đến trước mặt Cầu, cung kính:

— Lòng nhân nghĩa của tướng quân cảm hóa được cả cỏ cây muôn vật. Lẽ nào chúng tôi lại không một lòng xin ở lại vì nghĩa lớn.

Gần hầu hết mấy chục tên lính được Nguyễn Hữu Cầu cho nhập vào nghĩa quân.

Thóc lúa của bọn hào phú đã được gánh lỏi, chứa đầy cả bagian đình. Cầu ra lệnh cho nghĩa quân:

— Ai già yếu, có con thơ cho gấp đôi. Nhà nào có người ốm đau không đi lấy thóc được, các người hãy đem đến tận tay. Bọn hào phú đã chịu nộp hết thóc cũng có phần như mọi người.

Cánh chia thóc, từng bừng như một ngày hội lớn. Dân chúng Lão Phong không bao giờ quên được cái ngày đáng ghi nhớ ấy. Nhiều trai tráng trong làng cảm kích trước nghĩa lớn của Nguyễn Hữu Cầu đã hăng hái gia nhập nghĩa quân.

★
★

Các cánh quân đi cứu dân đều đã trở về Đồ Sơn. Thấy quân mình đã mạnh, một hôm Nguyễn Hữu Cầu triệu các tướng lại nói:

— Ta khởi binh là để thảo Trịnh, bảo dân. Nay ở Sơn Tây có quân của thống lĩnh Trương, ở Tam Đảo có Nguyễn Danh Phương, ở Sơn Nam có Ngân Già, Tú Cao

cũng đang phất cao cờ nghĩa. Vậy ta phải ra quân để hưởng ứng với các nơi, cùng mưu phúc lành cho muôn họ. Các tướng nghĩ thế nào?

Một tướng tâm phúc của Cầu tên là Thông⁽¹⁾ vội đáp:

— Trình tướng quân! Trăm người như một, quân sĩ muốn được xung trận để thỏa những oán thù chất chứa bấy lâu.

Cuộc họp chưa xong thì có tin cấp báo: đốc lĩnh thủy đạo Trịnh Bạng đang kéo gần một trăm chiến thuyền tiến ra Đồ Sơn. Nguyễn Hữu Cầu nét mặt rạng rỡ:

— Quân giặc không mời mà đến. Ta vẫn chẳng đang chờ dịp này sao? Nhưng muốn thắng ta phải dữ chúng vào sâu. Ai nhận trọng trách này?

— Lại còn ai nữa: Tôi xin đi. Thông sôi nổi đáp.

Lập tức Thông được lệnh dẫn mười chiến thuyền nhỏ chở nghĩa quân xuất trận.

Trong khi đang dàn phục quân, chợt Nguyễn Hữu Cầu thấy mây thành đùn lên, triệu chứng trời sắp nổi gió mạnh. Vì vậy, Cầu cho một cánh quân hướng theo chiều gió đến phục ở đảo Cát Bạc và nói:

— Các chú có cơ bắt sống được tướng giặc đấy. Nhưng phải giấu quân cho kín, chờ lệnh ta! Cánh quân vừa đi khỏi, Nguyễn Hữu Cầu liền đem đại binh đến phục ở cửa Giai. Xong đâu đấy, Cầu cùng một tùy tướng leo lên một mỏm đá cao quan sát.

Đoàn chiến thuyền loại lớn của Trịnh Bạng hàng hàng nối nhau tiến vào Đồ Sơn ngạo nghễ, kiêu căng như tính hạnh người chủ tướng của nó. Vừa mấy hôm trước

(1) Sử chỉ ghi Thông là một tướng giỏi mưu lược, không thấy ghi họ là gì.

cây là hàng quốc thích, Trịnh Bạng nói với chúa Trịnh Doanh:

— Đẳng nghịch của Cầu chỉ như một lũ chuột chui rúc ở cái hang Đồ Sơn mà soái phủ đã hao bao nhiêu tướng sĩ, tiền của về nó. Phen này cất quân đi dù nghịch Cầu có phép tàng hình tôi cũng xin bắt sống hẳn, nhốt vào cũi đem về.

Vào đến địa phận Đồ Sơn. Trịnh Bạng cho dàn đoàn chiến thuyền thành hình cánh cung khổng lồ, mũi hướng về Hòn Dấu.

Vừa qua một eo núi, đoàn thuyền quân Trịnh bỗng bị một loạt súng hỏa mai bắn vào cánh cung bên phải. Và ngay sau đó, 10 chiến thuyền nhỏ hình quả trám từ một hang núi lao thẳng vào đoàn thuyền quân Trịnh, bắn tiếp một loạt tên. Bị chết nhiều, quân Trịnh hoảng sợ bỏ lái nằm bẹp xuống lòng thuyền. Trịnh Bạng vẫn đứng trên thuyền tướng đốc xuất quân sĩ bắn lại. Hắn vĩnh cảm từ đặc vì đội thuyền của nghĩa quân bỗng rối loạn và tháo chạy.

— Đuổi gấp! Bắt sống lấy nghịch Cầu cho ta. Trịnh Bạng ra lệnh cho quân hẳn. Tiếng loa truyền lệnh nổi nhau họa theo.

Một tùy tướng của Trịnh Bạng vội ngăn:

— Nghịch Cầu vốn lắm mưu nhiều kế. Tướng công đuổi theo sợ mắc mưu gian của hắn.

Trịnh Bạng cười rung cả người, nói:

— Mưu kế gì? Lũ giặc cỏ không đương nổi thuyền của ta đó thôi.

Gió bắt đầu thổi mạnh. Nguyễn Hữu Cầu cho bắn súng hiệu rồi tức tốc xuống thuyền tướng xuất trận. Thông cũng cho thuyền quay mũi, giương cờ hiệu tiến

đánh. Phút chốc thủy đạo quân Trịnh rơi vào thế bị bao vây. Trịnh Bổng lồng lộn hò hét quân lính ra sức bắn lại. Nhưng thuyền của quân Trịnh to, lại gặp gió mạnh, trở nên khó điều khiển. Trong khi ấy, thuyền nghĩa quân nhỏ nhẹ vẫn từng đợt áp sát vào thuyền giặc, mặc sức bắn giết. Thấy nguy, Trịnh Bổng tháo chạy về hướng Cát Bạc. Nhưng chạy được một quãng, Trịnh Bổng lại thấy một đội nghĩa quân như từ trên trời rơi xuống, đang vượt sóng dữ lao về phía hấn. Bị đánh từ 3 mặt, đoàn chiến thuyền của Trịnh Bổng bị cắt ra từng đoạn, thấy chúng chông chát trong lòng thuyền. Lợi dụng khói đạn mù mịt, Trịnh Bổng bỏ mặc quân sĩ, lách thuyền chạy tháo thân.

Lập tức Nguyễn Hữu Cầu truyền lệnh:

— Phải bắt sống Trịnh Bổng không cho hấn chạy thoát.

Ha xong lệnh ấy, thuyền của Cầu vọt lên như một mũi tên đuổi theo. Khi thuyền Cầu vừa áp tới thuyền giặc, thì nhanh như chớp, viên tướng nông dân đã vác siêu đao nhảy sang giết chết ngay mấy tên lính hộ vệ Trịnh Bổng và túm lấy Trịnh Bổng tung lên tung xuống như tung bóng.

Mất tướng, quân triều đình nhất loạt xin hàng.

II

Tin Nguyễn Hữu Cầu dựng cờ nghĩa và xưng hiệu « Đông đạo thống quốc bảo dân đại tướng quân » làm nức lòng dân quân khắp trấn Hải Hưng. Tin truyền về đình Trịnh Doanh làm náo động cả kinh thành. Trịnh Doanh quyết định chọn đại tướng đi diệt Cầu. Hai

đanh tướng thủy đạo là Hoàng Công Kỳ và Trần Cảnh được triệu vào triều. Trịnh Doanh ân cần:

— Nghịch Cầu giương cờ Bảo dân làm mê muội người nghèo. Nếu không trừ ngay đi sẽ là một cái họa lớn. Nay ta sai tướng tài gấp đem quân các đạo đi phá giặc. Ta chờ tin báo tiếp.

Hai mươi tám cơ thuyền quân Trịnh nằm nấp kéo ra Đồ Sơn. Đi được nửa đường, Trịnh Doanh còn cử thêm tướng thủy đạo là Nguyễn Đăng Hiến đem quân đi hợp đánh. Thế giặc mạnh như nước lũ.

Nguyễn Hữu Cầu dàn quân chờ giặc. Thông được lệnh đem một đoàn quân chiến thuyền ra khiêu chiến. Hoàng Công Kỳ đánh lui được đoàn chiến thuyền của Thông liền phao tin thắng lớn rồi rút quân về.

Ở Kinh đô, Trịnh Doanh hơn hờ nói với quần thần:

— Nghịch Cầu địch sao nổi đại tướng của ta. Tiếc rằng Kỳ chưa đuổi hết đến cùng mà thôi.

Nhưng chỉ nửa tháng sau, tin dữ báo về Kinh: Nguyễn Hữu Cầu đã vây chặt được đạo quân của Hoàng Công Kỳ và Trần Cảnh ở Thanh Hà⁽¹⁾. May nhờ Việc quận công Hoàng Ngũ Phúc đang thống lĩnh quân kỳ đạo đi tiêu phạt ở vùng Đông, kịp đến ứng cứu nên sau 10 ngày bị vây, Kỳ mới thoát chết. Hiện quân của Phúc và Kỳ đang hợp sức đuổi theo để bắt sống Nguyễn Hữu Cầu.

Trịnh Doanh tươi tỉnh mừng thầm.

Nhưng chỉ mấy ngày sau Trịnh Doanh lại được tin chẳng lành: Hoàng Ngũ Phúc và Hoàng Công Kỳ mắc mưu Cầu bị thua to. Trịnh Bá Khâm tùy tướng của Hoàng Ngũ Phúc bỏ xác trong đám loạn quân.

(1) Huyện Thanh Hà, phủ Nam Sách, trấn Hải Dương.

Ba tướng Hoàng Ngũ Phúc, Hoàng Công Kỳ và Trần Cảnh bị triệu về kinh. Trịnh Doanh nét mặt hăm hăm tức giận:

— Giặc Cầu chỉ như thế muối đội núi mà sao các người bao phen uổng công đánh dẹp, phụ lòng ta đến thế?

Trịnh Doanh lập tức xuống chỉ cách chức Hoàng Công Kỳ, Trần Cảnh và bảo Hoàng Ngũ Phúc:

— Ta nể vì nhẽ người có chút công lao khi trước nên chưa nỡ xử tệ, nhưng thực đáng trách.

Hoàng Ngũ Phúc tạ ơn chúa rồi tiếp:

— Để rửa mối nhục này, xin chúa thương cho tôi một phen cầm quân xuất trận, quyết bắt sống được con cá He⁽¹⁾ mới chịu!

Trịnh Doanh tươi cười:

— Người hiểu bụng ta lắm. Cần bao nhiêu quân để diệt nghịch Cầu ta cũng không tiếc.

★★ *thuongmaitruongxua.vn*

Sau gần một năm luyện tập, Hoàng Ngũ Phúc thống lĩnh 300 chiến thuyền tiến ra Đồ Sơn đánh Cầu. Viên hoạn quan tự thiến để được vào dinh chúa này, từ lâu đã được coi là hàng danh tướng của triều đình. Hoàng Ngũ Phúc thù Cầu đến nỗi, suốt 6 tháng qua, không đêm nào hắn không đọc lại sách binh thư. Hơn thế nữa, tiền công không đủ, hắn bỏ tiền túi, tự mộ tráng sĩ và trước lúc xuất trận còn hứa với Trịnh Doanh: quyết bắt được Cầu để báo ơn chúa.

Nhưng cũng từ năm ấy tin dữ đồn dập đưa về, làm khuynh động cả kinh thành: Nguyễn Hữu Cầu đã phá

(1) Người đương thời còn gọi Nguyễn Hữu Cầu là quận He.

võ vòng vây của Hoàng Ngũ Phúc đề tiến lên Kinh Bắc. Rồi Nguyễn Hữu Cầu đang đắp hệ thống lũy từ Quế Nham đến Khê Kiều và dàn đặt chiến thuyền dọc cả khúc sông ấy. Tin cũ chưa qua thì tin mới lại đến: Cầu đã lấy được Thị Cầu, chiếm trấn thành Kinh Bắc. Trấn thủ Kinh Bắc là Trần Đình Miên bỏ cả ấn tin mà chạy. Điều đặc biệt làm cho Trịnh Doanh kinh sợ là dân nghèo Kinh Bắc đang nổi dậy giết bọn hào phú, nhất loạt theo Cầu.

Trịnh Doanh không còn lòng dạ nào khiển trách Hoàng Ngũ Phúc mà vội triệu ngay văn võ bá quan bàn cách phá Cầu. Các tướng có vai vế triều đình: Hoàng Ngũ Phúc, Vũ Tá Liên, Lê Lệ, Nguyễn Trọng Thân kể cả quốc thích Trương Khuông, em ruột Trương Quý Phi, người vợ yêu của Trịnh Doanh cũng được lệnh đem đại binh đi Kinh Bắc chặn Cầu. Kinh đô bao lâu nay chưa thấy cuộc đông binh nào lớn như thế. Sau nhiều ngày tranh giành, Trương Khuông đã đoạt được chức thống lĩnh. Hắn nói với chị:

— Có 5 đạo binh ấy thì làm cỏ được cả dân nước Nam huống hồ là đảng nghịch của Cầu.

Ba ngày sau, kế diệt Cầu của Trương Khuông đã định xong. Việc quân công Hoàng Ngũ Phúc được lệnh đem đoàn chiến thuyền hùng hậu chặn ở sông Nhật Đức, phòng Cầu rút về Đồ Sơn. Vũ Tá Liên, Lê Lệ đem quân vượt dòng Nhật Đức vòng ra sau chặn hậu. Hướng chính diện mà Trương Khuông ví là nhát dao chỉ việc hạ xuống là diệt được toàn bộ lực lượng của Cầu, do Nguyễn Trọng Thân làm tiên phong và Trương Khuông thân đốc xuất trung quân. Rồi, 5 đạo binh tiến theo 3 hướng, cờ gióng trống mở hồi hả lên đường.

Nguyễn Hữu Cầu họp quân sĩ lại nói:

— Vì mục đích bảo dân, ta từ Đông Đạo đánh lên Kinh Bắc để rồi đánh ra toàn quốc. Run sợ vì lẽ ấy, nay triều đình phái binh hùng tướng mạnh quyết một phen sống mái với ta. Nhưng ngẫm lại, từ lúc ta còn trứng nước, chúng đã chẳng hai được ta hưởng hồ lúc này, sức ta đã mạnh; nghĩa lớn của ta được dân nghèo khắp chốn hưởng ứng. Vậy, tướng sĩ có thể quyết chiến, giết giặc cứu cho khắp dân nghèo không?

— Chúng tôi một lòng theo chủ tướng, nghĩa quân đồng thanh đáp lại như sấm động.

— Nay kế phá giặc ta đã định xong, — Cầu nói tiếp — nơi nào đánh, lúc nào tiến binh, quân sĩ phải nhất loạt vâng theo lệnh tướng. Được như vậy thì phúc lành cho muôn họ chẳng còn bao lâu.

Ngay sau đó hàng vạn nghĩa binh rầm rập kéo đi mạnh như gió táp sóng gào. Nguyễn Hữu Cầu ngồi trên ngựa chiến, oai phong lẫm liệt thân dẫn trung quân đi chặn đánh Trương Khuông.

Tháng 11 năm 1774, đạo binh khổng lồ của Trương Khuông đã đến địa phận huyện Lạng Giang. Để dụ địch trúng kế mình, Cầu chọn làng Ngọc Lâm có địa hình hiểm trở đặt phục binh, rồi cho một bộ tướng vóc người to cao giống mình đem quân lên phía trước đón giặc.

Ngay từ phút đầu lâm trận, nghĩa quân đã không đương nổi đại quân của Trương Khuông, đành phải rút chạy. Trương Khuông đắc ý bảo Nguyễn Trọng Thân:

— Xem ra nghịch Cầu không phải là địch thủ của ta.
— Hạ quan ngờ đó là mưu của giặc!

Trương Khuông hăm hăm nổi giận:

— Ông không trông thấy binh sĩ của hãn gia nua ốm yếu đang tháo chạy như vịt đầy sao?

Nói rồi Trương Khuông thúc ngựa đi lên hàng tiền đạo và không ngớt truyền lệnh đuổi gấp. Qua một khe núi ở gần làng Ngọc Lâm, Trương Khuông bỗng thấy mất hút bóng nghĩa quân. Nhưng chỉ một chốc sau, một cánh quân như thế lại xuất hiện ở bên kia cánh đồng rậm rạp. Như con thú say mồi, Trương Khuông cho quân đánh tràn qua. Nhưng quân lính Trịnh tiến rất chậm. Rồi người ngựa bỗng ùn lại giữa cánh đồng lầy.

Vừa lúc ba phát súng hiệu nổ ở ngay eo núi mà hãn vừa vượt qua. Quay lại phía ấy, Trương Khuông nhìn thấy cạnh lá cờ đại là viên tướng dũng mãnh, cầm siêu đao, đang dẫn đầu đoàn quân lao về phía hãn như cơn lốc. Rồi bên kia cánh đồng bên phải, bên trái, những đội quân như thế cũng nhất loạt xông ra. Ngựa quân Trịnh càng giẫm đạp càng lún sâu. Binh lính Trịnh rú lên hãi hùng. Sấm động trên đầu chúng. Đất rung dưới chân chúng. Chúng mếu máo gọi nhau. Máu chúng chảy khắp cánh đồng, thấm đỏ cả ven núi. Trương Khuông hồn xiêu phách lạc, đã bỏ quân lính chạy từ đầu.

Cuộc hành binh quy mô của quân Trịnh đã đại bại.

★
★

Viên tướng cự phách đứng vào hàng đầu của triều đình, là hồ tướng Đinh Văn Giai đang trấn ở Hưng Hóa được triệu về kinh gấp. Ngay cả Trịnh Doanh, vốn không ưa Đinh Văn Giai, cũng phải thừa nhận Giai là viên tướng tri dũng song toàn, xứng đáng được giao cho trọng binh. Cả nước lúc ấy vẫn truyền tụng: « Làm quan họ Đặng, đánh giặc họ Đinh ». Đinh Văn Giai lại là người xuất chúng nhất, từng lập được nhiều công

trạng hiển hách, làm vẻ vang cho dòng họ mình. Đời làm tướng của Giai đã đánh dư trăm trận nhưng chưa hề biết thua. Tương truyền, mỗi khi vác đại đao xung trận, sức Giai đánh được cả trăm quân địch và Giai có thể đánh nhau liền trong ba ngày không cần ăn.

Đinh Văn Giai đã về đến kinh đô. Quả thật Giai có vẻ đẹp võ tướng không thua kém Nguyễn Hữu Cầu. Xuống ngựa, Giai vẫn giữ vẻ mặt lạnh lùng không thèm chào hỏi ai mà đi thẳng vào dinh chúa, Trịnh Doanh vốn vã hỏi ngay vào việc:

— Kinh Bắc chấn động. Thế giặc Cầu lớn lắm. Các tướng bản triều không ai phá được hắn. Vậy tướng quân chịu vất vả một phen xuất binh để diệt giặc báo nước. Ta đã nghĩ kỹ rồi, chỉ có tướng quân mới có thể chặt được đầu con cá He ấy.

— Khải chúa thượng! — Giai đáp — tôi dòng dõi hưởng lộc chúa mấy đời, lẽ nào lại không hết sức để báo chúa!

Ngay sau đấy Trịnh Doanh phong cho Đinh Văn Giai làm thống lĩnh thượng tướng quân, Ngô Đình Oánh làm tán lý, đem 5 vạn quân đi đánh nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu.

Cả kinh đô xôn xao bàn tán về cuộc độ sức của hai viên mãnh tướng: Nguyễn Hữu Cầu và Đinh Văn Giai.

Nhưng Đinh Văn Giai vẫn chưa chịu tiến binh. Viên hồ tướng dày dạn kinh nghiệm này thấy khó thắng được Nguyễn Hữu Cầu. Việc ấy khiến Trịnh Doanh nghi ngờ. Mãi đến khi có chiếu chỉ giục, Giai mới miễn cưỡng làm lễ xuất trận.

Được tin ấy, Nguyễn Hữu Cầu lúc đó đang đóng ở Xương Giang họp các tướng lại bàn:

— Đinh Văn Giai là một tướng tài nhưng vốn không được Trịnh Doanh tin dùng. Việc Giai chậm tiến binh càng là cái cớ để Trịnh Doanh ngờ hấn hai lòng. Vậy là ta đã có kế đánh. Nhưng kế này phải giữ kín ngay với cả quân sĩ của ta, mới mong thành được.

Cầu nói kể mình rồi mật truyền quân tuần tiễu, hề thấy có chiếc võng nào vào trại quân thì không được cản trở.

Chiều ấy, một toán lính Trịnh khiêng chiếc võng đi vào quân doanh nghĩa quân. Người đi chiếc võng ấy được Cầu tiếp rồi trở về ngay. Sau khi thân tiễn người lạ mặt ra tận ngoài quân doanh, Cầu trở về loan tin:

— Đinh Văn Giai muốn về hàng ta nhưng không tiện nộp thân quá sớm, sợ miệng thế chê cười. Vậy nay mai khi giáp chiến, hề thấy Giai thì cố bắt sống lấy hắn.

Nghĩa quân hay tin, vô cùng phấn chấn. Ngược lại quân Trịnh thì không còn lòng dạ nào ham chiến nữa. Tán lý Ngô Đình Oánh mật báo cho Trịnh Doanh biết việc Giai phản bội và toan đem quân bắt Giai. Nhưng Oánh chưa kịp làm thì Cầu đã đem đại binh tới. Đinh Văn Giai hạ lệnh cho hai tướng tả hữu ra đánh trước. Nhưng hai tướng không tuân lệnh Giai mà lại theo Oánh rút về phía sau. Biết mưu của Cầu đã lung lạc được lòng quân mình, Đinh Văn Giai quyết ra trận để tỏ rõ lòng trung của hắn với chúa. Giai vác đại đao lên ngựa dẫn đầu trung quân, xông vào thế trận của nghĩa quân và thách Cầu ra đấu võ. Nguyễn Hữu Cầu cấp siêu đao đứng đầu hàng quân bên kia, giọng sang sảng như chuông đồng:

— Bớ Đinh Văn Giai! Nhà ngươi định lấy cái chết để báo chúa hay sao mà dám thách ta tỉ thí.

Đinh Văn Giai tức sùi bọt mép:

— Ta nghe nói nhà ngươi có sức bạt sơn, cử đỉnh. Vậy nếu ngươi không sợ chết thì hãy ra ngay so đo tài năng, can chi phải nhiều lời.

Lập tức Nguyễn Hữu Cầu vác siêu đao phi ngựa ra giữa bãi nghênh chiến. Đinh Văn Giai dẫn nhỏ ba con mình điều gì rồi cũng vác đại đao phi ngựa xông vào trận. Thông phải chuyển tay kiếm, ghim con ngựa không chịu đứng yên để theo dõi trận đánh. Quân sĩ hai bên hò reo vang trời để cổ vũ chủ tướng. Giữa bãi Cầu và Giai tầm vóc ngang nhau, màu ngựa hao hao giống nhau bắt đầu điều võ. Mới vào trận mà người ngựa hai bên đã cuốn lấy nhau, đến nỗi quân sĩ khó phân biệt được đâu là chủ tướng của mình.

Đã qua 5 hiệp rồi 10 hiệp, trận đánh vẫn bất phân thắng phụ. Thấy mình đã thấm mệt mà Cầu thì vẫn nhanh nhẹn, sắc bén, đường đao trước sau vẫn cuốn chặt lấy người không một chút sơ hở, nên Giai quyết định dùng một miếng bí truyền để hại Cầu. Trong đời làm tướng của mình, không ít người địch lại được Giai 5, 10 hiệp. Nhưng chưa ai qua miếng võ hiểm hóc ấy lại còn ngồi nguyên được trên mình ngựa. Phải kết liễu đời nghịch He ngay trước mặt lũ quân của hắn. Giai hít một hơi mạnh, quyết định; và đang ở trong thế đỡ, Giai đột ngột dùng hết sức bình sinh chuyển sang thế đánh, rồi bất ngờ lùi lại, né người, giả phạt ngang đường đao, cốt làm cho Cầu mãi đỡ miếng ấy, rồi nhanh như chớp, Giai hất mũi đao, dùng toàn sức chém bổ vào người Cầu. Choeng! Tiếng bính khí bập vào nhau cực mạnh, lóe lửa. Giai toát mồ hôi, tay cầm đao tê dại đi và đùi Giai đỏ nhuộm máu. Miếng võ bí truyền của Giai chẳng những không hạ được Cầu vì Cầu không bị mắc lừa; ngược lại, nhân lúc Giai mất

đà, Cầu đã phóng mũi siêu đao trúng đùi Giai. Viên hồ tướng triều đình kinh hoàng thúc ngựa tháo chạy về trại mình. Ba con của Giai thấy cha nguy cùng phóng ngựa lên chặn Cầu. Nhưng chỉ trong chớp mắt, Cầu đã chém được một đứa, đầu rơi xuống chân ngựa. Thông cũng đã đốc thúc nghĩa quân xông vào trận địa. Phút chốc quân triều đình tan vỡ chạy tán loạn. Đinh Văn Giai trước khi chạy thoát, còn bị thêm 2 vết thương nữa.

Chỉ trong một tháng, quân Trịnh hai lần đại bại.

III

Phạm Đình Trọng, kẻ đã đánh bại được cuộc dấy binh của Nguyễn Tuyền, Nguyễn Cừ đang giữ chức hiệp đồng khu Đông Trào⁽¹⁾ được triệu về kinh. Viên nho tướng bỗng được Trịnh Doanh cất nhắc lên cái chức mà chính Trọng không bao giờ ngờ tới: Hiệp trấn Kinh Bắc kiêm hiệp trấn Hải Dương và cùng Hoàng Ngũ Phúc, nắm nhiều quyền hành, đem quân đi đánh Cầu. Kinh Bắc náo động vì những cuộc hành binh lớn chưa từng thấy của quân triều đình.

Một hôm Nguyễn Hữu Cầu đang luyện tân binh ở Xương Giang thì nhận được phong thư của Phạm Đình Trọng. Mở thư, Cầu chỉ thấy một vế câu đối:

— « Thồ triệt bán hoành, thuận giả thượng, nghịch giả hạ »⁽²⁾. Hóa ra hắn vẫn thích đánh nhau bằng đòn

(1) Một huyện của trấn Hải Dương xưa.

(2) Chữ Thồ 𠂇 bỏ nửa một nét ngang, để xuôi là chữ Thượng, để ngược là chữ hạ. Câu này có ý dọa: nếu thuận hành sẽ cho quan chức nếu chống lại sẽ bị tiêu diệt.

bút như năm xưa⁽¹⁾. Cầu thăm nghĩ — Được, đã thế ta cho hẵn biết. Cầu sai lấy giấy bút và không cần phải nghĩ lâu, đối lại:

— «Ngọc tàng nhất điểm, xuất vi chùa, nhập vi vương»⁽²⁾.

Phạm Đình Trọng lúc đó đang vừa uống rượu vừa bàn kế đánh Cầu với Hoàng Ngũ Phúc ở thủy trại của mình, nhận được vế đối, Trọng lặng đi một lúc rồi vừa đưa cho Phúc xem vừa nói:

— Cũng chỉ có mình nghịch Cầu mới có thể đối lại được vế đối này. Vế đối thật là hay nhưng cũng thật là cứng cổ.

(1) Thuở nhỏ Cầu và Trọng cùng học một trường. Trọng thường được thầy khen nhưng riêng Cầu thì vẫn không phục Trọng. Một hôm thầy đi đám, Cầu và Trọng được đi theo. Lúc về, nhà đám biếu thầy một cái thủ lợn. Cầu và Trọng ty ranh nhau không ai chịu xách. Thầy bèn ra một câu đối bảo hễ ai đối hay thì miễn xách. Thầy đọc: Hũe trừ thủ (xách đầu lợn).

Trọng đối: Phan long lân (Vịn vẩy rồng)

Cầu thì đối: Phá Tần diệt Sở.

Thầy chê câu ấy chẳng vào đâu cả mà lại thừa chữ, bắt Cầu phải xách cái thủ lợn. Nhưng Cầu cãi:

— Con đối sai thật, nhưng ý con là muốn bóc vẩy rồng chứ không thêm vịn vẩy rồng như thằng Trọng.

Một hôm khác, thầy lại ra câu đối:

Mười rằm trăng nấu, mười sáu trăng treo.

Trọng đối: Tháng giêng rét dài tháng hai rét lộc.

Cầu đối cốt lấy ý: Tháng mười sắm rạp tháng chạp sắm động.

Thầy nghe xong bảo:

— Thằng Trọng có khẩu khí làm quan to còn thằng Cầu thì chỉ làm giặc.

Lúc ra chơi, Trọng bảo Cầu: Tao sẽ cầm quân tiêu diệt mày. Cầu đáp: Tao sẽ đánh cho hết giống ra luôn vào củi như mày.

(2) Chữ Ngọc có một chấm để lên đầu là chữ chúa, bỏ đi là chữ vương. Câu này có ý ngạo nghễ: một làm vua hai làm chúa chứ không thêm hàng.

Hoàng Ngũ Phúc ngắm nghĩa chữ Cầu hồi lâu rồi cũng gật gù:

— Lời đồn đại quả không ngoa. Khí phách nghịch He lộ rõ trong cả một vế đối. Nghe nói khi trước ông cùng học với hẵn phải không? Hoàng Ngũ Phúc đột ngột hỏi Trọng.

— Hạ quan là trưởng tràng — Trọng đáp, nhưng chưa bao giờ hẵn phục tôi. Ngược lại, hẵn luôn luôn là kẻ kinh địch của tôi.

— A ha ha — Hoàng Ngũ Phúc đắc ý cười lớn — Thì bây giờ cũng vẫn thế. Chỉ hai người khác nhau hoàn toàn: hẵn giương cờ bảo dân, ông một lòng bảo chúa, người bênh dân người bênh chúa, sao lại tương đắc với nhau được?

— Tôi sẽ bắt sống và giết hẵn — Trọng hăm hực đứng lên.

Không để đâu — Hoàng Ngũ Phúc cười nhạt châm chọc — ông chưa giáp trận với hẵn nên không thấy đó thôi. Huống hồ ông là dòng dõi văn quan xuất thân.

— Nhưng tôi có kế sách của tôi — Trọng cố kìm sự hực tức, mát mẻ nói kháy lại — Dùng sức với nghịch He thì chỉ có hại. Bao danh tướng của soái phủ đã chẳng phải ngậm đắng nuốt cay đó sao?

Mỗi hiềm khích giữa 2 viên tướng cò cò tăng lên. Nhưng may sao vừa lúc ấy Trọng được tin quân Nguyễn Hữu Cầu đến khiêu chiến. Trọng thở phào vì tránh được cuộc đụng độ với Hoàng Ngũ Phúc rất không lợi cho hẵn.

— Xin thượng quan cho lệnh — Trọng nói, điệu bộ cung kính.

Được lời như cởi tấm lòng, Hoàng Ngũ Phúc quên hẳn mối hiềm khích vừa xảy ra:

— Tại quân doanh của ông, xin cứ tùy tiện.

Lập tức, Trọng truyền lệnh:

— Cần giữ chứ không cần đánh. Ai ở đâu vẫn ở đó. Nói rồi Trọng sai dọn rượu mời Phúc.

Tiệc mới bắt đầu thì chợt một mũi tên của nghĩa quân bỗng nhiên giết chết tên lính hầu rượu của Trọng. Hoàng Ngũ Phúc hoảng hốt đứng dậy định lui, thì Trọng vội giữ lại nói:

— Ba quân hay dở quan hệ ở ông tướng. Nếu talánh đi quân sĩ mất nhuệ khí, giặc tất tràn sang, ta còn chống lại làm sao được?

Trọng thay lính hầu rồi vẫn giữ vẻ ung dung, tiếp tục uống rượu.

Một tùy tướng của Trọng lại báo:

— Nghịch Cầu vẫn thách đánh và lảng tránh tướng công thậm tệ. Hẳn nói tướng công ra luôn vào cũi và là thần lẫn⁽¹⁾.

— Thôi—Trọng quát—Người truyền lại lệnh ta: giữ mà không đánh. Ai trái lệnh ta chém.

Khiêu chiến giặc không ra, chắc chắn không phá được giặc, Cầu đành đem quân về. Cầu ân hận vì quá tin chờ vào các đạo binh của Hoàng Công Chất và Nguyễn Danh Phương hẹn cùng tiến về kinh đô, nên để lỡ mất cơ hội đánh vào sào huyệt quân Trịnh ngay sau khi đã đánh bại được Đình Văn Giai⁽²⁾.

(1) Người đương thời vẫn gọi Trọng là con thần lẫn.

(2) Việc liên kết lực lượng này của Nguyễn Hữu Cầu không thành vì Nguyễn Danh Phương có xu hướng xây dựng căn cứ phòng thủ hơn là đem quân đi tấn công quân Trịnh.

Nhân cơ hội ấy, Phạm Đình Trọng bàn với Hoàng Ngũ Phúc đem toàn bộ quân Kinh Bắc chia làm 3 đạo cùng đánh thành Xương Giang. Sau mấy ngày ác chiến, nghĩa quân phá được vòng vây rút về Yên Quảng rồi ra Đồ Sơn.

★
★

Kế bao vây triệt dân, triệt nguồn tiếp tế của Phạm Đình Trọng đã dồn nghĩa quân vào tình trạng thiếu lương thực trầm trọng. Đã bao lần Nguyễn Hữu Cầu và các tướng thay nhau đem quân ra khiêu chiến, nhưng viên tướng thâm hiểm này vẫn án binh bất động.

Nguyễn Hữu Cầu bàn với các tướng:

— Muốn bảo dân được, trước phải trừ Phạm Đình Trọng. Các tướng có kế nào diệt được hắn không?

Trình tướng công—Thông đáp—Phạm Đình Trọng chiêu mộ được những dân cường tráng ở các hạt Thanh Hà, Từ Kỳ, Vĩnh Lại, Thượng Hồng trong trấn Hải Dương đặt làm 4 cơ vừa tinh nhuệ lại vừa hết lòng vì hắn. Vậy muốn diệt được Trọng phải dùng đến thuật bơi lặn.

— Thật là diệu kế—Cầu tấm tắc khen.

Ngay đêm ấy, Cầu cho một toán nghĩa quân giấu thuyền chờ mình ở đầu làng Đồ Sơn rồi đem theo siêu đao bơi vào thủy trại quân địch. Lúc bơi lúc lặn, Cầu đã bí mật tới được thuyền Trọng. Cầu vừa ngoi lên thì chẳng may gặp đúng lúc người ái thiếp của Phạm Đình Trọng ra rửa mặt. Người ái thiếp của Trọng hoảng sợ kêu rú lên, kịp cho Trọng trốn thoát. Một lần khác, Cầu cũng dùng tài bơi lặn áp đến thuyền Trọng. Nhưng các tướng hộ vệ của Trọng lúc nào cũng ở bên hắn, nên đến